NĂM THỨ VII
SỐ 40

THÁNG 8
1964

ĐẠI-HỌC

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

TRIẾT-HỌC

Triết-lý tình yêu trong tư-tưởng của Maurice Nédoncelle . . . . . NGUYỄN-NAM-CHÂU
Hai nguồn mạch của đạo-đức và tôn-giáo . . . . . BERGSON
CAO-VĂN-LUẬN dịch
Khí-luận . . . . . GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TÀI-LIỆU

Một số tục cổ của người Việt-Nam qua các hội mùa . . . . . LÊ-VĂN-HẢO
Đám tang vua Gia-Long . . . . . BỬU-KẾ

●

Mấy tài-liệu về Tôn-giáo trong dân gian

● *Táo-quân diễn ca* ● *Thiên-Y thánh mẫu truyện ca*

Thất thủ Kinh-đô tân truyện

*

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Chủ-trương biên tập: **TRẦN-VĂN-TOÀN**

Thành-lập: **Tháng 2 năm 1958 — Bộ VII, tập 4**

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Mục lục

NGUYỄN-NAM-CHÂU	*TRIẾT-LÝ TÌNH YÊU TRONG TƯ-TƯỞNG CỦA MAURICE NÉDONCELLE*	453
BERGSON CAO-VĂN-LUẬN dịch	*HAI NGUỒN MẠCH CỦA ĐẠO-ĐỨC VÀ TÔN-GIÁO*	469
GIẢN CHI và NGUYỄN-HIỀN-LÊ	*KHÍ-LUẬN*	504
LÊ-VĂN-HẢO	*MỘT SỐ TỤC CỔ CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM QUA CÁC HỘI MÙA*	514
BỬU-KẾ	*ĐÀM TANG VUA GIA-LONG* .	543
TRẦN-VĂN-TOÀN	*MẤY TÀI-LIỆU VỀ TÔN-GIÁO TRONG DÂN-GIAN*	571
VIỆN HÁN HỌC	*THẤT-THỦ KINH-ĐÔ TÂN TRUYỆN*	584

✳

Thư từ bài vở xin gởi về : Ông TRẦN-VĂN-TOÀN

Giao dịch cùng tòa báo : Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu xin gởi về :

Linh-mục CAO-VĂN-LUẬN

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ

Tòa-soạn và trị-sự : Số 1-B Hoàng-hoa-Thám, HUẾ

NHÀ IN ĐẠI-HỌC 2, HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHÚA — HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC
TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Triết-lý tình yêu trong tư-tưởng của Maurice Nédoncelle

NGUYỄN NAM CHÂU

(tiếp theo Đại-học số 34)

V. — PHƯƠNG-PHÁP TRIẾT-HỌC CỦA MAURICE NÉDONCELLE

1. HIỆN-TƯỢNG-LUẬN VÀ TRỰC-GIÁC TUYỆT-ĐỐI.

Như phần trên chúng ta đã biết, M. Nédoncelle bắt đầu suy-niệm triết-học bằng con đường cổ điển nhất, với ý định đi tìm một nền tảng siêu hình của sự nhận-thức, tức là tìm bản-chất tinh-túy của chủ-thể ý-thức và những tương quan của chủ-thể này đối với tha-thể. Muốn đạt tới ý định này, M. Nédoncelle tất nhiên phải bắt đầu bằng công việc mà xưa kia Descartes đã làm, công việc mà theo Husserl đã nói trong tập « Méditations cartésiennes » (Suy-niệm về phương-pháp Descartes) của ông rằng « bất-kỳ một ai muốn trở nên triết-gia thực thụ sẽ phải thực hiện một lần trong đời », đó là « hồi-tỉnh vào nội-tâm để thử khuynh đảo hết mọi kiến thức khoa học mà cho tới nay mọi người vẫn từng chấp thuận, để tự mình xây dựng lại nền tảng kiến-thức » (1). Như thế phương pháp triết-học của Nédoncelle tưởng như sẽ là phương pháp cá nhân của Nédoncelle, nhưng thực sự nó chính là một phương pháp phổ cập : đó là một suy-niệm triết học theo hiện-tượng tâm-thức để đạt tới bản chất, nguồn gốc của ý-thức. Ta có thể gọi phương-pháp đó là phương-pháp hiện-tượng-luận, phương pháp mà Husserl đã đưa thành hệ-thống khúc triết với những quy-tắc riêng biệt, nhưng thực sự đã được tất cả những triết-gia thực-thụ dùng tới, từ Platon qua Descartes, Hegel, N.Hartmann đến

1) Edmond HUSSERL, Méditations cartésiennes, Paris, 1953, trad.G.PEIFFER et E.LEVINAS, p.2.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

các triết-gia hiện-đại. Mục đích cốt yếu của cuộc suy-niệm về hiện-tượng tâm-thức chính là tìm ra « một cái gì có trước kiến-thức và độc lập ngoài kiến thức » (2). Qua cuộc suy-niệm đó, Descartes đã đạt tới cái « Tôi suy-tư » (Ego cogito), Hegel đi vào « Tâm-thức tự nhiên » được coi như cái « tôi thuần túy » (le moi pur) vươn tới « cái biết hiện tượng » (le savoir phénominal) và « tinh-thần tuyệt-đối » (l'Esprit absolu) và Husserl trở về cái « chủ-thể siêu-việt » (la subjectivité transcendentale) hay cái « ngã triết-lý » (le moi philosophique) (3) luôn luôn gắn liền với những đối tượng ý-thức (les *cogitationes*), trong khi M. Nédoncelle cố sức hình dung đến bản-chất của cái « thực chất suy-tư » (substance pensante). Nhưng gọi tên thế nào đi nữa, thì trải qua một đoạn đường suy niệm theo hiện tượng tâm-thức, triết gia cũng sẽ đạt-tới cái « thực thể hiển-nhiên không thể từ chối được » (évidence apodictique, Husserl) chính là chủ-thể thuần-túy của tâm-thức. Đó là một thực thể sơ khởi, không phải do kiến thức mang tới, nhưng chính là nguồn gốc của kiến thức hiện-diện trong tâm thức của ta do một thứ trực-giác tuyệt-đối (intuition absolue). Mọi triết-gia nào đã từng khởi sự cuộc suy-niệm tâm thức đều xây dựng triết lý từ cái thực thể đó. Nếu học thuyết của họ có chỗ xa cách nhau chính là do cách lập luận suy giải về nguồn gốc, thực tại và những phát-triển nhận thức của cái thực thể mà trực-giác tuyệt đối đã đem đến cho họ. Từ đoạn đường này, có thể nói rằng họ đã chấm dứt sự phân tích hiện tượng một cách khách quan, để đi vào một thứ trực giác riêng-tư, một thâm tín triết học dựa trên một « niềm-tin triết-lý » (Foi philosophique) nào đó.

2. NIỀM TIN TRIẾT-LÝ VÀ TÍN-NGƯỠNG TÔN-GIÁO.

Trên đường suy-niệm triết-học, M. Nédoncelle luôn luôn cố gắng diễn-tả hiện tượng tâm thức một cách khách quan. Có lúc ông tựa vào những sự-kiện sơ-khởi của trực giác để phân tách; có lúc ông suy-diễn theo luận-điệu của lý-trí. Ông thường hướng theo một chuyển động biện chứng (mouvement dialectique) của hiện tượng tri thức. Nhưng một điểm đặc biệt là không bao giờ ông chịu bằng lòng nguyên với lý luận trừu

2) Nicolas HARTMANN, Les principes d'une métaphysique de la connaissance, trad.de Raymond VANCOURT, Paris, Aubier, 1946, p.37.

3) Edmond HUSSERL, sách kể trên, trang 16.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tượng. Bởi vì theo ý ông, lý luận trừu tượng bao giờ cũng chỉ thấu triệt một phần nhỏ nhoi của sự vật, cái phần tổng quát, cái ý-niệm phổ cập. Nó không bao giờ đi sâu vào được hiện hữu của thực thể. Vì thế ông hay kêu gọi đến những tia sáng của trực giác. Triết-lý của Ông bởi đó nhuốm mầu « tín-ngưỡng », nhiều hơn là một hệ-thống luận lý khoa học. Và những kết luận dù chặt chẽ đến đâu trong triết-lý của Ông cũng mang bộ mặt của một « niềm tin triết-lý » hơn là một định-lý hiển nhiên. Bởi vậy muốn hiểu giá-trị của triết-học Nédoncelle cũng như giá trị của bất cứ triết lý nào, chúng ta cần phải xác định sự quan hệ và trị giá của chính « niềm tin triết lý » kia, để sau cùng tìm hiểu xem tương quan của nó đối với tín ngưỡng là làm sao.

Khái niệm «niềm tin triết-lý» bao hàm niềm tin của một triết-gia khi lý luận đưa ông đến một huyền nhiệm tất nhiên vừa không thể chối cãi lại cũng vừa không sao thấu triệt được. Đó là sự kiện xảy đến cho mọi nhà tư-tưởng. Thực vậy, cứ nhìn qua lịch-sử tưởng loài người, ta nhận thấy rằng lý-thuyết nào đi nữa, dù dựa trên nền tảng của lý-trí hay trên những thực tại của đời sống, rút cục cũng đi tới một mối huyền nhiệm sâu xa mà trí-tuệ con người không khám phá nổi. Lúc đó, nếu muốn bảo tồn sự nhất-trí của tri-thức, tinh thần dĩ nhiên phải kêu gọi đến một niềm tin có người cho là một giả-thuyết nào đó để giải-thích sự vật. Lòng tin tưởng ở cái « lý bao quát », làm nền tảng cho sự hiện hữu của một vật kia, chính là một thứ « tín ngưỡng », tuy không phải là tín ngưỡng tôn-giáo thực sự.

Lòng tin tưởng đó bao giờ cũng bao hàm mấy đặc tính thiết yếu. Trước hết nó vươn tới một cái gì vô-hình và linh-nhiệm đáng cho ta tin tưởng và trông cậy. Rồi đến một cái gì có tính cách riêng tư, nó đòi hỏi ta phải trao hiến toàn thân ta để phụng-sự. Sau cùng nó có tính cách của một thực tại làm nền tảng cho ý nghĩa và sự giải thoát cho đời ta.

Một niềm tin như vậy không phải chỉ riêng cho tín ngưỡng tôn giáo, nhưng cũng cần thiết cho mọi cuộc tìm kiếm chân lý. Ngay trong lãnh vực khoa học; người ta cứ tưởng mọi kiến thức đều phải thuần-lý, vậy mà thực ra nó luôn luôn đòi hỏi sự can thiệp của một niềm tin nào đó, « dưới hình thức những giả thuyết ». Nếu muốn có một tổng hợp toàn vẹn về kiến-thức, không thể nào bỏ qua được niềm tin này. Các phân tích và kiến thức khoa học chỉ đưa ta đến những hiểu biết nhỏ hẹp và hạn chế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Muốn giải thích toàn khối, tất yếu phải hướng tâm hồn vào một cái gì huyền nhiệm sâu xa mà giác quan và trí tuệ chưa khám phá ra.

Như vậy thì « niềm tin triết-học» đóng một vai trò quan trọng trong lịch-trình tư tưởng nhân loại, nhất là trong triết-học tây-phương. Đối với Platon, khái-niệm Pistis tương đương với ý niệm Doxa (ý-kiến). Đó là một thứ kiến thức nông cạn, nghèo nàn và luôn luôn liên hệ với giác quan. Trái lại, đối với Aristote, niềm tin chiếm địa vị ưu tiên trong « ánh sáng rực rỡ và sơ khởi của trí-tuệ ». Việc lãnh-hội những nguyên-lý tối cao của lý-trí là một hiện tượng quá hiển nhiên và sơ khởi, không thể có cách nào loại trừ ra khỏi trực giác được. Cho nên, với ông, Pistis gần đồng nghĩa với Noesis hoặc « ý-tưởng trực giác ». Một tập truyền triết-lý khác thuộc nhóm Tân Platon đã đặt nghi vấn về trường hợp hai tâm thức gặp nhau : khi đó hành vi nhận thức là làm sao ? « Có người cho là một sự nhận thức thực thụ, có người lại gọi là « niềm tin ». Cái « Tôi suy tư » (cogito) của Descartes cũng đưa vào suy-niệm triết học một cái gì có tính cách linh diệu và đặc sắc, nhưng thực ra chỉ có thần-học-gia mới làm một công cuộc cách mạng quan trọng trong phạm vi « niềm tin triết-lý », khi họ lưu tâm đến tương quan thần bí giữa hai chủ thể ở bậc nhân loại cũng như tương quan thần bí giữa tâm-thức và Thượng-Đế. Các triết gia hiện sinh của thời đại chúng ta hình như cũng càng đi sâu vào con đường này. Bởi vậy, niềm tin triết lý càng ngày càng giữ địa vị quan trọng trong tư tưởng nhân loại.

Cuộc can-thiệp của niềm-tin này vào chất liệu triết-học thực đã cải tạo, đổi mới phương pháp, dữ-kiện cũng như nội dung triết-lý. Tác động của niềm-tin thực là tác động ân-sủng cho tư-tưởng. Chúng ta được nâng cao ngoài giới hạn của lý-trí. Tinh thần chúng ta không thể nào thực hiện trọn vẹn nếu không có một niềm tin. M.Nédoncelle viết : « Không có sự suy-nghĩ toàn vẹn nào lại không có một niềm tin thực thụ. Không có niềm tin thực thụ nào lại không có tính cách siêu việt » (4). Mỗi khi tới cuối một đoạn đường là chúng ta lại bị lôi cuốn bởi một niềm thâm tín. Nhờ có niềm thâm tín này, chúng ta đặt hy vọng nơi những thực thể siêu-việt hơn ta. Chúng ta bó buộc phải đặt ra các giả thuyết, vạch ra những

---

4) Maurice NÉDONCELLE, Conscience et Logos, Paris, 1962, p.186.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

con đường để hướng về cùng đích. Niềm tin rọi sáng mắt ta và đem lại một cái nhìn mới mẻ. Và sự biến cải tâm hồn do niềm tin ân sủng kia không phải chỉ hạn chế trong ý chí, mà còn ảnh hưởng cả tới năng lực của trí-tuệ nữa.

Nói thế, phải chăng bảo rằng niềm tin hoàn toàn là một hành vi mù quáng ? Hẳn là không. Theo ý kiến M. Nédoncelle, sở dĩ Aristote đã biện chính cho vai trò ưu tiên của « tư-tưởng trực giác » (Pistis) là vì tính cách « bất-đắc-dĩ » (inévitabilité) của nó cũng như vì dòng suối vĩ đại bao la đầy hiệu quả tốt đẹp do việc chấp thuận các nguyên tắc của nó. Nói cách khác, niềm Tin có uy thế, bởi vì không có cách nào chối từ nó. Hơn nữa, nó lại giúp ta tổ chức kiến thức một cách toàn vẹn.

Trong thực tế, ta thấy mọi học-thuyết triết-lý đều đi đến một trong ba niềm-tin có tính cách giả-ước để giải thích ý nghĩa đời sống. Giả thuyết thứ nhất TIN rằng vũ-trụ có một nguyên lý siêu-linh và một cùng đích siêu-linh. Giả thuyết thứ hai cho rằng vũ-trụ là một thứ hoạt động tình cờ và mù quáng. Giả thuyết thứ ba dừng lại ở một huyền nhiệm bất khả tri-luận.

Các triết-gia tin ở giả thuyết thứ hai tất nhiên thuộc nhóm duy-vật vô thần. Còn các triết-gia thuộc giả thuyết thứ nhất đi vào tôn giáo và niềm tin riết-lý của họ có thể phát triển và đi vào tín-ngưỡng. Như thế là niềm tin triết-lý có tính cách thiết yếu đối với bất kỳ học thuyết nào. Và trong vài trường hợp nó dẫn đến tín ngưỡng tôn giáo. Đó là trường hợp của Gabriel Marcel cũng như Maurice Nédoncelle. Nếu niềm tin triết-lý vừa có tính cách tất-yếu vừa có tính cách giả ước vì đứng trước huyền nhiệm và sự bất lực của lý-trí tự nhiên của nhân loại thì sự đi vào tín ngưỡng cũng không phải hoàn toàn mù quáng và vô lý. Từ niềm tin triết-lý, triết-gia có thể căn cứ vào những hiện tượng thực tế nào đó để xây dựng một hệ thống mà người cho là hợp lý nhất để giải thích những hiện tượng đã nêu ra, ví như nhà khoa học đứng trước những hiện tượng vật-lý hay hóa-học tìm cách tổng hợp các nguyên tắc để giải thích nguyên lý các hiện tượng.

Maurice Nédoncelle đã theo đúng phương pháp này. Ông bắt đầu bằng một cuộc *diễn tả hiện tượng sơ khởi nhất của tâm thức mà trực giác* đã cống hiến cho, rồi dùng mọi phương pháp suy-luận diễn giải, quy-nạp

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cũng như biện chứng để thử tìm một giải thích hợp lý nhất cho các hiện tượng tâm thức. Như thế triết lý của ông vừa có tính cách hiện-sinh vì tựa vào hiện tượng sống động của thực tại đời sống, lại vừa gắn liền với phương pháp suy-luận cổ điển.

Bởi đó, tuy kết luận của tư tưởng Đédoncelle có nhiều điểm tương đồng với triết-học ky-tô-giáo, học thuyết của ông vẫn là một thứ triết-lý độc lập do kết quả của suy-luận và nghiên cứu triết-lý tạo thành.

VI. HIỆN-TƯỢNG-LUẬN VỀ TÂM-THỨC.

Theo phương pháp kể trên, M. Nédoncelle đã bắt đầu bằng một cuộc diễn tả hiện tượng tâm thức. Sau khi đã loại trừ hết những thiên kiến do cái *ngã tâm lý* tạo thành, M. Nédoncelle trở về cái yếu tố sơ-khởi nhất của tâm thức, đó là cái dữ-kiện không thể chứng-minh thêm do trực giác tuyệt-đối cống hiến cho tâm thức. Chính là cái chủ-thể thuần túy có trước mọi kiến thức, làm nền tảng cho mọi suy-tưởng, nhận-thức và đồng thời cũng là yếu-tính của thực thể nhân-vị... Maurice Nédoncelle nói : « Kiến thức chỉ có thể xuất hiện trong tôi nhờ một NGUYÊN CỤC huyền nhiệm (terme mystérieux), một bản-thể vô-hạn và lý-tưởng : sự đồng hóa tuyệt-đối với cái ngã phổ-cập » (5).

Để chỉ định cái nguyên cực huyền nhiệm, cái bản-chất vô-hạn đó, M. Nédoncelle đã dùng nhiều danh-tự khác nhau. Lúc ông gọi nó là cái « nội tại siêu-việt » (intériorité transcendante) (6) hay cái « chủ-quan thuần-túy » (subjectivité pure) (7); nơi khác ông nói tới cái « bản-chất suy-tư » (substance pensante) (8) hay cái « yếu thể nhân-vị » (essence personnelle) (9). Dẫu sao, theo ông, đó là một « nguyên-lý tổng-thể » (principe synthétique) của đồng-nhất-tính trong nhân vị. Ông nói : « sự thống-ngự tuyệt-đối nhất mà ta có thể thực hiện trên cái phần vũ-trụ vật chất cấu tạo thân xác ta cần phải được bảo đảm nhờ sự hiện diện hiệu nghiệm của cái « trung

5) Esquisse d'un Volontarisme idéaliste, 1927, manuscrit, p.45.
6) Esquisse, p.43.
7) La réciprocité des consciences, p.102.
8) Esquisse, p.45.
9) La réciprocité des consciences, p.90

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

điểm linh thiêng » (centre spirituel) trong ta » (10). Theo ý ông, chúng ta chỉ có thể nhận thức được chính nội tâm ta nhờ có « cái trung-điểm huyền nhiệm của cái nội tại siêu việt, nơi đó tập trung mọi ánh sáng tỏa lan » (11). Ông còn gọi cái bản chất suy-tư đó là một thứ « Thần-linh-tính của nội-tâm (Déité intime) (12) khiến ta liên-gưởng tới cái mà hiền-triết Platon gọi là « thần-linh-tính trong tâm-hồn nhân-loại » (13).

Thần-linh-tính đó theo M. Nédoncelle là thực-tại duy nhất hiển nhiên trong yếu thể nhân loại. Nhờ có nó mà ta đạt tới tâm thức và tinh-thần. Nhưng cũng nên chú ý rằng tuy cái thần-linh-tính đó là nguồn gốc của tâm-thức, nhưng nó không đồng hóa với tâm thức, bởi vì nó có trước sự ý-thức. M. Nédoncelle viết : « Trong mỗi người chúng ta, mọi sự đều góp phần vào cuộc nảy nở và phát-triển của tâm-thức; nhưng *chúng ta đã là ta, trước khi biết sự đó* và *chúng ta còn là ta* khi chúng ta không biết được điều đó nữa... và cái kiến-thức vô-thức, cái tư-tưởng diễn hoạt (penséeaction) không nhận thức ra mình kia chính lại là cái nội-tính của ta và cũng là cái ngã-căn-bản của ta » (14).

Như vậy là khi M. Nédoncelle nói về cái thần-linh-tính thâm-thiết kia chính là có ý nói tới cái thực-thể tinh-thần vừa có tính cách sơ-khởi vừa huyền nhiệm trong tâm-hồn nhân-loại. Thực tại đó vừa là nền tảng vừa là yếu-tính nhân loại. Do đó, toàn thể cố gắng triết-luận của M.Nédoncelle chỉ là đi tìm bản tính của thực tại này. Ông nói : « Bằng

---

10) Esquisse, p.129.
11) Esquisse, p.43.
12) Esquisse, p.50
13) Một đoạn trong cuộc đàm-thoại giữa SOCRATE và ALCIBIADE :
SOCRATE : ... nhân-vị của bạn, chính là linh-hồn bạn đó.
ALCIBIADE : Vâng, tôi tin như thế.
SOCRATE : Vậy ta có thể nói rằng trong linh-hồn có một cái gì thần-linh hơn cái mà hành-vi nhận-thức và suy-tư quy thuộc hay chăng ?
ALCIBIADE : Thưa không, chúng ta không thể nói thế.
SOCRATE : Vậy thì cái chức-vị (nhận-thức và suy-tư) của linh-hồn giống như một cái gì Thần-linh... »
(trích trong PLATON , Oeuvres complètes, bản dịch Pháp-văn của Léon ROBIN Bibliothèque de la Pléiade, tome I, pp.243-346).
14) Esquisse, p.131.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mọi con đường có thể tưởng tượng ra, chúng ta băng mình vào cuộc chinh phục thực-hữu » (14).

Cái bản-chất suy-tư mà M.Nédoncelle nói đây khiến ta nghĩ đến cái « bản-chất suy-tư của Descartes (substantia cogitans) hoặc cái « ngã thuần túy » (ego pur) nghĩa là « cái ngã bản-chất » của Husserl. Thực vậy, Husserl sau một cuộc giản-hóa theo hiện-tượng-luận tất cả những gì thuộc thế-giới tự-nhiên đã đạt tới một cái « ngã-thuần-túy » và những thực tại tư-duy (cogitationes) trong cái ngã đó. Theo Husserl, cái « ngã thuần túy này là một chủ-thể-quan siêu-việt, và được coi như phạm vi cực-độ có tính cách hiển-nhiên không thể minh chứng thêm và làm căn bản cho mọi triết-lý căn-cơ » (15).

Cái lối tách rời cái « ngã-thuần-túy » ra khỏi mọi thực tại vật-chất như vậy thực giống như một quan niệm duy-tâm cực-độ, bởi vì nó cho ta cảm tưởng rằng cái « bản-chất suy-tư » đó là một thực tại hoàn toàn độc lập với các hiện tượng thể-xác. Thực ra, chủ-thể nhân loại lúc nào cũng chìm đắm trong những thực tại sinh-lý và vật-lý cũng như tâm-lý. Bởi vậy, M.Nédoncelle lúc nào cũng nhấn mạnh rằng con người là một « nhân-vị nhập-thể » personne incarnée), và nguyên-lý tinh-thần trong nhân-vị bao giờ cũng thể hiện qua những trung-gian vật-lý và tâm-lý.

Ông luôn luôn tuyên bố và chứng tỏ rằng học-thuyết của ông có tính cách duy-thực (réalisme), còn lối phân-tích « duy-tâm » chỉ là một phương pháp tạm-bợ để giúp ta nhận định rằng nguyên-lý của chủ thể suy tư không thuộc về thế giới vật-lý tuy luôn luôn hoạt-động trong vật-lý. Nói như vậy để nhấn mạnh tính cách siêu việt của chủ-thể tâm-linh cũng như nguồn gốc siêu việt của nó.

Nếu một đàng, trong hoàn cảnh hiện-thể, nó không thể tách rời tính cách nhập-thể thì đàng khác nó cũng luôn luôn lệ-thuộc vào một thế-giới hay nói đúng hơn vào một thực tại Thần linh. Thực tại thần linh tối cao đó, M. Nédoncelle gọi là LOGOS. Đó là cái nguyên-lý siêu-linh phát-sinh ra mọi chủ-thể nhân-loại : « Đó là một ĐỐI NGÃ đã nảy sinh ra cái NGÃ TINH THẦN của chúng ta... ».

---

14) Esquisse, p. 131.
15) HUSSERL, Méditations cartésiennes, sđd, trg. 16-18 và 56.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một đàng bắt nguồn từ cái LÝ SIÊU VIỆT, một đằng luôn luôn nhập-thể trong môi-trường vật-lý và tâm-lý. Đó là hai đặc tính của chủ-thể tâm-thức. Bây giờ chúng ta thử cùng M. Nédoncelle nghiên cứu xem sinh-hoạt của nó ra sao trước khi muốn thấu triệt thực sự bản-chất và nguồn gốc của chủ-thể tâm-thức đó.

1. SỰ PHI-THÂN CỦA NHÂN-VỊ TRONG TƯƠNG QUAN CHỦ-THỂ TRƯỚC ĐỐI-VẬT (Sujet-objet).

Việc diễn tả hiện tượng tâm-thức cho ta thấy rằng chủ-thể ý-thức vừa có nguồn gốc siêu việt lại vừa sinh hoạt trong môi trường hiện tượng vật-thể. Bởi vậy khi ý thức tới một cái gì dù là chính mình đi nữa, thì chủ-thể tâm-thức luôn luôn cảm thấy như mình đứng trước một cái gì không phải là mình. Trong trường hợp đó, chủ thể như tách rời bản-chất của mình ra khỏi một thứ « tính-chất » (qualité) mà nó lĩnh hội nơi sự vật. Cái « tính-chất » đó, chủ thể như rút ra từ các sự vật ngoại-ngã. Nó có cảm giác như đứng trước một cái gì không phải là nó. Chủ thể đứng trước một đối vật, hay nói cho đúng hơn đứng trước một vật hữu mà nó có lĩnh-hội, chiếm đoạt. Thành thử việc ý thức hay nhận thức có đặc tính của một tương quan chiếm hữu (avoir). Chủ-thể ở ngoài vật-hữu và chiếm đoạt để lĩnh hội những tính chất của vật hữu đó. Kết quả là chủ-thể ý thức như bị đẩy ải vào giữa một đại dương những đối vật ngoại-ngã (non-moi). Chủ-thể là một thực thể chiếm hữu sự vật ngoại ngã, cái thế giới khách quan ở ngoài chủ thể. Hai hiệu quả do việc nhận thức như thế : trước hết, chủ thể cảm thấy sự hiện diện của đa-thể : cái thực thể của tôi đứng trước các thực thể khác và chiếm ngưỡng chúng. Các vật thể ngoại ngã này như hạn chế thực tại chủ thể giống như đại-dương hạn chế một hòn đảo đơn độc. Và chính cái chủ thể như bị cô-lập không có cách nào cảm thông được với cái thế giới ngoại ngã kia. Hiệu quả thứ hai là việc vật-hữu hóa chính chủ thể. Thực vậy, chủ thể có thể đổi ngược tương quan để tự coi mình như một thứ « vật-hữu » đứng trước một vật hữu khác, nhất là trong hoàn cảnh nhập thể. Chủ thể dễ bị phi-thân để tự coi mình như một cái thân xác vật chất bị vây hãm và đe dọa bởi những vật-hữu chung quanh. Trong tương quan đó, chủ-thể như bị giam hãm tù đày. Chúng ta thử xét qua từng trường hợp của mỗi đối tượng nhận thức.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

A. THIÊN NHIÊN BỊ COI NHƯ ĐỐI VẬT (Nature comme objet).

Trước hết là thế giới vật chất xuất hiện trước chủ thể của tôi như một dự-kiện trở-ngại (donné-obstacle). Tôi gặp nó trên đường mình đi. Bản-thể của tôi chẳng những không được phong phú thêm lên, mà lại còn bị gián-đoạn bởi sự vi-phạm của nó. Thiên-nhiên đối với tôi vừa lạ-lùng vừa xa lạ. Dầu tôi muốn khám phá tìm cảm thông với nó cách nào đi nữa, nó vẫn lạnh lùng khó hiểu và không thể thấu triệt. Nó là một thứ tự-nội (en-soi) giầy đặc, nhầy nhụa, bí-nhiệm, như một cái gì thừa thãi đối với tôi : « Một miếng gỗ đối với tôi thực huyền-bí hơn cả một tâm-hồn xa lạ... Có một thứ bất khả-thấu giữa vật-chất và tinh-thần, mà không ai chối cãi được » (16). Thực vậy, một tâm-hồn có thể bộc lộ thực thể của mình mà ký-thác cho tôi niềm u-uẩn của nó. Trái lại vật-chất vô-tri kia lúc nào cũng ở ngoài chủ-thể của tôi. Nó là một cái gì đứng bên cạnh yếu-tính và cuộc sinh-tồn của tôi.

Hơn nữa, vật-chất thiên-nhiên có thể là một hiểm họa cho tôi : cái tảng đá trước mặt tôi kia có thể đè bẹp tôi lúc nào không biết. Nhất là về phương diện tinh-thần, nó là một dữ-kiện làm tôi xao-xuyến : thực thể, sự hiện diện lạnh lùng của nó trước mặt tôi, ngoài tôi, trước khi tôi hiện hữu và cả sau khi tôi đã đi vào cõi chết kia đủ làm tan nát cõi lòng : tôi ý thức tới thân phận hạn-chế của mình qua không gian và thời-gian. Nó nhắc nhở cho tôi nhớ tới số phận mong manh của kiếp người.

B. THÂN XÁC TÔI NHƯ MỘT ĐỐI VẬT.

Có lẽ thân xác tôi ràng buộc thâm-thiết với tôi hơn. Nhưng trong thái-độ vật-hữu-hóa của ý-thức, thân xác đó xuất hiện hệt như một đối-vật phụng sự tôi và tôi xử-dụng nó như một dụng-cụ. Tôi *có một thân xác* y hệt như khi tôi có một cái xe đạp hay cặp kiếng đeo mắt. Thân xác tôi ở ngoài tôi và bất cứ lúc nào cũng có thể xa rời khỏi tôi : một cánh tay bị gẫy rời cũng như một mớ tóc rụng... Hơn nữa, một ngày kia, nó biến thành thây-ma, nghĩa là một đống thịt thối, vô-tri. Thân xác tôi, giống như mọi vật-chất khác, chẳng qua chỉ là một nơi trú-ẩn tạm bợ cho tôi. M. Nédoncelle viết : « Cái bản ngã định cư trong một mớ vật chất. Người

16) Esquisse d'un volontarisme idéaliste, trg. 17.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chủ trọ triệt-hồi căn nhà theo ý ông ta. Không có một tập-trung vật-chất có tính cách máy móc nào lại có thể trở thành nơi nương tựa vĩnh viễn. Có lẽ vật chất cũng trường cữu như tinh-thần, nhưng những mớ hỗn tạp bao giờ cũng tàn tạ. Bản ngã của ta được sáng tạo để đi vào cõi chết » (17)

C. CAI « TÔI » BỊ COI NHƯ ĐỒI VẬT.

Có một dự-kiện-trở ngại thứ ba : nó gần tôi hơn cả thế giới thiên nhiên và hơn cả thân xác của mình, nhưng không đồng hóa với thức hữu bản vị tôi được : đó là cái ngã-tâm-lý bao quanh tôi, chuẩn bị giúp tôi và cũng thay thế tôi. Tôi tìm được ở nơi cái ngã tâm lý này cái bản tính thiên nhiên của mình : những tập-quán, những hình ảnh ngày ấu thơ cũng như chỗ an nghĩ của tâm hồn giữa những tính-chất vô-danh. Cái ngã-tâm-lý đó không phải bản-vị của tôi. Hơn nữa, đôi khi nó trở nên một chướng-ngại vật nguy hiểm. Tôi có thể từ chối yếu-thể của mình để đồng hóa với nó. Tôi bị phi-thân vì nó : tôi chìm đắm trong một thứ tàng hình khách quan; như thế là tôi tự hạ giá cái thực giã để rơi vào cái phi-ngã và phản bội với bản-thể của mình.

D. THA-NHÂN BỊ COI NHƯ ĐỐI-VẬT.

Trong tương quan chủ-thể đối vật, cái ngã-ý-thức cũng có thể bị coi như một vật-thể, một « cái người ta », một mớ « tính chất » hoặc sau hết là một thứ ý-tưởng bao quát thuần túy (une pure idée générale).

Tha-nhân trở nên xa lạ đối với chủ-thể ý-thức. Tha-nhân cũng bất khả-thấu như vật-chất. Tha nhân biến thành một cái « NÓ » mà ta xử-dụng. Tha nhân trở nên một « sự vật » và bao hàm những « tính-chất » và ta có thể xếp hạng trong không gian và thời gian theo những căn cớ tùy tiện. Thực vậy, từ lúc khởi đầu nhận thức ra mình, cái tôi chủ thể luôn luôn có khuynh hướng tách rời hết thảy những gì không phải là mình thành một mớ những « vật » đứng trước mặt và chịu sự xét đoán của nó. Nó cảm thấu mọi « vật » chung quanh kể cả sinh-vật và những tha-nhân, dưới hình-thức những vật-thể. Tất cả xuất hiện trong một mớ những tính-chất trong không gian và thời gian, tạo thành một thế-giới trật-tự,

17) La réciprocité des consciences, p. 137.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tuần tự có thể đo lường và cũng có tính cách cô lập. Con người cảm thấy tách rời khỏi vũ-trụ đó và lúc nào cũng muốn xử dụng nó như một « sở hữu » để bảo-tồn đời sống của mình. Trong tương giao đối với tha-nhân, khi tha-nhân này bị coi như một đối vật thì tức nhiên nó cũng bị chủ-thể xử-dụng như một vật-thể. Chủ-thể ý thức so sánh tha nhân với các vật-thể khác, diễn tả và xếp hạng nó tùy theo khả năng của nó trong việc đáp lại nhu-cầu ích kỷ của mình. Đó là cái ý-chí thống trị của bản-năng sinh-tồn. Đó không phải cái chủ-thể thực thụ muốn tìm sự trường cửu mà chỉ là cái bản năng của một thân xác đi tìm dụng cụ và đồ chơi để thỏa tính ích-kỷ của mình.

Trong trường hợp này, ta chỉ hiểu biết tha-nhân do những nhận thức thực-nghiệm và có tính cách loại-suy. Chúng ta chỉ có thể hiểu biết tha nhân qua bức mặt nạ của y. M. Nédoncelle nói: « sự cảm thụ tự nhiên chỉ đạt tới cái thể động vật hay nói đúng hơn nó chỉ tóm được nơi tha-nhân cái phần cấu tạo của sinh-hồn động vật ẩn náu sau một bức tường đầy tính-chất... » (18)

Hơn nữa, tha-nhân còn có thể trở nên một thứ trở ngại nguy hiểm. Trước hết tha nhân có thể là một kẻ phê-phán, phẩm bình và dị-nghị tôi. Y biến thành một kẻ làm mất tự-do của tôi. Chính trong nghĩa này mà J.P.Sartre viết: « Hỏa ngục, chính là những tha-nhân ».

Sau nữa, tha nhân còn là một kẻ cạnh-tranh với tôi trong đời sống : y có thể chiếm cứ một phần tư-sản mà đáng lý ra tôi được thừa hưởng, nếu không có mặt y trong đời. Cái « NÓ » thành thử trở nên một mối nguy hiểm thường xuyên. Bởi đấy nó biến thành một thứ cho tôi căm thù và ghen tị hoặc một vật thỏa mãn ý-chí thống trị trong tôi. Giống như sự-vật vô-tri, tha nhân là một vật-thể trước mặt tôi và nhiều khi trở thành đối thủ nguy hiểm.

E. ĐẤNG TẠO HÓA BỊ COI NHƯ ĐỐI VẬT.

Trong thái-độ tương-tự, cái tôi chủ-thể lúc nào cũng coi bất kỳ sự gì trước mặt nó như một « cái đó » (un cela). Nó có thể áp-dụng thái độ này đối với đấng Hóa-Công. Ngài đối với nó cũng chỉ là một « đối-vật

18) La réciprocité des consciences, p. 50

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thuần túy », một mớ toàn thể những chất-tính. Điều này hình như khó hơn, bởi vì thực ra trong tâm tưởng kẻ tưởng niệm hoặc kêu danh Thượng Đế, thường thường có trong tâm-trí một « Đối-Ngã » (un TU) thực thụ. Nhưng trong thực tế, nhiều khi con người chối từ Thượng Đế, không muốn đứng đối diện trước mặt Ngài, như đứng trước một đối-ngã, nhưng lại đứng bên cạnh. Thượng Đế trở nên một cái « Nó », cái « Ông ấy », cái « con Tạo » hoặc hơn nữa một đối vật của căm thù. Con người rất có thể hùa nhau chống lại Thượng-Đế.

Thực ra tự bản thể của Ngài, Thượng Đế không thể biến thành một « cái đó » được. Bởi vì, tự bản-thể, Ngài không thể bị hạn chế, đo lường hay xuất hiện dưới hình thức những chất-tính. Nhưng con người luôn luôn muốn biến hóa Thượng Đế thành một cái gì xứng hợp với bản-tính nhân loại. Con người cần thời-gian-hóa và không gian-hóa mọi sự. Nó cũng muốn hạn chế Thượng-Đế vào một giới hạn một mớ toàn thể các tính-chất có thể đo lường. Nó muốn quan-sát, thí nghiệm và chứng thực về bản-thể cũng như sự hiện-hữu của Thượng-Đế hệt như nhà Vật-lý-học quan sát vật thể trong phòng thí nghiệm. Thượng-Đế không còn là một « Đấng » mà nó cầu khẩn, nhưng trở nên một « khối xa lạ, bất khả thấu ». Thượng Đế bị chối từ và trục xuất khỏi thế giới của con người tham lam các vật hữu và tham lam chiếm đoạt. Như vậy, Thượng Đế trở nên một « vật xa lạ » đối với cái tôi chủ thể trong tương quan đối-vật.

Như M. Nédoncelle viết: « ý thức về bản-ngã hay về tha-nhân hoặc, hơn nữa, về Thượng-Đế như ý-thức đến một vật-thể thuần-túy thì chỉ là một lối ngừng lại ở bức màn các chất tính » (19). Không bao giờ nó đạt tới « Thực-Thể Thượng-Đế ». Ngài trở thành một cái « Nó xa lạ », một « Thượng-Đế huyền-bí ».

Trong bài nghiên cứu về « Ý nghĩa tích-cực của thuyết vô-thần » (20) M. Nédoncelle đã phân tích một cách tài tình về hiện-tượng khách-quan-hóa Thượng-Đế nơi các tín-hữu cũng như nơi người vô thần.

Muốn tìm gặp thần-linh-tính, các tín hữu thường cần đến các hình-dung-tính để khám phá ra dấu vết và sự xuất hiện của Thượng-Đế. Lúc

19) Conscience et Logos, p. 141
20) Conscience et Logos, p. 139.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nào con người cũng chỉ nhìn thấy Thượng-Đế như qua một tấm gương hoặc qua một tấm kính đa-diện phân tán ánh sáng.

Nhưng trong khi người t n-hữu ngược dòng sông để trở về nguồn; tìm gặp Thượng-Đế sống-động để đối thoại, cảm thông với Ngài và khoái-hưởng sự hiện diện từ-thân của Ngài thì người vô-thần muốn phân-tán Thượng Đế, xóa bỏ hết những hình-dung-tính và thuộc-tính có tính-cách bản-vị nơi Thượng-Đế. Theo con đường của vị thánh Anselme, M.Nédoncelle cho rằng mọi chủ-thuyết vô-thần đều giả-định có một lý-thuyết hữu-thần trước nó. Nói cách khác, mọi hành vi phủ-nhận (négation) giả định rằng có một « vật », một « nội dung » bị phủ nhận. Như vậy là mọi sự phủ-nhận Thượng-Đế giả định rằng có một « nội dung về đấng Thượng-Đế bị phủ-nhận ». Như vậy có nghĩa là mọi chủ-thuyết vô thần đều phải nại đến một bộ mặt nào đó về Thượng-Đế. Thử hỏi người ta quen hình dung Thượng-Đế trong bộ mặt nào ?

M. Nédoncelle viết : « ý hướng căn bản của mọi trí-năng là vươn tới một Thượng-Đế thực-thể (vere esse) và là Đấng bao quát chúng ta, chúng ta không thể nào trở ngược lên quá Ngài mà không cảm thấy là vô lý. Ngài là đấng tối cao hơn hết mọi vật ta có thể nghĩ tới ». (21).

Đàng khác, bởi vì Thượng-Đế vừa là đấng tất yếu và siêu-vượt, lại cũng vừa là Đấng ta không thể thấu triệt, cho nên thường khi ta nghĩ tới Ngài qua những hình-dung-t nh. Chẳng hạn, ta coi Ngài như sự Thiện, sự Mỹ, sự Chân tuyệt đỉnh. Nói cách khác, ta nghĩ tới Ngài qua các giá-trị tuyệt đối. Nhờ các giá-trị này ta nhìn thấy Thượng-Đế trong thực tại sống động của Ngài, như khi ta nhìn dòng sông mà nghĩ tới nguồn mạch. Các thuộc t nh này đối với chúng ta thật hiển nhiên, vì chúng ta gặp thường ngày qua phản ánh của ch nh cái bản-thể thực hữu trong ta cũng như qua các phản ánh của tạo vật thiên nhiên. Các thuộc t nh đó làm nền tảng cho các giá trị trên trần thế.

Chủ thuyết duy-vật vô thần muốn từ chối một Thượng-Đế sống động, nhưng không bao giờ có thể hoàn toàn dứt bỏ mọi « tàn tích thần linh » (résidus divins). Khi người vô-thần chối từ Thượng-Đế , thường là nhân

21) Conscience et Logos, p. 141.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

danh một giá-trị nào đó : hoặc nhân danh tình yêu, sự công-chính (Thiện) hoặc nhân danh lẽ phải, sự sáng suốt hay khoa-học (Chân hoặc sau hết nhân danh nghệ-thuật và cái đẹp (Mỹ). Như vậy là « họ không thể nghĩ đến việc phủ nhận mà không nại tới một giá trị truyệt đối làm lý luận, đặc biệt là giá-trị chân-lý, bởi vì lúc đó họ coi là mình có lý » (21).

Người vô thần không thể nào thoát khỏi sự lôi cuốn của chân-thiện-mỹ. Nhưng chân thiện mỹ chỉ có nền tảng khi vũ-trụ có một giá trị chân thiện mỹ nào đó, nghĩa là khi vũ trụ có lý do tồn tại của mình. Và lý do đó phải có một sự hướng dẫn, định hướng chứ không thể tình cờ mù quáng như người vô thần nghĩ. Như vậy, « người vô-thần hướng về Thượng-Đế do con đường các giá-trị linh-thiêng, họ chối từ các giá-trị đó bằng cách coi chúng như phát xuất từ thế giới tự nhiên... » (22)

Nói cách khác, họ cố bám vào các thuộc tính của Thượng-Đế nhưng lại tách rời chúng khỏi một chủ-thể sống động, thực tại. Như thế là họ đã khách quan hóa Thượng-Đế. Họ chối từ Thượng-Đế, bởi vì khi họ chỉ muốn công nhận có những thuộc tính của Ngài và coi như những thực tại khách quan, thì lúc đó, họ không thể nào nhìn thấy được cái thực thể sống động của Ngài như một Đấng Đối-ngã được.

Nhận xét này cho ta biết rằng chỉ có một tình yêu tương giao giữa các chủ-thể mới hòa-hợp được thế giới bản-vị với thế-giới vô-bản-vị; chỉ có tình yêu tương giao mới hòa hợp được con người với Thượng-Đế. Chỉ trong trường hợp yêu mến tương giao, con người mới đạt tới Thượng Đế sống động, thực tại, nếu không, Thượng Đế chỉ còn là một đấng vô-bản-vị, một Thượng-Đế gồm các thuộc tính giả tạo : một Thượng-Đế xa lạ, và sau hết là một Thượng Đế bị phủ nhận.

F. CÁI TÔI CHỦ-THỂ TRONG TƯƠNG-QUAN CHỦ-THỂ ĐỐI VẬT

Trong tương quan này, như chúng ta đã biết, chủ-thể có thái độ của một quan sát viên đứng trước các vật mà nó nhận thấy và sử-dụng. Cái tôi chủ thể tách rời khỏi đối vật và bị biến đổi. Thực tại của nó biến thành một thứ chủ-thể chỉ biết có kinh-nghiệm và xử-dụng. Nó đứng lạnh lùng

---

22) Nt. p.142.
23) Nt. p.142.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trước đối vật thay vì cảm thông trong hành vi trao-đổi sống động. Nó xa lạ trước cái thế giới mà nó quan sát. Nó bị giam hãm, giới hạn bởi cái thế giới giấy đặc kia, cái thế giới những chất tính, những cái « người ta » và những « cái đó », nói tóm lại là cái thế giới của vật chất thiên-nhiên, và của những vật bị thiên-nhiên-hóa.

Tất cả những gì bên ngoài chủ thể trở nên một chướng ngại vật vây hãm chủ-thể trong cô lập. Nếu đôi khi, chủ-thể muốn thoát ly khỏi nơi ngục thất cô-đơn đó, tức khắc nó lại bị phi-thân trong trạng thái khác. Trong thái độ lười lĩnh, chủ thể bị kết án cô-lập : « Nhân vị chìm đắm trong không gian và thời gian bị đẩy vào nhục-nhằn, thất bại... Chìm đắm trong vực thẳm của không gian và thời gian, tâm hồn mặc chiếc áo ô nhục là hình phạt của chốn lưu đầy... » (24)

Nếu nó không chịu ra khỏi thế giới thiên nhiên đó, thì chẳng bao giờ nó gặp được nhân vị khác, tâm hồn khác, như vậy là chẳng bao giờ có được đối thoại, cảm thông.

Và bởi vì mọi sự đối với nó là xa lạ, vô-giá-trị và vô nghĩa lý, cho nên chính chủ-thể trở nên một « sự vật » giữa những « sự vật khác » không có giá trị trước mặt các sự vật kia. Con người không thể sống ngoài thế giới sự vật. Nhưng nếu nó chỉ sống với sự vật, thì nó sẽ không phải là con người. Cả vũ trụ trở nên một cái gì bất-khả-thấu, vô lý và chính con người cũng biến thành một « khối » vô lý, khó hiểu.

(còn tiếp)

NG. N. C.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hai nguồn mạch của đạo-đức và tôn-giáo

BERGSON
CAO-VĂN-LUẬN dịch

(tiếp theo)

Chúng ta hãy nhìn vào hai đường tiến hóa tách biệt và những xã-hội ở tận cùng của mỗi đường ấy. Loại xã-hội có vẻ tự nhiên nhất, cổ nhiên sẽ là thuộc loại bản năng: cái giây ràng buộc các con ong trong một bộng ong với nhau rất giống với sợi giây làm cho các tế bào của một cơ thể phối hợp và lệ thuộc vào nhau. Giả sử thiên nhiên đã muốn có, ở cuối đường thứ hai, những xã-hội trong đó cá nhân được tự-do lựa chọn một phần nào, thì nó sẽ phải làm thế nào cho trí tuệ cũng đạt được ở đây những kết quả điều hòa tương tự như những kết quả của bản năng ở đường thứ nhất; nó sẽ phải dùng đến tập quán. Mỗi một tập quán ấy mà người ta có thể gọi là « đạo đức » sẽ là ngẫu nhiên. Nhưng toàn thể các tập quán ấy, nghĩa là tập quán tập thành các tập quán ấy, vì nằm ngay ở nền tảng của xã-hội và là điều kiện sống còn của các xã-hội ấy, thì sẽ có một sức mạnh giống như sức mạnh của bản năng cả về mặt cường độ, cả về mặt điều hòa. Đó chính là cái mà chúng tôi đã gọi là « toàn khối của nhiệm vụ ». Và chăng đây sẽ chỉ là nói về những xã-hội nhân loại đúng như chúng vừa phát xuất từ bàn tay của thiên nhiên, nghĩa là những xã-hội mọi rợ và cổ sơ. Nhưng dù xã-hội nhân loại có tiến bộ để trở nên phức tạp và trí thức đến đâu đi nữa, thì qui chế nền móng của nó, hay đúng hơn, thì ý hướng của thiên nhiên vẫn sẽ tồn tại.

Mà sự việc quả đã xảy ra như thế. Không đi sâu vào một điểm mà chúng tôi đã bàn đến ở chỗ khác, chúng tôi chỉ xin nói rằng trí-tuệ và bản năng là những hình thể ý thức đã trộn lẫn với nhau ở trạng thái thô sơ và rồi ra, khi phát triển thêm, đã tách rời nhau. Sự phát triển ấy đã được thực hiện trên hai đường tiến hóa của sự sống động vật với loài côn trùng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

và các loài có xương sống. Ở cuối đường thứ nhất có bản năng của các côn trùng, đặc biệt là của loài côn trùng có bốn cánh mỏng (như ong kiến); Ở cuối đường thứ hai là trí tuệ của người ta, Bản năng và trí-tuệ có mục-đích cốt yếu là sử-dụng các khí cụ : một bên là những khí cụ phát minh ra và bởi đó có thể thay đổi và bất ngờ ; một bên là những cơ quan do thiên nhiên cung cấp và bởi đó không thể thay đổi. Vả lại khí cụ là cốt để công tác và công tác càng hữu hiệu, khi nó càng được chuyên môn hơn, và bởi đó càng được phân chia hơn giữa những công nhân có khả năng khác nhau và bổ túc cho nhau. Như thể đời sống xã-hội vốn như là một lý tưởng mờ mờ nằm sẵn trong bản năng cũng như trong trí tuệ; lý tưởng ấy được thực hiện rất mực đầy đủ một đường là trong bộng ong hay trong tổ kiến và một đường là trong các xã hội nhân loại. Của nhân loại hay của loài vật, một xã-hội vốn là một tổ-chức; nó bao hàm một sự phối hiệp và thường thường cũng bao hàm một sự tùy thuộc giữa các phần tử của nó với nhau; vậy nó có một bộ quy tắc hay là định luật, hoặc chỉ được sống, hoặc còn được quan niệm. Nhưng trong một bộng ong hay trong một tổ kiến cá thể nhất thiết bị cơ cấu của nó bắt phải làm công tác của nó và tổ chức tương đối bất biến, còn xã-hội con người thì có thể biến đổi và sẵn sàng đón nhận mọi tiến bộ. Do đó trong xã hội ong, kiến, mỗi lề luật đều do thiên nhiên bắt phải có, mà là tất nhiên; còn trong xã-hội con người thì chỉ có một điều là tự nhiên, sự cần thiết một lề luật. Vậy thì trong một xã-hội nhân loại, người ta càng đào sâu đến tận gốc rễ của những nhiệm-vụ khác nhau để đi đến nhiệm vụ nói chung, thì nhiệm-vụ càng có khuynh-hướng biến thành tất nhiên, càng gần với bản năng hơn trong tính cách khẩn yếu của nó. Tuy nhiên người ta sẽ sai lầm nặng nề, nếu người ta muốn so sánh với bản năng một nhiệm vụ riêng lẻ, bất cứ nó là thế nào. Điều mà người ta luôn luôn phải tự nói với mình là không có nhiệm vụ nào là có bản tính một bản năng cả, tuy nhiên toàn khối nhiệm vụ đã là một bản năng, nếu các xã-hội nhân-loại đã không mang thêm tính cách khả biến và hữu trí. Đó là một bản năng tiềm thể như cái bản năng ẩn nấp đang sau tập quán nói. Quả thế, đạo-đức của một xã-hội cũng ví được như ngôn ngữ của nó. Nên để ý rằng nếu kiến có ra dấu cho nhau như người ta có thể nghĩ thế, thì dấu hiệu ấy đã được cung cấp cho chúng bởi chính cái bản năng làm cho chúng giao thông với nhau. Trái lại một ngôn ngữ là một sản phẩm của thói quen. Trong ngữ vựng cũng như trong ngữ pháp không có gì là bởi thiên nhiên cả. Biết nói là một khả năng tự nhiên, và

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

những dấu hiệu nhất định, nguồn gốc tự nhiên, có lẽ được dùng trong một xã-hội côn trùng, cho chúng ta thấy ngôn ngữ của chúng ta đã là thế nào, nếu thiên nhiên lúc ban cho chúng ta khả năng ngôn ngữ đã không kèm vào đó cái cơ năng sản tạo và sử dụng khí cụ, cái cơ năng phát minh, tức là trí tuệ. Chúng ta hãy luôn nhớ nhiệm vụ đã là gì, nếu xã-hội con người đã là theo bản năng thay vì theo trí tuệ : như thế chúng ta sẽ không cắt nghĩa được một nhiệm vụ riêng biệt nào, chúng ta còn sẽ có về nhiệm vụ nói chung một ý niệm sai lầm, nếu chúng ta chỉ biết có nhiệm vụ nói chung ấy; vậy mà người ta sẽ phải nghĩ tới xã-hội bản năng ấy, nếu người ta không muốn dấn mình vào công việc sưu tầm nền tảng của đạo đức mà không có nguyên tắc hướng dẫn.

Theo phương diện ấy thì nhiệm-vụ không còn tính cách loại biệt. Nó thuộc về những hiện tượng tổng quát nhất của sự sống. Khi những yếu tố hợp thành một cơ thể tuân theo một kỹ luật chặt chẽ, phải chăng người ta có thể nói rằng chúng cảm thấy có nhiệm vụ và chúng vâng theo một bản năng xã-hội ? Cố nhiên là không, nhưng nếu cơ thể đó chưa đáng kể là một xã-hội, thì bộng ong hay tổ kiến quả là những cơ thể thực sự mà các phần tử được nối kết với nhau bởi những sợi giây vô hình; và bản năng xã-hội của con kiến, tôi muốn nói cái sức mạnh nhờ đó, chẳng hạn, con kiến thợ thực hiện cái công tác mà cơ cấu nó đã tiền định cho nó, không thể hoàn toàn khác với các nguyên do khiến cho mỗi một mô thịt, mỗi một tế bào của một sinh vật hoạt động vì lợi ích của toàn thể, bất cứ căn do ấy là thế nào. Và chăng trong cả hai trường hợp, thực ra không bên nào là có nhiệm vụ cả; nói cho đúng hơn, cả hai bên đều có sự tất yếu. Nhưng sự tất yếu ấy, chính là chúng ta nhìn thấy nó, không phải như là thực hữu, nhưng là giả hữu, ở tận đáy nhiệm vụ đạo đức. Một hữu thể chỉ cảm thấy có nhiệm vụ, nếu nó tự do và mỗi nhiệm-vụ tách riêng đều bao hàm tự do. Nhưng điều tất yếu là phải có nhiệm vụ; và chúng ta càng đi xuống từ những nhiệm vụ riêng biệt ở chót vót đến nhiệm vụ nói chung hay là như chúng ta đã nói, đến cái toàn khối nhiệm vụ ở tận đáy, thì chúng ta càng thấy nhiệm-vụ là chính hình thức mà sự tất yếu mặc lấy trong phạm vi sự sống, khi sự sống đòi hỏi phải có trí tuệ, sự lựa chọn và bởi đó có tự do để thực hiện một số cứu cánh.

Người ta sẽ lại viện cớ rằng đó là nói đến những xã-hội rất đơn giản, chưa khai hóa hay ít nữa là sơ đẳng. Chắc thế. Nhưng, như chúng ta sẽ nói sau này, người văn minh khác với người mọi rợ nhất là vì cái mớ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

lớn lao những kiến thức và những tập quán mà người văn minh đã tiếp nhận được, từ thuở ý thức mới chớm phát, ở môi trường xã-hội là nơi tàng trữ các kiến thức và tập quán ấy. Cái tự nhiên phần lớn được bao phủ bởi cái tập thành; nhưng cái tự nhiên ấy tồn tại, trải qua các thế kỷ, hầu như không biến đổi : tập quán và kiến thức không hề thấm nhuần vào cơ thể để được di truyền lại như người ta đã tưởng tượng. Thực ra chúng ta có thể coi cái tự nhiên ấy như là không đáng kể, khi chúng ta phân tích nhiệm-vụ, nếu nó đã bị đè bẹp bởi những tập quán đã chồng chất lên trên nó trải qua những thế kỷ văn minh. Nhưng cái tự nhiên ấy vốn tồn tại rất nguyên vẹn, rất sống động trong xã-hội văn minh nhất. Chúng ta phải trở lại với nó không phải là để hiểu biết nhiệm vụ xã-hội nọ hay nhiệm vụ xã-hội kia, nhưng là để cắt nghĩa cái mà chúng ta đã gọi là toàn khối nhiệm vụ. Các xã-hội văn minh của chúng ta, dù đã khác xa với xã-hội mà thiên nhiên đã trực tiếp sắp đặt cho chúng ta, vẫn còn một căn bản giống với nó.

Quả thế những xã-hội ấy cũng là những xã-hội đóng kín. Mặc dầu là chúng rất rộng lớn, sánh với những đoàn thể nhỏ bé mà, do bản năng, chúng ta đã hướng theo và bản năng ấy có lẽ ngày nay vốn có khuynh hướng lập lại, nếu tất cả những tài sản vật chất và tinh thần của văn minh biến khỏi môi trường xã-hội là nơi chúng ta đã gặp sẵn những tài sản ấy; dù sao, các xã-hội ấy cốt yếu vẫn là gồm một số cá nhân nào đó và loại trừ những cá nhân khác. Ở trên chúng tôi đã nói rằng trong nhiệm-vụ đạo-đức vốn có sự câu thúc của xã-hội. Mà là xã-hội nào ? Phải chăng là xã-hội rộng mở, tức là toàn thể nhân loại ? Chúng tôi sẽ không giải quyết dứt khoát vấn đề đó, cũng như người ta không thể giải quyết dứt khoát, khi người ta bàn đến bổn phận của con người đối với đồng loại. Người ta khôn khéo đứng lại trong sự mập mờ. Không dám quả quyết, nhưng người ta như muốn để cho chúng ta tin rằng « xã-hội nhân loại » ngay từ bây giờ đã được thực hiện rồi. Để cho chúng ta tin như thế là một chuyện hay, vì chắc chắn là chúng ta có những bổn phận đối với con người kể là con người (mặc dầu các bổn phận ấy có một nguồn gốc khác hẳn như chúng ta sẽ thấy sau đây) và phân biệt hẳn các bổn phận ấy với những bổn phận đối với đồng bào của chúng ta, là chúng ta sẽ liều mình làm cho chúng trở nên yếu kém đi. Hành động của chúng ta sẽ có lợi ở chỗ đó. Nhưng một học thuyết đạo đức mà không nhấn mạnh về sự phân biệt đó, thì sẽ không đúng sự thật. Thực ra khi chúng ta nhận rằng bổn phận tôn trọng tính mạng và tài sản của kẻ khác là một đòi hỏi căn bản của đời sống xã-hội, thì chúng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ta nói đến xã-hội nào ? Để trả lời, chỉ cần nhìn xét những gì xảy ra trong thời kỳ chinh chiến. Giết người, cướp của cũng như bội ước, gian lận, dối trá, là những việc không những là được phép mà lại là đáng thưởng. Những người giao chiến sẽ nói như các mụ phù thủy của Macbeth :

« Fair in foul and Foul is fair : Công mình là ngu đại, ngu dại là công mình ».

Phải chăng điều đó có thể có được ? Phải chăng sự tráo trở ấy có thể thực hiện được dễ dàng như thế, tổng quát và tức thời, nếu quả thực xã-hội đã dạy chúng ta là con người phải có một thái độ nào đó đối với con người ? Ôi, tôi biết xã-hội nói gì, (xã-hội, tôi xin nhắc lại, có những lý do để nói điều đó); nhưng muốn biết xã-hội nghĩ gì và muốn gì, thì không nên quá nghe những điều xã-hội nói, mà phải nhìn xem những điều xã-hội làm. Xã-hội nói là những bổn phận được xã-hội định nghĩa, theo nguyên tắc, quả là những bổn phận đối với nhân loại, nhưng trong những hoàn cảnh đặc biệt, mà khốn thay không thể tránh được, sự thi hành các bổn phận ấy bị ngừng cản. Nếu xã-hội không nói lên như thế, thì nó sẽ cản trở đường tiến của một thứ đạo đức khác không bởi nó mà phát xuất, nhưng nó hoàn toàn có lợi để giữ gìn. Đường khác chúng ta thường có thói quen coi như là bất thường những gì tương đối hiếm có và ngoại lệ, chẳng hạn như bệnh tật. Nhưng bệnh tật cũng là cái thường lệ như sức khỏe vì sức khỏe, xét theo một phương diện nào đó, được coi như là một cố gắng thường xuyên để để phòng hay là để khử trừ bệnh tật. Cũng như thế, từ xưa nay hòa bình đã luôn luôn là một sự chuẩn bị tự vệ hay tấn công, nghĩa là chuẩn bị chiến tranh. Các bổn phận xã-hội của chúng ta nhắm sự đoàn kết xã-hội; dù muốn dù không những bổn phận ấy tạo ra cho chúng ta một thái độ, thái độ kỹ luật trước kẻ địch. Nghĩa là cho dù con người mà xã-hội vận dụng để bắt vào khuôn phép đã được xã-hội chắt đầy những gì mà xã-hội đã thu hoạch được suốt bao thế kỷ văn minh đi nữa, xã-hội vẫn còn cần đến cái bản năng sơ thủy mà nó đã phủ lên một lớp sơn tối ư dày đặc. Tóm lại, cái bản năng xã hội chúng ta đã nhìn thấy tận đáy nhiệm-vụ xã-hội, luôn luôn nhắm một xã-hội khép kín, dù to rộng đến đâu — bản năng là tương đối bất biến—Cố nhiên bản năng ấy được một thứ đạo đức khác phủ lên và bởi đó nó nâng đỡ đạo đức ấy và cho đạo đức ấy mượn một đôi chút sức mạnh của nó, tôi muốn nói là tính cách khẩn bách của nó. Nhưng chính nó, nó không nhắm nhân loại. Nghĩa là giữa dân tộc, dẫu là to lớn đến đâu và nhân loại, vốn có cả một sự phân cách

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, giữa các đóng kín và cái cởi mở. Người ta thích nói rằng gia đình là nơi học tập những đức tính công dân và mến quê hương là chuẩn bị để yêu nhân loại. Lòng thiện cảm của chúng ta cứ dần dần nới rộng ra luôn mãi như thế, nó sẽ lớn lên mà vẫn giữ nguyên bản chất và rồi ra sẽ bao quát cả nhân loại. Đó là một lý luận tiến nghiệm phát xuất từ một quan niệm thuần chủ trí về tâm hồn. Người ta nhận thấy rằng ba đoàn thể mà chúng ta có thể là thành phần gồm một số người cứ tăng dần và do đó người ta kết luận rằng đối tượng mến yêu lớn dần, thì tình yêu của chúng ta cũng nảy nở rộng thêm theo. Và chẳng điều làm cho người ta dễ lầm tưởng như thế, chính là vì nhờ một sự trùng phùng may mắn mà phần đầu của lý luận rất hợp với thực tại : các đức tính gia đình quả thực được nối liền với các đức tính công dân, vì lý do rất đơn giản nầy là gia đình và xã-hội, lúc nguyên thủy lẫn lộn vớinhau, vẫn còn liên lạc chặt chẽ với nhau. Nhưng giữa xã-hội mà chúng ta sống ở trong và nhân loại nói chung, chúng tôi xin nhắc lại, vốn có cùng một sự tương phản như giữa cái đóng kín và cái cởi mở : sự sai biệt giữa đôi bên là một sự sai biệt về bản chất, chứ không phải về mức độ. Nếu người ta đi đến trạng thái tâm hồn, nếu người ta so sánh với nhau hai tình cảm kia, tình quyến luyến quê hương và tình yêu nhân loại, thì sẽ là thế nào? Ai lại không thấy rằng xã-hội đoàn kết phần lớn là do cần phải tự vệ, chống lại vớinhững xã-hội khác và người ta yêu những người mà người ta cùng chung sống trước hết là để chống lại với tất cả mọi người khác ? Bản năng sơ thủy là thế. Nó còn đó, nhưng may mắn đã được che dấu dưới những bồi đắp của văn minh; nhưng ngày nay cũng thế, chúng ta yêu mến cha mẹ chúng ta và đồng bào chúng ta một cách tự nhiên và trực tiếp, còn tình yêu nhân loại thì gián tiếp và đã tập được . Đối với thân thuộc và đồng bào, chúng ta đi thẳng đến, đối với nhân loại chúng ta đi vòng quanh, vì chỉ là qua Thiên chúa và trong Thiên Chúa mà tôn giáo kêu mời con người mến yêu nhân loại, cũng như chỉ là qua lý trí và trong lý trí chúng ta tất cả cùng thông hưởng mà các triết gia bảo chúng ta nhìn nhận loại để cho chúng ta thấy phẩm giá tuyệt với của nhân vị và quyền được tôn trọng của mọi người. Trong cả hai trường hợp chúng ta không đi đến nhân loại từng chặng, bằng cách đi qua gia đình và dân tộc. Bằng một cái nhảy vọt, chúng ta phải vượt lên xa quá nhân loại, chúng ta đã phải đạt đến nhân loại mà không lấy nó làm cùng đích, bằng cách vượt qua nó. Vả lại dù người ta nói theo ngôn ngữ của tôn giáo hay theo ngôn ngữ của triết lý, dù nói

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đến tình yêu hay nói đến sự tôn trọng, thì đây là một thứ đạo đức khác, một thứ nhiệm-vụ loại khác đến phủ lên trên sự câu thúc của xã-hội. Cho đến nay chúng ta chỉ bàn đến sự câu thúc của xã-hội bây giờ đã đến lúc phải bàn đến thứ đạo đức khác này.

Chúng ta đã tìm kiếm nhiệm vụ thuần túy. Muốn gặp được nó, chúng ta đã phải thu gọn đạo đức vào cái hình thái đơn giản nhất của nó. Cái lợi là chúng ta đã thấy được nhiệm vụ cốt tại gì. Cái bất lợi là chúng ta đã rút hẹp đạo đức lại quá nhiều. Cố nhiên không phải rằng những gì chúng ta đã để lại một bên nhiệm vụ, là không có tính cách bó buộc : đâu người ta có tưởng tượng một nghĩa vụ không có tính cách bó buộc ? Nhưng người ta hiểu được rằng tuy nhiệm vụ sơ thủy và thuần túy chính là cái mà chúng ta vừa nói, nhưng nhiệm vụ ấy nó tự tỏa ra, nó trở thành tán mạn và được thu hút vào một cái gì khác làm cho nó biến hình. Vậy nay chúng ta hãy xem đạo đức hoàn bị là gì. Chúng ta sẽ dùng cùng một phương pháp và cũng là đi đến giới hạn cùng tột, không phải là ở phía dưới nữa, mà là ở phía trên.

Ở mọi thời kỳ đã phát xuất những bực vĩ nhân, hiện thân của đạo đức ấy. Trước những thánh nhân của Thiên Chúa Giáo, nhân loại đã được biết các bậc hiền triết của Hy lạp, các Tiên tri của Israel, các vị La hán của Phật giáo và những Thánh nhân khác. Bao giờ người ta cũng quay trở lại với các vị ấy để có được một thứ đạo đức hoàn bị, một thứ đạo đức lẽ ra nên gọi là tuyệt đối. Và chính điều đó đã là một cái gì đặc sắc và dạy vẻ cho chúng ta nhiều. Chính điều đó cũng cho chúng ta đoán trước được một sự sai biệt về bản chất, chớ không phải chỉ về mức độ, giữa loại đạo đức mà chúng ta đã bàn đến từ trước đến nay và loại đạo đức mà chúng ta sắp khảo cứu, giữa cái tối thiểu và cái tối đa, giữa hai giới hạn cùng tột. Loại đạo đức thứ nhất càng được rút vào những định thức vô ngã; thì nó càng tinh túy và hoàn hảo, trái lại loại đạo đức thứ hai, muốn được hoàn hảo, thì cần phải được nhập thể vào một nhân vật ưu tú, một nhân vật đã biến thành một gương mẫu. Tính cách tổng quát của loại đạo đức thứ nhất là do sự chấp nhận phổ quát một định luật, tính cách tổng quát của loại thứ hai là do sự bắt chước chung cùng một gương mẫu.

Vì sao mà các Thánh nhân lại có những người theo gương các ngài như thế và vì sao mà các bậc đại hiền nhân lại lôi kéo được quần chúng theo mình ? Các ngài không đòi hỏi gì mà các ngài lại được. Các ngài không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cần khuyên nhủ; các ngài chỉ cần hiện hữu. Sự hiện hữu của các ngài là một sự kêu gọi. Đặc tính của loại đạo đức thứ hai này là thế. Nhiệm vụ tự nhiên là câu thúc hay là xô đẩy, còn trong loại đạo đức đầy đủ và hoàn hảo, thì có một sự kêu gọi.

Bản chất của sự kêu gọi ấy, chỉ có những người đã được đứng trước một vĩ nhân đạo đức mới biết được đầy đủ. Nhưng vào những giờ phút mà những châm ngôn hành động thường ngày hình như bất lực, mỗi người trong chúng ta đã tự hỏi mình trong cảnh ngộ thế này thì người nọ hoặc người kia đã mong đợi gì ở chúng ta. Người nọ người kia ấy có thể là một người thân thuộc hoặc một người bạn mà chúng ta tưởng nhớ đến như thế. Nhưng cũng có thể là một người mà chúng ta chưa hề gặp; một người mà người ta chỉ thuật lại đời sống cho chúng ta nghe; bằng tưởng tượng chúng ta phú thác hành vi của chúng ta cho người phán đoán, run sợ trước sự chê trách của người hoặc tự hào vì được sự tán thành của người. Hơn nữa, cũng có thể là một con người đang hiện xuất trong chúng ta, kéo tự đáy tâm hồn ra ánh sáng của ý thức, một con người mà chúng ta cảm thấy có thể xâm chiếm chúng ta hoàn toàn sau này, và bây giờ chúng ta muốn bám theo, như người môn đệ bám theo thầy. Thực ra con người ấy hình thành ngay từ khi người ta đã nhận theo một gương mẫu : sự ước muốn trở nên giống một gương mẫu, vì nó phát sinh ra trong ý tưởng, một hình thức cần phải mặc lấy, nên đã là một sự giống với gương mẫu rồi, lời người ta sẽ nhận làm của mình là lời mà người ta đã nghe được một tiếng vọng trong mình. Nhưng người đó là người nào cũng không quan hệ. Chúng ta hãy chỉ nhìn nhận rằng, nếu loại đạo đức thứ nhất càng được phân tách rõ ràng thành những nhiệm vụ vô ngã, bao nhiêu, nó càng tăng thêm sức mạnh bấy nhiêu, thì trái lại, loại đạo đức thứ hai, lúc đầu phân tán thẳnh những huấn giới tổng quát trí tuệ chúng ta tuân phục, nhưng không lay chuyển được ý chí của chúng ta, rồi ra nó trở nên càng có sức lôi cuốn hơn, khi những châm ngôn phiến đa và tổng quát đến kết đúc lại trong sự đơn nhất và trong cá tính của một người.

Loại đạo đức thứ hai này lấy sức mạnh của nó ở đâu ? Hành động nào đã thay thế ở đây cho nhiệm vụ tự nhiên, hay đúng hơn, rút cục đã thu hút nó đi ? Muốn biết điều ấy, trước hết chúng ta hãy xem nhiệm vụ mặc nhiên của chúng ta là gì. Những nghĩa vụ đã bàn đến từ trước đến nay đều là những nghĩa vụ do đời sống xã-hội đặt lên vai chúng, ta chúng bắt buộc chúng ta đối với xã-hội hơn là đối với nhân loại. Vậy người ta có thể nói

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

rằng loại đạo đức thứ hai—nếu nhất định chúng ta phân biệt ra hai loại—khác với loại đạo đức thứ nhất ở chỗ nó có tính cách nhân loại, chứ không phải chỉ có tính cách xã-hội mà thôi. Và nói thế có lẽ không phải là hoàn toàn sai. Quả thế, chúng ta đã thấy rằng không phải là nới rộng xã-hội mà người ta đi đến nhân loại : giữa một đạo đức có tính cách xã-hội và một đạo đức có tính cách nhân loại sự sai biệt không phải là về mức độ, nhưng là về bản chất. Đạo đức thứ nhất là loại đạo đức mà chúng ta thường nghĩ tới, khi chúng ta cảm thấy tự nhiên có nhiệm vụ. Ở trên các nghĩa vụ rõ ràng ấy, chúng ta còn muốn quan niệm ra những nghĩa vụ khác, chồng thêm lên đó, và nói cho đúng là những nghĩa vụ mơ hồ. Tận tụy, xả thân, tinh thần hy sinh, bác ái, đó là những danh từ mà chúng ta nói ra khi chúng ta nghĩ đến những nghĩa vụ ấy. Nhưng lúc đó thường chúng ta có nghĩ đến điều gì khác hơn là những danh từ không ? Chắc là không, chúng ta biết rõ điều đó lắm. Nhưng chúng tôi xin nói rằng những danh từ ấy có đó là đủ rồi : chúng sẽ mang đầy đủ ý nghĩa, ý tưởng đến nhập vào chúng, sẽ có sức hành động, khi có cơ hội đến. Thực ra đối với nhiều người, cơ hội sẽ không đến, hoặc hành động sẽ bị hoãn lại về sau. Nơi một số người ý chí sẽ lay chuyển chút ít, nhưng rất ít, khiến cho sự lay chuyển ý chí ấy có thể được coi như là do bổn phận xã-hội được nới rộng ra, nới rộng và suy giảm thành bổn phận nhân loại. Nhưng nếu những thành ngữ kia được lấp đầy chất liệu và chất liệu trở nên sống động, đó là triệu chứng một cuộc sống mới đang xuất hiện; chúng ta hiểu, chúng ta cảm thấy một đạo đức khác đang hiện xuất. Vậy nói đến tình yêu nhân loại ở đây, chắc là người ta đã định nghĩa đạo đức ấy. Tuy thế có lẽ người ta đã không phát biểu được cốt yếu của nó,vì tình yêu nhân loại không phải là một động lực tự nó đầy đủ và khả dĩ tác động trực tiếp. Các nhà giáo-dục thanh-niên rất biết rằng người ta không thể thắng được tính ích kỷ bằng cách khuyên dạy đức vị tha. Cũng có khi một tâm hồn quảng đại, nóng lòng hiến thân bỗng nhiên thấy mình nguội lạnh đi, khi nghĩ rằng mình sắp làm việc cho « nhân loại ». Đối tượng quá mông mênh, hiệu quả quá tản mác. Vậy người ta có thể ước đoán rằng nếu tình yêu nhân loại tạo ra đạo đức ấy, thì cũng ví như sự cần thiết băng qua quãng trung gian được bao hàm trong ý định đạt đến một điểm : Theo một nghĩa thì cũng thế, nhưng theo một nghĩa khác thì lại hoàn toàn sai biệt. Nếu người ta chỉ nghĩ tới quãng cách và những điểm, vô số nhiều, cần phải bước qua từng cái một, thì người ta sẽ nản lòng không muốn khởi bước cũng như

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cái tên bắn của Zenon; và chẳng bước mà có thấy gì ích lợi và hứng thú. Nhưng nếu người bước qua quãng cách mà chỉ nghĩ đến điểm cùng tột, hoặc nhìn xa hơn, thì người ta sẽ dễ dàng hoàn tất một hành vi đơn nhất, đồng thời người ta cũng sẽ thắng lướt được cái đa hợp vô cùng mà cái đơn nhất ấy là tương đương. Vậy ở đây cái cùng hạn là gì, cái hướng của cố gắng là ở đâu ? Tắt một lời, cái gì là cái chính thực đòi hỏi ở chúng ta ?

Trước hết chúng ta hãy định nghĩa thái độ đạo đức của con người mà chúng ta đã nhìn xét cho đến nay. Nó kết hợp với xã-hội, nó và xã hội cùng nhau bị thu hút vào cũng một công việc bảo tồn cá thể và toàn thể. Cả hai cùng hướng về chính mình. Cố nhiên, không chắc gì là tư lợi, luôn luôn phù hợp với công lợi : ta biết đạo đức học vụ lợi đã vấp phải những khó khăn nan giải nào, khi nó đặt ra như một nguyên tắc rằng cá nhân chỉ có thể tìm kiếm điều lợi riêng của mình mà lại quyết đoán rằng nhờ đó cá nhân sẽ đi đến sự mong muốn điều lợi của kẻ khác. Tuy nhiên, nếu đạo đức học vụ lợi cứ khăng khăng xuất hiện lại dưới hình thức này hoặc dưới hình thức khác, là vì nó không phải là không thể tự biện minh được và nếu nó có thể tự biện minh được, chính là vì bên dưới hoạt động trí thức mà mục đích là để lựa chọn giữa lợi riêng cá nhân và lợi của kẻ khác, vốn có một nền móng hoạt động bản năng do thiên nhiên thiết lập từ đầu, ở đó cái cả thể và cái xã-hội gần như lẫn lộn. Tế bào sống cho nó mà cũng sống cho cơ thể, đem lại cho cơ thể mà cũng mượn của cơ thể sinh lực; nó sẽ hy sinh cho toàn thể nếu cần; và lúc đó có lẽ nó sẽ tự nói với nó, nếu nó có ý thức, rằng chính vì mà nó hy sinh. Có lẽ đó cũng là trạng thái tâm hồn của một con kiến biết suy nghĩ về hành vi mình. Nó cảm thấy hoạt động của nó dinh theo một cái gì lưng chừng giữa ích lợi của con kiến và ích lợi của tổ kiến. Mà chính là với bản năng ấy mà chúng ta đã nối liền nhiệm vụ chính thực vào : ở nguyên thủy nhiệm vụ bao hàm một sự trạng trong đó cái cả thể và cái xã-hội không phân biệt với nhau. Cho nên chúng ta có thể nói rằng thái độ mà nhiệm vụ đối xứng với là thái độ của một cá thể và của một xã-hội cùng quay về với mình. Vừa có tính cách cá thể vừa có tính cách xã-hội, tâm hồn xoay quanh trong một vòng tròn. Nó bị khép kín. Thái độ thứ hai là thái độ của tâm hồn cởi mở. Vậy thì để nó cho cái gì lọt vào ? Nếu người ta nói rằng nó ôm choàng cả nhân loại, người ta sẽ không đi quá xa, có lẽ người ta còn chưa đi xa đủ, vì tình yêu của nó lan ra đến loài vật, đến cây cỏ, đến cả vũ trụ. Và tuy thế không có gì trong những cái đến chiếm nó như thế là đủ để định nghĩa

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

được thái độ nó đã chấp nhận, vì nói cho cùng nó có thể bỏ qua tất cả các cái ấy. Hình thức của nó không tùy thuộc nội dung của nó. Chúng ta vừa cho nó một nội dung, bây giờ chúng ta cũng rất có thể rút nội dung ấy ra. Đức bác ái vẫn tồn tại nơi con người bác ái, ngay cả lúc không còn một vật nào khác sống trên mặt đất nữa. Một lần nữa, không phải là nhờ mở rộng mình ra mà người ta đi từ trạng thái thứ nhất đến trạng thái thứ hai. Một thứ tâm lý học quá chủ trí và tuân theo những chỉ dẫn của ngôn ngữ, cố nhiên sẽ định nghĩa các trạng thái tâm hồn bằng những đối tượng mà các trạng thái ấy liên kết với : yêu gia đình, yêu tổ quốc, yêu nhân loại, nó sẽ thấy trong ba khuynh hướng đó cùng một tình cảm cứ dần dần bành trướng để bao quát một số người lâu một tăng thêm. Ba trạng thái tâm hồn ấy phát biểu ra bề nghoài bằng cũng một thái độ, hoặc cũng một cử động, cả ba cũng đều « xu hướng » chúng ta, điều đó cho phép chúng ta tập hợp chúng lại dưới khái niệm tình yêu và phát biểu chúng bằng cùng một từ ngữ : lúc đó người ta sẽ phân biệt chúng bằng cách xướng danh ra ba đối-tượng cứ rộng lớn dần thêm lên và liên hệ với chúng. Nhưng đó có phải là diễn tả chúng không ? Đó có phải là phân tích chúng không ? Thoạt nhìn, ý thức chúng ta đã nhận thấy giữa hai tình cảm đầu và tình cảm thứ ba có một sự khác nhau về bản chất. Hai tình cảm đầu bao hàm một sự lựa chọn, và bởi đó, một sự loại trừ : chung sẽ có thể khích thích tranh đấu ; chúng không loại bỏ sự thù ghét. Tình cảm thứ ba chỉ là tình yêu. Hai tình cảm đầu đi thẳng đến một đối tượng đang lôi kéo chúng. Tình cảm thứ ba không để cho đối tượng của nó lôi kéo; nó đã không nhắm đối tượng ấy; nó đã vươn tới xa hơn và chỉ đạt đến nhân loại, khi băng qua nó. Nói cho đúng, phải chăng nó có một đối tượng ? Đó là câu hỏi chúng ta sẽ đặt ra. Bây giờ chúng ta hãy chỉ nhận định rằng thái độ ấy của tâm hồn, nói cho đúng hơn, là một chuyển động, nó tự túc, không cần đến đối tượng.

Tuy nhiên một vấn đề được đặt ra đối với thái-độ này, một vấn đề mà đối với thái độ kia, đã được giải quyết hoàn toàn. Quả thế thái độ kia đã do thiên nhiên muốn có; người ta vừa thấy tại sao và bằng cách nào chúng ta cảm thấy buộc phải có thái độ ấy. Nhưng thái độ này thì lại là một thái độ tập được, nó đã đòi hỏi và luôn luôn còn đòi hỏi một sự cố gắng. Bởi đâu mà những người đã làm gương về thái độ này đã tìm được những người khác để theo họ ? Cái sức mạnh tương đương ở đây với sự câu thúc của xã-hội là sức mạnh nào ? Chúng ta không có đường lựa chọn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngoài bản năng và tập quán ra, thì chỉ còn cảm tính là có được tác động trực tiếp trên ý chí chúng ta. Vả chăng sự xô đẩy do tình cảm gây ra có thể gần giống với nhiệm vụ. Các ngài hãy phân tích đam mê ái tình, nhất là ở buổi đầu của nó : phải chăng nó nhằm vào lạc thú ? Há nó lại cũng không nhằm vào sự đau khổ sao ? Có lẽ cả một thảm kịch sắp xảy ra, cả một cuộc đời bị hư hỏng, tan rã, trầm luân, người ta biết, người ta cảm thấy thế, nhưng hệ gì ! Phải thế vì là phải thế. Cái nham hiểm lớn lao của đam mê chớm phát chính là nó giả giạng nghĩa vụ. Nhưng không cần đi đến đam mê. Trong một cảm xúc yên lặng nhất cũng có thể có một sự đòi hỏi hành động, khác với nhiệm vụ đã được định nghĩa hồi nảy, ở chỗ nó sẽ không gặp phải sức kháng cự, ở chỗ nó chỉ bắt buộc cái đã ưng thuận, tuy nhiên nó vẫn giống với nhiệm vụ ở chỗ nó bắt buộc một cái gì. Không ở đâu mà chúng ta thấy điều đó rõ hơn là chỗ mà sự đòi hỏi ấy ngừng chỉ hiệu lực thực tế của nó lại và như thế để cho chúng ta nhàn rỗi mà suy nghĩ về nó và phân tích những gì chúng ta cảm thấy. Đó là điều xảy ra trong cảm xúc âm nhạc chẳng hạn. Lúc chúng ta nghe nhạc, hình như chúng ta không thể ước muốn cái gì khác ngoài cái mà nhạc gợi ra cho chúng ta và chính là như thế mà chúng ta sẽ hành động một cách tự nhiên, một cách tất yếu, nếu chúng ta không ngừng hành động, khi đang nghe. Giả sử nhạc phát biểu vui, buồn, thương hại, thiện cảm, thì mỗi lúc chúng ta quả là những gì nó phát biểu chẳng những là chúng ta mà nhiều người khách, tất cả các người khác cũng thế. Khi nhạc khóc, thì nhân loại và cả hoàn vũ cũng khóc với nó. Nói thực ra, nhạc không đem những tình cảm ấy vào trong chúng ta,, đúng hơn là nó đem chúng ta vào trong những tình cảm ấy, như những khách qua đường bị đẩy vào một cuộc múa nhảy. Đó là lẽ lối hành động của những vị khai sáng đạo đức. Đối với các ngài, cuộc đời có những vang dội tình cảm bất ngờ, cũng như một bản hòa nhạc mới có thể có được : các ngài dẫn chúng ta vào với các ngài trong thứ nhạc ấy để chúng ta diễn đạt nó ra thành cử động.

Chính vì quá theo thuyết chủ trí mà người ta đã nối kết tình cảm vào với một đối tượng và đã coi hết mọi cảm xúc như là một vang dội của một quan niệm tri thức vào cảm tình của chúng ta. Để tiếp tục lấy nhạc làm ví dụ, ai cũng biết rằng nhạc gợi ra nơi chúng ta những cảm xúc xác định, vui, bjuồn, thương hại, thiện cảm, và các cảm xúc ấy có thể rất mãnh liệt và đầy đủ đối với chúng ta, mặc dầu chúng không dính vào cái gì cả. Phải chăng người ta sẽ nói rằng ở đây chúng ta ở trong phạm vi nghệ thuật,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chớ không phải trong thực thể, như thể chúng ta chỉ cảm xúc mà chơi, tâm trạng chúng ta là thuần tưởng tượng, và lại nhạc sĩ không thể gây ra cảm xúc ấy nơi chúng ta, gợi nó ra mà không tạo ra nó, nếu chúng ta đã không cảm thấy nó trong đời sống thực hữu, khi nó được xác định bởi một đối tượng mà nghệ thuật chỉ còn có việc tách nó ra khỏi? Nói thế tức là quên rằng vui, buồn, thương hại, thiện cảm là những từ ngữ phát biểu những ý tưởng tổng quát cần phải dùng đến để diễn tả những gì nhạc làm cho chúng ta cảm thấy, nhưng với mỗi một thứ nhạc mới đều có dính liền những tình cảm mới, được sản tạo bởi nhạc ấy và trong nhạc ấy; những tình cảm này được định nghĩa và phân hạn bởi chính cái đồ hình độc nhất và đặc biệt của điệu khúc hay của bản hòa tấu. Vậy không phải là chúng đã được nghệ thuật rút ra từ cuộc sống; chính là chúng ta, cho được diễn đạt chúng thành lời, đã phải đem so sánh tình cảm do nghệ sĩ tạo ra với những gì giống với nó nhất trong đời sống. Nhưng chúng ta hãy lấy ngay những trạng thái tâm hồn do chính sự vật tạo ra và như thể đã được định hình trước trong sự vật. Những trạng thái do thiên nhiên muốn có, thời có số nhất định, nghĩa là hữu hạn. Người ta nhận ra chúng ở chỗ chúng có mục đích thúc đẩy đến những hành động đáp lại những nhu cầu. Trái lại các trạng thái khác là những phát minh thực sự, sánh được với những phát minh của nhạc sĩ và ở nguồn gốc của chúng vốn có một con người. Chẳng hạn cảnh nước non từ muôn thuở đã có thể thông truyền vào những người nhìn ngắm nó những tình cảm sánh được với những cảm giác và quả là dính liền với nói. Nhưng trước cảnh núi non ấy Rousseau đã sáng tạo ra một cảm xúc mới và độc đáo. Cảm xúc nầy đã trở nên thông thường, vì Rousseau đã truyền bá nó ra. Và ngày nay chính còn là Rousseau làm cho chúng ta cảm thấy nó cũng bằng và hơn cả núi non, cố nhiên có những lý do khiến cho cảm xúc ấy, phát từ tâm hồn Rousseau, dính chặt với núi non hơn là với một đối tượng nào khác : những tình cảm sơ yếu, gần với cảm giác, do núinon trực tiếp gây ra, chắc phải phù hợp với cảm xúc mới. Nhưng Rousseau đã thu góp chúng lại; ông đã làm cho chúng, từ nay như những bồi âm đơn giản, nhập vào một âm sắc mà bởi một sự sáng tạo chính thực ông đã hiến âm điệu căn bản. Đối với tình yêu mến thiên nhiên nói chung cũng thế. Thiên nhiên từ muôn thuở đã gợi ra những tình cảm gần như là những cảm giác; người ta đã luôn luôn yêu thích sự dịu dàng của bóng, cảnh tươi mát của giòng sông, suối nước v.v... và những gì mà tiếng « Anoenus » gợi ra, một tiếng mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

người La-mã dùng để định nghĩa cái thú đồng quê. Nhưng một cảm xúc mới, chắc chắn là do một hay là những người nào đó tạo ra, đã đến lợi dụng những âm điệu có sẵn ấy như là những bồi âm, mà như thể sản xuất một cái gì sánh được như cái âm sắc đặc biệt của một nhạc vcụ mới, tức là cái mà, trong các xứ của chúng ta, được gọi là tình cảm thiên-nhiên. Cái âm điệu căn bản được đưa vào như thể đã có thể là khác, như đã xảy ra ở Á đông, đặc biệt hơn nữa là ở Nhật Bản : lúc đó cái âm sắc lại đã là khác. Và chăng những tình cảm gần với cảm giác, nối kết chặt chẽ với những đối tượng xác định ra chúng cũng rất có thể lôi về với chung một cảm xúc đã được sáng tạo trước rồi, chứ không phải hoàn toàn mới. Đó là điều đã xảy ra đối với ái tình. Từ muôn thuở đàn bà đã luôn luôn gợi ra nơi đàn ông một xu hướng phân biệt với dục tình, tuy nhiên vẫn gần và như dính liền với nó, một hướng vừa thuộc về tình cảm, vừa thuộc về cảm giác. Nhưng ái tình mộng ảo có niên hiệu : nó đã xuất hiện ở thời trung cổ ngày mà người ta tính biến nhập ái tình tự nhiên vào một tình cảm hầu như siêu nhiên, vào cái cảm xúc tôn giáo đúng như Thiên Chúa Giáo đã tạo ra và gieo vào trần thế. Khi người ta trách chủ nghĩa thần bí đạo phát biểu theo cách đam mê tình ái, thì người ta quên rằng chính ái tình đã bắt chước lòng sùng đạo trước, đã mượn của nó lòng sốt sắng và những khát vọng nồng nhiệt, những đăm chiêu hồn mê; dùng ngôn ngữ của một đam mê mà nó đã biến hình, lòng sùng đạo đã chỉ lấy lại tài sản của mình. Và chăng ái tình càng gần với sự sùng bái, thì sự bất tương ứng giữa cảm xúc và đối tượng càng lớn lao và bởi đó mối thất vọng mà tình nhân liều lĩnh gặp phải càng sâu đậm, trừ phi nó buộc mình phải mãi mãi nhìn đối tượng qua cảm xúc, không bao giờ rờ đến, và chỉ đối xử một cách kính cẩn. Chúng ta hãy nhận rằng cổ nhân đã nói đến những ảo tưởng của ái tình, nhưng đó là những làm lạc giống như những lầm lạc của giác quan, và liên hệ đến dung nhan, thân hình, cử chỉ và tính tình của người đàn bà được yêu. Người ta còn nhớ Lucrèce đã mô tả những gì : ở đây ảo tưởng chỉ liên quan đến những tính cách của đối tượng yêu đương, chứ không phải, như ảo tưởng ngày nay, liên quan đến những cái người ta có thể mong đợi ở ái tình. Giữa ảo tưởng ngày xưa và ảo tưởng mà chúng ta đã thêm vào đó cùng có một sự khác biệt như giữa tình cảm sơ thủy phát xuất từ chính đối tượng và cảm xúc tôn giáo được gọi từ ngoài đến để che phủ và tràn ngập nó. Cái phần để lại cho thất vọng bây giờ quả là mông lông, vì đó là quãng phân cách giữa các thụ cái thuộc thần linh và cái thuộc nhân tính.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một cảm xúc mới mẻ là nguồn gốc của những sáng tác nghệ-thuật, khoa-học và văn-minh nói chung, điều đó chúng ta không hoài nghi nữa. Không phải vì cảm xúc là một khích thích, không phải, vì nó thúc dục trí tuệ khởi công và ý chí kiên trì mà thôi. Phải đi xa hơn nhiều. Có những cảm xúc phát sinh ra tư tưởng và sự phát minh, mặc dù thuộc phạm vi trí tuệ, vốn có thể có bản chất cảm tình, nghĩa là cần phải đồng ý về ý nghĩa của những danh từ « cảm xúc » , « tình cảm », « cảm tính ». Một cảm xúc là một rung chuyển cảm tính cùủa tâm hồn, nhưng một sự lay động ở mặt ngoài khác hẳn với một sự sôi nổi từ đáy sâu. Trong trường hợp thứ nhất hiệu quả bị phân tán, trong trường hợp thứ hai nó tồn tại bất phân. Trong trường hợp thứ nhất các phần tử lung lay mà toàn khối không xê dịch, trong trường hợp thứ hai toàn khối bị đẩy về phía trước. Nhưng chúng ta hãy bỏ những tỷ dụ. Phải phân biệt hai loại cảm xúc, hai hình thái tình cảm, hai biểu thức cảm tính, chỉ giống nhau ở chỗ chúng là những trạng thái cảm tính khác với cảm giác và chúng không phải chỉ là một biến chuyển vào phạm vi tâm lý của một sự kích thích vật lý như cảm giác. Trong loại thứ nhất cảm xúc tiếp sau một ý tưởng hay là một ảnh tượng được quan niệm; trạng thái cảm tính là hậu quả của một trạng thái trí thức, không nhờ vả trạng thái cảm tính gì cả; nó tự đủ cho nó, và nếu nó chịu phản hưởng của trạng thái cảm tính, thì nó bị lố hơn là được lời. Đây là sự lay chuyển cảm tính bởi một ý niệm rơi vào đó. Nhưng loại cảm xúc thứ hai thì lại không phải là được xác định bởi một quan niệm mà nó là hậu quả và nó phân biệt với. Đúng hơn, đối với những trạng thái tri thức sẽ đến sau, có lẽ nó là nguyên do, chứ không còn phải là hiệu quả nữa; nó thai nghén nhiều quan niệm mà chưa cái nào là được thành hình thực sự, nhưng nó đang kéo ra hay sẽ có thể kéo ra từ bản chất của nó nhờ một sự phát triển cơ thể. Cảm xúc loại thứ nhất nằm ở dưới tri thức; đó là thứ cảm xúc mà thường các nhà tâm lý học bàn đến, thứ cảm xúc mà người ta nghĩ tới, khi người ta đối lập cảm tính với trí tuệ, hoặc khi người ta coi cảm xúc như là một phản ảnh lờ mờ của ý niệm. Nhưng về loại cảm xúc thứ hai, thì chúng tôi sẵn lòng nói rằng nó là siêu-tri-thức, nếu từ ngữ này không gợi ra lập tức ý tưởng một sự siêu việt về giá trị và loại bỏ hết mọi ý tưởng khác; đây cũng là nói đến một sự có trước trong thời gian và đến mối liên quan giữa cái sinh ra và cái được sinh ra. Quả thế chỉ có cảm xúc loại thứ hai này mới có thể phát sinh ý tưởng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khi tâm lý học dành một chỗ rất rộng rãi và tốt đẹp cho cảm tính mà lại bị người ta cho là quá « đàn bà » với một vẻ khinh bỉ, thì thực là người ta không hiểu rõ. Cái sai lỗi trước hết của những người nói như thế là họ chỉ căn cứ vào những chuyện tầm thường được lưu hành về phụ nữ, chứ không quan sát lấy, mặc dù đó là một sự hết sức dễ dàng. Chúng tôi sẽ không chỉ vì muốn sữa chữa một cách nói không đúng mà dấn mình vào một việc khảo cứu so sánh về hai phái nam nữ. Chúng tôi chỉ xin nói rằng đàn bà cũng thông minh như đàn ông, nhưng đàn bà ít khả năng cảm xúc hơn, và nếu nơi họ có cơ năng tinh thần nào kém mở mang, thì đó không phải là trí tuệ mà là cảm tính. Cổ nhiên đây là nói về cái cảm tính sâu xa, chứ không phải là về cái lay động ở mặt ngoài. Nhưng không hề gì. Những người tưởng rằng cho những khả năng cao quý nhất của tinh thần là tùy thuộc vào cảm tính, tức là hạ giá con người, cái lầm lỗi lớn nhất của họ chính là tại họ không thấy đâu là sự sai biệt giữa thứ trí tuệ hiểu biết, bàn cải, nhìn nhận hoặc phủ nhận và sau cùng ngưng lại ở sự phê bình chỉ trích với thứ trí tuệ phát minh.

Sáng tạo, trước hết, có nghĩa là cảm xúc. Không phải chỉ nói về văn chương và mỹ thuật mà thôi. Người ta biết một phát minh khoa học đòi hỏi biết bao chú tâm và cố gắng. Thiên tài đã được định nghĩa là một nhẫn nại lâu dài. Thực thì người ta quan niệm trí tuệ riêng biệt với một tài năng chú ý tổng quát, tài năng chú ý nầy sẽ tập trung trí tuệ nhiều hay ít tùy nó được phát triển nhiều hay ít. Nhưng làm thế nào mà tài năng chú ý vô định ấy, đứng ngoài trí tuệ và trống rỗng vật liệu, lại có thể chỉ nhờ một việc tiếp tay với trí tuệ mà làm phát ra được từ trí tuệ những gì đã không có ở đó trước ? Người ta cảm thấy rõ là tâm lý học còn bị ngôn ngữ đánh lừa, khi dùng cùng một danh từ để chỉ tất cả mọi sự chú ý có trong hết mọi trường hợp khả hữu mà rồi chỉ còn nhìn thấy những sai biệt về mức độ giữa những sự chú ý ấy, lúc đó được giả thiết là cùng một bản tính. Sự thực là trong mỗi một trường hợp sự chú ý đều được đánh dấu bằng một màu sắc đặc biệt và như thế là được cá thể hóa bởi đối tượng được chú ý đến : cho nên tâm lý đã có khuynh hướng nói đến « lợi thu» cũng như nói đến chú ý và như thế mặc nhiên làm cho cảm tính can thiệp vào, cảm tính dễ có thể thay đổi hơn tùy theo từng trường hợp riêng biệt. Nhưng mà người ta lại không nhấn mạnh đủ về sự thay đổi. Người ta đặt ra một khả năng thích ý tổng quát, khả năng này bao giờ cũng là một,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nó chỉ thay đổi nhờ sự chú tâm nhiều hay ít vào đối tượng. Vậy chúng ta đừng nói đến lợi thú một cách tổng quát. Chúng ta hãy nói rằng vấn đề đã gợi được thích thú là một quan niệm kèm với một cảm xúc và cảm xúc vui vẻ, vì nó vừa là sự hiếu kỳ, vừa là ước vọng và là sự vui vẻ nếm trước được giải quyết một vấn đề nhất định, nên cũng là độc nhất như quan niệm. Chính là nó thúc đẩy trí tuệ tiến, mặc dù trở ngại. Chính là nó đem lại hoạt lực hay là sinh khí cho những yếu tố trí thức mà nó kết hợp với, nó luôn luôn thu lượm những gì có thể kết cấu với chúng và rồi ra làm được cho đề tài của vấn đề nảy nở thành giải pháp. Trong văn chương và nghệ thuật điều đó sẽ còn rõ ràng biết mấy ! Một kiệt tác thường là do một cảm xúc sáng tạo ra, một cảm xúc độc nhất trong loại của nó, một cảm xúc người ta đã tưởng không tài nào phát biểu được và đã nhất quyết tự phát biểu. Nhưng đối với hết mọi tác phẩm, dầu khuyết điểm đến đâu, mà có mang một phần nào sáng tạo, há lại không phải như thế sao ? Ai quen hành văn đều đã có thể nhận thấy sự khác nhau giữa trí tuệ được để mặc một mình và trí tuệ được thiêu đốt bởi một thứ cảm xúc độc đáo vào duy nhất, phát sinh do một sự trùng phùng giữa tác giả và đề tài; nghĩa là do một trực giác. Trong trường hợp thứ nhất tinh thần làm việc trong nguội lạnh, chắp nối với nhau những ý tưởng đã từ lâu đúc thành từ ngữ mà xã-hội cung cấp cho nó ở trạng thái cứng đặc. Trong trường hợp thứ hai, thì hình như những vật liệu do trí tuệ cung cấp được nung chảy ra trước, rồi mới đúc đặc lại thành ý tưởng, nhưng lần này được tinh thần linh động hóa : nếu những ý tưởng ấy tìm được những từ ngữ sẵn có để phát biểu, thì quả là một sự may mắn bất ngờ cho chúng, và thực ra thường thường người ta đã phải giúp cho sự may mắn, và gò ép ý nghĩa của từ ngữ để nó ráp đúng vào khuôn tư tưởng. Lần nầy thì phải cố gắng đau đớn và kết quả bấp bênh. Nhưng chính lúc đó tinh thần mới cảm thấy hay là tin tưởng mình sáng tạo. Nó không còn khởi bước từ một mớ đa hợp những yếu tố làm sẵn để đi đến một cái đơn nhất hỗn tạp trong đó cái củ sẽ được sắp xếp mới lại. Nó đã lập tức vượt đến một cái gì có vẻ vừa đơn thuần vừa độc nhất, và rồi ra sẽ tìm cách tạm phơi bày mình ra trong những khái niệm đa hợp và thông thường chứa sẵn trước trong những từ ngữ.

Tóm lại, bên cạnh thứ cảm xúc, hiệu quả của quan niệm và thêm vào với quan niệm, thì có thứ cảm xúc có trước quan niệm, chứa đựng quan niệm trong tiềm thể và đến một mức nào đó là căn nguyên của quan niệm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một bản kịch chưa đáng kể là một tác phẩm văn chương, sẽ có thể lay chuyển thần kinh chúng ta và gây ra một cảm xúc loại thứ nhất, có lẽ là mạnh mẽ, nhưng tầm thường, được tiếp nhận giữa những cảm xúc mà chúng ta thường cảm thấy trong cuộc sống hằng ngày và bao giờ cũng là trông rỗng quan niệm. Nhưng cái cảm xúc gây ra nơi chúng ta bởi một bản kịch kiệt tác thì bản chất lại hoàn toàn khác : độc nhất trong loại của nó, cảm xúc này đã xuất hiện trong tâm hồn thi sĩ và chỉ xuất hiện ở đó mà thôi, trước khi lay chuyển tâm hồn chúng ta; chính là từ nó mà tác phẩm đã phát xuất, vì đang lúc biên soạn tác phẩm, tác giả luôn hướng mình về nó. Nó chỉ là một đòi hỏi sáng tác, nhưng lá một đòi hỏi xác định, đã được thỏa mãn bởi tác phẩm một khi đã thực hiện, hoặc có lẽ đã được thỏa mãn bởi một tác phẩm khác, nếu tác phẩm khác này cũng có với tác phẩm thứ nhất một sự tương tự nội tại và sâu xa, sánh với sự tương tự giữa hai bản dịch cũng đều chấp nhận được của cùng một bản nhạc ra ý tưởng hay ảnh tưởng.

Nghĩa là khi chúng tôi dành cho cảm xúc một phần quan trọng trong sự phát sinh đạo đức, chúng tôi không chút nào trình bày một thứ « đạo đức tình cảm » cả. Vì chúng tôi nói đến một thứ cảm xúc có khả năng kết tinh thành quan niệm và ngay cả thành học thuyết.

Từ học thuyết ấy cũng như từ bất cứ học thuyết nào khác, người ta đã không thể suy diễn ra đạo đức này; không có sự suy tư nào sẽ tạo ra được nhiệm vụ hay là một cái gì tương tự; lý thuyết tốt đẹp đến đâu cũng chẳng quan trọng gì, tôi sẽ luôn luôn có thể nói tôi không chấp nhận lý thuyết ấy; và dù cho tôi có chấpnhận đi nữa tôi vẫn chủ trương tự do cư xử theo ý muốn của tôi. Nhưng nếu không khí cảm xúc có đó, nếu tôi đã hô hấp được nó, nếu cảm xúc thấm nhập tôi, thì tôi sẽ hành động theo nó, như là bị nó xô đẩy. Không phải là bởi câu thúc hay là cưỡng bách, nhưng là nhờ một xu hướng mà tôi không muốn cưỡng lại. Và thay vì giải thích hành vi của tôi bằng chính cảm xúc ấy, tôi cũng sẽ có thể suy diễn hành vi ấy từ cái thuyết lý mà người ta sẽ xây đắp ra bằng cách thiên di cảm xúc sang ý tưởng. Ở đây chúng ta đã hé thấy câu trả lời người ta có thể đưa ra để giải đáp một câu hỏi nghiêm trọng mà chúng ta sẽ gặp lại sau này, nhưng chúng ta vừa đụng qua đến. Người ta thích nói rằng nếu một tôn giáo đem lại một nền luân lý mới, thì nó bắt buộc người ta giữ luân lý ấy do nền tảng siêu hình mà nó làm cho người ta nhìn nhận nghĩa là do những ý niệm của nó về Thượng Đế, về vũ trụ, và về liên quan

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

giữa đôi bên. Về điều đó thì người ta đã đáp lại rằng trái lại chính là bởi tính cách cao cả của luân lý nó đem đến một tôn giáo thu phục được chúng sinh và mở đường cho họ đi đến một quan niệm nào đó về sự vật. Nhưng phải chăng trí tuệ sẽ nhận ra sự cao cả của nền đạo đức mà người ta đề nghị với nó, bởi vì nó chỉ có thể nhận định những sai biệt về giá trị nhờ những sự so sánh với một tiêu chuẩn hay một lý tưởng, mà tiêu chuẩn hay là lý tưởng lại nhất thiết được cung cấp bởi nền đạo đức đã chiếm chỗ trước ? Vả lại làm sao mà một quan niệm mới về trật tự vũ trụ sẽ là một cái gì khác chứ không phải là một thứ triết lý thêm nữa để đặt vào với những triết lý mà chúng ta đã biết ? Dù trí tuệ có nhận theo quan niệm mới ấy đi nữa, thì chúng ta cũng sẽ chỉ nhìn thấy ở đó một giải thích, cứ thuyết lý, có thể là đáng chuộng hơn các giải thích khác. Hơn nữa, dù quan niệm ấy có vẻ dạy bảo chúng ta một số lề luật xử trí mới như là phù hợp với nó hơn đi nữa, thì từ sự nhận theo ấy của trí tuệ đến sự qui phục của ý muốn, đường vẫn còn xa. Nhưng sự thực là học thuyết, ở trạng thái thuần quan niệm trí thức, sẽ không làm cho người ta chấp nhận và nhất là thi hành đạo đức, và đạo đức, được trí tuệ nhận xét như là một hệ thống qui luật cư xử, cũng sẽ không làm cho học thuyết được trở nên đáng chuộng hơn theo phương diện tri thức. Trước khi có đạo đức mới, trước khi có siêu hình mới, vốn có cảm xúc, nó kéo dài ra thành hứng khởi về phía ý chí và thành quan niệm giải thích ở trí tuệ. Ví dụ cái cảm xúc mà Thiên Chúa Giáo đã đem lại dưới danh từ bác ái : nếu nó chiếm đoạt các tâm hồn thì một lề lối ăn ở nào đó phải tiếp theo và một học thuyết nào đó được lan truyền. Siêu hình học ấy đã không bắt phải có luân lý ấy, và luân lý ấy cũng không làm cho siêu hình ấy được quý chuộng hơn. Siêu hình và đạo đức đều phát biểu cùng một chuyện, một bên bằng từ ngữ trí tuệ, một bên bằng từ ngữ ý chí; và cả hai cách phát biểu ấy đều được cùng nhau chấp nhận, thoạt khi người ta đã tự cho mình chuyện để phát biểu.

Một phần nữa đạo đức của chúng ta gồm những bổn phận mà tính cách bắt buộc, nếu phân tích cho đến cùng, là do áp lực xã-hội đối với cá nhân mà ra, điều đó người ta sẽ dễ dàng công nhận, vì các bổn phận ấy thường được thi hành, lại chúng có một định thức rõ ràng, và chính xác, và như thế rất dễ cho chúng ta nắm lấy chúng, ở cái phần hoàn toàn sáng tỏ của chúng và men dần xuống tận gốc rễ của chúng để khám phá ra cái đòi hỏi của xã hội đã phát sinh ra chúng. Nhưng nói rằng phần còn lại của đạo đức diễn đạt một trạng thái cảm xúc, rằng ở đây người ta không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

còn tuân theo một áp lực, nhưng là tuân theo một sự quyến rủ lôi kéo, đó là điều mà nhiều người sẽ ngần ngại nhìn nhận. Lý do là vì ở đây rất nhiều khi người ta không thể tìm thấy ở tận đáy bản thân cái cảm xúc nguyên thủy kia. Có những định thức cặn bã của cảm xúc ấy, đã được ký thác vào cái mà người ta có thể gọi là lương tâm xã-hội, khi một quan niệm mới về cuộc sống, hay đúng hơn, một thái độ nào đó đối với cuộc sống, bao hàm trong cảm xúc ấy, cứ dần dà được củng cố. Chính là vì chúng ta đứng trước tro tàn của một cảm xúc đã tắt, và vì năng lực thúc đẩy của cảm xúc ấy là do ngọn lửa nó mang trong mình nó, cho nên những định thức còn lại kia, thường sẽ không thể lay chuyển nổi ý chí chúng ta, nếu những định thức xưa cũ hơn, phát biểu những yêu sách của đời sống xã-hội, không thông truyền tiêm nhiễm cho chúng một chút gì thuộc tính cách bắt buộc của mình. Hai thứ đạo đức xếp kề cạnh nhau ấy hình như bây giờ chỉ còn là như một, cái thứ nhất đã cho cái thứ hai mượn những gì là có tính cách ép buộc của nó và đường khác đã tiếp nhận của cái thứ hai, để trao đổi, một ý nghĩa ít chặt chẽ xã-hội hơn, và rộng rãi nhân loại hơn; Nhưng chúng ta hãy khuấy tro tàn lên; chúng ta sẽ còn gặp được những phần nóng hổi và rồi ra một tia sáng sẽ bừng lên; lửa sẽ có thể cháy sáng trở lại và nếu nó cháy sáng trở lại, thì nó sẽ lan tràn ra thêm dần. Tôi muốn nói rằng cái châm ngôn của đạo đức thứ hai này không tác động lẻ loi như các châm ngôn của đạo đức thứ nhất : hễ khi một trong những châm ngôn ấy hết trừu tượng mà mang đầy ý nghĩa và thu hoạch được sức mạnh hành động, thì các châm ngôn khác cũng đều làm như thế; sau hết tất cả cùng gặp nhau lại trong cái cảm xúc nóng sốt xưa kia đã bỏ rơi chúng lại sau mình và trong những con người đã cảm thấy nó và đã trở lại thành sống động, những vị sáng lập và cải cách tôn giáo, những người sùng đạo và thánh nhân, những vị anh hùng vô danh của đời sống đạo đức mà chúng ta đã có thể gặp được trên đường đời và là những người chúng ta cho là ngang hàng với những người thời danh nhất, tất cả đều hiện diện đó : noi gương các ngài, chúng ta cùng đi theo các ngài như theo một đạo quân những người chiến thắng. Quả thế đó là những người chiến thắng; họ đã khắc phục được sức kháng cự của thiên nhiên và đã nâng cao nhân loại lên đến những thiên chức mới. Như thế, khi chúng ta xé tan những cái bề ngoài để đạt đến những thực thể, khi chúng ta bỏ được cái hình thức thông thường mà cả hai thứ đạo đức, nhờ những trao đổi lẫn nhau, đã mặc lấy trong tư tưởng khái niệm và trong ngôn ngữ, thì chúng ta gặp thấy, ở hai đầu mút của

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đạo đức duy nhất ấy, áp lực xã-hội và khát vọng cá nhân : áp lực càng hoàn hảo, khi nó càng vô ngã và càng gần với những sức mạnh tự nhiên mà người ta gọi là tập quán và bản năng; khát vọng càng mạnh liệt, khi nó càng được rõ ràng gây ra nơi chúng ta bởi những nhân vị và càng có vẻ thắng lượt thiên nhiên hơn. Thực ra nếu người ta xuống cho đến tận gốc rễ của chính thiên nhiên, có lẽ người ta sẽ thấy chính cũng là một sức mạnh xoay quanh chính mình mà trực tiếp bộc lộ ra trong chúng loại con người một khi đã được tạo dựng và rồi ra gián tiếp hành động qua trung gian những cá nhân ưu tú để đẩy nhân loại tiến lên.

Nhưng không cần phải nhờ đến một siêu hình học để xác định tương quan giữa áp lực ấy và sự khát vọng ấy. Một lần nữa, người ta vẫn gặp một ít khó khăn để so sánh với nhau hai thứ đạo đức ấy, bởi vì chúng không còn hiện xuất ở trạng thái thuần túy nữa. Đạo đức thứ nhất đã trao cho đạo đức thứ hai một chút gì thuộc sức mạnh câu thúc của nó; đạo đức thứ hai đã rải rắc lên đạo đức thứ nhất một chút gì trong hương thơm của nó. Chúng ta đứng trước một chuỗi những bước tiến hay những bước lùi, tùy theo người ta theo dõi các huấn giới của đạo đức bắt đầu từ đầu mút nầy hay từ đầu mút kia; còn về hai đầu mút tột cùng ấy, thì đúng hơn, chúng chỉ có một giá trị thuyết lý; chúng không hề được đạt tới thực sự. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhìn xét áp lực và sự khát vọng nơi chính chúng, tách riêng ra. Áp lực là cố hữu trong quan niệm một xã-hội chỉ nhắm bảo tồn mình : cái vận động vòng quanh trong đó xã-hội lôi kéo cá nhân theo mình, diễn xuất tại chỗ, nó hơi bắt chước, nhờ trung gian tập quán, tính cố định của bản năng. Cái tình cảm mà người ta có khi người ta ý thức rằng đoàn thể những nhiệm vụ thuần túy đã được thi hành tất cả, có lẽ là một trạng thái khoan khoái cá nhân và xã-hội, sánh được như trạng thái khoan khoái người ta thường có, khi sự sống hoạt động bình thường. Có lẽ nó giống với sự sung sướng hơn là với sự vui vẻ. Trái lại đạo đức khát vọng, thì mặc nhiên bao hàm sự tri cảm một tiến bộ. Cái cảm xúc mà chúng ta đã nói đến là sự hăng say của một cuộc xông tới, sự hăng say nhờ đó mà đạo đức ấy đã được một ít người tuân theo và rồi ra đã được lan truyền qua họ ra khắp thế giới. Và chăng tiến bộ và xông tới được đồng hóa ở đây với chính sự hăng say kia. Để có ý thức về điều đó, không cần phải quan niệm một cùng đích người ta nhắm tới hay một sự hoàn thiện người ta đang bước tới gần. Chỉ cần là trong cái vui vẻ của sự hăng say có một cái gì nhiều hơn trong sự sung sướng của tình cảm khoan khoái,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sự sung sướng ấy không bao hàm sự vui vẻ ấy, nhưng sự vui vẻ ấy bao phủ và biến nhập vào mình sự sung sướng ấy. Điều đó chúng ta cảm thấy rõ ràng; và sự xác thực đã có được như thế, chẳng những là nó không tùy thuộc vào một siêu hình học, mà lại nó là cái sẽ đem lại cho siêu hình học ấy một sự nâng đỡ vững vàn nhất.

Nhưng có trước siêu hình ấy và gần cái trực tiếp được cảm thấy hơn nhiều, là những quan niệm đơn giản nảy phát ra ở đây từ cảm xúc, khi người ta dần dần đè mạnh lên cảm xúc ấy. Chúng ta đã nói đến những vị sáng lập và cải tổ tôn giáo, đến những người sùng đạo và thánh nhân. Chúng ta hãy nghe họ nói. Ngôn ngữ của họ chỉ là diễn tả thành quan niệm cái cảm xúc đặc biệt của một tâm hồn đang tự cởi mở, để ly thoát thiên nhiên đã nhốt kín nó lại trong chính nó và trong xã-hội.

Trước hết họ nói rằng điều mà họ cảm thấy, là cảm thấy được giải phóng. Đời sống dễ dàng, lạc thú, của cải, tất cả những gì vương víu người phàm, họ đều coi như không. Thoát được những cái ấy, họ cảm thấy nhẹ nhàng hoan hỷ. Không phải thiên nhiên đã sai lầm vì đã dùng những sợi giây chắc chắn buộc nối chúng ta vào cuộc sống mà nó đã muốn cho chúng ta có. Nhưng vấn đề là phải đi xa hơn và những tiện nghi mà người ta thích có ở nhà, nếu phải mang chúng đi đường, thì chúng sẽ trở thành những chướng ngại, nhưng hành lý kềnh càng, choán chỗ. Một tâm hồn được lay động như thế có khuynh hướng tỏ tình thiện cảm với những tâm hồn khác và ngay cả với toàn thể thiên nhiên hơn, đó là một điều có thể làm cho người ta ngạc nhiên, nếu tính bất động tương đối của tâm hồn, quay vòng quanh trong một xã-hội khép kín, là không do ở chỗ thiên nhiên đã chia cắt nhân loại thành những cá tính khác biệt bằng chính cái hành vi đã tạo dựng nên chủng loại con người. Như hết mọi hành vi tạo dựng một chủng loại, hành vi ấy đã là một sự ngưng chỉ. Lại bước tiến lên, là người ta bẻ gẩy cái quyết định bẻ gẩy ấy. Để có được một hiệu quả đầy đủ, lẻ ra đã phải lôi cuốn theo mình tất cả nhân loại. Nhưng nếu có một ít người theo và những người khác tin tưởng rằng họ sẽ theo, khi cơ hội đến, thì cũng đã khá lắm rồi. Đã có khởi sự, tức có hy vọng rằng cái vòng khép kín rồi sẽ bị bẻ gẩy. Tuy nhiên, chúng tôi không thể không nhắc lại mãi rằng không phải cứ giảng thuyết tình yêu đồng loại mà người ta có được tình yêu ấy. Không phải cứ nới rộng những tình cảm chật hẹp hơn ra là người ta sẽ ôm ấp lấy nhân loại. Mặc dầu trí tuệ chúng ta tin tưởng rằng đường đi được chỉ tỏ là thẳng, nhưng sự việc

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tiến hành cách khác. Những gì đơn giản dưới con mắt trí tuệ chúng ta không nhất thiết đơn giản đối với ý chí chúng ta. Chỗ nào mà lý luận nói rằng một con đường nào đó sẽ là đường ngắn nhất, thì kinh-nghiệm đến và cho thấy rằng trong hướng ấy không có lối đi. Sự thực là ở đây cần phải anh hùng mới đi đến được tình yêu. Vả chăng anh hùng không giảng truyền, nó chỉ cần lộ xuất và chỉ sự hiện diện của nó mới sẽ có thể làm cho người khác chuyển động. Đó là vì chính nó là sự về với chuyển động, vì nó phát xuất từ một cảm xúc, có tính cách thông truyền như mọi cảm xúc khác, một cảm xúc có họ hàng với hành vi sáng tạo. Tôn giáo cũng phát biểu chân lý ấy theo cách của nó rằng chính là trong Thiên chúa mà chúng ta yêu người khác. Và các vị thánh nhân tuyên bố họ có cảm giác một giòng nước đi từ linh hồn họ đến Thượng đế và từ Thượng đế chảy trở xuống nhân loại.

Xin đừng nói đến những chướng ngại vật chất với một linh hồn đã được giải phóng như thế. Nó sẽ không trả lời là người ta phải tránh chướng ngại đi hay là người ta có thể phá được chướng ngại : nó sẽ tuyên bố chướng ngại không có. Người ta không thể nói là lòng xác tín đạo đức của nó chuyển dịch được núi, vì nó không thấy núi để chuyển dịch. Bao lâu các ngài còn lý luận về chướng ngại, thì nó cứ nằm ở chỗ của nó; và bao lâu các ngài còn nhìn nó, thì các ngài sẽ phân chia nó ra nhiều phần và sẽ phải vượt qua từng phần một; chi tiết của nó có thể là vô hạn; không có gì bảo được là các ngài sẽ tính hết được. Nhưng các ngài có thể vất cả toàn thể một lượt, nếu các ngài phủ nhận nó. Đó là lối xử trí của triết gia chứng minh chuyển động bằng cách bước đi; hành vi của ông là sự phủ nhận hoàn toàn cái cố gắng luôn luôn phải tái diễn và bởi đó bất lực mà Zénon cho là cần thiết để bước qua từng cái một các điểm của quãng cách. Đào sâu vào khía cạnh mới bày của đạo đức, có lẽ người ta sẽ tìm ra ở đó cái tri cảm một sự trùng phùng, thực có hay là ảo tưởng, với cái cố gắng phát sinh của sự sống. Nhìn từ bên ngoài, công việc của sự sống, trong mọi tác phẩm của nó, có thể phân tích ra mãi mãi vô cùng; sẽ không bao giờ người ta mô tả xong cơ cấu của một con mắt như con mắt của chúng ta. Nhưng cái mà chúng ta gọi là một toàn bộ những phương tiện được dùng, thực ra chỉ là một chuỗi những chướng ngại bị phá rơi; hành vi của thiên nhiên là đơn giản và tính cách vô cùng phức tạp của cái then máy mà nó về đã tạo ra từng miếng một để có được thị giác chỉ là sự xáo trộn vô tận của những yếu tố đối địch đã sữa trị lẫn nhau để cho cơ năng thị quan hoạt

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

động một cách đơn nhất. Như một bàn tay vô hình chọc vào trong đống mạt sắt, nếu người ta chỉ xét đến những cái người ta nhìn thấy, thì hành vi đơn nhất của bàn tay ấy sẽ xuất hiện như là một chuỗi vô tận những tác động và phản động mà các mạt sắt kia gây ra trên nhau để được thăng bằng với nhau. Nếu giữa tác động thực hữu của sự sống và cái vẻ bề ngoài nó mặc lấy đối với giác quan và trí tuệ phân tích nó có một sự trái ngược nhau như thế, thì có lạ gì nếu một linh hồn, không còn biết chướng ngại vật chất nữa, cảm thấy mình, không biết đúng hay sai, như trùng hợp với chính cái nguyên tắc của sự sống ?

Dù sự dị biệt mà người ta có thể tìm thấy trước tiên ở giữa hiệu quả và nguyên do là thế nào đi nữa, dù một quy tắc hành động là khác xa một sự quyết đoán về bản chất sự vật, thì bao giờ cũng là trong một sự tiếp xúc với nguyên tắc phát sinh ra chủng loại con người mà người ta đã cảm thấy mình hấp thụ được sức mạnh yêu mến nhân loại. Cố nhiên là tôi nói đến một tình yêu thu hút và nung đốt toàn thể tâm hồn. Nhưng một tình yêu ít nồng nhiệt, yếu kém, và bất thường, chỉ có thể là chút ánh nắng tỏa ra từ tình yêu kia, nếu không phải là hình ảnh mờ nhạt, lạnh lẽo của nó, còn nằm lại trong trí tuệ hoặc đã được ký thác vào ngôn ngữ. Như thế đạo đức gồm hai phần khác biệt, một phần là do cơ cấu nguyên thủy của xã hội nhân loại tạo ra, và phần kia thì nguyên do là ở nguyên lý phát sinh ra cơ cấu đó. Trong phần thứ nhất, nhiệm vụ là cái áp lực mà các phần tử của xã-hội gây ra đối với nhau để bảo tồn hình thức của toàn thể, áp lực mà hiệu quả được biểu thị trước trong mỗi người chúng ta bởi một hệ thống tập quán nói được là sẽ sẵn sàng đón rước nó : cái then máy ấy mà mỗi bộ phận là một tập quán, nhưng toàn thể sánh được như một bản năng, đã được thiên nhiên sắm sửa. Trong phần thứ hai còn có nhiệm vụ, nếu người ta muốn, nhưng nhiệm vụ là sức mạnh của một khát vọng, hay của một đà tiến, chính cái đà tiến đã đưa đến chủng loại con người, đến đời sống xã-hội, đến một hệ thống tập quán tương tự ít nhiều với bản năng : nguyên lý thôi tiến (principe de propulsion) can thiệp trực tiếp chứ không qua trung gian những then máy mà nó đã sắp đặt, và là chỗ nó đã tạm thời ngưng chỉ. Tắt một lời, để tóm lược tất cả những điều trước đây, chúng tôi sẽ nói rằng đặt chủng loại con người dọc theo dòng tiến hóa, thiên nhiên đã muốn cho nó có thể được xã hội hóa cũng như nó đã muốn có những xã-hội ong, kiến, nhưng vì trí tuệ có đó, cho nên sự bảo tồn đời sống xã hội phải được ủy thác cho một then máy hầu như có trí thức :

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

có trí thức, ở chỗ mỗi bộ phận của then máy ấy có thể được trí tuệ con người đúc nắn lại, tuy nhiên vẫn là có bản năng tính, ở chỗ con người không thể vất bỏ toàn thể các bộ phận và không còn chấp nhận một then máy bảo tồn nữa, mà không thôi làm người. Bản năng đã tạm thời nhường chỗ cho một hệ thống tập quán mà mỗi cái trở thành ngẫu nhiên, chỉ có sự tất cả chúng qui hướng về việc bảo tồn xã hội mới là tất yếu, và sự tất yếu này mang bản năng trở lại. Tất yếu tính của toàn khối, cảm thấy quả ngẫu tính của các bộ phận, ó đó là cái mà chúng ta gọi là nhiệm vụ đạo đức nói chung; các bộ phận, vả chăng, chỉ là ngẫu nhiên dưới con mắt xã hội, đối với cá nhân đã được xã-hội dạy về tập quán cho, thì bộ phận cũng tất yếu như toàn thể. Nhưng then máy mà thiên nhiên đã muốn, là một then máy đơn giản cũng như những xã hội thiên nhiên đã tạo ra ở nguyên thủy. Phải chăng thiên nhiên đã tiên đoán sự phát triển lớn lao và tính cách phức tạp vô hạn của những xã hội như các xã hội của chúng ta ? Trước hết chúng ta phải hiểu ý nghĩa của vấn đề. Chúng ta không quả quyết rằng thiên nhiên đã thực sự muốn, hoặc tiên đoán bất cứ cái gì. Nhưng chúng ta có quyền làm như nhà sinh vật học , ông nói đến ý hướng của thiên nhiên, mỗi khi ông chỉ định một chức vụ cho một cơ quan. Mặc dầu nhân loại đã thành văn minh, mặc dầu xã hội đã biến hóa, chúng tôi vẫn dám quyết rằng các khuynh hướng nói được là thuộc về cơ thể của xã hội, vẫn tồn tại như ở nguyên thủy. Chúng ta có thể tìm lại và quan sát chúng. Kết quả của cuộc quan sát này rất rõ ràng. Chính là cho những xã hội đơn sơ và khép kín mà cơ cấu đạo đức, nguyên thủy và căn bản của con người đã được tạo thành. Các khuynh hướng cơ bản ấy, cố nhiên là ý thức chúng ta không nhìn thấy rõ ràng. Tuy nhiên chúng vẫn là những gì vững chắc nhất trong nhiệm vụ. Dù đạo đức của chúng ta đã trở nên phức tạp đến đâu, dù nó đã được kèm thêm những khuynh hướng không phải chỉ là những khuynh hướng tự nhiên biến thành và không đi theo chiều hướng của thiên nhiên, thì những khuynh hướng tự nhiên này vẫn là cái mà chúng ta gặp được, khi chúng ta muốn lắng lọc lấy tất cả những gì là nhiệm vụ thuần túy chứa đựng trong khối lỏng ấy. Vậy nửa thứ nhất của đạo đức là thế. Nửa thứ hai, thì không nằm vào trong đồ kế của thiên nhiên.

Chúng tôi muốn nói rằng thiên nhiên đã tiên đoán một sự nới rộng nào đó của đời sống xã hội bởi trí tuệ, nhưng là một sự nới rộng có giới hạn. Nó không thể muốn cho sự nới rộng ấy đi đến chỗ làm nguy hại cho cơ cấu nguyên thủy của xã hội. Vả chăng những trường hợp mà con người

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đã đánh lừa được thiên nhiên, như thế rất nhiều. Thiên nhiên vô cùng thông minh, tuy thế vẫn vô cùng ngây ngô. Chắc chắn là nó đã muốn cho con người sinh sản mãi mãi cũng như các sinh vật khác; nó đã dự phòng tỉ mỷ để bảo đảm sự sống còn của chúng loại bằng sự tăng số cá nhân, vậy mà khi ban cho chúng ta một trí tuệ, nó đã không tiên đoán là trí tuệ sẽ lập tức tìm ra phương thế để cản trở hậu quả của sự giao cấu nam nữ, và con người sẽ có thể tránh việc gặt hái mà không từ khước lạc thú gieo vải. Chính là trong một ý nghĩ khác hẳn mà con người đánh lừa thiên nhiên, khi nó kéo dài tình liên đới xã hội thành tình huynh đệ nhân loại; nhưng nó còn đánh lừa thiên nhiên, vì các xã hội nhân loại mà các đường nét đã được tạo thành trước trong cơ cấu nguyên thủy của tâm hồn nhân loại và người ta có thể nhìn thấy đồ án những khuynh hướng bẩm sinh và căn bản của con người hiện tại, đã đòi hỏi đoàn thể phải chặt chẽ hợp nhất, nhưng giữa đoàn thể này với đoàn thể kia phải có sự thù nghịch tiềm tàng: bao giờ người ta cũng phải sẵn sàng để tấn công, hay là để tự vệ. Cố nhiên không phải là thiên nhiên đã muốn chiến tranh để chiến tranh. Những bậc kỳ tài lôi cuốn nhân loại theo mình đã phá được những hàng rào của xã hội; hình như, nhờ đó họ đã tự đặt mình lại theo hướng của đà sinh lực. Nhưng cái đà tiến riêng ấy của sự sống cũng hữu hạn như sự sống. Dọc theo đường tiến của nó, nó gặp phải những chướng ngại và các chủng loại kế tiếp hiện xuất là những kết quả hợp thành của lực lượng ấy và những lực lượng đối nghịch : lực lượng kia đẩy tiến về phía trước, còn những lực lượng này thì làm cho người ta quay quanh tại chỗ. Phát xuất từ bàn tay của thiên nhiên, con người là một sinh vật có trí tuệ và có xã hội tính, xã hội tính ấy của nó, được trù tính để đưa đến những xã hội nhỏ bé, trí tuệ của nó có mục đích tán trợ đời sống cá nhân và đời sống tập đoàn. Nhưng trí tuệ, được bành trướng nhờ chính cố gắng riêng của mình, đã phát triển một cách bất ngờ. Nó đã giải phóng con người khỏi những ràng buộc mà bản tính hữu hạn của con người bắt con người phải gánh chịu. Trong những điều kiện ấy một số người đặc biệt có thiên tư đã có thể mở ra lại những gì khép kín và làm được ít ra là cho chính họ những gì mà thiên nhiên đã không thể làm được cho nhân loại... Gương của họ rồi ra đã lôi cuốn được những kẻ khác ít ra là trong tưởng tượng. Ý chí cũng có tài ba của nó, như tư tưởng mà tài ba thì đố ai mà đoán trước được. Nhờ những ý chí tài ba ấy, đà tiến sinh lực băng qua vật chất đã làm cho vật chất, vì tương lai của chủng loại, đem lại những hứa hẹn đã không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thể nghĩ đến, khi chủng loại được tạo thành. Vậy đi từ tình liên đới xã hội đến tình huynh đệ nhân loại, là chúng ta đoạn tuyệt với một thiên nhiên nào đó, chứ không phải với tất cả thiên nhiên. Đổi ý nghĩa từ ngữ của Spinoza, người ta có thể nói rằng chính là để trở về với thiên nhiên tạo hóa (nature naturante) mà chúng ta tách khỏi thiên nhiên tạo vật (Nature naturée).

Vậy giữa đạo đức thứ nhất và đạo đức thứ hai có cả một quãng phân cách từ cái tĩnh đến cái động. Đạo đức thứ nhất được coi là bất động. Nếu nó biến đổi, thì lập tức nó quên mình đã biến đổi, hoặc không thú nhận sự biến đổi. Cái hình thức mà mỗi lúc nó trình bày, luôn có tham vọng là hình thức dứt khoát. Nhưng đạo đức thứ hai là một thúc đẩy, một đòi hỏi chuyển động; nó là chuyển động tính trong nguyên tắc. Chính là nhờ đó mà nó chứng minh cái ưu thắng của nó; cũng chính chỉ là nhờ đó mà trước hết nó có thể định nghĩa sự ưu thắng của nó. Có được đạo đức thứ nhất, các ngài sẽ không từ đó làm nảy ra đạo đức thứ hai, cũng như từ một hay nhiều vị trí của một thể động, các ngài sẽ không thể lấy ra chuyển động. Trái lại chuyển động bao hàm bất động, vì mỗi vị trí được thể động vượt qua đều được quan niệm và được tri giác như là một sự ngưng chỉ tiềm thể. Nhưng không cần một minh chứng theo luật : sự ưu thắng được sống nghiệm trước khi được quan niệm và vả chăng nó không được minh chứng sau, nếu nó không được cảm thấy trước. Đó là một sự khác nhau về sắc thái sinh lực. Người nào thường thực hành đạo đức của xã hội, thì cảm thấy sự khoan khoái chung cho cá nhân và xã-hội, một tình cảm biểu lộ sự giao thoa của những kháng lực vật chất đối với nhau. Nhưng khi tâm hồn tự cởi mở và trước mắt không còn những chướng ngại vật chất nữa, thì nó hoàn toàn vui vẻ. Lạc thú và khoan khoái là một cái gì, nhưng vui vẻ còn hơn, vì nó không chứa đựng trong chúng, còn chúng thì lại tiềm tàng bao hàm trong nó. Quả thế chúng là ngưng chỉ và dẫm chân tại chỗ, còn nó lại là bước tới. Do đó đạo đức thứ nhất tương đối dễ định thức, còn đạo đức thứ hai thì không. Quả thế, trí tuệ và ngôn ngữ chúng ta nhắm vào sự vật, chúng ít được dễ dàng hơn để quan niệm những chuyển tiếp hay là những tiến bộ. Đạo đức của Phúc âm cốt yếu là đạo đức của tâm hồn khai phóng : phải chăng người ta đã không có lý để làm cho chúng ta nhận thấy rằng đạo đức ấy gần như đi đến sự nghịch lý và mâu thuẫn nữa trong những huấn giới chính xác nhất của nó. Nếu của cải là một điều tai hại, thì há chúng ta lại không làm hại những người nghèo khổ,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khi chúng ta cho họ những cái chúng ta có. Nếu người nào nhận một bạt tai, lại đưa má khác ra, thì còn gì là công lý, mà không công lý thì đâu có bác ái ? Nhưng sự nghịch lý sẽ không còn, mâu thuẫn sẽ tan biến, nếu người ta nhìn xét ý hướng của những châm ngôn ấy là khuyến dụ một tâm trạng. Không phải vì những người đói nghèo, chính là vì mình mà người giàu có phải từ bỏ của cải của mình : hạnh phúc thay những người nghèo khổ trong tinh thần ! Cái quí đẹp không phải là bị thiếu thốn, cũng không phải là tự nhịn thiếu, mà là không cảm thấy sự thiếu thốn. Cái hành vi nhờ đó tâm hồn tự cởi mở mình ra, nó có mục đích nới rộng và tinh thần hóa thuần túy một thứ đạo đức đã bị tù hãm và cụ thể hóa vào những định thức; đạo đức này lúc đó sánh với đạo đức kia trở nên một cái gì như là một bức ảnh chụp chớp nhoáng của một chuyển động. Đó là ý nghĩa sâu xa của những câu đối nghịch kế tiếp trong « Bài giảng trên núi »: «Người ta nói với các ngươi rằng... Còn ta, ta bảo các ngươi rằng...». Một bên là cái đóng kín, một bên là cái cởi mở. Đạo đức thông thường không bị hủy bỏ; nhưng nó là như một khoảng khắc trên giòng một tiến bộ. Người ta không bỏ phương pháp cũ, nhưng người ta nhập nó vào một phương pháp tổng quát hơn, như khi các động biến hút vào nó cái tĩnh, đã trở thành một trường hợp riêng biệt. Lúc đó cho đúng thực, phải có một biểu thức trực tiếp cho chuyển động và cho khuynh hướng; nhưng nếu người ta còn muốn — và cần phải thế — diễn tả chúng ra ngôn ngữ của cái tĩnh và cái bất động, thì người ta sẽ có những định thức gần như là mâu thuẫn. Bởi vậy chúng tôi ví những gì không thể thực hành được trong một số huấn giới của Phúc Âm với những cái phi lý trong các giải thích đầu tiên của phép toán vi phân. Thực ra, giữa đạo đức thời cổ và Thiên Chúa giáo người ta cũng thấy một tương quan cùng một loại như tương quan giữa toán học thời xưa và toán học của chúng ta ngày nay. Kỷ hà học của người xưa đã có thể đem lại những giải đáp riêng lẻ như thể là đã áp dụng trước những phương pháp tổng quát của chúng ta. Nhưng nó đã không tìm ra các phương pháp ấy; nó thiếu cái đà để nhảy từ cái tĩnh qua cái động. Ít ra người ta cũng đã làm cho cái tĩnh trở nên gần giống cái động hết mực. Chúng ta có một cảm tưởng như thế, khi chúng ta so sánh chẳng hạn, học thuyết của phái Stoïriens với đạo đức Thiên chúa giáo. Họ tự tuyên xưng là công dân của thế giới và họ thêm rằng tất cả mọi người là anh em, vì cùng bởi Thượng Đế mà ra. Đó hầu như cũng là những lời như trong đạo đức Thiên chúa Giáo; nhưng chúng ta đã

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

không gặp được cùng một vang dội, vì chúng đã không được nói lên với cùng một giọng điệu. Phái Stoiciens đã nêu ra những tấm gương rất tốt đẹp. Nếu họ đã không lôi kéo nổi nhân loại theo họ, vì thuyết của họ, cốt yếu, là một triết lý. Khi triết gia say mê một học thuyết và giấn mình vào, thì chắc chắn ông làm cho nó sống động bằng thực hành : đúng như tình yêu của Pymalion đã thổi sự sống vào pho tượng khi đã tạc xong. Nhưng từ đó cho đến cái hăng say lan truyền từ tâm hồn này sang tâm hồn khác như một đám cháy nhà, thì còn xa. Một cảm xúc như thế, hiển nhiên sẽ có thể phát xuất thành những ý tưởng tạo dựng một học thuyết, và có lẻ thành nhiều học thuyết khác biệt chỉ giống nhau bởi một cộng đồng tinh thần, nhưng cảm xúc ấy có trước ý tưởng, chớ không phải theo sau. Muốn tìm ra một cái gì của cảm xúc ấy, thì không nên chạy đến với phái Stoiciens, nhưng phải chạy đến với con người đã khởi hứng cho tất cả các triết thuyết lớn lao của Hy-lạp mà đã không đem ra một học thuyết nào hoặc đã viết lách gì, tức là Socrate. Cố nhiên, Socrate đã đặt hoạt động lý trí và đặc biệt là chức vụ luận lý của tinh thần lên trên hết mọi sự. Cái phương pháp biện lý chế diễu mà ông áp dụng khắp nơi là cốt để loại bỏ những dư luận đã không trải qua lò luyện của suy tư và nói được là để cho chúng phải xấu hổ bằng cách làm cho chúng tự mâu thuẫn với chính mình. Phương pháp đối thoại đúng như ông hiểu đã phát sinh ra biện chứng pháp của Platon và bởi đó phát sinh ra phương pháp triết học cốt yếu thuần lý mà chúng ta còn thi hành ngày nay. Đối tượng của đối thoại pháp ấy là dẫn đến những khái niệm mà người ta sẽ đặt vào những câu định nghĩa; những khái niệm ấy sẽ trở thành những ý niệm của Platon và thuyết lý về các ý niệm này rồi ra sẽ dùng làm mẫu mực cho những sự xây dựng siêu hình học truyền thống, những sự xây dựng mà cốt yếu cũng là duy lý. Socrate còn đi xa hơn, Ông coi đức hạnh là một khoa học ông đồng hóa sự thực hành điều thiện với các nhận thức người ta có về điều thiện; như thế ông chuẩn bị cho học thuyết sẽ đồng hóa đời sống đạo đức với sự tập luyện tư tưởng thuần lý. Không bao giờ lý trí đã được đề cao hơn. Ít ra đó là điều mà người ta nhìn thấy trước tiên. Nhưng chúng ta hãy nhìn vào cho sát hơn. Socrate giảng thuyết vì Thần đền thờ Delphes đã phán dạy. Ông đã nhận một sứ mệnh. Ông nghèo khổ và phải tiếp tục sống nghèo khổ. Ông phải chung đụng với dân, ông phải trở thành dân, ngôn ngữ của ông phải giống ngôn ngữ của dân, ông sẽ không viết ra cái gì cả, cốt là để cho tư tưởng của ông được thông truyền, sống động, qua

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

những tâm hồn này đến những tâm hồn khác; ông bất chấp lạnh lẽo, đói khát, ông không chút nào là khổ tu, nhưng ly thoát mọi nhu cầu và không nô lệ thân xác, một vị thần bản mệnh theo ông để lên tiếng, khi cần có một sự cảnh cáo. Ông tin ở dấu hiệu thần linh ấy; đến nỗi thà chết hơn là không nghe theo : nếu ông không chịu bào chữa cho mình trước tòa án nhân dân, nếu ông sẵn sàng đón nhận bản án của ông, là vì thần bản mệnh của ông đã không nói gì để khuyên can ông. Tóm lại, sứ mệnh của ông thuộc phạm vi tôn giáo và thần bí theo nghĩa chúng ta hiểu các danh từ ấy ngày nay; thuyết giáo của ông tuy là hoàn toàn duy lý nó vốn tùy thuộc vào một cái gì hình như vượt quá lý trí thuần túy. Nhưng há người ta đã không nhìn thấy được điều đó trong thuyết giáo của ông ư ? Nếu những lời lẽ thiên khải, hay ít ra là rất tình tứ mà ông nói ở nhiều chỗ trong các bản đối thoại thoại của Platon, không phải là của ông, nhưng là của chính Platon, nếu ngôn ngữ của thầy bao giờ cũng là ngôn ngữ mà Xénophon gán cho Ông, thì làm sao người ta hiểu được cái hăng say mà ông đã đốt lên trong lòng các đồ đệ của ông và đã tồn tại qua các thời đại ? Các triết gia gia Stoiciens epicuriens, và Cyniques, tất cả các nhà đạo đức học Hy lạp, đều đã do Socrate mà ra, không phải, như người ta đã nói, chỉ vì họ đã khai diễn ra trong nhiều hướng học thuyết của thầy, nhưng còn là và nhất là vì họ đã mượn của ông cái thái độ ông đã tạo ra và vả chăng là một thái độ rất ít hợp với tinh thần Hy-lạp, thái độ nhà hiền triết. Khi triết gia chỉ sống theo đức hiền minh của mình, tách biệt với người phàm, hoặc để thuyết giáo họ, hoặc để làm gương cho họ, hoặc chỉ là để chu toàn công việc cải thiện nội tâm của mình, thì chính là Socrate sống động hiện hữu đó, Socrate hành động bởi cái nhân vị uy tín vô biên của ông vậy. Chúng ta hãy đi xa hơn nữa. Người ta nói rằng ông đã đưa triết lý từ trời xuống đất. Nhưng làm sao hiểu được đời sống và nhất là cái chết của ông, nếu quan niệm về linh hồn mà Platon gán cho ông trong quyển Phédon không phải là của ông ? Tổng quát hơn, những huyền thoại chúng ta đã gặp được trong các tập đối thoại của Platon và liên hệ đến linh hồn, đến nguồn gốc của linh hồn, đến sự nhập thể của nó, há chẳng phải chỉ là ghi chú, bằng lối tư tưởng của Platon, một cảm xúc sáng tạo, cái cảm xúc nội tại trong giáo lý đạo đức của Socrate ? Các tuyển thoại sánh với tâm trạng Socrate là cũng như cái chương trình giải thích sánh với bản hòa nhạc, cái huyền thoại ấy và tâm trạng ấy đã được lưu lại bên cạnh biện chứng pháp của Platon, chúng ngầm ngầm chảy qua siêu hình học Hy-lạp và lộ xuất trở

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

lại giữa thanh thiên bạch nhật với chủ nghĩa tân Platon của phái Alexandrin, có lẽ với Ammonius, nhưng nhất thiết là với Platon, kẻ tuyên xưng là nối nghiệp Sacrate. Cho tâm hồn Socrate ấy họ đã cung cấp một triết lý sánh được với triết lý đã được tinh thần phúc âm mang sinh khí vào. Hai siêu hình học nầy mặc dù giống nhau, hay có lẽ vì giống nhau, đã tranh đấu với nhau, trước khi một trong hai đã biến hút những gì là tốt đẹp nhất của cái kia : một thời, thế giới đã có thể tự hỏi mình sẽ theo cơ đốc giáo hay là theo chủ nghĩa tân Platon. Chính là Socrate đương đầu với Chúa Giêsu. Để chỉ nói đến Socrate mà thôi, vấn đề là phải biết con người tài ba rất thực tế ấy sẽ làm gì trong một xã-hội khác và trong những hoàn cảnh khác, nếu trên hết mọi sự ông đã không thấy rõ những điều nguy hiểm trong chủ nghĩa duy nghiệm đạo đức của thời ông và trong những cái lịch lạc của chế độ dân chủ Athènes, nếu ông đã không phải thực hiện điều khẩn cấp nhất là thiết lập quyền hạn của lý trí, nếu ông đã không đẩy lui trực giác và cảm hứng về phía sau như thế và nếu con người Hy-lạp nơi ông đã không lần áp được con người Đông phương đang muốn hiện hữu. Chúng ta đã phân biệt tâm hồn khép kín và tâm hồn cởi mở : ai dám liệt Socrate vào hạng tâm hồn khép kín ? Thế biện lý chế diễu là thế thông thường trong thuyết giáo của Socrate, và thế tình tự, cố nhiên, thỉnh thoảng mới thoát lộ. Nhưng khi những thoát lộ ấy mở đường cho một tinh thần mới xuất hiện, thì chúng đã quyết định cho tương lai của nhân loại.

Giữa tâm hồn khép kín và tâm hồn đã cởi mở còn có tâm hồn đang cởi mở. Giữa sự bất động của người ngồi yên và sự chuyển động của cùng một người ấy, khi nó đang chạy, còn có sự trồi dậy của nó, thái độ nó có lúc đứng dậy, tóm lại, giữa cái tĩnh và cái động, người ta nhận thấy, trong đạo đức, một trạng thái chuyển tiếp. Trạng thái trung gian ấy sẽ không được nhận thấy, nếu trong lúc yên nghỉ mà người ta lấy cái đà cần thiết để lập tức nhảy đến chuyển động. Nhưng người ta chú ý đến nó, khi người ta dừng lại ở đó — dấu hiệu thông thường của một cái đà không đầy đủ. Chúng ta hãy nói cùng một điều đó dưới một hình thức khác. Chúng ta đã thấy rằng trong đạo đức cái thuần tĩnh là cái ở dưới trí thức, cái thuần động là cái ở trên trí thức. Một cái là do thiên nhiên muốn, cái kia là do thiên tài của con người đem lại. Cái thứ nhất đánh dấu một toàn bộ tập quán đối ứng, nơi con người, với một số bản năng nơi loài vật; nó ít hơn trí tuệ. Cái thứ hai là khát vọng, trực giác và cảm xúc; nó sẽ được phân tích thành ý tưởng mà những ý tưởng nầy là những

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ký hiệu trí thức của nó và các chi tiết của chúng sẽ cứ tiếp thêm mãi mãi; vậy nó chứa đựng bao nhiêu trí thức tính cũng được, như một cái đơn nhất bao hàm và vượt quá một da hợp không tài nào tương đương với mình được, nó là một cái gì hơn trí tuệ. Ở giữa hai cái ấy thì có chính trí tuệ. Do là chỗ mà tâm hồn con người đã dừng lại, nếu nó đã nhảy từ cái thứ nhất mà không đạt đến cái thứ hai. Nó đã làm chủ được đạo đức của tâm hồn đóng kín; nó chưa đạt đến, hay đúng hơn, chưa sáng tạo được, đạo đức của tâm hồn khai phóng. Thái độ của nó, hiệu quả của một sự chối dậy, đã làm cho nó đạt đến bình diện trí thức. Đối với những gì mà nó từ bỏ, một tâm hồn như thể sẽ thực hành trạng thái dửng dưng hay là vô cảm giác; nó sẽ đi vào sự bất động tâm (ataraxie) hay là vô tri vô giác (apathie) của các triết gia épicuriens và Stoïciens. Đối với những gì tích cực mà nó gặp thấy trong nó, nếu sự rời bỏ cái cũ của nó muốn thành một sự gắn bó với cái mới, thì đời sống của nó sẽ là chiêêm ngưỡng, nó sẽ sống theo lý tưởng Platon, và Aristote. Bất cứ nhìn ở khía cạnh nào, thái độ của nó sẽ thẳng thắn cao thượng, thực đáng thán phục và vả chăng là thái độ dành cho một hẳng ưu tú. Những triết lý, khởi từ những nguyên tắc rất khác nhau, sẽ có thể cùng gặp nhau nơi nó. Lý do là vì chỉ có một con đường độc nhất đưa từ hành động luẩn quẩn trong một vòng tròn đến hành động tung hoành trong không gian phóng khoáng, từ sự mô phỏng đến sự sáng tạo, từ cái hạ trí thức đến cái siêu trí thức. Ai ngừng lại chặng giữa, không còn bám vào cái thứ nhất nữa, nhưng chưa đi đến được cái thứ hai, thì nhất quyết là ở vào vùng đất của sự chiêm ngưỡng thuần túy và dù sao cũng tự nhiên thực hành được cái đức độ nữa chừng, tức là lòng thoát tục. Chúng ta nói đến trí tuệ thuần túy, cái trí tuệ tự khép kín mình lại và coi đối tượng của cuộc sống là những gì mà người xưa gọi là khoa học hay là chiêm ngưỡng. Tóm lại, chúng ta nói đến nhếững đặc tính chính yếu của đạo đức của các triết gia Hy-lạp. Nhưng vấn đề không còn phải là triết lý Hy-lạp hay là triết lý Đông phương nữa, mà là đạo đức của mọi người, nếu chúng ta nhìn xét trí tuệ chỉ như là tinh luyện và phối trí những vật liệu vừa là hạ trí thức vừa là siêu trí thức mà chúng ta đã nói đến trong chương nầy. Quả thế để xác định yếu tính của nghĩa vụ chúng ta đã tìm ra hai sức mạnh tác động trên chúng ta, một bên là sức thúc đẩy, một bên là sức lôi cuốn. Điều đó là cần thiết, và vì đã không làm như thể mà chỉ bám lấy tính cách trí thức hiện đang phủ lên cả toàn thể, cho nên triết học hình như không cắt nghĩa nổi làm sao mà đạo đức nắm được

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tâm hồn người ta. Nhưng như thể thuyết trình của chúng tôi đã bắt buộc phải giản lược như các ngài đã có thể đoán trước. Những gì là khát vọng thì muốn cô đọng lại bằng cách mặc lấy hình thức nhiệm vụ chặt chẽ, những gì là nhiệm vụ chặt chẽ lại có khuynh hướng bành trướng thêm và nới rộng ra mà bao hàm lấy khát vọng. Vì thế áp lực và khát vọng gặp gỡ nhau trong vùng tư tưởng, nơi sáng tạo ra các khái niệm. Do đó đã phát xuất những quan niệm mà phần nhiều là hỗn tạp, nối kết nh với nhau những gì là căn nguyên của áp lực và những gì là đối tượng của khát vọng, nhưng cũng do đó mà chúng ta đã lờ áp lực và khát vọng thuần túy, đang thực sự tác động trên ý chí chúng ta; chúng ta chỉ còn nhìn thấy cái khái niệm mà trong đó hai đối tượng phân biệt của áp lực và của khát vọng đã đến hòa lộn với nhau. Và chúng ta cho chính khái niệm ấy tác động trên chúng ta. Đó là cái lầm lạc khiến cho các đạo đức học đặc biệt chủ trí, nghĩa là phần nhiều những triết thuyết về nghĩa vụ, đã phải thất bại. Cố nhiên, không phải là một ý tưởng thuần lý không có c ảnh hưởng gì đối với ý chí, nhưng ảnh hưởng ấy chỉ được thể hiện có hiệu lực, nếu nó có thể đứng một mình. Nó khó lòng mà chống lại với những ảnh hưởng đối nghịch, hoặc giả nó thắng lướt được, đó là vì áp lực và khát vọng mà mỗi cái đã từ khước hành động riêng của mình, cả hai đã cũng được đại diện bởi một ý tưởng, nay xuất hiện lại với các cá tính và sự độc lập của chúng, và hành động với tất cả sức mạnh của chúng.

Cái vòng ngoặc phải mở ra đây sẽ là dài, nếu người ta muốn tính phần của hai sức mạnh đem lại hiệu năng cho các động lực đạo-đức, một bên là sức mạnh xã hội, một bên là sức mạnh siêu xã hội, một bên là sức mạnh thúc đẩy, một bên là sức mạnh quyến rủ. Chẳng hạn một người lương thiện sẽ nói rằng mình hành động vì tự trọng, vì ý thức phẩm giá con người. Đã rõ là nó không nói như thế, nếu nó không bắt đầu tự phân mình thành hai nhân vật : nhân vật mà nó sẽ đóng vai, nếu nó để mình tự do phóng túng và nhân vật mà ý chí nó muốn nâng nó lên đến : bản ngã tôn trọng không phải cũng là bản ngã được tôn trọng. Vậy bản ngã thứ hai nầy là thế nào ? Phẩm giá của nó là cốt ở đâu ? Sự tôn trọng mà nó gợi lên là do ở đâu ? Chúng ta không muốn phân tích sự tôn trọng, trong đó có lẽ chúng ta sẽ gặp được trước nhất một nhu cầu tự né mình, thái độ của người đồ đệ trước vị thầy, hay đúng hơn, để noi theo cách Aristote, thái độ của cái tùy phụ trước cái cốt yếu. Như thế chỉ còn phải định nghĩa cái bản ngã ưu thắng mà con người trung bình khâm phục. Chắc chắn

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trước hết đó là cái bản ngã xã hội, nội tại trong mỗi người chúng ta và chúng ta đã nói quá đến. Nếu người ta nhìn nhận, dù chỉ là trong phạm vi lý thuyết, một « tâm lý cổ sơ » thì người ta sẽ thấy ở đó lòng tự trọng trùng hợp với tình liên đới giữa cá nhân và đoàn thể, một sự liên đới lớn lao đến nỗi đoàn thể luôn hiện diện trước mặt cá nhân cô tịch để trông nom, khích lệ hoặc đe dọa nó và sau cùng bắt buộc nó phải bàn hỏi và vâng lời : đằng sau xã hội, có những quyền lực siêu nhiên mà đoàn thể tùy thuộc vào và làm cho xã hội có trách nhiệm về các hành vi của cá nhân ; áp lực của bản ngã xã-hội được thực hiện với tất cả những sức mạnh chồng chất ấy. Và chẳng cá nhân không chỉ vâng lời vì thói quen kỷ luật hoặc vì sợ hình phạt mà thôi : đoàn thể riêng của nó nhất thiết phải ở trên các đoàn thể khác; dù chỉ là để khích thích lòng can đảm của nó trong chiến cuộc và ý thức về cái ưu thắng của sức mạnh ấy bảo đảm cho chính nó một sức mạnh lớn hơn với tất cả những vui thích của sự kiêu hãnh. Người ta sẽ tin chắc điều đó, khi người ta nhìn xét một tâm lý đã tân tiến hơn, chẳng hạng trong câu « Civis sum romanus, tôi là công dân La Mã » có biết bao kiêu hãnh cùng với biết bao nghị lực tinh-thần : tính tự trọng nơi người dân La Mã xưa chắc phải được đồng hóa với cái mà ngày nay chúng ta gọi là tinh thần quốc gia của nó. Nhưng không cần phải nhờ đến lịch sử hay tiền sử để thấy là tính tự trọng trùng hợp với lòng tự ái của đoàn thể. Chỉ cần quan sát những gì xảy ra trước mắt chúng ta trong những xã-hội nhỏ bé được lập thành giữa lòng xã hội rộng lớn, khi có những người trở nên gần gũi nhau hơn bởi một dấu hiệu gì khác biệt, làm nổi bật một sự ưu thắng hoặc có thực hoặc bề ngoài và làm cho họ đứng tách ra. Như thế tính tự trọng mà mọi người kể là người, biểu lộ, được phụ thêm một sự kính trọng, sự kính trọng của bản ngã chỉ là người đối với một bản ngã siêu việt giữa đoàn người; hết mọi phần tử của đoàn thể liên đới với nhau và như thế tự buộc mình một thái độ liên đới; người ta thấy phát xuất một « tình cảm danh dự » mà nó cũng chỉ là một với tinh thần đoàn thể. Đó là những thành phần đầu tiên của sự tự trọng. Nhìn xét dưới khía cạnh ấy, khía cạnh mà ngày nay chúng ta chỉ có thể tách ra, nhờ một cố gắng trừu tượng hóa, sự tự trọng ấy là một nhiệm vụ bởi tất cả áp lực xã-hội mà nó mang theo mình. Bây giờ, áp lực rõ ràng sẽ trở thành sức lôi cuốn, nếu sự tôn trọng « mình » là sự tôn trọng một nhân vật được khâm phục và tôn thờ mà người ta mang hình ảnh trong bản thân và người ta khát vọng được đồng hóa với, như cái phỏng theo với

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

kiểu mẫu. Thực ra không phải thế, vì dù lối nói đó có gợi ra những ý tưởng hồi tâm tự tỉnh đi nữa, lòng tự trọng ở tận cùng sự tiến hóa của nó cũng như lúc khởi thủy, vẫn là tình cảm xã-hội.Nhưng những nhân vật đạo đức vĩ đại, đã lừng danh trong lịch sử, đang nắm tay nhau bên trên các thể kỷ, bên trên các xã hội nhân loại : cùng nhau họ tạo thành một xã-hội thần linh mà họ kêu mời chúng ta nhập vào. Chúng ta có thể không nghe rõ tiếng gọi của họ; tuy nhiên tiếng gọi ấy vẫn được tung ra; tận đáy tâm hồn chúng ta có một cái gì đáp lại tiếng gọi ấy, từ xã hội hiện thực của chúng ta chúng ta di chuyển bằng tư tưởng vào xã hội lý tưởng đó; lòng sùng bái của chúng ta dâng lên tận nó, khi mà chúng ta cúi đầu tôn trọng phẩm giá con người nơi chúng ta, khi mà chúng ta tuyên bố hành động vì tự trọng, thực thi hành động mà những nhân vị thực hiện trên chúng ta, nó có khuynh hướng trở thành vô ngã như thế. Và tính cách vô ngã ấy, chúng ta còn thấy nó tăng thêm, khi các nhà đạo đức học trình bày với chúng ta rằng chính là lý trí, hiện hữu trong mỗi người chúng ta, tạo nên phẩm giá của con người, tuy nhiên cần phải hiểu nhau về điểm này. Lý trí là dấu hiệu đặc biệt của con người, điều đó sẽ không ai chối cải. Lý trí có một giá trị siêu phàm, theo nghĩa một tác phẩm mỹ thuật đẹp để có giá trị, điều đó người ta cũng sẽ công nhận. Nhưng phải cắt nghĩa vì sao mà nó có thể truyền khiển một cách tuyệt đối và nó làm được cho người ta vâng lời bằng cách nào. Lý trí chỉ có thể viện ra những lý lẽ mà bao giờ cũng dễ mà đưa ra những lý lẽ khác để chống đối. Vậy chúng ta không nên chỉ nói rằng lý trí hiện diện trong mỗi người chúng ta buộc chúng ta phải tôn trọng nó và bắt chúng ta phải vâng lời vì giá trị siêu phàm của nó. Chúng ta phải thêm rằng đàng sau lý trí vốn có những con người đã làm cho nhân loại trở thành thần linh và như thế đã in vào lý trí, đặc tính cốt yếu của nhân loại, một tính cách thần linh. Chính những con người ấy lôi cuốn chúng ta vào một xã-hội lý tưởng, cùng một lúc chúng ta đang phải tuân theo áp lực của xã-hội hiện thực.

CAO-VĂN-LUẬN dịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khí - Luận

GIẢN - CHI
và NGUYỄN - HIẾN - LÊ

Trong các triết-thuyết Tây phương thời xưa, một trong những thuyết đầu tiên chú trọng đến vật chất là thuyết Nguyên Tử.

Triết học Trung Quốc hình như không có thuyết nguyên tử. Huệ Thi có nói đến « tiểu nhất » : « Tiểu nhất » là « cái nhỏ rất mực, không còn có gì ở trong « « *Chí tiểu vô nội, vị chi tiểu nhất* (173) (Trang Tử.- Thiên hạ). Hiềm vì tài liệu để lại không đủ, không biết được rõ ràng học thuyết của Huệ Tử về cái « tiểu nhất » này, cho nên không thể vỏ đoán Huệ Tử là một nguyên-tử luận gia.

*

KHÍ

Cho tới nay, theo ý kiến đa số, trong cổ triết Trung Quốc, học thuyết về bản-căn tương đối chú trọng đến vật chất hơn cả vẫn là Khí luận. Là vì, như cái nhan-đề đã chỉ rõ, Khí luận coi khí là bản-căn mà khí thì là vật chất: Khí tức là chất hơi. Tất cả các chất hơi đều là do những nguyên tử, phân tử hoặc điện tử, nghiã là những vật cực kì bé nhỏ cấu thành. Bị đồn ép tới một mức độ nào đó, chất hơi (khí thể) trở thành chất loảng (dịch thể) hoặc chất đặc (cổ thể). Đó là những điều ngày nay chúng ta biết rõ về khí. Còn cổ nhân thì quan niệm khí như thế nào ? Xin hãy nghe Ngoại Thiên sách *Trang Tử* nói :

« Người ta sinh ra, là do khí tụ. Khí tụ thì sống, khí tán thì chết. Cho nên nói rằng khắp cả gầm trời chỉ là khí mà thôi ». *Nhân chi sinh dã, khí chi tụ dã : tụ tắc vi sinh, tán tắc vi tử... Cố viết thông thiên hạ nhất khí nhĩ.*

Cũng trong sách Trang tử, thiên Chí Lạc nói :

« Vốn không có hình. Không phải từ trước đến giờ không có hình, vốn không có khí. Lẫn lộn trong khoảng lù mù, biến hóa mà có khí, khí biến hoá mà có hình »

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhi bản vô hình. Phi tòng vô hình dã, nhi bản vô khí. Tạp hồ hoang hốt chi gian, biến nhi hữu khí, khí biến nhi hữu hình.

Chỗ khác, chúng ta đọc :

« Trời đất chưa thành hình, lờ mờ trống rỗng cho nên gọi là Thái Thủy sinh ra khoảng không hư quang tạnh. Cái không hư quang tạnh sinh ra Vũ trụ Vũ trụ sinh ra nguyên khí. Nguyên khí có ngân tích, phần trong tươi thì mỏng đẹp và làm thành trời, phần nặng đục thì ngưng đọng mà làm thành đất » « *Thiên địa vị hình bằng bằng dực dực, đổng đổng chúc chúc, cổ viết thái thủy. Thái Thủy sinh hư khoách hư khoách sinh vũ trụ, vũ trụ sinh nguyên khí, nguyên khí hữu nhai ngân; thanh dương giả bạc mĩ nhi vị thiển, trọng trọc giả ngưng trệ nhi vi địa. (Sách Hoài Nam Tử — Thiên Văn Huấn).*

Qua mấy câu trên đây, người ta tưởng hiểu được phần nào cái quan-niệm về khí của tác gia những câu ấy . Hình như họ cho khí là một vật tự hư không mà sinh ra, trong cái khoảng hỗn mang mù mịt. Vật đó, không có hình nhưng biến hoá mà thành có hình. Nó tụ lại thì làm thành trời đất và thành người. Tụ lại mà thành trời thành đất và thành người thì khác gì tụ lại, dồn nén lại, thành những cổ thể. Như vậy chúng ta có thể nghĩ rằng ý niệm về khí của người xưa không khác ý niệm của người thời nay là bao. Và khí-luận của Trung triết đúng là một bản-căn-luận có tính cách duy vật.

*

Quanã-niệm khí trong mấy câu vừa trích dẫn tuy có liên quan mật thiết với quan-niệm khí trong Khí luận. Tuy nhiên tác gia những câu đó vốn thuộc Đạo gia và như vậy họ không hề có chủ trương duy khí.

Nhiều lắm họ chỉ nhận khí là cái làm nên hình chất của vạn vật, tức là cái « bản thủy tài phác », theo danh từ của Tuân Tử, hay cái « tài-liệu nguyên thủy », theo danh-từ ngày nay.

*

Học gia đầu tiên có chủ trương duy khí phải kể là *Hà Hưu* đời Hậu Hán. Họ Hà nói :

« Cái nguyên thủy là khí. Bắt đầu từ vô hình, khi hữu hình thì (khí) phân bố mà dựng nên trời đất . Nó là cái nguồn gốc của trời đất vậy »

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nguyên giả, khí dã. Vô hình dĩ khởi, hữu hình dĩ phân, tạo khởi thiên địa, thiên địa chi thủy dã (Công Dương Truyện. — Ẩn nguyên niên giải hổ)

*

Nhà kinh học *Trịnh Huyền*, sống đồng thời với Hà Hưu, cũng nhận Khí là bản-căn của Vũ trụ. Cắt nghĩa về Thái-Cực, ông nói :

« Thái Cực là cái Đạo cực trung, là cái khí tinh thuần và điều hoà còn chưa chia » *Cực trung chi đạo, thuần hòa vị phân chi khí dã.* (Văn tuyển chú dẫn)

Chữ « Đạo » Trịnh Huyền dùng ở đây là trỏ khí. Thái cực là Đạo, mà Đạo là Khí thể khi còn chưa chia thành Âm,Dương. Còn chữ Lí đối với họ Trịnh thì là đồng nghĩa với tính : « Lí cũng như tính » *Lí do tính dã. (Lễ kí. — Nhạc kí chú).*

Mỗi vật riêng có một tính riêng. Vậy theo họ Trịnh, Lí của mỗi vật cũng mỗi khác. Còn Khí thì là nguồn gốc chung của tất cả mọi vật.

*

NGUYÊN NHẤT

Lưu Triệu đời Tam Quốc lấy « Nguyên Nhất» làm bản-căn của vũ-trụ ; mà theo lời họ Lưu bàn thì « Nguyên chất » là cái chứa đựng trong các loài có huyết khí, để làm tài chất cho chúng: Nguyên Nhất có vẻ chính là Khí. Ông nói :

« Phàm là loài có huyết khí, không loài nào là không chứa ngậm cái Nguyên Nhất để làm chất , là không bẩm thụ Âm, Dương để lập tính, là không lấy ngũ hành làm thể để thành hình tướng rõ ràng »
Phàm hữu huyết khí giả, mạc bất hàm Nguyên Nhất dĩ vi chất,bẩm Âm Dương dĩ lập tính, thể ngũ hành dĩ trứ hình (Nhân vật chí).

Lưu Thiệu hình như chịiu nhiều ảnh hưởng của Trịnh Huyền. Cũng như họ Trịnh, họ Lưu vừa nói : Khí cũng vừa nói Lí. Lí đối với họ Lưu có nghĩa rõ ràng là qui luật :

---

1) Đổng Trọng Thư đầu đời Hán đã có nói đến Nguyên. Nhưng Đổng Tử không nói rõ cái Nguyên của ông là khí, như Hà Hưu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Qui luật tự nhiên là Lí của Đạo (2) tức cái qui-luật biến hoá của Khí ;

Qui luật xã-hội là Lí của Sự, tức là của pháp chế chính sự ;

Qui luật đạo-đức là Lí của nghĩa, tức là cái Lí đương nhiên, cái lí công bằng và :

Qui luật tâm-lí là Lí của con tâm, tức là cái lí nó thúc đẩy hành động.

Bốn cái lí đó, không giống nhau. »

Nhược phù thiên địa khí hóa, doanh, hư, tổn, ích, Đạo chi lí dã; pháp chế chính sự, sự chi lí dã; lễ giáo thích nghi, nghĩa chi lí dã ; nhân tình khu cơ tình chi lí dã. Tứ Lí bất đồng (Như trên).

Tuy họ Lưu không nói rõ ra, nhưng có nhiều học gia đời sau, nghĩ rằng họ Lưu hình như có ý cho Lí phải nương tựa vài Khí và chính khí mới là bản-căn cuối cùng của vũ-trụ vạn-vật.

*

THÁI CỰC, — THÁI HÒA, — THÁI HƯ

Bản-căn-luận duy vật đến đời Bắc Tống thì được *Trương Hoành Cừ* xây dựng thành hệ thống vững vàng và trọng rãi.

Học thuyết của họ Trương là suy diễn từ Dịch Truyện mà thành lập. Dịch Truyện nói : « Dịch có Thái Cực, Thái-Cực sinh lưỡng Nghi »

Trương Tử triển khai ý ấy mà nói :

« Hai » không thành lập (không có đối lập) thì «Một » không thể thấy. (Không có hợp nhất) « Một » không thể thấy thì công năng của « Hai » mất (Không còn cái diện dụng của hai thể) thể là hư thực, động và tĩnh, tụ và tán, trong và đục hai thể mà rút lại vẫn chỉ là một mà thôi ». *Lưỡng bất lập, tắc Nhất bất khả kiến. Nhất bất khả kiến tắc Lưỡng chi dụng tức. Lưỡng thể giả, hư thực dã, động tĩnh dã, tụ tán dã, thanh trọc dã, kì cứu cánh nhất nhi dĩ (Chính Mông. — Thái Hòa)*

Và :

« Một vật mà hai thể ấy là khí vậy. Một vật (mà hai thể) cho nên diệu-dụng của nó khôn lường. Hai thể (cũng trong một vật) cho nên mới

2) Đạo ở đây trỏ khí (Theo Vũ Đồng : T.Q.T.H.D.C. trang 66.)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

biến hóa linh diện « *Nhất vật lưỡng thể khí dã. Nhất cô thần, Lưỡng cổ hóa (Như trên).*

Chữ Một của Trương Tử dùng ở đây là trỏ *Thái Cực* của Dịch Truyện; còn chữ Hai là trỏ hai thể của Thái Cực, tức là *Âm, Dương :*

« Có Hai thì có Một, ấy là Thái-Cực vậy (.....) Một vật mà hai thể, ấy là gọi Thái Cực ư ? « *Hữu Lưỡng tắc hữu Nhất, thị Thái cực dã (...) Nhất vật nhi lưỡng thể, kì Thái Cực chi vị dư (Như trên)*

Nói : « Một vật mà hai thể là khí vậy », lại nói : « Một vật mà hai thể ấy gọi là Thái-Cực ư ? ».

Như vậy, rõ ràng Trương Tử cho *Thái cực là khí (3)*

*

Khí Thái Cực còn gọi là *Thái Hòa.* Thái Hòa là tổng-danh của những cái giống như những « đám hơi bay chơi vơi trên các đầm nước, vào những ngày xuân » (4), mà trong bài Tiêu Dao Du, Trang Tử gọi là những « dã mã » Trương Tử nói :

« Thái Hoà là Đạo. Nó có chứa bên trong những « *tính* » phù trầm, thăng giáng, động tĩnh ; những « tính » đó tương cảm, tương ứng ; đó chính là cái nguyên nhân phát sinh ra sự un đúc, đẩy đưa, được thua, co duỗi... Không như những đám hơi « dã mã » un đúc, không đủ gọi là Thái Hòa. Nói về Đạo mà biết điều đó thì gọi là biết Đạo, học Dịch mà thấy rõ điều đó thì gọi là thấy rõ Dịch ». *Thái Hòa sỡ vị Đạo, trung hàm phù trầm, thăng giáng, đông tĩnh tương cảmchi tính, thị sinh nhân uẩn, tương đăng, thắng phụ, khuất thân chi thủy (...) Bất như dã mã nhân uân, bất túc vị chi Thái Hòa. Ngữ Đạo giả tri thử, vị chi tri Đạo, học Dịch giả kiến thử, vị chi kiến Dịch (Như trên).*

---

3) Các học giả đời sau giải-thích Thái-Cực của Dịch là khí thể gồm hai khí Âm Dương còn chưa phân lập. Nhưng chính Dịch thì chưa từng bao giờ nói Thái Cực là khí như Trương Hoàng Cử.

4) Lời giải của Tư Mã Báu về hai chữ « Dã mã » trong bài Tiêu Dao Du của Trang Tử.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khi khí tản mát, thì mắt ta không nhìn thấy vì nó trở nên vô hình :

« Khí mà tu thì có hình và cái sức sáng của mắt ta có chỗ thi thố. Khi khí không tụ thì không có hình mà sức sáng của mắt ta không có chỗ thi thố» *Khí tụ tắc li minh đắc thi nhi hữu hình, khi bất tụ tắc li minh bất đắc thi nhi vô hình* (như trên).

Khí khi tản mát và vô hình như thế thì gọi là *Thái Hư*. Thái Hư vốn vô hình và chính là bản thể của khí :

« Thái Hư không có hình, Thái Hư là bản thể của khí » *Thái Hư vô hình, khí chi bản thể* (như trên)

« Thái Hư, gốc của khí là vô hình, thì khí vốn cũng vô hình. Vì cảm ứng mà sinh thì, khi đã tụ, khí thành ra có hình tượng. Có hình-tượng là có ngay đối lập. Đối lập thì tác động ngược lại ; tác động ngược lại là đối bên đứng vào thế cừu địch.Cừu địch thì tất rồi giải hoà.(Là vì khí rồi tất tan, mọi vật cừu địch tất trở về Thái Hư.Cùng về Thái Hư, tức là giải hoà) Cho nên niềm yêu, nỗi ghét (truy nguyên) đều là từ Thái Hư mà ra, mà rút lại cũng đều chỉ là cái « dục » của vật (rồi cũng sẽ hết) « *Khi bản chi hư, tắc trạm bản vô hình. Cảm nhi sinh tắc tụ nhi hữu tượng. Hữu tượng tư hữu đối, đối tất phản kì sơ vi. Hữu phản tư hữu cừu, cừu tất hòa nhi giải. Cố ái ố chi tình, đồng xuất ư Thái Hư, nhi tốt qui ư vật dục... (Như trên).*

Khí tụ thì thành vật mà có hình, khí tan thì vật hủy, khí lại vô hình trở về với Thái Hư . «Khí tụ tan nơi Thái Hư, chẳng khác gì váng đọng tan trong nước. Khi đã biết Thái Hư là khí thì biết rằng không còn có cái không ». *Khí chi tụ tán ư Thái Hư, do băng ngưng thích ư thủy. Tri Thái Hư tức khí; tắc vô vô (Như trên).*

« Biết rằng không còn có cái không » vì cái khoảng không trung mà mắt ta nhìn không thấy có gì, ngỡ là trống rỗng kia, thực ra nó không phải là chân không mà chính là đầy ắp những khí. Có điều khí đó chưa tụ còn ở thể Thái Hư vô hình, nên mắt ta không nhận thấy đó thôi. « Không » mà hiểu theo nghĩa « không thấy » thì ra « có » với « không » thật ra chỉ là một vậy.

Tổng chi, Thái Cực là khí ; Thái Hoà cũng là khí, nhưng là khí khi tụ và vì tụ mà trở thành có hình, giống như những đám hơi nước lênh đênh trên đầm xuân ; còn Thái Hư thì cũng vẫn là khí, nhưng mà là Khí khi tản mát và không có hình.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Cái Khí Thái Hư vô hình « là bản thể của khí » đó, chính là nguồn gốc, là bản căn đầu tiên của vũ trụ vạn vật.

Nó « mênh mang lên xuống tung bay, chưa bao giờ từng ngừng nghỉ nó là then máy của các trạng thái thực, hư, động, tĩnh ; là khởi nguyên của các thể âm, Dương, cương, nhu ; bốc lên cao thì là khí dương trong, sa xuống thấp thì là khí Âm đục. Nó cảm ứng là khí tụ, khi tán làm gió, làm mưa, làm sương, làm tuyết ; nhờ có nó mà muôn vật lưu chuyển hình thành nhờ có nó mà núi sông ngưng kết và tan chảy. « *Khí ãng nhiên Thái Hư, thăng giáng phi dương, vị thường chỉ tức. Thử hư thực động tĩnh chi cơ, Âm Dương cương nhu chi thủy. Phù nhi thượng giả, dương chi thanh, giáng nhi hạ giả âm chi trọc. Kì cảm ngộ tụ tán, vi phong vũ, vi sương tuyết, vạn phẩm chi lưu hình, sơn xuyên chi đung kết(Như trên).*

« Cái khí Thái Hư đó là nguồn gốc của trời đất, trời đất là từ cái khí Thái Hư đó mà ra » *Hư giả thiên địa chi tổ, thiên địa tòng tư trung lai (Như trên).*

Như vậy, Thái Hư vừa là « một » lại vừa là « nhiều » vừa là « không lại vừa là « có ».

*

ĐẠO — THẦN — DỊCH — LÍ

Như trên đã nói, khí là một vật có thể hai. Hai thể đó là Âm và Dương là hư và thực, là động và tĩnh, là cương và nhu... nghĩa là đối lập với nhauê Đối lập với nhau mà lại có tính tương cảm, tương ứng. Chính bởi th. mà mọi biến chuyển mới phát sinh, mà sự vật mới bày ra cái cảnh tượng thăng, giáng, — doanh, hư, — tụ, tán, — sinh, tử. Cái trạng-thái đối lập mà tương cảm đó là trạng-thái nội-tại của khí nằm ngay trong lòng khí,— tức cũng là nằm ngay trong lòng sự vật, — chứ không phải là do ảnh hưởng ngoại lai gây nên, thành thử, khí cũng như sự vật, hết thảy đều ở vào cái thế bị động vậy :

«Khí không thể không tụ mà làm thành muôn vật, muôn vật không thể không tán mà lại trở về làm Thái Hư». *Khí bất năng bất tụ nhi vi vạn vật, vạn vật bất năng bất tán nhi vi Thái Hư* (như trên).

Và kết cục là muôn vật từ Thái Hư sinh ra, do khí tụ mà thành hình, thì một khi khí tán, hình ấy lại hoại muôn vật lại trở về Thái Hư. Chỉ có

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thái Hư là thực, mặc dầu là nó không cố định, vì trước sau Thái Hư vẫn hoàn Thái Hư, bao nhiêu biến hoá, đổi dời đều chỉ là tạm bợ. Trương Tử nói :

« Phàm vật có hình, đều dễ hư hoại ; chỉ có Thái Hư là không dao đông, cho nên nó rất thực ». *Phàm hữu hình chi vật tức di hoại: duy Thái Hư và động dao, cố vi chí thực.* (Ngữ lục)

Có điều là « thực đấy nhưng mà không cố định » mà thôi.*Chi hư chi thực, thực nhi bất cố* (chính Mông).

Cái lịch trình biến dịch : khí tụ thành vật, vật hoại lại thành khí đó tức là *Đạo* trời :

« Sinh thành đỗ xụp, đó là Đạo trời » *Sinh thành phúc đào, thiên chi đạo dã (Ngữ Lục)*

« Nói cái lịch-trình suy diễn, cho nên mới gọi là Đạo trời » *Ngữ kì suy hành, cố viết Đạo* (Chính Mông).

Khi nói về lịch trình suy diễn trong cuộc biến-dịch của Khí, thì nói là Đại trời. Muốn diễn tả cái đột ngột khôn lường của sự biến dịch đó, thì nói là « *thần* ». Còn khi nhận định cái hiện-tượng vì khí biến-dịch đó mà muôn vật sinh rồi lại sinh, thì nói là « dịch ». Cho nên, « Đạo » trời, « Thần » và « Dịch », tuy ba tiếng khác nhau, mà sự thực chỉ là ba cái danh để trỏ cùng một sự vật. *(Ngữ kì suy hành cố viết « Đạo », ngữ kì bất trắc, cố viết « thần; ngữ kì sinh sinh, cố viết « dịch ». Kì thực nhất vật, chỉ sự dị danh nhĩ* (như trên).

Khí biến dịch vô cùng và bất trắc. Nhưng vô cùng và bất trắc không phải là hỗn độn. Sự biến dịch đó thật ra diễn tiến theo một qui luật nhất định. Qui luật đó gọi là . Lí đó là « thuận với tự nhiên và không lỗi lầm ». *Thiên địa chi khí, tuy tụ tán công thủ bách đồ nhiên kì vi lí dã, thuận nhi bất vọng* (như trên).

Cái lí đó là có sút, có tăng, có đầy, có vơi, có thọ, yểu, nghèo hèn. « Sút, tăng, đầy, vơi, đó là thiên lí; thọ, yểu, nghèo hèn, đó là nhân lí ». *Tổn ích doanh hư, thiên chi lí dã ; thọ yểu bần tiện, nhân chi lí dã* (ngữ Lục).

Cái lí đó là « vật sinh ra, có cái trước cái sau, thuận theo » thiên tự « (thứ tự tự nhiên) « là » vật khi đã hình thành thì có cái lớn cái nhỏ, cái cao, cái thấp thuận theo thiên trật (trật tự tự nhiên)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thiên chi sinh vật dã hữu tự, vật chi kí hình dã hữu trật. (Chính Mông) (5)

Rút lại, học thuyết duy khí của Trương Hoành Cừ có thể tóm tắt như sau :

Bản căn của vũ trụ vạn vật là khí. Khí là nguyên tố cấu thành của hết thảy. Toàn thể vũ-trụ chỉ là lịch trình biến hoá của khí mà thôi.

Khi tiềm tàng hi thể đối lập là Âm và Dương. Hai thể đối lập đó có tính tương cảm, tương ứng ; vì thế khí thành ra có một động-lực nội-tại nó là nguồn gốc phát sinh những hiện tượng co, duỗi, hợp, tan, khiến cho muôn vật hình thành rồi lại tại tan rã, tan rã rồi lại thành hình. Trong cuộc đại hoá ấy, duy chỉ có khí là *trường tồn*, mặc dầu là *không cố định.*

Phê bình Trương Tử, các học giả đời sau nhận rằng học-thuyết của ông « hoằng đại » và « tinh mật ». Học thuyết đó cho-ta thấy rõ cái qui-luật phổ biến có nhiều tính cách biện-chứng nó chi phối cuộc phát-triển của vũ-trụ, mà sau đây là những đặc điểm chính :

1 — Sự thống nhất giữa vật chất và không gian (Vật thành hình và Thái Hư).

2 — Sự thống nhất giữa những đối lập (Có và không, một và nhiều).

3 — Sự chuyển hóa của sự vật thành sự vật đối lập (Tỉ dụ : Khí vô hình trở thành vật hữu hình).

4 — Tính cách nội tại của nguyên nhân chuyển hoá (Sự vật chuyển hoá là do nguyên nhân nội tại, hay « tự kỉ nguyên nhân ». (Tỉ dụ : Khí chuyển hoá vì tiềm tàng hai thể Âm, Dương đối lập và có tính hỗ tương cảm ứng).

5 — Sự quan thiết của đối lập cho sự tồn tại của sự vật (Tỉ dụ : Hai không thành lập, thì Một không thể thấy).

6 — Tính cách phổ biến « bất thường tồn » của sự vật (Tỉ dụ: «Khí tụ thì khí phải tán. Vật hình thành thì vật tất có lúc tiêu hủy).

*

5) Cắt nghĩa về Khí và Lí nói trong đoạn này, Phùng Hữu Lan cho rằng Trương Hoằng Cừ mới chỏm thấy cái mà thuật ngữ triết học Hi-Lạp, kêu là Thức (form) và Chất (Matter). Lí ở đây tức là Thức, Khí tức Vật ở đây là Chất. (Trung Quốc Triết Học Sử, trang 856).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một học giả đồng thời với Trương Tử là *Tư Mã Quang* cũng nhận Hư và Khí là bản-căn của vũ-trụ vạn vật. Ông nói :

« Muôn vật đều gốc ở Hư, đều sinh bởi khí ; khí thành ra hình thể hình thể nhận thấy tính. Cho nên hư là cái nhà chứa muôn vật, khí là cái cửa muôn vật từ đó sinh ra » *Vạn vật giai tổ vu khí; Khí dĩ thành thể, thể dĩ thu tính* (...) *Cố Hư giả vật chi phủ dã, khí giả sinh chi hộ dã* (Tiềm Hư).

Chủ trương của Tư-Mã Quang đại khái không khác chủ trương của Trương Tử. Có điều Trương Tử lập luận tinh tế và rõ ràng, còn Tư Mã Quang thì chỉ nói sơ lược. Cho nên chúng tôi thiết nghĩ không cần nói dài hơn nữa làm gì.

GIẢN CHI và NGUYỄN HIỀN LÊ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một số tục cổ và trò chơi của người Việt qua các Hội mùa

LÊ VĂN HẢO

(Tiếp theo)

A — Một số tục cổ và trò chơi của hội mùa xuân và hội mùa thu

I — Những tục cổ có tính cách chiến đấu và thể thao
II — Những tục cổ khuyến khích hợp quần và củng cố đời sống cộng đồng
III — Những tục cổ đề cao tuổi già
IV — Những tục cổ đề cao địa vị và quyền lợi người phụ nữ
V — Những tục cổ đề cao tính năng và khuyến-khích tự-do luyến-ái

B — Ý nghĩa của tục cổ và trò chơi

1 — Ý nghĩa xã-hội và nhân-sinh
2 — Ý nghĩa siêu-hình.

B — Ý NGHĨA CỦA TỤC CỔ VÀ TRÒ CHƠI.

Trong dịp xuân và thu mỗi vùng, mỗi miền, mỗi làng cử hành *Hội mùa* gọi là *hội đền, hội chùa hay hội đình (1).* Hội mùa phô bày hai

---

1) Xem Lê văn Hảo, *Introduction à l'ethnologie du Đình,* in *Revue du Sud-est Asiatique* nº 2, 1962 (Bruxelles) ; *Introduction à l'ethnologie du Đền et du Chùa* I và II, in R.S.E.A., nº 2, 1963 và nº 1, 1964 ; *Les Fêtes Saisonnières au Việt Nam,* in R.S.E.A., nº 4 1963; *Chùa và Hội Chùa trong đời sống dân tộc,* in *Tin Tưởng* số 9-10, tháng 5 và 6 năm 1964 (Paris) Nguyễn đăng Thục, *Hội mùa Xuân với nhịp sống tuần hoàn* in *Văn Hóa Á Châu,* số 2 tháng 2 năm 1961 (Sàigon) — và những bài có tính cách phổ thông của Toan Ánh về Hội Hè miền Bắc V.N. đăng trong *Lành mạnh* từ năm 1960 (Huế).

Bản số hoá 2016: DGVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khía cạnh : khía cạnh tôn giáo và khía cạnh xã-hội. Khía cạnh tôn giáo : tạ ân cầu phúc trời Phật thần thánh; khía cạnh xã hội : vui chơi, nghỉ ngơi, ôn lại vốn cũ phong tục qua các nghi thức *hèm* cử hành trong khung cảnh lễ bái và qua các trò chơi bình dân tổ chức sau cuộc lễ bái.

Các tục cổ và trò chơi lưu truyền trong hội mùa nói chung và trong hội đình nói riêng có hai ý nghĩa chính : phục vụ nhu cầu nhân sinh, tục cổ và trò chơi là những sự kiện xã hội, mang một *ý nghĩa xã-hội*, phục vụ nhu cầu duy linh và thiêng liêng của con người, tục cổ và trò chơi cũng là những sự kiện tôn giáo và mang một *ý nghĩa siêu hình*. Thật ra hai ý nghĩa đó gắn liền vào nhau, xâm nhập vào nhau vì trong nếp sống cổ truyền mọi khía cạnh kinh tế, xã-hội, tôn giáo, văn hóa đều liên hệ mật thiết trực tiếp với nhau. Do đó ta cũng không thể tách rời hội mùa ra khỏi đời sống hàng ngày : hội mùa vừa long trọng hóa một khoảng thời gian của đời sống hàng ngày lại vừa biểu lộ những khuynh hướng sâu xa của dân tộc tính kết tinh trong tục cổ và trò chơi. Nói cách khác, *hội mùa là dịp hiện đại hóa dân tộc tính, hiện đại hóa nhân sinh quan và vũ trụ quan cổ truyền của dân gian*. Tìm hiểu ý nghĩa của tục cổ và trò chơi của người Việt qua các hội mùa là xác định và giải thích một số sự kiện nổi bật trong lịch sử xã-hội và văn-hóa của dân-tộc.

1. — Ý NGHĨA XÃ-HỘI VÀ NHÂN-SINH CỦA PHONG-TỤC VIỆT-NAM.

A— Những tục cổ có tính cách chiến đấu và thể thao là những phong tục nhắm mục đích duy trì biểu dương và phát huy tinh thần thượng võ, tinh thần bất khuất, ý chí cạnh tranh, tính hiếu thắng của người Việt.

Lịch sử Việt-Nam trước hết là một trường kỳ tranh đấu của người Việt qua mọi thời đại, chống lại những dân tộc thích xâm lăng và đe dọa sự sống còn của Việt tộc. Trong thời bình, *tinh thần thượng võ* phải được nuôi dưỡng bằng những trò chơi mạnh mẽ, kịch liệt : dân ta gọi nó là *trò chơi đánh nhau* (« chiến đấu hí » (1). Dựa trên truyền thuyết hay thần tích của một Thành hoàng hiếu chiến, người ta tổ chức những cuộc đánh nhau có tính cách tượng trưng, nhưng không vì thế mà kém phần mãnh liệt, giữa dân cùng một làng hay giữa hai ba làng; lại có những cuộc

1) *Hà Đông T.K.D.*, tập 1, quyển 3 tờ 6 a

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tranh dành lễ vật như khí giới, khí cụ mà Thành hoàng đã dùng lúc sinh thời. Nhiều trò chơi thể thao cũng góp phần duy trì tinh thần chiến đấu :

— *Chạy đua, kéo co* (hay là kéo dây), *bơi chải* (hay đua thuyền) ;

— *Đẩu quyền;*

— *Đẩu roi* (hay là « trung bình tiên ») : trò chơi tay đôi, mỗi người cầm một gậy dài đầu gậy có cuốn giẻ tẩm vôi, vôi đó sẽ đánh dấu trắng vào mình đối phương để trọng tài xem đó mà quyết định hơn thua (1);

— *Đẩu vật* một loại « thể thao binh bị » được khuyến khích tự lâu đời; sách *Đại Việt sử ký Toàn Thư* cho biết rằng môn vật rất thịnh hành dưới thời Trần; người ta thường nói : « vật là đầu hàng võ »; muốn thành một lực sĩ của triều đình, một võ sĩ hoàn toàn, trước hết phải giỏi vật. Vật luyện cho người ta nhiều đức tính : can đảm, liều lĩnh, nhanh trí và nhất là mạnh khỏe (2). Trong đình đám hội hè mùa xuân ít khi thiếu môn vật. « Hội vật » ở Hà Đông hay Vĩnh Yên là trò vui chính của hội mùa. Làng Mai Động (Hà đông) mở cuộc thi vật trong 3 ngày hội tháng giêng ở trên bãi đất trước đình làng; *đô vật* khắp các nơi kéo về dự giải rất đông. Muốn thắng đối phương phải một là vật đối phương ngã ngửa, hai là đội bổng được đối phương lên. Hội vật làng Mai động dựa trên truyền thuyết lịch sử bắt nguồn từ thời đại hai bà Trưng : làng thờ bà Lê Chân, một nữ tướng tiên phong của đội quân hai Bà, và môn vật là phương tiện của cuộc thi tuyển tướng của bà (3).

— *Thi bắn súng, bắng nỏ* : người ta bắn vào bia bằng súng kíp, hay đứng từ bên này sông bắn nỏ sang đích dựng ở bên kia sông. Ai bắn sai phải chống đò đi lấy mũi tên về, nếu không thì phải bỏ tiền ra chuộc. Vì thế tục ngữ có câu : « Chuộc mũi hơn đi đò » (4).

— *Cướp cầu* (hay là *xe trái*) : quả cầu to bằng quả bóng tròn và bằng gỗ sơn. Ở đầu và cuối sân đình có đào sẵn 2 lỗ; sau lễ tế cầu (dâng cầu cho Thành hoàng) ông chủ tế tung cầu ra sân cho hai phe trai tráng tranh nhau cướp. Trai tráng mình trần, chỉ mặc khố. Cướp cầu là một trò chơi

---

1) Nguyễn đồng Chi, *Một số tục cổ và trò chơi của người Việt-Nam trong Tết nguyên đán và ngày Xuân*, bài đã dẫn, trang 13

2) Nguyễn đồng Chi, bđd. tr. 14

3) Toan Ánh, *Phong Lưu Đồng ruộng*, tr. 104-09; *Mấy Ngày Hội Xuân lịch sử*, in Lành Mạnh, số 55 ngày 1-4-1961, tr. 15-16.

4) Nguyễn đồng Chi, bđd, tr. 13

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

gay go, kịch liệt như rugby của Tây phương và kéo dài đến 4,5 giờ cho đến khi một người dành được quả cầu bỏ vào lỗ (1);

— *đánh phết* (miền Nghệ tĩnh gọi là *đánh cù* cũng là trò chơi bắt nguồn từ truyền thuyết lịch sử của thời đại hai Bà Trưng. Quả phết bằng gỗ rất nặng, to bằng một chiếc bong bóng trâu thổi căng, người chơi đánh phết dùng gậy tre to và nặng một đầu có củ tre để phang vào quả phết và đẩy quả phết vào lỗ do đối phương canh phòng. Chơi phết phải khỏe mạnh mới mang nổi gậy tre và phải khôn khéo tinh nhanh để tránh những đòn phang vào quả phết. *Đánh phết* chơi trên khoảng đất rộng trước đình; địch thủ của hai phe tha hồ reo hò, dân chúng đứng ngoài cười nói là hét để cổ võ. Cảnh tượng trông thật là *vui ra phết*. Tục truyền rằng hai Bà Trưng đã dùng trò chơi mạnh mẽ này để thao luyện các đoàn nữ binh của mình. Những làng có đền thờ hai Bà và các nam tướng nữ tướng của hai Bà (như Đô Dương, Cao Nguyên, Cao lục Chí, Lê Chân, Lê Khanh) đều duy trì tục đánh phết — và nhiều làng không thờ những vị danh thần này cũng có tổ chức trò chơi đánh phết. Người dự vào tục đánh phết thường là đàn bà con gái để ghi lại thời oanh liệt của hai Bà, nhưng trong nhiều làng trai tráng thay phụ nữ để biểu diễn; nơi khác có lệ trai tráng chơi trò đánh phết nhưng một bên giả vai đàn bà (2).

— *vật cù* (ở Nghệ tĩnh gọi là *vật cù lộ*) : quả cù hay cù lộ bằng rễ tre to bằng quả bóng tròn, địch thủ chia làm hai phe tranh nhau cướp lấy ném vào rổ treo trên ngọn tre cao. Trò chơi vật cù — vừa là một loại chơi bóng rổ basket vừa là loại chơi bóng bầu dục rugby — là trò chơi mạnh mẽ và không có luật lệ gì cả, hễ ai mạnh nấy được và hai phe địch thủ không cần chọn lựa trước, hễ ai thích chơi thì mặc khôxông vào chơi, vì vậy lắm lúc trò *vật cù* giống như một trận đánh nhau hơn là một trò thể thao (3).

Tinh thần hiếu thắng, ý chí cạnh tranh cũng được biểu dương trong nhiều cuộc thi có tính cách cá nhân hay tập thể, tổ chức trong dịp hội mùa:

---

1) Nguyễn Văn Khoan, Essai sur le Đình..., bđd. tr.17; Toan Ánh, *Vẫn Hội Xuân*, in *Lành Mạnh* số 78 ngày 1-3-63, tr. 19

2) Toan Ánh, *Phong Lưu Đồng Ruộng*, sđd. tr. 156-58; *Mấy ngày Hội Xuân lịch sử* in *Lành Mạnh* số 56, ngày 1-5-1961, tr. 11.

3) Theo lời kể của cụ Võ thành Minh; Lê văn Hảo, b d. tr. 293

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

— *thi cấy, thi dệt vải, thi cỗ,* (dọn những mâm cỗ ngon nhất và đẹp mắt nhất) dành riêng cho phụ nữ (1);

— *thi cày, thi thả chim, thi chọi trâu, chọi gà, chọi chim, chọi cá* dàng riêng cho đàn ông (2);

— *thi thổi cơm, thổi xôi* — thi cá nhân hay thi tập thể;

a) *tục thổi cơm thi của làng Vân Hoàng.* — Những người dự thi phải buộc một cái cần tre phía sau lưng, uốn cho cong qua đầu. Trên đầu cần buộc một cái quang bằng dây thép, rủ xuống trước ngực, trong quang đặt nồi có sẵn nước. Người dự thi phải đi dưới đồng ruộng (sau mùa gặt), vừa đi vừa thổi cơm, tay cầm đuốc đốt dưới trôn nồi, tay cầm rá gạo và đũa cả, chờ nước sôi tra gạo. Có lắm anh mãi nhìn xuống chỗ đi (đường ruộng chỗ cao chỗ thấp) thì lại đốt lửa ra ngoài, có anh mãi nhìn vào nồi với lửa thì bị hụt chân vấp ngã, làm thành cuộc vui cho người xem (3).

b) *tục thổi cơm thi của làng Thị cầm.* — Tục truyền rằng Thành hoàng của làng xưa là một viên tướng của hai bà Trưng, khi kéo quân qua làng thúc quân lính thổi cơm cho nhanh để ăn xong lại đi luôn. Về sau hàng năm vào ngày mồng 8 tháng giêng dân làng diễn lại sự tích bằng tục thổi cơm thi giữa 4 giáp. Mỗi giáp bắc bếp ở một góc sân đình. Trước hết mỗi giáp cử một em bé xách cái lọ sành xếp hàng trước cửa đình rồi chạy thi ra giếng các đình một cây số để lấy nước. Trong khi ấy các ông trong mỗi giáp quẩn những cái lạt giang quanh một ống nứa nhỏ, rồi kéo lửa chứ không được đánh diêm. Khi có nước có lửa là đổ gạo vào niêu nhỏ thổi cơm ngay. Tính ra tất cả công việc từ lấy nước kéo lửa cho đến khi cơm chín chỉ vào khoảng độ 10 hay 15 phút. Giáp nào làm nhanh và ngon cơm được thưởng (4).

c) *tục thổi cơm thi của làng Chuông* (Hà đông).— Có 2 cuộc thi, một dành cho nam, một dành cho nữ. Phe nam thổi cơm ở bờ đầm : bếp và nồi bắc trên bờ, người ngồi dưới thuyền thúng ở một bên bờ đầm, trong thuyền có đủ gạo nước, nồi niêu, củi diêm. Theo hiệu lệnh của ban tổ chức, các người dự thi dùng tay bơi thuyền sang bờ bên kia nơi có bắc

---

1) Toan Ánh, *Hội Hè tháng Tám : Hội Thị Cầu với tục ném pháo và tục thi cỗ,* in *Lành Mạnh,* số 51 ngày 1-12-1960, tr. 16

2) Nguyễn hồng Phong, *Xã thôn Việt-Nam* Hà nội, 1959, tr. 209; Lê văn Hảo, bđd. tr. 290

3) Huệ Dân, *Tục thổi cơm thi trong hội hè xưa,* in *Văn nghệ* số 41, 1964, tr. 9

4) N.t.; Nguyễn đồng Chi, bđd. tr. 14

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bếp. Đến nơi, vẫn ngồi dưới thuyền mà chất củi đánh diêm nhóm bếp, nhưng vì tay ướt nên củi và diêm cũng ướt lây, nhóm bếp rất khó khăn. Có anh gặp lúc bếp tắt cúi xuống thổi vô ý để mất thăng bằng, thế là thuyền bị lật. Thổi chín được nồi cơm gặp nhiều khó khăn.

Phe nữ được thổi cơm ở sân đình, mỗi cô phải bế một em nhỏ 5,6 tháng, bên cạnh chỗ ngồi người ta vẽ một vòng tròn bằng vôi to bằng cái nia trong thả con cóc, để các cô vừa thổi cơm vừa giữ trẻ vừa chăn cóc. Các cô phải làm thế nào cho từ lúc bắt đầu thổi cơm cho đến khi cơm chín, em bé chơi ngoan không quấy khóc mà con cóc cũng không nhảy ra ngoài vòng vôi, thì được giải, nhưng làm được cả 3 công việc một lúc không phải dễ, vì cóc không bao giờ chịu ngồi yên, đứa trẻ cũng không chịu ngồi ngoan ngoãn trong lòng các cô, đã thế các thanh niên còn xúm đến trêu chọc cho em bé nó quấy hoặc là dậm dộ cho con cóc nó nhảy (1).

Những hình thức chiến đấu hay cạnh tranh kể trên đây khích động sinh lực người dân về mặt thể dục, tay chân. Về mặt tâm lý, ta tìm thấy một hình thức chiến đấu khác trong nội dung của 2 nghệ thuật sân khấu : chèo và tuồng. Ý chí bất khuất, đối kháng của người dân thể hiện nơi đây bằng một cuộc đấu tranh tinh thần. Chèo tuồng là môn giải trí không có không được trong hội mùa và qua nghệ thuật sân khấu người dân gián tiếp dự phần đã kích những nhân vật và sự kiện đã gây ra bất công trong môi trường xã-hội. Đặc biệt vai hề trong chèo không vị nể ai từ ông Trời cho đến vua quan, hào lý, hủ nho, thầy bói, phù thủy, sư tiểu phá giới, v.v... Trong vở chèo *Kim Nhan*, hề hạ ông Trời xuống bực dượng và gán cho Trời tính bủn xỉn của phú ông : « Tôi có bà cô lấy giời đầy » ! « Tôi kiết lên giời định tảo mấy quan, giời trông thấy tôi giờixanh... mắt. Tôi hỏi vay tiền, trời bảo năm nay thủy lạo, mất cả cày cấy ». Quan quyền tự ví mình là đèn trời thì hề giễu :

Ngán cho đèn trời soi xét người ta
Soi đời đời chẳng sáng, soi nhà nhà tối om
Ngài lờ đờ như đom đóm mực
Soi hết gầm giường nhà nọ đến gầm giường nhà kia

Quan tự xưng là cha mẹ của dân thì hề phản đối :

Ngài làm quan ngài quàn dân,
Chúng con là dân chúng con dần quan

1) Huệ Dân bđd. tr.9 Nguyễn đồng Chi, bđd. tr 14-15

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Quan hay có thói nhủng nhiều thì hể rao châm biếm : « Quan đã ra, ai có gà thì nhốt lại ». Bên cạnh chức vụ đả kích, châm biếm, chèo tuồng *đề cao chính nghĩa và sự thắng lợi cuối cùng của chính nghĩa* trên gian tà, áp bức, bốc lột; đề cao sự xứng đáng của những con người xuất thân từ nghèo nàn, lao động (Thạch Sanh, Tống Trân, Trương Viên, Trần tử Lệ, hể gậy, hể mồi, lão tiều, mụ quán) nhờ có tài có đức và qua một trường kỳ chiến đấu gian khổ mà đạt đến địa vị cao sang : được lấy công chúa, làm vua, xây dựng hạnh phúc thần tiên (1), v.v...

Tính chất chiến đấu trong tục cổ, trò chơi và nghệ thuật sân khấu thể hiện lòng tự tôn và đức tự tin của dân tộc, từ đó đưa đến ý thức sức mạnh của hợp quần.

B— Những tục cổ khuyến khích hợp quần và củng cố đời sống cộng đồng là những phong tục biểu dương *một truyền thống liên đới tập thể kết tinh trong nhiều đức tính của dân-tộc như tinh thần tương trợ hào hiệp, tình nghĩa trung hậu vị tha, lòng ham thích các sinh hoạt cộng đồng, lòng quan tâm đến các việc công ích, ý thức dân chủ công xã, tình quê hương đất nước, ý thức đại đoàn kết trong tinh-thần dân-tộc (2).*

Truyền thống liên đới tập thể, tâm lý đoàn kết cộng đồng đã được hình thành trong hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử dân tộc :

1— Lịch sử Việt-Nam là cuộc đấu tranh trường kỳ, gay go, gian khổ của một dân-tộc nông nghiệp chống lại thiên nhiên. Vấn đề chủ yếu của cuộc đấu tranh là *vấn đề trị thủy* (3). Sử cũ đã nói nhiều đến việc đắp đê và vỡ đê. *Khâm Định Việt Sử Thông giám Cương mục* (Chinh Biên, quyển 1,2,3,4,5) cho ta thấy chẳng hạn :

Năm 1052 mùa thu, nạn thủy tai lớn
— 1102 mùa xuân, có nạn nước lớn
— 1108 mùa xuân, đắp đê ngăn nước sông ở phường Cơ xá
— 1121, mùa hạ, có nạn nước lớn
— 1155 mùa thu, có nạn nước lớn
— 1164 mùa thu, có nạn nước lớn

---

1) Bùi văn Nguyên : Chèo, in *Giáo trình Lịch sử Văn-học Việt-Nam*, tập 1 (Văn học dân gian) (nhiều tác giả), Hà-nội 1961, 317-29.
2) Nguyễn hồng Phong, *Tìm hiểu tính cách dân tộc*, Hà-nội 1963, tr. 46-127;
3) nt. tr. 124

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

— 1180 mùa thu, có nạn nước lớn

— 1198 mùa thu, có nạn nước lớn

Trong thế kỷ XIII, năm 1233, 1236, 1238, 1240, 1241, 1243, 1245, 1265, 1268, 1269, 1270, 1274, 1277 đều bị nạn thủy tai, có khi đê vỡ, kinh thành bị ngập, dân chúng bị chết đuối (1). Đó là chưa kể những tác hại khác như bão, hạn, mưa đá, động đất, hoàng trùng (sâu lúa), dịch tễ gây ra đói kém lầm than cho nhân dân từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

« Giở từng trang sử *Cương mục* mà xem tất ta sẽ ngạc nhiên về điều kiện đấu tranh thiên nhiên rất gay go và lòng ta sẽ tràn một niềm tự hào về nghị lực đấu tranh của nhân dân ta, tinh thần chịu đựng gian khổ, kiên trì và dũng cảm trong cuộc vật lộn để giành giật lấy sự sống, giành giật lấy của cải ở một thiên nhiên trù phú mà khắc nghiệt, và sáng tạo nên cả một miền đồng bằng phì nhiêu tươi tốt như ngày nay. Trong hoàn cảnh như thế, nếu nhân dân Việt-Nam không *luôn luôn hợp sức với nhau để đấu tranh chống thiên nhiên* thì không thể nào sống nổi, không thể nào tồn tại và phát triển được. Việc đắp đê, chống lụt rõ ràng là việc của làng xã, của tổng huyện, việc của toàn quốc chứ không phải là việc của gia đình, cá nhân nào. Chính công cuộc đấu tranh trị thủy lớn lao và trường kỳ này đã là yếu tố quan trọng liên kết các xã, các huyện, các tỉnh, liên kết nhân dân toàn quốc thành một khối » (2).

2— Lịch-sử Việt-Nam cũng là một cuộc đấu tranh trường kỳ chống ngoại xâm, như đã nói trên. Giặc đến phải đồng tâm hiệp sức, hy sinh xương máu để bảo vệ sự sống còn của bản thân, của làng nước.

Vì thế đấu tranh chống thiên nhiên và chống ngoại xâm đã là hai yếu tố khách quan chứng kiến sự hình thành và phát triển của tâm lý cộng đồng, tinh thần vị tha, tình đồng bào, tình tổ quốc, lòng yêu thương đùm bọc tha nhân, đồng cam cộng khổ với tha nhân trong nghĩa vụ lớn, trong lý tưởng chung là dựng nước và cứu nước.

Truyền thống liên đới tập thể, tâm lý đoàn kết cộng đồng đã kết tinh và thể hiện trong đời sống hàng ngày, trong phong tục tập quán dân tộc dưới nhiều hình thức.

---

2) *Việt Sử Thông giám Cương mục*, bản dịch của Tổ biên dịch BNCVSĐ., Hà-nội, 1957-58 tập III, IV, V.

1) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 125

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

I— TINH THẦN TƯƠNG TRỢ HÒA HIỆP VÀ TÌNH NGHĨA TRUNG HẬU VỊ THA TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM

Xã hội nông nghiệp, văn hóa nông nghiệp Việt-Nam truyền thống lấy gia tộc làm cơ-sở, và một khối cộng đồng gia tộc làm thành một đơn vị xã thôn; giữa cá nhân, gia tộc và xã thôn có mối giây liên hệ chặt chẽ và thiêng liêng (1). Sự nghiệp của cá nhân, sự thành bại họa phúc của cá nhân đều ảnh hưởng đến đoàn thể. Đoàn thể có nghĩa vụ và quyền hạn trên cá nhân, và ngược lại.

Nghĩa vụ của xã thôn đối với người dân là *nghĩa vụ tương trợ, sự quan tâm giúp đỡ, đùm bọc về mặt vật chất và thinh-thần.* Nếu nhà một người có việc hiếu việc hỷ thì bà con láng giềng trong họ trong làng đến giúp sức, giúp của. Trong công việc đồng án hái gặt người ta cũng đến giúp đỡ nhau. Một người muốn làm nhà hay chửa nhà cũng được họ hàng láng giềng đến giúp công; trước khi và sau khi dựng nhà, chủ nhân ông đải mọi người một bửa ăn rồi ai về nhà nấy (2).

Quyền lợi của xã thôn đối với người dân là *quyền công nhận và chứng kiến*: trong nhà có việc vui mừng như sinh con, cưới vợ gả chồng hay thi đậu, người ta phải mời họ mời làng đến chia vui, chứng kiến, công nhận. Đó cũng là ý nghĩa của các tục lệ *khao vọng* ở nông thôn : được phẩm hàm chức tước hay thọ đến tuổi được tôn làm bô lão đều phải đặt tiệc mời làng mời họ, vì người ta tin rằng mỗi thành quả của cá nhân là đều nhờ *phúc ấm* của gia tộc, tổ tiên, làng xã (3).

Tinh thần tương trợ, liên đới của người Việt được xây dựng trên cơ sở tình nghĩa trung hậu vị tha, *tâm lý trọng tình trọng nghĩa* đó thể hiện rõ nhất trong những từ ngữ và tập quán nói lên lòng biết ơn của một người đối với sự quan tâm giúp đỡ của người khác. Hễ đã chịu ơn một lần thì người ta ghi lòng tạc dạ, chờ mong dịp báo đáp, cũng như đã lỡ làm phiền ai thì người ta áy náy, lo âu :

« Ơn ai một chút chớ quên,
Phiền ai một chút để bên dạ này » (4)

---

1) Đào duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Sàigon, 1951, tr. 321-22
Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 50
2) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 53;
3) Nt, tr. 51, Đào duy Anh, sđd. tr. 325
4) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 53

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trong họ hàng xóm giềng người ta chỉ muốn lấy tình nghĩa mà đãi nhau. Và thái độ vô ơn bạc nghĩa, sỗ sàng, kiêu ngoa được xem là thái độ của những kẻ « không biết điều », « không biết ăn ở », những kẻ « chưa khỏi vòng đã cong đuôi », « ăn cháo đá bát », « khỏi rên quên thầy », « được chim bẻ ná được cá quên nơm », đều là những kẻ đáng chê cười. Ngược lại, người biết ăn ở, có tình nghĩa là người « ăn quả nhớ kẻ trồng cây », biết lấy nghìn vàng trả ơn « bát cơm Xiêu mẫu ». Lòng trung hậu, nghĩa biết ơn của con bệnh đối với thầy lang hay của học trò đối với thầy đồ dựa trên một quan niệm xử thế thấm nhuần nhân đạo tính : người ta tin rằng « thầy lang chữa bệnh không phải chỉ là nhắm mục đích lấy tiền mà chính là vì tình, vì nghĩa, vì lòng nhân đạo, tình thương yêu con người » (1). Thầy đồ dạy học cũng nhắm mục đích cao cả là khai hóa trí tuệ, trao truyền đạo làm người của thánh hiền, vì thế suốt đời học trò vẫn mang ơn thầy dù có đỗ đạt làm nên hay không.»

Nguyên tắc *trọng tình nghĩa, vì tình chứ không vì lợi* đưa người ta đến chỗ đặt lòng tin vào nhau trong việc giao-dịch, buôn bán vay mượn chứ không cần giấy má, pháp luật bảo đảm. Nói như Đào duy Anh, văn hóa cổ truyền của ta đã « lấy cảm tình làm bản vị (...) không như ở Tây phương, từ trong gia tộc ra ngoài xã-hội việc gì cũng lấy pháp trị làm chủ, là thói khắc bạc phi nhân tình » (2).

Lòng biết ơn và nghĩa trung hậu dễ đưa người ta đến hào hiệp rộng lượng « thương nhau chín bỏ làm mười ». Tinh thần đùm bọc tương trợ giữa những người cùng họ hàng thể hiện bằng cách đóng góp công của giúp một người trong họ bị đau ốm hay gặp hoạn nạn khó khăn : « xảy cha còn chú, xảy mẹ bú dì », « tay đứt ruột xót », « sống về mồ mả ai sống về cả bát cơm», « máu chảy đến đâu ruồi bâu đến đấy », « có dư thì bỏ vào họ, túng thiếu thì nhờ vào họ », tình trạng người trong họ nuôi lẫn nhau, hay một người mà nuôi cả con cháu bà con là chuyện thường (3).

Quan hệ tình nghĩa đó không chỉ phổ biến trong phạm vi hạn hữu của gia tộc mà còn mở rộng ra đến phạm vi hàng xóm láng giềng, phạm vi chủ khách. Người cùng làng hay bạn bè giao du xem nhau như bà con trong một gia đình lớn; ta có những tiếng xưng hô đối với người ngoài

1) nt. tr. 54
2) Đào duy Anh, sđd., tr. 323
3) Đào duy Anh, nt. Nguyễn hồng Phong sđd. tr.56-57

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thật là đằm thắm thân mật : ông, bà, chú, thím, bác, o, anh, chị, em, cậu, cô, dì, ôn, mệ. *Tính hiếu khách* và *tục đãi khách* của người Việt là một biểu hiện khác của lòng hào hiệp, vị tha. Khi nhà có việc hiếu hỷ mà được khách đến thăm thì người ta biết ơn và tiếp đãi thận trọng, càng nhiều người đến thăm và ăn uống thì càng vui, càng thỏa và ăn uống chính là dịp để cho người ta sum họp, biểu lộ tình mến, đi đến cảm thông. Nếu thói chè chén là một thói xấu, một hủ tục của hạng người ăn không ngồi rồi, thì thói xấu ấy không làm lu mờ hay giảm giá trị cái tính thích chiêu đãi, thích thăm viếng, mời mọc, trao đổi : « ăn miếng chả, trả miếng bùi », « tiếng chào cao hơn mâm cỗ », « ăn lấy vị, không ai lấy bị mà đong » (1).

2) TINH THẦN HÀNG HỘI VÀ LÒNG HAM THÍCH CÁC SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM.

Một biểu hiện khác của tâm lý đoàn kết, tương trợ là *tinh thần hàng hội* (2) kết tinh trong những tổ chức gọi là *phường, họ* hay *hội*, trong phạm vi nghề nghiệp, trong lãnh vực đình đám, lễ lạc, giải trí hay trong phạm vi tôn giáo.

Có những hội có tính cách nghề nghiệp : đó là những *hội bách nghệ* cũng gọi là *phường* hay *ty*. Tục ngữ có câu : « Làm ăn có hội, có phường » (3).

Hà nội ngày xưa có « 36 phố phường », phường đây không phải chỉ là một quận, một khu phố; nó là một đơn vị nghề nghiệp, mỗi phường là một *hội bách nghệ*, và người đồng nghiệp nhiều khi lại là đồng hương, cho nên trong một phố toàn là người một làng cùng ở (4).

Ở thôn quê người nghề gì cũng có thể họp lại thành phường. Tại miền Nghệ Tĩnh chẳng hạn có vô số phường như : phường cầy, phường gặt, phường vải, phường dạt, phường đan, phường nón, phường chiếu, phường vàng, phường đường, phường củi, phường buôn, phường vá lưới. Trong phường buôn lại chia ra phường buôn đò dọc và phường

---

1) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 59;
2) Nguyễn hồng Phong, nt., tr. 64-68
3) Đào duy Anh, sđd. tr. 60-61, Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 64.
4) Đào duy Anh, sđd. tr. 78,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

buôn bộ gồm có phường gạo, phường chè, phường cà, phường buôn củ nâu, v.v... (1).

Các nghệ sĩ chuyên nghiệp hay nghệ sĩ tài tử trong giới ca nhạc dân gian (dân ca, nghệ thuật sân khấu) cũng tập hợp thành phường. Hát chèo, hát tuồng có *phường chèo, phường tuồng,* hát ả đào có *giáo phường* (2), 8 nghệ nhân đàn trong các cuộc tế tự tại đình họp thành *phường bát âm* (3); trong dịp tế thần tại xã Phù đổng có đoàn nghệ nhân đàn hát múa gọi là *phường Ải-lao.* (4)

Ngoài các hội có tính cách nghệ thuật hay nghề nghiệp, nông dân còn tổ chức vô số hội khác để hợp tác tương trợ lẫn nhau, về mặt sinh sống cũng như về mặt ăn chơi.

1) *hội mua bán* (hay *họ mua bán)* có mục đích góp vốn để giúp nhau mua bán ;

2) *quỹ nghĩa sương* là một tổ chức tương tế có mục đích góp lúa của dân một làng để giúp đỡ những người nghèo đói khi mất mùa (5).

3) *hội hiếu, hội hỷ* (có khi hai hội cùng hợp làm một gọi là *hội hiếu hỷ)* giúp cho người trong hội được nhẹ phần tổn kém trong các dịp buồn (ma chay) hay dịp vui (cưới hỏi) : ví dụ khi có đám tang, người ta góp tiền góp gạo đưa đến nhà tang chủ, người ta giúp việc trong nhà và dự tiệc đưa đám, chôn cất. Có nơi người trong hội mặc áo tang và dự vào cúng tế với hiếu chủ (6);

4) *họ ăn tết* là một tổ chức tiết kiệm tập thể để dành tiền ăn tết : họ gồm có nhiều bộ phận như họ gạo, họ thịt, họ bánh chưng, v. v..., người *cái* thu tiền của những người chơi họ rồi đem tiền ấy dùng vào việc buôn bán hay cho vay lấy lời, cuối năm đem cả vốn lẫn lời mua gạo thịt làm bánh phân phát cho người có chân trong họ (7).

---

1) Lê văn Hảo, *Vài nét về sinh hoạt của Hát giặm và Hát ví, dân ca Nghệ Tĩnh,* in Đại-Học , số 34 tháng 8 (1963), tr. 480

2) Đỗ bằng Đoàn và Đỗ trọng Huề, *Việt Nam ca trù Biên khảo,* Sàigon 1962, tr. 49-56

3) Trần văn Khê, *La Musique Vietnamienne Traditionnelle,* Paris 1962

4) Nguyễn văn Huyên, *Chants et Danses d'Ải Lao aux Fêtes de Phù Đổng* in, Bulletin de l'Ecole Ffrancaise d'Extrême-Orient, t,. XXXIX 1939 fasc. 2, tr. 153-96

5) Phan kế Bính, *Việt-Nam phong tục,* in *Đông Dương Tạp Chí* số 35 năm 1914, tr. 95-96.

9) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 65

7) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 65-66

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

5) Có những hội có tính cách giải trí như *hội chọi gà, hội thả chim, hội thả diều, hội chọi cá, chọi dế, v.v.*

6) *hội tư văn* là hội của những người có chức tước danh vọng trong thôn xã (1).

7) *hội văn phả* là hội của những nhà nho lỡ vận.

8) *hội võ phả* là hội của những viên quan võ về hưu;

9) *hội bô lão* là hội của các người già từ 60 tuổi trở lên;

10) *hội đồng môn* là hội của những học trò có chung một thầy : hàng năm nhà thầy có việc giỗ tết, hiếu hỷ, học trò đến thăm viếng hay góp công góp của giúp thầy, thầy mất đi, học trò họp nhau hàng năm để tế thầy và đến viếng thăm gia đình thầy (2).

11) *hội chư bà* (hay hội quy y) là hội của các bà vải tụ họp nhau để lên chùa cúng bái, ăn chay. Dân làng kính trọng hoản đải chư bà ngang hàng các bô lão. Nhiều hội chư bà họp lại thành *hội thập phương* (3);

12) *hội đồng quan* là hội của các bà đồng, bà cốt và các bà, các cô có số « đội bát nhang » (4);

13) Những người cùng sinh ra trong một năm cũng tụ họp lại thành *hội đồng niên* để quyên góp và tổ chức vui chơi tiệc tùng.

Và còn những hội gì gì khác nữa, nói như Nguyễn hồng Phong : « Chỉ còn thiếu có cái hội của những người hay lập hội nữa thôi(...) Khi tinh thần hàng hội trở thành một phong tục, một truyền thống thì nó phát huy tác dụng rộng rãi, trở thành phổ biến trên những lĩnh vực và các giới. Nó trở thành *tâm lý thích lập hội, thích vào hội*" » (1).

***

Bên cạnh những tổ chức hàng hội còn có nhiều tổ chức sinh hoạt tập thể khác đem lại hứng thú cho người nông dân trong dịp nhàn rỗi : « Nào là giỗ chạp, nào là việc họ, việc làng, việc hội, nào là hội hè, đình đám... biết bao nhiêu dịp để dân làng xúc tiếp với nhau. Chỉ một người bình thường hàng năm anh ta cũng có đến mươi mười lăm dịp

1) Nt. tr. 66-67,
2) Nt. tr. 55
3) Phan kế Bính, bđd., số 36 năm 1914, tr. 99-100
4) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr. 67
5) Nt. tr.- 6667

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tham gia sinh hoạt với các tập thể lớn nhỏ. Đó là nghĩa vụ mà cũng là quyền lợi của một thành viên trong xã thôn. Và người ta tham gia vào đó với tất cả thích thú, nhiệt tình và ý thức về bổn phận của mình. Tham gia là để chia xẻ nỗi vui mừng chung, và đóng góp phần mình vào đó. Tham gia là để bộc lộ ý thức của mình đối với tập thể, tôn trọng tập thể, quý mến và biết ơn tập thể. Người nào coi nhẹ việc tham gia sinh hoạt việc họ việc làng sẽ bị mọi người ghẻ lạnh, coi như là kẻ mất gốc, bội bạc, ích kỷ » (1).

Dân tộc ta tuy nổi tiếng là cần cù lao khổ nhưng vẫn dành khá nhiều thì giờ cho sinh hoạt tập thể, nhất là cho hội hè : « tháng giêng là tháng ăn chơi (...) tháng tám chơi đèn kéo quân (...) » ; theo nhà địa-lý học P. Gourou, một làng có thể thường thức đến tám mươi ngày hội trong một năm, như làng Đình bảng tỉnh Bắc-ninh (2). Tất cả những tổ chức hàng hội, những dịp đình đám ấy biểu hiện rõ rệt tinh thần đoàn thể của nông dân và lòng ham thích các sinh hoạt cộng đồng, làm cho cuộc đời hạn hữu giữa lũy tre không thiếu phần hào hứng sống động, tưng bừng.

LÒNG QUAN TÂM ĐẾN CÁC VIỆC CÔNG ÍCH, Ý THỨC DÂN CHỦ CÔNG XÃ CỦA NGƯỜI VIỆT.

Nông dân Việt-nam không sống lẻ loi trong một nếp sống cá nhân vị kỷ mà ít quan tâm đến sinh hoạt làng xã như nông dân nước Pháp chẳng hạn (3), trái lại, về mọi mặt chính-trị, xã-hội, tôn giáo, nông dân Việt-nam tham gia mật thiết vào đời sống chung « với lòng tin, với nhiệt tình hăng hái và với tham vọng là họ sẽ đóng một vai trò ngày càng lớn trong đó ». Đời sống xã thôn là một hệ thống rất hợp bởi nhiều mối liên quan, không những liên quan về pháp lý mà còn về láng giềng, họ hàng, tình nghĩa, tín ngưỡng, do đó hội đồng xã thôn, hội đồng kỳ mục hay hội đồng tộc biểu không thể quyết định tất cả mọi việc mà không triệu tập toàn thể nhân dân một xã để bàn bạc, trao đổi ý kiến và lấy quyết định chung . Dù lớp đàn anh trong làng có thể lực vì danh vọng, chức

---

1) Nguyễn hồng Phong, sđd. tr.67-68;
2) P. Gourou, Le *Paysan du Delta Tonkinois*, tr. 272
3) Lê văn Hảo, Feings, Structures et Problèmes d'un Village français, Paris 1961. tr. 24-25

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tước hay tiền tài cũng không thể bỏ qua tiếng nói của tập thể. Và khi quyền lợi tập thể hay trật tự địa-phương bị xâm phạm bởi sự lạm quyền của một nhóm cá nhân cậy uy cậy thế thì tiếng nói tập thể biến thành một *dư luận xã-hội* có khả năng tố cáo, châm biếm, phản kháng khá mãnh liệt. Đó là một thứ vũ khí luân lý sắc bén làm cho những kẻ có thế lực nể sợ : hát chèo, hát tuồng, vè, ca dao, đồng dao (những bài hát trẻ con) có thể lấy những nhân vật, những sự kiện bất nhân bất hảo của thời sự địa phương làm đối tượng châm biếm, đả kích, để cảnh cáo và răn đời. Qua mấy hình thức « báo chí » truyền miệng như vè, ca dao, dân ca, quả nhân dân đã ý thức phần nào *tinh-thần dân-chủ công-xã* trong cuộc đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình (1).

TÌNH QUÊ HƯƠNG, TỔ QUỐC ; Ý THỨC ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG TINH THẦN DÂN TỘC.

Một biểu hiện khác của tâm lý tập thể cộng đồng của người Việt là tình yêu quê hương phát xuất từ cộng đồng xã thôn, gia tộc và phát triển trong cộng đồng quốc gia, dân tộc. Tình yêu nước trước hết là tình yêu làng mạc, một thế giới nhỏ nhưng đầy đủ đối với người dân :«(...) mỗi làng như một nước riêng không phải chỉ là một đơn vị định cư và hành chính mà thôi. Làng không những là nơi phong tục, tập quán, giọng nói khác nhau, mà còn là nơi chôn nhau cắt rốn và mồ mả ông bà. Làng, ở đây, đã là nơi mà cả cuộc đời của dân tộc Việt nam khai sinh và kết thúc » (2). Cho nên dù sống cùng cực đến đâu, người dân vẫn thích bám lấy mãnh đất bé nhỏ của mình hơn là đi kiếm ăn phương xa ; ở nơi khác họ sẽ không có họ hàng, xóm giềng nâng đỡ, bênh vực, đùm bọc họ.

Nhưng tình yêu quê hương không chỉ giới hạn trong khuôn khổ của làng mạc ; những giai đoạn lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc, người dân Việt đã ý thức được nhu cầu đại đoàn kết trong tinh thần dân tộc, cũng như đã tự hào về nguồn gốc rồng tiên của mình, về ý chí dũng cảm của những vị anh hùng đầu tiên khơi nguồn truyền thống

---

1) Nguyễn đổng Chi và Ninh Viết Giao, *Hát Giặm Nghệ Tĩnh*, tập I (thượng), Hà-nội, 1963 tr. 61-67

2) Thích trí Quang, *Cuộc vận động của Phật Giáo Việt-Nam* in Hải Triều Âm, số 8 (11-6-1964), tr. 2

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bất khuất, tự do, tự chủ. Ca dao (1) cũng như văn học thành văn đã ghi lại được ý thức đại đoàn kết và tinh thần chiến đấu ấy (x. các thơ văn của Lý Thường Kiệt, Trần quang Khải, Trần Hưng Đạo, Trương Hán Siêu Nguyễn Trải). « Người ta nói vì sao dân tộc Việt-nam bị ngoại xâm liên tục như thế, trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt như thế mà không bị tiêu diệt, trái lại vẫn phát triển mạnh mẽ. Chính là tâm lý tập thể cộng đồng đã cố kết người Việt-nam thành một khối chắc chắn không gì đập vỡ nổi (...) *đoàn-kết trở thành một nhu-cầu, một lẽ sống, một tình cảm sâu sắc, thiêng-liêng* » (2) trong ý chí trường tồn cũng như trên con đường tiến thủ của dân tộc.

***

C. — NHỮNG TỤC CỔ ĐỀ CAO TUỔI GIÀ CÓ LẼ LÀ DI TÍCH CỦA MỘT THỜI ĐẠI LÃO NHÂN CHÍNH TRỊ (3) MÀ ÂM HƯỞNG CÒN LƯU LẠI TRONG TRUYỀN THỐNG KÍNH TRỌNG NHỮNG BẬC CAO NIÊN Ở VIỆT NAM.

Qua lịch sử, ta thấy tự đời Lý đã có tục vua chúa khoản đãi các người già cả: theo *Cương Mục*, năm 1010, xa giá nhà vua đến thăm châu Cổ pháp, nhân dịp ấy vua ban tiền và lúa cho các kỳ lão theo thứ bậc tuổi tác; năm 1194, vua sinh con trai bèn đại xá cho cả nước, lại ban cho kỳ lão hạng 70 tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa và ban tiệc ăn uống trong 3 ngày. Năm 1284, đời Trần, quân Nguyên sửa soạn sang đánh nước ta, vua cho triệu những kỳ lão trong nước vào thềm điện Diên Hồng mời ăn uống rồi hỏi mưu kế. Các kỳ lão đều nói rằng : « Phải đánh » (4).

Theo Nguyễn đổng Chi, *tiệc yến lão* do triều đình tổ chức để thết đãi các cụ già đến thời kỳ Pháp thuộc mới bị bải bỏ (5).

---

1) Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước hãy thương nhau cùng ; hay là
Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn
2) Nguyễn-hồng-Phong, sđd. tr. 87-84;
3) Nguyễn đổng Chi, *Một số tục cổ...*, bđd. tr. 10
4) *K.Đ. Việt Sử Thông giám Cương mục*, sđd., bản dịch BNCVSĐ. tập III, tr. 41, tập IV, tr. 55, tập V, tr. 62
5) Nguyễn đổng Chi, bđd. tr. 10

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bô lão đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã-hội. Xã thôn Việt-nam vốn chia làm hai loại, một loại - đa số theo *tục vương tước* nghĩa là trong những làng xã ấy bậc thứ nhất là *quan viên* (chức sắc, chức dịch, thí sinh khóa sinh) (1) và bậc thứ nhì là *lão hạng* (tức là những người già, có nơi gọi là lão, bổ, ông cụ, quan lão), nhưng một loại xã thôn khác thiểu số theo *tục thiên tước* : nơi đây thì bậc thứ nhất trong ngôi thứ chính là lớp người già từ 50 trở lên và ông thủ chỉ của làng là người già nhất (2).

Bốn vị già nhất trong làng được gọi là *tứ trụ* (cũng như xưa 4 vị quan cao cấp nhất trong nước được gọi là tứ trụ đại thần của triều đình (3). Ở chốn đình trung, *lão hạng* được đứng chỗ tốt nhất (gần bàn thờ thần) và trong khi ăn tiệc được ngồi chiếu trên và hưởng những miếng ngon.

Đạo hiếu và sự thờ cúng ông bà đã đóng góp phần lớn vào việc duy trì truyền thống tôn trọng bậc cao niên, và theo quan niệm dân gian trong 3 thứ quý nhất ở đời có tuổi thọ là một (hai thứ kia là giàu có và đông con). Khi cử hành một nghi lễ trọng thể như nghi lễ *động thổ* người ta chọn một cụ già có của, đông con và chưa góa vợ làm chủ lễ. Xem thế đủ biết địa vị cao trọng của các bô lão trong đời sống xã-hội (4).

***

---

1) G. Dumoutier, *Essais sur les Tonkinois*, Extrait de la Revue Indochinoise 15-3-1907 — 15-2-1908, Hànoi — Hải phong, IDEO, 1908, tr. 2; Phan kế Bính, *Việt-Nam phong tục*, bđd. số 32, năm 1914, tr. 66. *Vương tước* là có ý nói nhờ ý vua mà đứng vào bậc nhất trong làng; chức sắc là hạng khoa trường chức tước như tiến sĩ, phó bảng, cử nhân tú tài, quan văn từ cửu phẩm, quan võ từ xuất đội trở lên; chức dịch là chánh phó tổng, chánh phó lý, hương trưởng, trương tuần; thí sinh khóa sinh là những người theo học ở trường Quốc-Tử-Giám.

2) Dumoutier, sđd. tr. 3-4

3) Bốn chức quan đại thần giữ việc triều chính hà y là : đông các, võ hiển, văn minh và cần chánh.

4) Przyluski. *Les Rites du Động Thổ, Contribution à l étude du dieu du Sol au Tonkin*, in B.E.F.E.O., tome X, 1910, fasc, 2, tr. 339-347.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

D) NHỮNG TỤC CỔ ĐỀ CAO ĐỊA VỊ VÀ QUYỀN LỢI NGƯỜI PHỤ NỮ CÓ LẼ BẮT NGUỒN TỰ MỘT THỜI ĐẠI XA XÔI TRONG ĐÓ NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐÃ ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG VÀO BẬC NHẤT TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CỘNG; VAI TRÒ ĐÓ CÒN ĐỂ LẠI ÂM HƯỞNG TRONG THẦN THOẠI, TRUYỀN THUYẾT CỔ TÍCH TRONG TÔN GIÁO DÂN GIAN CŨNG NHƯ TRONG PHONG TỤC VÀ TRONG LỊCH SỬ.

1 — một số thần-linh nữ tính (divinités féminines) có địa-vị khả quan trong thần-thoại Việt-nam.

Trong *thần-thoại* « *Hai thần đực cái* » có nam thần Tứ tượng (hay Khổng Lồ) và nữ thần Nữ Oa (hay Giác Hải) đều có cơ thể vĩ đại và sức khỏe phi thường, nhưng Nữ Oa lại cao cường hơn Tứ Tượng một bực; một hôm Tứ Tượng đến cầu thân với Nữ Oa, bà ra điều kiện là ông phải thi tài với mình : trong ba ngày mỗi người phải xây một hòn núi thật cao đứng trên đó có thể nhìn thấy cả mặt đất. Sau đó Tứ tượng thua cuộc (1).

Trong *thần thoại nữ thần mặt trời và mặt trăng*, hai chị em Mặt trời và Mặt trăng là con gái Ngọc hoàng và có phận sự hằng ngày phải luân phiên nhau đi xem xét dân sự một vòng (2). Hai chị em đã từng góp phần vào việc xây dựng thế giới : Thuở đầu mặt đất ẩm ướt mù mịt, Ngọc hoàng ra lệnh cho hai chị em xuất hiện để chiếu sáng khắp mọi nơi và làm cho khô ráo mặt đất. (3)

Lại có *thần thoại mười hai bà mụ :* Ngọc hoàng giao cho 12 nữ thần việc nặn ra giống người, dạy nói dạy cười cho trẻ con. Ca dao có câu rằng:

Một mụ già mười ba mụ trẻ
Nặn tai nặn mắt
Vẽ mặt vẽ mày
Dạy khóc dạy cười
Dạy ăn dạy bú
Dạy lẫy dạy bò
Giữ thóp đầu cho trẻ
Cúng mụ ăn cữ...v.v.

---

1) Nguyễn đổng Chi, *Lược Khảo về Thần thoại Việt-Nam* Hà-nội 1956, tr. 78-9;
2) Nt. tr., 81-85
3) Nguyễn đổng Chi, sđd. tr. 80-82;

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thần thoại Nàng Bân, thần-thoại ả Chức chàng Ngưu cho ta thấy vai trò chủ động của các nữ thần trong đó (1). Trong *thần thoại Thần lửa,* nữ thần là một bà già thường được gọi là Bà Hỏa, chuyên giữ một thứ lửa mầu nhiệm có thể đặt nồi không mà nấu ra đủ thức ăn rất ngon lành (2). Một trong ba thần Bếp là một nữ thần (3). Trong *thần thoại Nữ thần về nghề mộc,* ta thấy thần từ trời xuống, mang hình dạng một bà già dạy cho người làm cưa bằng sắt để cưa gỗ làm nhà, đóng thuyền (4).

Truyền thuyết về nước Văn Lang kể rằng giữa nước này và nước Tiết hầu (?) có xảy ra chuyện tranh chấp về biên giới. Vua hai nước hẹn nhau mỗi bên cử một người từ nước mình bắt đầu cùng một ngày một giờ hướng về với nhau mà đi, hễ gặp nhau ở đâu thì lấy đó làm giới hạn. Nước Văn Lang cử một người đàn bà tức là Mụ Giạ làm công việc đó. Mụ Giạ là người to lớn, đi rất nhanh và cuối cùng hai bên gặp nhau trên một dãy núi, đó là dãy Trường sơn mà chỗ hai người gặp nhau là cái đèo từ Tân ấp (Hà tĩnh) sang Ban thông kham (Ai Lao), ngày nay ta vẫn gọi là *đèo Mụ Giạ* hay *đèo Mụ Già (5).*

Theo *truyện cổ Đẩm Nhất Dạ và Bải Tự Nhiên* công chúa Tiên Dung con vua Hùng vương đã tự ý kết hôn với chàng trai nghèo Chữ đồng tử, bất chấp lệnh cha (6). Trong *truyện cổ Trầu cau,* cô gái nhà họ Lưu thấy hai anh em Tân và Lang thì đem lòng thương một người và chủ động bày ra cách xem ai là anh, ai là em rồi xin cha mẹ kết duyên với người anh.

Qua thần thoại, truyền thuyết và cổ tích ta thấy *vai trò chủ động* của nữ thần và phụ nữ. Rõ ràng địa vị ưu tú cổ hữu của phụ nữ đã phản ảnh trong văn chương truyền miệng.

---

1) Nt., tr. 92-97
2) Nt., tr. 115-16
3) Nt., 117-19;
4) Nt., tr. 136-37; L. Cadière, *Croyances et Pratiques Religieuses des Vietnamiens,* tome II, Sàigon, E.F.E.O. 1955, tr. 287-88
5) Nguyễn đổng Chi, sđd. tr. 154;
6) Nguyễn đổng Chi, *Kho tàng Truyện Cổ tích Việt-Nam* tập I (in lần hứ 3), Hà-nội, nxb. Khoa học, 1963, tr. 179-86

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng từ đó đi đến nhận định rằng có một thời đại theo *chế độ mẫu quyền* trong cổ sử Việt-Nam, con đường hãy còn xa, và chúng ta chưa có đủ tài liệu để chứng thực ức thuyết chế độ mẫu quyền ấy như vài học giả đã nêu ra (1).

2 — VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG TÔN GIÁO DÂN GIAN VIỆT NAM

Thần linh nữ tính không những chỉ xuất hiện trong thần thoại mà còn hiện diện trong tôn giáo dân gian. *Đạo Tam phủ* (thờ cúng chư vị) thờ ba vị nữ thần chính là :

— *thánh mẫu Thiên phủ* (tức là bà Liễu Hạnh), nữ thần cõi trời;

— *thánh mẫu Thủy cung* (cũng gọi là Thánh mẫu Thoải) nữ thần dưới nước;

— *thánh mẫu Thượng ngàn*, nữ thần rừng núi.

Trong nhiều chùa ở miền Bắc bên cạnh những gian chính thờ Phật có một gian thờ Thánh mẫu và chư vị (các Quan lớn, Hoàng tử, Cô tiên, Cậu tiên, Cậu Quận, Cô bé). Cùng với sự tồn tại song song của hai tôn giáo trong một ngôi chùa, một sự kiện khác đáng cho ta chú ý : chùa là nơi thờ Phật mà lại có những chùa mang tên : *chùa bà Dâu, chùa bà Đậu, chùa bà Giàn, chùa bà Tướng* (tỉnh Bắc ninh), *chùa bà Nành, chùa bà Ngô, chùa bà Đá* (Hà nội), *chùa bà Đanh* (Hà nam), v.v (2). Cách gọi tên như thế làm cho ta tự hỏi có phải chùa đã được xây trên một mảnh đất xưa đã từng dùng làm nơi thờ cúng những nữ thần của tôn giáo dân gian ?

Đạo Tam phủ là đạo của các bà đồng, bà cốt, và *lên đồng* tại đền tại chùa hầu như là lãnh vực dành riêng cho phụ nữ. Cũng có những ông đồng và những con đồng thuộc phái nam nhưng chỉ là số rất ít. Nếu tế tự tại đình là việc của đàn ông thì bốn đạo thập phương đến lễ bái ở các chùa các đền đại đa số là đàn bà.

---

1) Trần Khánh và Trần hoàng Hiển, *Tàn dư của chế độ mẫu hệ trong xã-hội người Việt*, in Nghiên cứu Lịch sử, số 57 tháng 12-1963, tr. 51-60-62
2) Nt. tr. 57

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

3— PHỤ NỮ CHIẾM ĐỊA VỊ QUAN TRỌNG TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ.

Vai trò của phụ nữ trong sản xuất nông nhgiệp ít ra cũng quan trọng bằng vai trò của đàn ông. Những công việc tế nhị hay phức tạp, nhọc nhằn như cấy mạ là phần của đàn bà. Ở một số địa phương, phụ nữ đã giữ vai trò lao động chủ chốt như cày bừa, gặt hái, còn đàn ông thì chăm lo về thủ công nghiệp hay giùi mài kinh sử. Ở Thanh hóa trước kia có thể nói được rằng lao động nông nghiệp chủ yếu là do phụ nữ đảm đương (1).

Công việc mua bán cũng như công việc nội trợ trong đời sống Việt-nam cổ truyền là do đàn bà đảm đang hầu hết. Ở những nơi chợ búa, bến đò, đàn ông có mặt rất ít. Trong nhà, đàn bà là *nội tướng*. Có lẽ luật Hồng đức (thế kỷ XV) đã chịu ảnh hưởng thói tục dân gian mà qui định quyền lợi của phụ nữ : khi chia gia tài con gái được chia ngang con trai; nhà nào không có con trai, con gái được quyền giữ thừa kế, hương hỏa; đàn bà trong một làng cũng được chia công điền công thổ v.v... (2)

4— NHIỀU VỊ ANH HÙNG ĐẦU TIÊN TRONG CỔ SỬ VIỆT NAM LÀ NHỮNG PHỤ-NỮ.

Cuộc khởi nghĩa của hai bà Trưng rồi của Bà Triệu ở mấy thế kỷ đầu Công nguyên cho ta thấy vai trò chính trị của phụ nữ dưới thời Bắc thuộc.

Truyền thuyết kể rằng mẹ của Trưng Trắc và Trưng Nhị — Man hoàng thái hậu Trần thị Đoan — cùng hai con gái và con rể nổi dậy khởi nghĩa. Trong số các thủ lãnh của quân đội hai Bà có nhiều nữ tướng : công chúa Bát Nàn, công chúa Thánh thiên, bà Lê Chân v.v... Tại đền hai Bà ở làng Đồng nhân (nay thuộc Hà-nội) có tượng của 12 nữ thần tức là 12 tướng đã từng theo bà đánh giặc Hán. Thần tích của công chúa Thánh thiên cho biết rằng bà đã được nhân dân xã Ngọc Lâm suy tôn và đã hiệu triệu nhân dân đắp thành khởi nghĩa. Thần tích của bà Lê Chân ở đền Nghè (Hải phòng) kể rõ rằng chính bà đã dốc xuất nhân dân xây dựng lên An biên (Hải phòng ngày nay) từ một bãi đất hoang vu miền biển (3).

---

1) Trần Khánh và Phan hoàng Hiển, bđd., tr. 56
2) Nt., tr. 56
3) Nt., tr. 60

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tất cả những sự kiện đó nói lên vai trò quan trọng của phụ nữ trong truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục và lịch sử.

***

E.— NHỮNG TỤC CỔ ĐỀ CAO TÍNH NĂNG VÀ KHUYẾN KHÍCH TỰ DO LUYẾN ÁI BIỂU DƯƠNG QUAN NIỆM PHÓNG KHOÁNG VỀ TÌNH ÁI VÀ TÍNH NĂNG TRONG NHÂN SINH QUAN CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ THỜI NGUYÊN THỦY.

Quan niệm phóng khoáng đó còn ghi dấu trong di vật thời tiền sử, trong ngôn ngữ, văn học dân gian và trong phong tục.

Năm 1960 tại xã Đào thịnh (Yên bái) miền Bắc nước Việt, người ta đã đào được một chiếc thạp đồng. Hình dáng nó hơi giống một cái chum, trên miệng có vung cũng bằng đồng thau. Chiều cao của chiếc thạp là 0m81, đường kính của đáy thạp là 0m60, đường kính của chiếc vung và của miệng thạp là 0,64, đường kính phía bụng, chỗ phình nhất của chiếc thạp là 0m70. Sức nặng là 60k. Chung quanh thân thạp và trên mặt vung đều có trang trí bằng những hình vẽ và khối tượng. Đặc biệt trên nắp thạp, ở giữa có ngôi sao 12 cạnh, chung quanh là 11 vòng hoa văn, giữa vòng hoa văn số 7 là hình 8 con chim mỏ dài đuôi dài chia thành 4 đôi, nối đuôi nhau bay theo ngược chiều kim đồng hồ, xen vào giữa 4 đôi chim là 4 khối tượng của 4 đôi nam nữ đang giao hợp (1).

Bởi vì người Việt vốn có truyền thống yêu nòi giống, thích sinh sôi nẩy nở, thích con đàng cháu đống để góp phần vào sự phồn vinh và trường cửu của nòi giống, để nối nghiệp tổ tiên, ta có thể xem « những pho tượng nam nữ giao cầu với nhau trong thời cổ đại chỉ là sự biểu diễn một cách chất phát, tự nhiên và hiện thực một hành động rất là lý tưởng của con người, của xã-hội. Sự thể hiện công khai của hành động ấy không những không có gì là xấu xa, là xấu hổ, đáng e lệ, mà còn là một việc làm tốt đẹp,

1) Lê văn Lan, Phạm văn Kính, Nguyễn-Linh, *Những vết tích đầu tiên của thời đại Đồng thau ở Việt-Nam*, nxb. Khoa học, Hà-nội, 1963, tr. 142-44, tr. 214-15

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tiêu biểu cho hạnh phúc, cho vinh quang, cho phồn thịnh của giống nòi » (3).

Cùng với sự bình thường hóa việc giao hợp nam nữ, người ta tôn quí *sinh thực khí* và nhất là người ta *thần thánh hoá sinh lực khí* như là những tượng trưng của nhu cầu sinh sôi nảy nở cần thiết cho sự trường tồn của giống người, giống vật và cỏ cây. Về mặt tín ngưỡng sự thần thánh hóa đó đưa đến *thờ cúng dâm thần* rải rác trong nhiều miếu đình từ Bắc-Việt đến Quảng-trị, Quảng-bình, và dâm thần đây tức là *nõn nường* (hay nọ nàng) được nhân cách hóa (2).

Về mặt ngôn ngữ và phong tục, sự tôn kính sinh thực khí đã là nguồn gốc của một số ca dao tục ngữ mới nghe ra có vẻ tục tằn nhưng bản thân của chúng phù hợp với nhân sinh quan chất phác, phóng khoáng, hiện thực của người dân sống gần thiên nhiên và sống theo thiên nhiên chủ nghĩa : « Nõ nường trăm cái đầu giường, nghìn cái đầu tay », hay « Ba mươi sáu cái nõ nường. Cái gối đầu giường là ba mươi bảy », hay là « Năm quan mua cái l.. xiên, Năm tiền mua con c... lỗ. €... lỗ đâm xỗ đâm xiên, đẻ ra con cháu rồng tiên, nối nghiệp tổ tông, lưu truyền vạn đại « (3).

Sự tôn kính sinh thực khí còn được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác trong phong tục dân gian. Trước đây không lâu, trong phần lớn các chợ ở nông thôn miền Bắc thường có bán một thứ hàng ngày tết gọi là *hàng cu cò*. Cu cò là một thứ bánh phồng làm bằng bột nếp, nặn thành hình nhiều thứ như con gà, con lợn, con người, và những thứ chính là hình âm vật. Các bà đi chợ Tết thế nào cũng mua một xâu đem về nhà làm dấu hiệu tốt lành và phồn vinh cho năm mới (4).

Người ta có tục lấy sinh thực để đặt tên cho con và mình. Tục đó khá phổ biến ở Nghệ Tĩnh, ở Bình Trị : con trai được đặt tên là thằng cu, thằng cặc, con gái là con hĩm, con bẹp, con mẹt (*hĩm, bẹp, mẹt* là thổ ngữ địa phương Quảng-bình để chỉ âm vật) ; ở Nghệ, Tĩnh những người đẻ con trai đầu lòng thường được mọi người dùng tiếng *dái* hoặc thay cho tên gọi, hoặc đặt trước tên của đứa con: tên A thì

2) Đào tử Khải, *Vài ý kiến về chiếc Thạp Đào Thịnh và Văn hóa Đồng thau*, II, in Nghiên cứu Lịch sử, số 29 tháng 8, 1961, tr. 43
1) Đào tử Khải, bđd. tr. 42-43;
2) Nt., tr. 43; Trần Khánh và Phan hoàng Hiền, bđd tr. 55
3) Đào tử Khải, bđd. tr. 43

Bản số hoá 2016: ĐCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

con : con tên A thì người ta gọi là « dái A » hay « thằng dái », cha của nó được gọi là « *ông dái A* » hay gọi là « *ông dái* » mà không gọi tên ông ta nữa. Nếu ông có sinh nhiều con khác nữa cũng vẫn gọi như thế (1).

Nói tóm lại, dân gian thời cổ đại và cận đại Việt-Nam đã quan niệm rằng tình ái và tính năng có chức vụ *bảo đảm và duy trì trạng thái sinh sôi nẩy nở* là điều kiện tối cần cho phồn vinh, hạnh phúc và cổ lẽ từ quan niệm đó đã phát sinh những phong tục phóng khoáng còn sót lại ở vài địa phương, cho ta thấy một khía cạnh thật độc đáo li lỳ trong cuộc đời tình ái của nông dân Việt-Nam.

***

2— *Ý NGHĨA SIÊU HÌNH CỦA PHONG TỤC VIỆT NAM*

A. NHỮNG TỤC CỔ VÀ TRÒ CHƠI CÓ TÍNH CÁCH CHIẾN ĐẤU, TRANH CHẤP LÀ NHỮNG NGHI THỨC TƯỢNG TRƯNG CHO CUỘC TƯƠNG TRANH GIỮA HAI MÙA TRONG THỜI KỲ THIÊN NHIÊN CHUYỂN HÌNH.

Hội mùa cử hành khi đông đã hết, xuân sắp về, hay khi thu sắp tàn, đông sắp đến. Người ta tin rằng lễ nghi, tôn giáo có thể ảnh hưởng đến chu kỳ tuần hoàn chuyển vận của mùa màng, của thời tiết. Vì thế tục cổ và trò chơi được xem như là những nghi thức tượng trưng cuộc xung đột giữa khí dương đang thịnh và khí âm đang suy (xung đột giữa đông và xuân) hay giữa khí dương dần dần yếu và khí âm dần dần lan rộng cạnh tranh giữa thu và đông) khi mùa mới đến tranh chỗ mùa tàn. Những trò chơi thể thao, những cuộc « chiến đấu hí », những cuộc thi có một ý nghĩa siêu hình là góp phần làm cho hoàn tất cuộc giao tranh của hai mùa đang diễn ra trong khi thiên nhiên chuyển hình để sửa soạn một trật tự mới, một thể quân bình mới cho đời sống con người và vũ trụ. Nhiều dân tộc cổ sơ (dân Et-ki-mô ở miền Bắc cực, dân Gia-cút-tơ ở Trung Á), nhiều dân tộc canh nông (ở Âu châu, Phi châu, Á châu) cũng

---

1) Đào tử Khải, nt., Nguyễn đồng Chi và Ninh viết Giao, *Hát Giặm Nghệ Tĩnh* (tập I, thượng) sđd., tr. 188

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

có trò chơi và tục cổ được xem là những nghi lễ tống cựu nghinh tân, trục xuất mùa đông để tiễn dẫn mùa xuân hay mùa hạ (1).

B— NHỮNG NGHI LỄ TƯỢNG TRƯNG CUỘC TRANH CHẤP GIỮA HAI MÙA CŨNG CÓ PHẬN SỰ KHÍCH ĐỘNG KHÍ LỰC CỦA THIÊN NHIÊN, ĐANG Ở TRONG TRẠNG THÁI TIỀM TÀNG

Tục cổ và trò chơi trong đó hai cá nhân hay hai phe tranh chấp nhau vừa là một phương tiện cụ thể khích động sinh lực con người, vừa là phương tiện siêu hình khích động những khí lực tiềm tàng trên trời dưới đất; trong mùa đông khí lực đó dần dần trở về trong một thể an tịnh, nhưng trên ngưỡng mùa xuân, khí lực đó sẵn sàng tái khởi để phụng sự nghề nông. Vì thế sinh lực con người và khí lực thiên nhiên phải được khích động để giúp cho mưa nắng lại điều hòa, cho cây cỏi lại đâm chồi nẩy lộc, cho người và vật lại sinh sôi nẩy nở (2).

C — sau hết, *những tục cổ đề cao tính năng và khuyến khích tự do luyến ái cũng có một ý nghĩa tương tợ*. — Giữa tính năng và canh nông có mối liên hệ mật thiết. Khích động tính năng, khuyến-khích khả năng, giao hợp của con người cũng là phương tiện giải phóng khả năng hoà hợp giữa khí âm và khí dương trong lòng đất và trong vũ trụ, đưa đến một công cuộc sản xuất phì nhiêu, sung dật trong tương lai.

Vì quan niệm rằng bản năng sinh lực có ảnh hưởng đến sự phong nẫm mùa màng nên nhiều dân tộc canh nông trên thế giới chủ ý đưa tự do luyến ái lên hàng một nghi lễ cốt yếu của hội mùa. Nông dân Trung hoa thời thượng cổ, cũng như nông dân Ấn độ Nam Dương ngày nay, hay là các dân tộc thiểu số sống trên miền thượng du nước Việt có lệ tổ chức những cuộc gặp gỡ hoàn toàn phóng khoáng giữa con trai con gái, hay đàn ông đàn bà trong dịp hội mùa, họ gặp gỡ nhau trong hang, trong

---

1) Mircéa Eliade, *Traité d'Histoire des Religions*, Payot, Paris, 1953, tr. 275-76. James Frazer, *Le Rameau*, tome IV : *Le Dieu Qui Meurt*, Paul Geuthner éd., Paris 1931, tr. 174-235

2) Mircéa Eliade, sđd. tr. 232-280

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

núi hay giữa đồng ruộng thanh vắng để góp phần tái tạo một chu kỳ mới của thiên nhiên dựa trên tinh thần dung hợp giữa người, đất và trời (1).

***

KẾT LUẬN

VỊ TRÍ CỦA HỘI MÙA TRONG NHÂN-SINH QUAN VÀ VŨ-TRỤ QUAN VIỆT-NAM CỔ TRUYỀN

Nhà tôn giáo dân tộc học và ngữ ngôn dân tộc học Léopld CADIÈRE đã dựa trên một số danh từ căn bản của ngữ ngôn dân gian *(trời, đất, thần, ma, quỉ, ông bà,* v.v....) để phác họa một vũ trụ quan và nhân sinh quan của đại chúng Việt-nam (2).

Chúng ta cũng có thể dựa trên một số phong tục căn bản bao hàm trong hệ thống hội mùa Việt nam để vẽ lại vài nét khác về vũ-trụ quan và nhân sinh quan ấy.

Vậy những tục cổ và trò chơi mà chúng ta đã phân tích giải thích theo quan điểm của dân tộc học sử và dân tộc học đối chiếu giúp ta hiểu được gì thêm về « triết lý dân gian Việt-nam » ?

Trong đời người nông dân có hai địa cực là lao động và hội hè. Lao động là để chế ngự thiên nhiên và mưu toan sống còn ; tổ chức hội hè giữa hai thời kỳ lao động là để *chỉnh giá* (valoriser) những cố gắng của con người lao động bằng cách hoà hợp những yếu tố nhân sinh và yếu tố vũ-trụ qua trung gian của trò chơi và tục cổ :

---

1) Nt. tr. 211-29, tr. 285-309
Marcel Granet, *Fêtes et Chansons Anciennes de la Chine,* Paris, 1929, tr. 176-258. Henri Maspéro, *La Société et la Religion des Chinois Anciens et celles des Tai modernes,* in *Les Religions Chinoises* (Mélanges Posthumes sur les Religions et l'Histoire de la Chine, tome I, Paris 1950, tr.141-94; Bonifacy, *La Fête Tày de Hồ Bổ,* in B.E.F.E.O., tome XV, 1915, fasc.,3 tr. 17-23; Henri Roux, *Quelques Minorités Ethniques du Nord Indochine,* in France-Asie nº spécial 92-93, janvier-février 1954, tr. 379-535
Dam Bo, *Les Populations Montagnardes du Sud-Indochinois,* in France-Asie, nº spécial 49-50, printemps 1950, tr. 1142-43
2) L. Cadière, *Croyances...,* sđd, tome III, tr. 41-205 : Philosophie Populaire Vietnamienne, Cosmologie — Anthropologie.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

1) giai đoạn thiên nhiên chuyển hình bước từ mùa này sang mùa khác là một đoạn có tính chất nghiêm trọng, thiêng liêng vì sự chuyển hình đó có thể đưa đến hoạ hay phúc, thất bại hay thành công, mất mùa đói kém hay phong đăng hòa cốc, ấm no hạnh phúc, vì thế nhà nông ý thức tầm quan trọng của giai đoạn giao thời ấy và cố sức dùng mọi phương tiện vừa cụ thể vừa siêu hình để góp phần vào cuộc tái tạo một trật tự mới : thể theo *luật tương đồng* phổ biến trong vũ trụ, mọi hành động của con người đều có tác dụng trên thiên nhiên, và ngược lại, mọi hiện tượng thiên nhiên đều ảnh hưởng trên cuộc sống con người, cho nên trò chơi và tục cổ (chiến đấu hí , thi đua, nam nữ đối ca) tượng trưng cuộc đấu tranh âm ỉ giữa hai mùa, giữa hai nguyên lý vũ-trụ. Sinh lực của vũ-trụ sẽ dấy lên nhờ sự khai phóntg sinh lực con người.

2) tục cổ và trò chơi vừa khích lệ tinh thần cạnh tranh, tính hiếu thắng lại vừa cổ vỏ tinh thần đoàn kết cộng đồng bởi vì hội mùa là dịp để cho đại chúng khám phá những vị anh hùng bình dân (1) : thắng cuộc trong những trò chơi tranh chấp, họ được thần thánh đặc biệt phù hộ, họ làm cho vẻ vang danh giá của bản thân, của gia đình, của xóm giềng, và sự thành công của họ báo hiệu sự thành công tương lai của công ăn việc làm trong mùa mới.

3) Là dịp ôn lại vốn cũ phong tục, hội mùa cũng nhắm mục đích thăng thưởng mọi lớp người, thanh niên, trung niên, cao niên. Các bô lão vì đã lao khổ và đã trang trải đời mình trong một trường kỳ kinh nghiệm, bây giờ được khoản đãi trọng vọng. Lớp người trưởng thành — rường cột của đời sống thôn xã — biết chứng minh cái vui vẻ, khỏe mạnh, cái tháo vát nhanh nhẹn của mình trong những trò chơi đòi hỏi tất cả sự thông minh và sức lực bền dai của con người lao động. Lớp thanh niên, trên ngưỡng cuộc đời, được đưa vào một lãnh vực giáo dục mới : giáo dục tình ái và tính năng. Hội mùa là dịp để cho thanh niên nam nữ quen biết nhau một cách toàn diện, cho họ có những khái niệm cụ thể về tình ái; lớp người lớn tuổi chẳng những không ngăn cấm mà lại còn khuyến khích con em dự phần vào mấy trò chơi và tục cổ li kỳ có chức vụ soi đường chỉ lối và truyền thụ cho con em những bí quyết của đời sống tính nắng.

---

1) Nguyễn văn Huyên, Les Chants Alternés des garçons et des filles en Annam, Paris 1934, tr. 218

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

4) Ôn lại quá khứ, sửa soạn tương lai, hội mùa long trọng hóa một khoảng thời gian trong hiện tại để đem lại cảm thông giữa cá nhân và xã hội, giữa con người và thiên nhiên, giữa hiện tại và tương lai. Đó là ý nghĩa sâu xa của tôn giáo canh nông, của tôn giáo tự nhiên bàng bạc trong tục cổ và trò chơi của hội mùa Việt-Nam. Nông dân không hề quan niệm rằng tục cổ, trò chơi chỉ là những phương tiện đơn thuần giải lao, giải trí, mà còn là những *nghi lễ vẽ canh nông* với mục đích tất yếu là tăng gia sinh sản, là bảo đảm sung túc, là đem lại bình an cho tập thể trong cái thế quân bình khá mong manh bấp bênh của đời sống dựa trên nông nghiệp. Con người đã phải trường kỳ lao động với tất cả sức lực của mình, nhưng cũng có khi cảm thấy mình chạm phải một giới hạn trước sức mạnh huyền bí và thất thường của thiên nhiên. Để bớt cảm thấy mình cô độc và bất lực trước thiên nhiên, con người mượn hội mùa làm trung gian, làm con đường thông đạt cho *ý thức dung hòa nhân sinh và vũ trụ* của mình trong khi vươn lên hợp lực với trời đất để kiến tạo, trau dồi sự sống.

LÊ VĂN HẢO

THAM KHẢO

Bắc Ninh tỉnh Khảo Dị, 6 tập, sách chép tay, ký hiệu HM 2167 (1) đến (6) của Thư Viện Société Asiatique de Paris.

Hà Đông tỉnh Khảo Dị, 2 tập, nt., HM 2172 (1) và (2)

Thanh Hóa Hoa Dân Tục lệ chí dị, 1 tập, nt., HM 2160

Thanh Hóa tỉnh tục lệ chí dị, 2 tập, nt., HM 2172 (1) và (2)

Đào tử Khải, vài ý kiến về Chiếc thạp Đào Thịnh và Văn-hóa Đồng thau, in tập san *Nghiên cứu Lịch sử*, số 27 và 29 tháng 6 và tháng 8, 1961, tr. 49-56, tr. 41-52.

Eliade, Mircéa, *Traité d'Histoire des Religions* Payot, Paris, 1953 405 tr.

Frazer, James, *Le Rameau d'Or* (traduction française de The Golden Bough), 11 vol. Geuthner, Paris, 1925-1935.

Lê văn Hảo, Vài nét về sinh hoạt của Hát Á Đào, in *Đại-Học*, số 29 tháng 10-1962, tr. 718-750

— Đọc quyển Việt-Nam Ca trù Biên Khảo của Đỗ bằng Đoàn và Đỗ trọng Huề, in *Đại-Học* số 32, tháng 4-1963, tr. 275-88

— Vài nét về sinh hoạt của Hát Quan Họ, in *Đại-Học* số 33 tháng 6-1963. tr. 351-79

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

— Nguồn gốc và Lịch trình tiến hóa của Hát Quan Họ, in *Đại-Học* số 28, tháng 8-1962, tr. 538-62.

— Sơ Khảo về Hát Trống Quân, dân ca Bắc Việt, in *Đại-Học* số 31, tháng 2-1963, tr. 98-126.

— Vài nét về sinh hoạt của Hát Giặm và Hát ví, Dân ca Nghệ Tĩnh, in *Đại-Học* số 34, tháng 8-1963, tr. 475-508.

— Vài nét về Hò, Dân ca miền Trung và miền Nam, in *Đại-Học* số 35-36, tháng 10-12-1963, tr. 696-711.

— Nam Nữ Đối ca, in *Tin Tưởng* số 5, 6, tháng 1-2-1964, Paris, tr. 7-10

— Chùa và Hội Chùa trong đời sống dân tộc, in *Tin Tưởng* số 9-10, tháng 5-6-1964, tr. 15-21.

— Introduction à l'Ethnologie du Đình, in *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises* ns., tome XXXVII, nº 1, ler trim. 1962, tr. 38-72.

— Introduction à l'Ethnologie du Đền et du Chùa, in *Revue du Sud-est Asiatique* nº 2-1963, tr. 79-114, và nº 1-1964, tr. 27-68.

— Les Fêtes Saisonnières au Việt-Nam, in *Revue du Sud-est Asiatique*, nº 4-1962, tr. 265-315.

— Ethnologie du Tết, in *Le Delta*, nºs 3-4, janv.-fév. 1964., Paris, tr. 4-7

— Nguyễn đổng Chi, Một số Tục cổ và trò chơi của người Việt-Nam trong Tết Nguyên đán và mùa xuân, in *Tập san Văn Sử Địa*, số 37, tháng 2-1958, tr. 5-17.

— Nguyễn hồng Phong, *Xã Thôn Việt-Nam* nxb. Văn Sử Địa, Hà-nội, 1959, 296 tr.

— *Tìm hiểu tính cách dân tộc*, nxb. Khoa học, Hà-nội 1963 455 tr.

— Porée-Maspéro, Evelyne, *Etude sur les Rites Agraires des Cambodgiens*, 3 tomes, Mouton et Co, Paris — La Haye, tomes I et II, 1962, 1964, 569 tr. tome III (sắp xb).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đám tang vua Gia-Long

BỬU KẾ

Vua Gia-Long , húy Nguyễn phúc Ánh, sinh năm nhâm ngọ (1762) mất năm Kỷ-mão (1820), hưởng thọ 58 tuổi.

Sau 18 năm trị vì, ngày kỷ-hợi tháng chạp (26-1-1820) bệnh tình của Vua trở nên trầm trọng. Ngài cho đòi Hoàng thái tử Nguyễn phúc Đảm, các hoàng thân, hoàng tử cùng các vị đại thần Lê-văn-Duyệt, Phạm-đăng-Hưng vào chầu. Vua để di chiếu lại cho Hoàng-tử Đảm, con thứ tư nối ngôi, cầm quyền trị nước.

Qua đến ngày đinh vị (19 tháng chạp,: 3-2-1820) Vua thăng hà (1) tại điện Trung hoà.

VUA GIA LONG THĂNG HÀ

Khi các ngự y đều tuyệt vọng , các viên quan dự sự mang long sàng (3) ra đặt chính giữa điện, quay đầu về hướng đông để người chết hưởng sinh khí. Lễ nầy gọi là thiên chính tẩm (dời chỗ nằm chính thức).

Mặc dầu trước đó Vua đã gọi các viên đại thần vào chầu, để di chiếu và di chúc (4) cho Hoàng-tử-Đảm nối ngôi và dặn dò mọi việc , nhưng trong giờ phút nầy, giữa lúc âm dương cách biệt, các hoàng thân, đại thần chiếu theo nghi lễ, vẫn hỏi Vua xem ngài có trối trăn điều gì để chép lại . Vì quá nhọc mệt nên Vua chỉ lắc đầu chứ không nói gì cả, hơi thở thì yếu lắm. Những kẻ hầu cận mang áo quần mới đến thay cho Vua rồi đặt bông lên mũi ngài để biết rõ lúc nào ngài ngừng thở hẳn. Một đôi đủa ngọc được đặt ngang miệng, giữa hai hàm răng của người chết khiến hàm xai không thể ngậm chặt lại, gây khó khăn cho việc làm lễ phạn hàm tức là lễ bỏ những viên ngọc vào miệng Vua. (5)

Lúc bấy giờ tuy Vua đã ngừng thở nhưng hơi ấm vẫn còn. Các quan mới rước ngài xuống nằm giữa nền nhà trên chiếu kê vàng với hy-vọng nhờ hơi đất, ngài có thể hồi sinh được.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đó chỉ là một hành động theo lễ chứ không một ai nghĩ rằng Vua có thể sống lại. Những người có nhiệm vụ trông coi việc khâm liệm áp lên ngực Vua, một tấm lụa trắng dài 7 thước gấp lại thành những khổ ngắn để lúc hồn thoát khỏi xác thì nhập vào. Lụa thắt thành thần bạch tức là hình nhân có đầu và hai tay hai chân. Trong lúc chưa có thần chủ (7), hồn nương tựa vào thần bạch Cứ mỗi sáng mang ra đặt lên linh tọa, chiều tối mang vào đặt lên linh sàng (8). Hoàng tử Đảm, người đứng chủ tế, có nhiệm vụ tâu với Vua cha : Nay đã sáng rồi xin mời Hoàng Khảo (9) ra... Nay đã tối xin rước Hoàng khảo vào... Thờ người chết cũng giống hệt thờ người sống.

Thân thể của Vua dùng nước ngũ vị hương (10) để tắm gội đoạn mặc vào một bộ áo đại triều : mũ cửu long, áo hoàng bào, đai ngọc, chân đi hia, tay cầm ngọc trấn quê như lúc Vua ngự những buổi thiết triều quan trọng.

Qua ngày hôm sau, vào giờ thìn (từ 7 giờ đến 9 giờ sáng), cử hành lễ tiểu liệm. Một chiếc giường đặt tại hướng tây của ngự tẩm trên đó trải chiếu hoa và lát nệm. Thi thể của Vua mang sang chiếc giường nầy. Trên giường đã trải sẵn một dung lụa dài 14 thước, ba đoạn lụa khác, mỗi đoạn dài 6 thước, nằm vắt lên trên. Các đầu lụa đều xé làm ba để tiện việc buộc lại sau khi đã bó chặt xác chết. Tiếp theo lễ tiểu liệm là lễ đại liệm. Một chiếc giường đặt tại hướng đông ngự tẩm, cũng trải nệm và chiếu hoa, trên ấy cũng có những dung lụa như tiểu liệm. Chỉ khác một điều là năm khổ lụa trải ngang chứ không phải ba như ở tiểu liệm.

Ngoài những dung lụa của tiểu liệm, đại liệm, còn có chăn liệm chữ gọi là khâm bó ra ngoài, lại còn tạ quan, tức thứ hàng lụa bọc ra ngoài cả, trước khi bỏ vào tử cung. (12)

Trong khi cử hành lễ tiểu liệm và đại liệm, trên bàn thờ, ngoài hương đèn trầm trà, còn có heo xôi để cúng người chết.

Khi thi thể của Vua được đặt vào tử cung rồi (giờ vị) Thái giám hướng dẫn các quan văn võ trong triều từ nhì phẩm trở lên vào dự lễ. Vua Minh-Mạng khóc lạy hai lạy, sau lưng Ngài có các hoàng thân, hoàng tử, đại thần, tôn tước, theo phẩm trật đến lạy trước tử cung. Các bà nội cung, lần đầu tiên rời khỏi nơi cung cấm ra một nơi đông đảo để khóc lạy Vua trong lúc Ngài lâm chung.

Bản số hoá 2016: ĐCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Kể từ ngày 21 (5-1) nghĩa là sau khi Vua băng được hai hôm, ngày nào cũng có lễ triêu điện, tịch điện, (13) mỗi lần hai mâm hào soạn như ta cúng cơm mai và cơm tối.

Cũng trong ngày 21, Vua ban hành một bản dụ loan báo tang lễ cho dân chúng tại Kinh và tại ngoại biết.

Bản dụ đại ý: Tháng 11 năm nay, Hoàng khảo ta thánh thể bất an. Qua ngày 11 tháng chạp bệnh tình bỗng trở nên trầm trọng. Ngày hôm ấy Hoàng Khảo cho đòi ta vào chầu để thọ di chiếu. Ta chịu tang ba năm Tại Kinh và các Tỉnh, thời gian cư tang tùy theo chức tước phẩm trật của mỗi người.

Các Hoàng tử, hoàng nữ, hoàng tôn (14) của Tiên đế (15) tiền triều nội cung (16) vợ của các hoàng tử, hoàng tôn của Tiên đế đều mặc trảm thôi (17) ba năm. Các thái trưởng công chúa chị của Tiên đế mặc áo trảm tương (18) 1 năm, các công chúa, em của Tiên đế mặc trảm thôi ba năm. Bà con thân thuộc, người nào có chức tước của triều đình thì mặc theo chức tước, bằng không thì mặc áo trắng bịt khăn trắng.

Tại Kinh cũng như tại các tỉnh, các quan văn quan võ từ tam phẩm trở lên mặc trảm thôi ba năm, từ lục phẩm trở lên để tang 1 năm, cửu phẩm trở lên 9 tháng, Con trưởng của các quan đại thần nhất phẩm chịu tang 1 năm, con quan nhì phẩm 9 tháng, tam phẩm 5 tháng. Các phu nhân vợ chính của các quan từ lục phẩm trở lên đều để tang như chồng.

Cấm hẳn các quan văn võ từ tam phẩm trở lên không được cử hành hôn lễ trong thời gian 100 ngày kể từ khi bắt đầu chịu tang. Các quan tứ phẩm trở xuống : 2 tháng, binh sĩ và dân chúng : 27 ngày.

Các quan từ tam phẩm trở lên không được mặc áo điều, áo đỏ, không được ca vũ xướng hát trong vòng 27 tháng, từ lục phẩm trở lên trong vòng một năm, cửu phẩm trở lên 9 tháng, còn binh sĩ và dân chúng thì 100 ngày v.v....

Lúc tiếp được dụ này, các quan tỉnh, phủ huyện phải hội họp thuộc viên lại, thiết hương án tại công đường, khóc lạy 5 lạy để tỏ lòng đau thương Rồi theo phẩm trật may áo chế, chậm nhất là trong bốn hôm phải làm lễ thành phục.

LỄ ĐĂNG QUANG

Ngày 22 tháng chạp, Vua Minh-Mạng phái hoàng-tử Kiến-An, con thứ 5 của vua Gia Long vào điện Hoàng-Nhơn cáo cùng bà Thừa Thiên

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Cao Hoàng Hậu biết, xin phép dời linh vị của ngài qua gian phía bên hữu để đến ngày 24 tiện việc đưa tử cung của vua Gia Long vào gian giữa điện nầy.

Ngày 25 làm lễ thành phục, ngày 28 vua Minh Mạng vào điện Hoàng Nhân khóc lạy và nhận di chiếu. Đình thần chọn ngày Mồng 1 tháng Giêng năm canh thìn (14-2-1820) thì làm lễ đăng quang (19) tại điện Thái Hoà, đặt niên hiệu Minh Mạng, ban ân chiếu trong nước. Ngoài ra vua lại phái người cáo tri cho các lân ban.

Từ trước các quan đã được phái đem lễ vật lên đàn Nam Giao, vào các Miếu (Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu) đến đàn xã tắc, cáo với Trời đất, các đấng tiên Vương rõ về ngày tháng cử hành lễ đăng quang Riêng vua Minh-Mạng, ngài tự thân hành cáo trước án thờ bà Thừa-Thiên Cao Hoàng Hậu mẹ ruột của Đông Cung Hoàng tử Cảnh, nhưng cũng đã từng nuôi ngài làm con nuôi và chăm nom săn sóc chẳng khác gì con đẻ. Sau đó, Ngài vào cung tâu với Đức Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, sanh mẫu của Ngài...

Trước ngày lễ đăng quang hai hôm, tại Điện Phụng Tiên trang hoàng cờ xí tàng lọng, quân lính dàn hầu để vua Minh Mạng làm lễ thọ di-chiếu. Vua cũng như các ông Hoàng, các quan văn quan võ đều mặc lễ phục. Ngài quì xuống nghe quan đại thần bộ lễ đọc di chiếu. Khi đọc xong liền bỏ vào trắp dâng lên vua. Ngài tiếp nhận đưa cao ngang trán để tỏ lòng cung kính đoạn trao lại cho một viên quan bộ lễ đứng bên cạnh.

Sáu vị đại thần, phân chia tả hữu quì hai bên vua. Ba vị có nhiệm vụ dâng lên vua các trắp kim sách, truyền quốc bửu tỷ, bộ đại triều gồm có cổn miện và hia đai. Ngài lần lượt nhận lấy. gia ngạch. đoạn trao lại cho ba vị kia. Khi lễ chấm dứt các thứ nầy đều để cả vào long đình, còn vua Minh Mạng đến trước thần toạ của bà Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu lạy bốn lạy, rồi vào cung của Hoàng mẫu thái phi, làm gia nhân lễ tức là buổi lễ chỉ có tính cách gia đình.

Qua ngày mồng một lễ đăng quang chính thức cử hành tại điện Thái-Hoà nên ở đây đã thiết đại triều nghi, còn ở điện Cần Chánh đóng vai phụ nên chỉ thiết thường triều mà thôi.

Thiết Đại Triều cũng như thường triều, có nghĩa là sắp hàng để dàn hầu khiến buổi lễ trở nên oai nghiêm, long trọng. Quan quân y phục tề chỉnh, cầm cờ xí đủ các loại, tàng lọng, binh khí, phủ việt (21), mao tiết

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

(22), để lô (23), phất trần v.v... Ngoài ra, còn cả một đội lính nhạc. Thường triều đơn giản hơn, không những ít hơn về số quân lính, cờ xí, lại không có cả voi ngựa, xe kim lộ, ngọc lộ của vua như trong trường hợp thiết đại triều.

Chung quanh và trước mặt điện Thái Hòa, ra tận ngoài cầu Kim thủy, hữu ty thiết đại triều nghi, còn trong điện thì sắp sẵn những cái bàn phủ lụa vàng (hoàng án), trên đó để những cái trắp đựng di chiếu, đựng ấn truyền quốc bửu tỷ và hộp son, trắp đựng kim sách, đại cáo chiếu văn, trắp đựng cỗn miễn ngự phục. Những thứ nầy nguyên để tại long đình như ta đã thấy ở đoạn trên.

Đầu canh năm, sau khi ba hồi trống báo nghiêm chầm dứt trên kỳ đài liền kéo lên một lá cờ vàng rất lớn.

Các Hoàng tử, hoàng thân, Tôn nhơn, Văn võ đình thần mặc lễ phục theo phẩm trật lớn nhỏ sắp hàng tề chỉnh. Các hoàng thân đứng ở trên điện, còn bá quan đứng dưới điện trước sân chầu.

Vua Minh Mạng đội mủ cửu long, mặc hoàng bào, mang đai ngọc chân đi hia, ngồi trên ngai điện Cần chánh. Hữu ty sửa soạn xa giá và rước ngài lên kiệu. Trước sau đều có nội thần (24), quân lính theo hộ tùng. Ra đến điện Thái Hòa, Ngài xuống kiệu. Hai nhà ở tả hữu cửa đại cung môn chuông trống nổi lên. Từ điện Càn Nguyên phát ra 9 tiếng lệnh. Vua ngồi trên ngai đặt chính giữa điện Thái Hòa. Nội giám đốt hương trầm, các quan lạy 5 lạy để làm lễ tôn ngài lên ngôi vua. Các quan lần lược làm lễ dâng kim sách và hạ biểu (biểu mừng của bá quan) Kim sách và hạ biểu đều do một viên quan đọc lên và các quan quì để nghe. Đọc xong đều bỏ vào trắp đặt lại trên hoàng án. Kế đến một viên quan khác ra quì trước ngai vàng, tâu xin vua lần đầu tiên sử dụng ấn ngọc truyền quốc, tượng trưng cho quân quyền. Một viên quan khác lại tâu xin vua truyền chiếu chỉ. Chếu chỉ nầy được một viên quan đọc lên, công bố để thần dân trong nước được biết vẽ lễ đăng quang.

Bản chiếu văn do quan bộ Lễ bỏ vào trắp, rồi tàng lọng che, quân lính cầm gươm giáo theo hầu, từ Đại-Nội ra cửa Quang-Đức đến Phu văn Lâu niêm yết.

Một viên nội thần tâu xin phép vua bắn 9 tiếng đại bác chào mừng. Để kết thúc buổi lễ, một viên quan tâu lễ thành. Ngài lên xa giá trở về điện Cần Chánh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bá quan theo chầu, đứng cả trước sân điện để lạy mừng năm lạy. Lần nầy, ngoài văn võ bá quan ra, còn thấy một số người trong hoàng tộc cùng các quan đã được tập ấm ra sắp hàng lạy mừng năm lạy.

Sau khi buổi lễ chấm dứt, chiếu văn, ngoài việc dán tại Phuvăn Lâu, bộ Lại còn có nhiệm vụ gởi khắp các tỉnh để mọi người đều biết.

Mở đầu, bàibố cáo nói đến sự quan trọng trong việc lựa chọn người kế vị để thờ phụng Tôn miếu xã tắc. Tiếp đến, ca tụng công đức của vua cha võ công hiển hách tạo lập cơ đồ, củng cố ngôi báu ân huệ thấm nhuần trăm họ. Tại vị 18 năm ân cần lo lắng công đức sánh tày trời đất. Không ngờ cõi hạc xa chơi để khổ đau cho cả non sông cây cỏ.

Sau đó vua Minh Mạng bày tỏ nỗi lo âu tài hèn đức bạc mà phải gánh vác nhiệm vụ nặng nề.

Thế theo lời của các hoàng thân đại thần văn võ bá quan dâng phiến xin Ngài tuân theo di chiếu sớm lên ngôi để chính vị hiệu.

Sau khi đã làm lễ cáo ở đàn Nam Giao và các Miếu, ngày Mồng Một tháng Giêng năm nay vua làm lễ đăng quang ở điện Thái Hòa, nhận mạng sáng (minh mạng) của Trời, chịu mạng sáng (minh mạng) của vua Cha, lấy năm nay, Canh thìn, làm Minh Mạng nguyên niên. để chính huy hiệu. Nay bố cáo cho mọi người cùng biết.

Chiếu theo lệ cũ, sau khi bố cáo lễđăng quang, vua ra ân chiếu16 điều gồm có các khoản: Giảm sưu thuế, phong tước, phong chức cho các ông hoàng và quan lại, mở rộng trường Quốc tử Giám; tăng học bổng cho sinh viên; gia tăng chức tước cho các thần linh; giảm tử tội; giặc cướp xuất thú được nhẹ tội v.v...

*

Sau khi lên ngôi, suốt trong thời gian cư tang, vua ở tại điện Quang Minh, mùng màng đều toàn vải trắng, dùng cung Tả phương để xem và phê chiếu sớ cùng giải quyết những vấn đề trọng đại trong nước. Lúc ngồi làm việc ngài mặc khăn áo chế, còn các quan thì áo đen khăn trắng. Gặp việc quan trọng cần phải ra khỏi cung Tả phương, Ngài vẫn đi lọng và cờ quạt theo hầu, nhưng lọng trơn không thêu rồng.

Mỗi tháng một lần vào ngày Mồng Một và Rằm, có những lễ tế lớn, vua cầm đầu bá quan để làm lễ. Trong điện Hoàng nhơn, các hoàng tử

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ngày đêm thay nhau để túc trực, các quan thì chia thành ba toán để cùng vua Minh Mạng tham dự các lễ triều điện, tịch điện.

Ngày 10 tháng 3 Minh Mạng nguyên niên (22-4-1820) Đình thần xin chế tạo Kim sách gồm có 9 tờ bằng vàng, một bề hơn 6 tấc 3 phân một bề hơn 3 tấc 5 phân.

Ngày 12 tháng ba cử hành lễ Tôn Thụy và Miếu Hiệu. Vua Minh Mạng, mặc tang phục xồ trôn, cung kính duyệt lại quyển Kim sách và xem lại ấn vàng. Các thứ nầy đều đặt vào long đình gánh đến điện Hoàng nhơn, vua Minh Mạng, chân đi đất theo hầu thể đình. Làm lễ trước linh sàng xong, miếu hiệu của vua viết vào minh tinh treo bên hữu tử cung. Thụy của vua gồm những chữ tốt đẹp đúc kết lại. Khai thiên, hoằng đạo, lập kỷ, thùy thống, thần văn, thánh võ, tuấn đức, long công, chí nhơn, đại hiếu, Thế tổ Cao hoàng đế chi tử cung. (Tử cung của Thế Tổ cao Hoàng Đế, người đã mở rộng trời đất đạo lý, đặt ra kỷ cương để truyền cho con cháu, văn võ đều thần thông, hết sức nhân ái, rất mực hiếu thảo).

Trong kim sách, sau khi tán dương và kể sơ lược những chiến công oanh liệt, những nỗi gian lao, những tài cầm quyền trị nước của vua cha, vua Minh Mạng kết luận đại ý : Các quan trong triều, dân chúng, cả những kẻ ở nơi thâm sơn cùng cốc đều cảm xúc đau buồn. Lòng nhân ái của hoàng khảo ta mênh mông không bờ bến, công đức của hoàng khảo vô lượng vô biên, chỉ có thể nói lên được trong muôn một. Một lòng thành kính, tiểu tử cầm đầu bá quan, sau khi cáo với Trời Đất và Liệt Thánh (25), xin dâng lên Hoàng khảo Kim sách với Tôn Thụy và Miếu hiệu. Thành kính cúi đầu xin Hoàng Khảo nhận lấy miếu hiệu, ban phúc lành để núi sông được trường tồn với đất nước.

Trước đó bộ Lễ dâng phiến tâu rằng : Trong buổi lễ phụng duyệt kim sách vua mặc áo trắng lên trôn (tức áo thường chứ không phải áo chế, sau đó đi xe theo long đình đến điện Hoàng Nhơn . Nhưng vua Minh Mạng lại phê : Trong lúc duyệt kim sách trẩm phải mặc đại tang, theo long đình thì phải đi chân trong lòng mới thỏa đáng. Các quan đại thần đều can giáng. « Hoàng đế không nên mặc đại tang tại điện Hoàng Nhơn là nơi quyết đoán việc nước trọng đại, lúc Tiên Hoàng có tang mẫu hậu, duyệt kim sách cũng không mặc tang phục, vậy tưởng nên theo phiến bộ lễ nghi ». Vua Minh Mạng chấp thuận chỉ mặc áo trắng nhưng đi bộ theo long đình chứ không đi xe.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tiếp theo, vua ban một đạo dụ đưa tử cung của vua Gia Long đến điện Trung hòa để mai tôi ngài được gần gủi.

Vua sai Khâm thiên giám ấn định ngày tang nghi. Đến đây ta thấy có sự bất đồng giữa quan Khâm thiên đại thần Hoàng Công Dương và Lê duy Thanh hàm Thị Trung trực Học sĩ.

Hoàng công Dương lựa ngày 16 tháng tư, giờ Đinh Sửu (27- Mai 1820) Lê duy Thanh, chọn ngày 29 tháng Ba, giờ Đinh Sửu ông nào cũng cương quyết cho rằng sự lựa chọn của mình hợp lý. Vua Minh Mạng lấy làm băn khoăn liền sắc cho các quan đại thần:

Quan Văn từ chức Thiêm Sự, quan võ từ chức Thống Chế trở lên phải kính cẩn và hết lòng chu đáo lo lắng tang nghi vì đó là một công việc hết sức trọng đại, mọi sự phải được hoàn hảo để thỏa lòng hiếu thảo của Trẫm đối với Tiên Đế. Trẫm cho phép chư khanh cứ thật tỏ bày. Nếu kẻ nào vì tình đồng liêu chấp nhận ý kiến của kẻ khác nhưng sau đó lại đem địa lý ra gây thành những điều nghi ngờ thì sẽ bị nghiêm trị.

Các quan trong triều bàn định rất kỹ cho rằng tháng Tư ngày Tân Sửu mà quan Khâm thiên Hoàng Công Dương đã chọn là ngày tốt hơn cả. Các hoàng thân con vua Gia-Long đều được mời tham dự cuộc bàn định nầy. Khi ấy vua Minh Mạng mới quyết định chấp thuận. Ngài bảo Nguyễn văn Nhơn, Lê Chất, Nguyễn đức Xuyên và một số đại thần khác : Tang nghi là một lễ rất trọng đại, các chi tiết phiền phức. Trẫm vì đau đớn nên không kiểm soát hết được, nếu có gì sơ suất sẽ đi hận cho Trẫm suốt đời. Vậy chư khanh phải đem tất cả tâm trí ra để giúp Trẫm và đừng bỏ sót một điều gì mà luật lệ đã ấn định.

Ngày 6 tháng 4- 17-5-1820 — Các quan mặc áo đại triều, có lính nhạc theo hầu nhưng không cử nhạc (chữ gọi là thiết nhi bất tác) lên đàn Nam Giao vào các miếu, đàn Xã tắc điện Minh Thành Thần Hậu Thổ, Thần Núi Thiên Thọ để cáo với các vị ấy biết rõ về ngày đưa đám.

Cũng trong ngày hôm ấy giờ vị, dâng cúng một lễ tam sinh cho thổ thần và khỉ sự đào huyệt. Trước khi đào huyệt có cúng hào soạn và tam sanh. Huyệt nầy chữ gọi là Huyền cung. Vua Minh Mạng cầm đầu bá quan vào trước tử cung của vua cáo để Tiên Hoàng biết tang nghi sắp đặt đã hoàn thành và chọn ngày Tân Sửu tháng tư thì xin rước Ngài lên lăng. Các lăng nằm dọc theo con đường mà đám tang sẽ đi qua như lăng Cơ thánh và Thoại Thánh nơi chôn thân phụ và thân mẫu vua Gia Long đều có làm lễ kỳ cáo.

*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một bản dụ công bố tại kinh và tại ngoại cấm dùng y phục điều đỏ, cấm cử nhạc, cấm tổ chức những buổi hát xướng từ trước lễ Khải Điện (27-5-1820) cho đến lễ tốt khốc (29-6-1820). Ngoài sự cấm đoán về việc ăn mặc xướng hát lại còn cấm hạ heo bò trong 5 ngày tức từ lễ Khải điện đến lễ Sơ ngu (23-28-5-1820).

Tả quân Lê văn Duyệt Tổng hộ Sứ, một chức lớn nhất trong lễ tang nghi, có nhiệm vụ trông coi tất cả. Phụ tá Lê văn Duyệt có Lê Chất, Nguyễn văn Nhơn và Nguyễn đức Xuyên sung chức Phù Luyện có Tôn thất Bính, Tôn thất Địch phụ tá. Tổng phúc Lương giữ chức Sơn lăng Sứ có Nguyễn xuân Phục phụ tá; Trương tấn Bửu., Nguyễn văn Vân, Nguyễn văn Trí và Mai văn Thanh chỉ huy hai đạo quân tả hữu theo hầu đám tang. Trong khi vua và triều đình lên lăng Thiên Thọ, Tử cấm thành do Trương phúc Đăng, Hoàng Thành do Trần văn Năng đốc suất binh sĩ ngày đêm canh gác cẩn mật.

Các hoàng thân, hoàng tử, các quan văn võ đại thần ngũ phẩm trở lên, các bi nh sĩ dự sự ra vào cung cấm đều phải mang theo hoặc một cái thẻ hoặc một cái bài đặc biệt. Hoàng thân mang thẻ đầu rồng bằng vàng, hoàng tử bài vàng, các quan văn võ nhất phẩm mang thẻ đầu rồng bằng bạc — võ quan mặc nhung phục —, văn võ từ nhì đến ngũ phẩm mang thẻ ngà, còn binh sĩ giắt một cái thẻ ở lưng.

Theo lệnh của vua, Lê văn Duyệt và Lê Chất huấn luyện binh sĩ dưới sông cũng như trên bộ để hàng lối được tề chỉnh.

Ngày 12 lễ khải điện vua Minh Mạng thân đứng chánh bái dưới sự điều khiển của Lê văn Duyệt, Tổng hộ sứ, các quan tháo hết cả màng trướng giăng che và phủ trên tử cung. Quan Thượng Thư bộ Lễ và quan khâm thiên đến xem thử tử cung đặt có đúng phương hướng.

Các vị thần trông coi cửa Hoàng Nhơn, Tả Đoan Thị nguyên, các khẩn ngự trị các con đường từ kinh thành đến núi Thiên Thọ, Thần Hà Bá trông coi các con sông, Đô thành hoàng đều được cúng heo xôi, cáo trước cho biết tang nghi sẽ đi ngang qua.

TỐ ĐIỆN.

Cũng trong ngày hôm ấy (23-5-1820) vào giờ Thân (từ 3 đến 5 giờ chiều) lễ tố điện (26) cử hành tại điện Hoàng Nhơn và qua giờ dần (từ 3

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đến 5 giờ sáng) ngày hôm sau (24-5) cử hành lễ khiển điện (27) với sự tham dự của vua Minh Mạng.

Lê văn Duyệt, Khâm Sai Tả quân mặc nhung phục, đầu bịt khăn trắng cùng các võ quan điều khiển tang lễ. Dư quân (28) gánh đại thăng dư (29) vào đặt tại chính giữa lô điện xây về hướng nam, đoạn đứng hầu chờ mệnh lệnh.

Một viên quan bộ Lễ lạy trước tử cung xin phép khiên ra đặt vào bàn đại thăng dư. Các hoàng thân đã được phong tước, cầm minh tinh, thần bạch, thần chủ thánh vị và linh tọa. Nội giám bưng các trắp kim sách, thụy sách, và các vật vua Gia Long thường dùng hàng ngày.

Dư quân vào trước sân điện lạy 4 lạy chia thành 2 toán tả hữu bước lên thềm trong khi ấy những người dự sự cất hết những tấm màng vàng bao phủ chung quanh tử cung, . Dư quân gánh tử cung đầu quay về hướng nam đem ra đặt lên đại thăng dư. Lúc bấy giờ người ta phủ lên tử cung một tấm màng điểm họa. Linh tọa của vua gánh ra đặt trước đại thăng và cũng quay về hướng nam. Thần bạch đặt ở giữa, phía sau là thần chủ thánh vị; hai bên kim sách, minh tinh cùng là các thứ ngự dụng.

Vua Minh Mạng cùng các hoàng thân đình thần ra làm lễ. Trong dịp nầy Hoàng mẫu, (tức bà Thuận Thiên Cao Hoàng hậu) công chúa, các cung phi dâng ba lễ tế. Tế xong, mọi người rút lui.

Quan Khâm Mạng thủ thành đến trước ngự tọa lạy 4 lạy để từ biệt vì phải ở lại giữ kinh thành không theo hầu đám tang được.

Giờ mão, một quan đại thần bộ Lễ lạy trước tử cung xin long giá (30) khởi hành.

Đám tang theo thứ tự đã hoạch định sẵn từ từ lên đàng. Dư quân miệng ngậm thẻ, từ cửa Hoàng nhân đưa đám tang ra khỏi hoàng thành rồi do cửa Thể nhân ra ngoài kinh thành. Vua Minh Mạng đi chân theo hầu đại thăng dư, một số hoàng thân và bá quan hộ tùng sau lưng.

Đám tang ra khỏi kinh thành thì một lá cờ trắng kéo lên kỳ đài, lệnh phát chín tiếng. Hoàng mẫu hậu, các công chúa, vợ các hoàng thân hoàng điệt, các bà mạng phụ trong bổ vi do một con đường khác ít đông đúc,đến trước, chực sẵn ở bến đò.

Tại đây đã dựng sẵn lô điện. Đám tang lúc đến tạm đặt ngay giữa lô điện để nghỉ ngơi trong chốc lát. Một viên quan bộ lễ quỳ tâu rước long giá xuống thuyền. Một quan khác quì tâu để rước thần bạch. Thế rồi

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

các quan dự sự lần lượt chuyển vận tất cả xuống thuyền sắp đặt tề chỉnh,

Trong lúc thuyền đi trên sông, vẫn cử hành lễ triêu điện tịch điện. Vua Minh Mạng các hoàng thân, hoàng tử các quan làm lễ theo tiếng xướng của quan bộ Lễ.

Ngày mười bốn, từ sáng sớm, quan Tổng hộ sứ lại ra lệnh khởi hành, chiếu theo một đồ bản đã vạch sẵn. Các đình chùa, miếu vũ, các nơi quang đãng của các làng xã nằm dọc theo bờ sông, đều đặt hương án, hai bên che lọng, đốt hương trầm, thắp nến, lúc thuyền đám ngang qua, các nhà sư tụng kinh gõ mõ, các hương chức quỳ khóc lạy bốn lạy để tiễn đưa rồi lúc đám trở về cũng quỳ lạy để đón rước.

Ngày 15 trong lúc trời bắt đầu mờ mờ sáng, quan Khâm Mạng làm lễ kỳ cáo các vị thần trông coi tôn lăng đạo lộ, tiếp theo là lễ ân điện gồm có tam sinh và hào soạn. Chiều lại đám tang đến bên lăng Thiên thọ. Suốt cả đêm đèn đuốc sáng rực cả một vùng.

Ngày 16, giờ mão (từ 5 đến 7 giờ) quan Khâm thiên tuyên bố giờ lành. Quan Đại thần bộ lễ quỳ tâu rước long giá lên bộ. Quan Tổng hộ sứ điều khiển mấy người dự sự và dư quân theo trật tự đã ghi trong đồ bản khởi hành. Đường mỗi lúc một khó khăn nhưng dư quân đã dày công luyện tập nên tử cung vẫn giữ thăng bằng chứ không mảy may giao động.

Vua Minh Mạng đi trên một cỗ xe kéo cùng với các hoàng thân các quan đại thần hộ tùng theo hầu sau bàn đại thăng dư. Khi đến nơi, các bàn đựng các vật ngự dụng, đựng hào soạn, minh tinh, đều đặt tại phía đông của lăng xây về hướng nam.

Đại thăng dư đến trước điện minh thành, lên tam cấp đem vào đặt giữa lô điện, đầu quay về hướng nam. Một viên quan bộ lễ quỳ tâu với Thần Bạch xin rước lên Minh Thành. Chiếc xe kéo thần bạch đến tam cấp điện ngừng lại. Viên quan bộ Lễ quì rước xuống xe để đem đặt lên thần tọa. Việc bưng thần bạch từ xe lên thần tọa do một hoàng thân em vua Gia Long phụ trách. Người ta đặt thần chủ nằm ngay sau lưng thần bạch, những trắp kim sách, kim bửu và đồ ngự dụng sắp ở hai bên. Các bàn hương án, minh khí bàn đựng hào soạn theo thứ tự để trước lăng.

Giờ dậu (5 đến 7 giờ) Quan đại thần bộ Lễ quì tâu: Hôm nay chọn được giờ lành xin đem tử cung đặt vào huyền cung .

, Quan Tổng hộ sứ ra lệnh cho những người dự sự và dư quân mang tử cung đặt xuống huyệt đoạn rẻ ra hai bên đứng hầu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vua Minh Mạng lúc ấy không khóc nữa, đến trước huyệt nhìn xem các quan đặt tử cung đứng theo phương hướng và phủ lên một tấm màng lớn rồi trên nữa trải, tấm minh tinh.

Tại bên trái của lăng đã đào sẵn một cái hố sâu làm nơi chôn minh khí (32). Trước huyền cung đã dựng sẵn một ngôi nhà tạm. Ngay giữa gian nhà nầy người ta kê hương án, trước hương án là một cái bàn trên đó đặt sẵn trắp đựng những tấm lụa để dùng cúng người chết, trắp đựng hương sách, thẻ sách. Phía ngoài cả đã dành sẵn một chỗ để vua Minh Mạng đứng hành lễ.

Tử cung đã nằm yên trong huyền cung rồi. Vua Minh Mạng cùng các hoàng thân, đình thần làm lễ tấn tặng (33). Phẩm vật gồm có giấy vàng bạc, hương đèn trầm trà, cau trầu rượu.

Sau khi dâng tuần rượu, vua quỳ xuống trước bàn thờ và khi nghe viên quan bộ Lễ xướng « Tấu tấn tặng tệ », viên chấp sự bưng tặng tệ quỳ trao cho vua Minh Mạng. Ngài nhận lấy đưa lên ngang tráng để tỏ lòng cung kính và ngụ ý dâng mấy cây lụa lên vua cha đoạn giao lại cho viên chấp sự đặt lên án. Tiếp theo, viên quan bộ lễ tâu « Tấn minh khí sách » quan chấp sự quỳ dâng trắp đựng sách minh khí,giống hệt lúc làm lễ tấn tặng tệ.

Lễ chấm dứt. Một quan chấp sự đem tặng tệ đến huyền cung trải lên trên minh tinh, còn những quan khác mang trắp đựng minh khí sách, trắp đựng quyển sách, hương sách, những vật ngự dùng hằng ngày, bàn đại thăng dư v.v... đến bên sườn núi, đốt cháy thành tro rồi chôn trong cái hố đào sẵn mà đoạn trên đã nói đến.

Các hoàng thân, các quan vội vàng rút lui để nhường chỗ lại cho các bà. Trước đó lúc đám tang từ giả bến đò để lên lăng thì các bà hoàng mẫu hậu, Thái trưởng công chúa, công chúa, Nội cung, phủ thiếp (34) mạng phụ đã đến trước, chực sẵn ở điện Minh Thành và đợi khi cử hành lễ tấn tặng xong, các quan rút lui hết lúc ấy các bà đến trước huyền cung làm lễ. Và lễ xong thì trở vào tạm trú tại một ngôi nhà sau điện Minh Thành.

Người ta chụp lên trên tử cung một cái quách, rưới lên một lớp nhựa thông rồi đến lớp đá cuội.

Vua Minh Mạng và các người tùy tùng vào điện Minh Thành làm lễ tịch điện.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngày 17 (28-5-1820) vào lúc sáng sớm các quan chấp sự dùng lễ tam sanh cúng tạ thần Hậu Thổ, thần núi Thiên Thọ và thần Thành Hoàng địa phương.

Cũng trong ngày hôm ấy từ sáng sớm, các quan dự sự đặt trước bàn thờ vua Gia Long một cái hương án xây về hướng nam. Trước hương án này ta thấy ba cái bàn. Bàn ở giữa tạm đặt thần chủ lên trên ấy, bàn nằm về hướng đông dùng vào việc để thần vị, ở trên đã bày sẵn nghiên bút, son mực và phía sau, cái dá để thau nước và hai khăn lau, bàn nằm về hướng tây dùng làm nơi vua đứng lạy (ngự bái vị).

Đến giờ, một viên quan bộ lễ tâu xin làm lễ để thần chủ.

Vua Minh Mạng mặc áo quần chễ đứng tại phía đông ngự bái vị. Quan Khâm Mạng để chủ mặc triều phục đội mũ đi hia đến rửa tay. Quan Nội giám hai tay kính cẩn bưng thần chủ đặt lên bàn. Quan để chủ đến lấy bút để vào thần chủ thụy hiệu của vua. Để xong đem thần chủ đặt vào giữa khám thờ.

Như ta đã thấy sau khi vua thắng hà, linh hồn ngài nương tựa vào thần bạch vì lúc bấy giờ chưa có thần chủ. Nay thần chủ đã để xong, thần bạch liền được tháo ra, tấm lụa xếp bỏ vào trong một cái hộp đặt sau lưng thần chủ.

Sau đó, đến lễ đốt hương và dâng rượu. Mọi việc đều cử hành theo tiếng xướng của viên quan bộ lễ.

Các quan dự sự sữa soạn lễ Sơ ngu (35) gồm có tam sinh và hào soạn. Tấm lụa đã dùng để thắt thần bạch đem chôn trước điện Minh thành. Vua Minh Mạng thân hành bưng thần chủ đặt lên chiếc xe vua Gia -Long thường dùng, còn thái giám mang kim sách và thể sách đặt hai bên thần chủ. Xe kéo đến bến và rước lên thuyền. Lúc về Kinh cũng chính vua Minh Mạng tự tay bưng thần chủ đặt vào gian giữa điện Hoàng nhơn và làm lễ an vị.

Lúc đám về cũng như lúc đám đi, thần chủ được kính trọng như người sống, nên trước khi cử hành lễ đều phải tâu cho thần chủ biết.

Lễ an vị cử hành xong thì trên kỳ đài kéo lên lá cờ vàng và lệnh phát năm tiếng.

Thế rồi từ đó mỗi tháng 2 lần, rằm và mồng một lại có lễ cúng cho linh hồn vua Gia-Long.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngày 22 (2-6-1820) một viên khâm mạng làm lễ tại đàn Nam Giao các miếu, đàn xã tắc để chư thần và liệt thánh biết tang lễ đã hoàn thành. Đồng thời một bản dụ được ấn hành để quốc dân rõ.

Tiếp theo lễ Sơ ngu ta vừa thấy ở trên, đến lễ Tái ngu (36) cử hành vào hôm 24 (4-6-1820) và lễ Tam ngu (37) ngày 25 rồi kéo dài cho đến Cửu ngu (38).

Vua ban cấp một số tiền 14.000 quan để thưởng cho dư quân những quân lính và đội quản đã tham dự vào đám tang và đem phân phát 1.400 quan cho quản vệ và lính hộ lăng.

Vua Minh Mạng lại bỏ ra một số tiền rất lớn để thuê thợ làm xe cộ ghe thuyền lâu đài bằng giấy để đốt cho vua Gia Long trong dịp tang nghi.

Ngày Ất vị tháng 8 năm Minh Mạng nguyên niên (18-9-1820) dựng bia ở lăng Thiên Thọ. Vua Minh Mạng ngự chế xong bài văn bia nầy vào ngày bính thìn tháng 7 (10-8-1820) nhưng đến ngày tháng ấy mới dựng lên. Trong bài văn bia đại ý nói :

Vua Gia-Long sau khi thăng hà, để đi chiếu lại cho vua Minh Mạng. Làm lễ an táng xong vua Minh Mạng nghĩ đến công đức lớn lao của vua cha nên kể lại những sự nghiệp vĩ đại ấy để người đời sau mãi mãi ghi nhớ.

Thái Tổ Gia dủ Hoàng đế xây dựng đế nghiệp, các liệt thánh kế tiếp đến nay đã được hai trăm năm, chẳng khác gì một ngôi nhà mới dựng lên nhưng chưa hoàn tất. Kịp đến vua Thế Tổ ra đời, tư chất thông minh, chí khí anh hùng, từ lúc nhỏ đã gặp cảnh gian truân nhưng chí lớn không sờn, văn võ khiến cho dân chúng quỳ phục. Dân đà khôi phục toàn cõi Việt-Nam, dựng nền bình trị, đặt lễ nhạc, hành chánh, đem hiếu đạo giáo hóa cho thần dân. Giao hảo với Tây phương, Trung quốc lẫn các nước lân bang để tình thân thiện được bền vững. Thương con cháu họ Lê, họ Trịnh nên việc phụng thờ vẫn luôn luôn giữ gìn.

Công đức thật lớn lao rõ rệt như mặt trời mặt trăng không sao che lấp được.

Nay biên tập sơ lược các công đức ấy, khắc vào bia để con cháu đời đời về sau chiêm ngưỡng !

Ngày Tân Sửu tháng Chạp (22-1-1821) vua Minh Mạng làm lễ tiểu tường ở tại điện Hoàng nhơn. Vua và một số hoàng thân quan lại mặc áo chế để dự lễ. Những người đã hết chế thời mặc áo rộng đen bịt khăn đóng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Qua đến tháng chạp năm Minh Mạng thứ 2 cũng tại điện Hoàng nhơn, cử hành lễ đại tường. Bận ra Bắc Hà để làm lễ thọ phong, vua Minh Mạng không tham dự được nên ngài ban hành một đạo dụ gởi về cho Hoàng trưởng Tử Trường khánh công (30) giữ chức Lưu Kinh đại thần và các hoàng thân đình thần :

« Trước đây vì sứ nhà Thanh sang chậm nên Trẫm quyết định hồi loạn, dự lễ đại tường của Hoàng khảo để thỏa tấm lòng đau thương. Đâu ngờ mọi người đều hết lời can gián, tuy thế Trẫm vẫn chẳng muốn lưu lại.

Bỗng nhiên mồng 9 tháng nầy, tiếp viên Khâm Sứ đính ước ngày 13 sẽ rời khỏi Nam quan. Trẫm nghĩ rằng: Tuyên phong là một lễ hết sức trọng đại, nay đã gần thời kỳ sứ giả đến, thiệt khó triển hạn hồi loan, nên bất đắt dĩ Trẫm phải nghe theo lời bàn của họ, tạm ở lại đây. Việc đã như vậy ta còn biết nói sao chỉ chịu đau xót, ngửa trông Hoàng Khảo trên chốn trời cao soi xét nỗi khổ tâm của ta mà thôi. Nay ta cho phép con lưu kinh hoàng tử trông coi việc tế lễ, đội khăn mặc áo của ta lạy một lạy rồi lại cỗi ra như chính ta đã vái lạy vậy. Nỗi lòng đau khổ của ta nhờ vậy mà dịu được đôi chút. Con nên trai giới, tắm rửa hết sức thành kính mới xứng đáng là con ta. Tại kinh các hoàng thân, đại thần thể theo lòng trẫm hết sức thành kính nếu trái lời tức là không xứng đáng thần tử của ta. Nói chưa hết ý, mực và nước mắt đã chan hoà ! Các ngươi nên hiểu rõ lòng ta.

Sau lễ đại tường hoàng trưởng tử cùng Hoàng mẫu hậu lên viếng lăng Thiên Thọ.

Ngày 8 tháng giêng năm Minh-Mạng Minh-Mạng thứ ba (30-1-1822) vua Minh-Mạng mặc đàm phục cử hành lễ Đàm. (40) Ngài đứng về hướng đông trước án thờ có hoàng thân bá quan mặc tang phục theo hầu. Đàm phục của Hoàng mẫu hậu may bằng lụa sắc chàm xẻ ở phía đằng trước, áo của Vua bằng lụa đen, may hai lớp, lớp ở trong dùng lụa sống, quần sắc xanh, giày da đen, khăn nhiễu trơn.

Lễ đàm tế chấm dứt tang nghi của Vua Gia-Long Mẫu hậu, Thái trưởng công chúa Hoàng thân, nội cung đều có dâng lễ tế. Và cũng từ nay tang phục không còn dùng đến nữa.

*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Để được đầy đủ, sau khi viết xong đám tang của Vua Gia-Long chúng tôi xin trình bày tiếp về lăng Thiên Thọ.

Lăng Thiên Thọ hoặc lăng Gia-Long, cách thành phố Huế 16 cây số là một lăng nằm vào vị trí xa nhất hơn tất cả các lăng và cũng lại là một lăng hùng vĩ và đẹp nhất về phương diện cảnh trí thiên nhiên.

Trong lúc xem lăng nếu ta không cung chiêm được lăng Gia-Long thì quả là một điều thiếu sót rất lớn.

Núi Thiên Thọ, ngoài lăng Gia-Long còn qui tụ một số các lăng khác. Vùng nầy gồm có : Lăng Quang-Hưng, Điện Minh-Thành (thờ Vua Gia-Long và bà Thừa-Thiên Cao Hoàng-Hậu, Viên tẩm, Nhà bia, lăng Thiên Thọ Hữu (chôn bà Thuận Thiên), Lăng Trường Phong Lăng Thoại Thánh (chôn thân mẫu Vua Gia-Long) Điện Thoại Thánh tẩm mộ trưởng Công-chúa Long thành, Lăng Vĩnh-Mậu.

Sau khi thuyền cập bến, chúng ta đi vào một con đường hai bên trồng sầu-đông lẫn thông.

Xuống một đoạn ngắn có một con đường lên lăng Vĩnh mậu, xuống một đoạn nữa (phía hạ lưu) có một ngã lên lăng Trường Phong. Khi gần đến lăng Trường Phong, bên bờ sông, chúng ta thấy những cái cột đúc, cao 4th40, bề dưới rộng 2th20, do bộ công phối hợp với Khâm thiên giám dựng lên dưới triều Minh - Mạng thứ 21 (1840) Cột trụ nầy cách xa lăng đến một cây số rưỡi, dựng ở đó để báo cho ghe thuyền của triều đình cũng như của tư nhân biết sắp đến chốn tôn nghiêm không được chuyện trò huyên náo.

Hai đám tang cách nhau năm năm. Giờ dần ngày 26-4-1815, tử cung của bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu đem lên táng tại đây thì qua giờ mão ngày 27-5-1820, Vua Gia-Long cũng lên Thiên thọ lăng để an nghỉ.

Cách bến đò 275 thước, con đường rẻ làm hai, ngã bên mặt đi ngang qua, không cách xa mấy, lăng Vĩnh mậu và lăng của Công chúa Long thành (chị Vua Gia-Long) thẳng lên nữa, đường nầy đưa đến điện và lăng Thoại Thánh, điện Gia Thành và Thiên Thọ Hữu (điện thờ và nơi chôn Ngài Thuận thiên Cao Hoàng hậu) Gần điện nầy, con đường bên mặt đã gặp con đường bên trái. Con đường bẫn trái dài 1.538 th đưa chúng ta đến lăng Gia-Long và các ngôi nhà phụ thuộc.

Chỗ ngã rẻ của hai con đường, có hai ngôi nhà để các quan và quân lính tạm trú. Lăng thì có các ông chánh sứ, phó sứ lăng, miếu thì có ông

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chánh sứ miếu và các ông miếu lang, miếu thừa, bát cửu phẩm. Lính giữ lăng gọi là lính hộ lăng, giữ miếu gọi là lính từ tế.

Các quan trông coi các lăng, không buộc phải ở luôn tại chỗ, chỉ những hôm nào có lễ các quan mới phải đến mà thôi.

Nếu theo con đàng bên hữu thì sau khi đi chừng vài trăm thước trên đồi thông, chúng ta đến ngay một con đường rẽ vào lăng Quang hưng, lăng xây bằng vôi gạch, chung quanh có tường cao hai thước, dài 15 thước 15th70, rộng 12th50 mặt trước trổ cửa và xây bình phong. Trước lăng có một cái sân dài đến 25th20 bề rộng 9th70 và muốn lên đến đây phải bước lấn 16 bậc tầng cấp. Lăng nầy thờ sanh mẫu của Chúa Ngãi vương, vợ Chúa Hiển (1649) (Chúa Ngãi: 1688) con gái của Tổng phúc Khang, một vị đại thần tiếng tăm triều Nguyễn. Lăng nầy nguyên đã bị tây sơn khai quật như một số khác lăng tẩm triều Nguyễn, năm 1808 Vua Gia-Long tu bổ lại và dưới triều Minh-Mạng thì xây tường chung quanh.

Sau khi viếng xong lăng Quang Hưng, ta trở ra con đàng cũ và tiếp tục đi dưới những lùm thông tĩnh mịch. Bây giờ chúng ta đến một con đường rẻ ba.

Con đường tay mặt đưa đến lăng Thiên Thọ Hữu, con đường giữa đưa đến mặt trước điện Minh Thành, con đường tay trái đưa đến mặt sau điện Minh thành.

Điện Minh Thành dùng để thờ Vua Gia-Long và bà Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu. (4) Điện không có gì là hoa mỹ, sườn nhà không sơn son thếp vàng, chạm trỗ đơn giản. Cũng vì thế mà hai chữ Minh thành có người đã bông đùa giải thích là « ngày mai mới hoàn thành » (minh nghĩa là sáng, đồng thời có nghĩa là ngày hôm sau ; thành : xong xuôi. Ý nói ngôi đền có vẻ chưa hoàn tất có lẽ đến mai mới xong, Sự thật hai chữ Minh Thành có nghĩa là chưa hoàn thành được một sự trong sáng tốt đẹp).

Điện xây trên núi Bạch, một trong mười bốn ngọn núi chầu về phía bên hữu của lăng. Điện gồm có hai ngôi nhà làm kiểu trùng thiềm (hai mái). Nhà chính bề dài hơn 22 thước, rộng 14 thước, ngôi nhà kia cũng cùng một bề dài nhưng chiều rộng chỉ 7 thước. Giữa điện treo tấm biển sơn son thếp vàng với ba chữ nổi rất lớn : « Minh Thành điện » ; bên cạnh hàng chữ nhỏ : Gia-Long thập tứ niên cát nhật tạo (năm Gia-Long thứ 14 xây dựng vào một ngày lành. Gian giữa của chính điện là nơi tôn trí khám thờ sơn son thếp vàng chói lọi, chạm trỗ tinh vi giữa đặt thần chủ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

của Vua Gia-Long và Hoàng hậu, bên ngoài phủ một bức màng gấm bát tơ vàng.

Trong hai ngôi nhà của điện Minh thành người ta trưng bày hương án, sập thờ, bàn đọc chúc những cây đèn kiểu cổ, những vật dụng hằng ngày : gối dựa, thau rửa mặt, cơi trầu, hộp thuốc v.v.(42). Lối kiến trúc cũng như cách thức chạm trổ của điện Minh thành, điện Thoại thánh có thể cho chúng ta ít nhiều ý niệm về nền mỹ thuật dưới triều Gia Long.

Lúc ban đầu tại điện Minh Thành có tôn trí nhiều vật rất giá trị về phương diện lịch sử như bộ quân phục của vua Gia Long chẳng hạn. Ngày đám tang vua GiaLong, vua Minh Mạng bảo với hai quan đại thần Nguyễn hữu Thân và Phạm đăng Hưng : « Cái nón, áo giáp lẫn cái đai mà Hoàng Khảo để lại cho ta, là những vật mà Người đã dùng trong những ngày chinh chiến để bình định nước nhà. Mỗi khi nhìn đến ta như trông thấy hình dáng của Người.

Vua Minh Mạng ra lệnh tàng trữ y phục của vua Cha tại điện Minh Thành. Năm 1853 trong lúc điện nầy trùng tu có một số đồ thờ vì cũ kỹ nên phải thay thế thứ mới. Nhưng đối với những vật kỷ-niệm của vua Gia-Long như y-phục, thanh gươm, yên ngựa thì vua Tự-Đức bảo rằng « Không thể đem những vật mới để thay thế những cổ vật nầy được. Ngày trước thế nào nay phải bảo tồn thế ấy để trăm năm hậu thế chiêm ngưỡng. Nhưng đến năm 1860, Bộ Lễ nhận thấy áo mủ hia đai vì lâu ngày nên hoặc rách hoặc thay đổi màu sắc nên dâng phiến xin sửa sang lại cho được hoa mỹ. Vua Tự-Đức phê vào phiến : Hãy để yên như vậy để tỏ cho hậu thế biết gầy dựng cơ đồ gian nan, nhưng giữ gìn sự nghiệp cũng không phải dễ. Và không nên bao giờ quên rằng : « Sự phòng ngừa chiến tranh rất là cần thiết ».

Về sau, vào lối ba mươi năm lại đây người ta trông thấy một vài vật như áo hoàng bào, đai ngọc của vua Gia Long trưng bày tại điện Phụng Tiên nhưng rồi thì mất hẳn không rõ vào lúc nào.

Trước điện Minh Thành, nằm dài một cái sân lát gạch một bề 26 thước 60 một bề 27 thước, giữa có con đường dũng đạo, sắc gạch nâu đậm để dễ phân biệt.

Hết sân nầy ,đến cửa tam quan hai tầng dài 12th60 rộng 6th, khá xinh đẹp bên trong lối chạm trổ giống hệt ở điện Minh Thành. Đứng cửa tam quan

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhìn mông ra đàng trước, núi non trùng điệp, du khách có cảm tưởng trơ vơ giữa hoang vu, cách biệt hẳn với cảnh phồn hoa tập nập.

Từ cửa tam quan, có những tầng cấp đưa xuống sân chầu thứ hai, rồi lại có những tầng cấp đưa xuống sân chầu thứ ba. Hai bên sân có tường, giữa lát gạch. Lan can là những con rồng trương vi vảy chạy dài từ trên xuống dưới. Tiếp theo cái sân cuối cả, một con đường chạy ngang qua rồi về phía bên trái một cái hồ bán nguyệt rộng, có những tầng cấp chạy thẳng xuống mặt nước với những con rồng trang trí hai bên.

Chỉ trừ lăng Khải-Định, lăng (nơi chôn vua) và điện (nơi dùng để cúng tế) tháp nhập vào một. Mặt trước đặt sập ngự, hương án để thờ còn mặt sau chôn ngay vua tại đó. Còn tất cả các lăng khác : Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, Đồng Khánh v.v bao giờ điện và lăng cũng tách rời ra, Do đó trước điện cũng như trước lăng đều có những sân chầu riêng biệt Sân chầu trước lăng lát bằng thứ đá xám Hai bên văn võ, voi ngựa đá, to lớn theo khổ thiên nhiên đứng dàn hầu, về phương diện mỹ thuật những tượng đá nầy không có gì đặc sắc, dùng đá cẩm thạch ở Quảng Nam và Thanh-Hoá rồi do những tay thợ khéo đẽo thành Khởi công từ tháng bảy năm 1831 (Minh Mạng thứ 12) đến khoảng tháng 4-1833 (Minh Mạng thứ 14) thì hoàn thành Các thợ đá được vua Minh Mạng thưởng một số tiền lớn Năm 1838 quan đô sát Nguyễn đình Tuấn trong khi đi thanh tra nhận thấy một cái yên ngựa trước sân chầu bị vỡ mất một miếng, liền tâu lên vua biết. Ngài sắc cho bộ Lễ điều tra. Theo lời khai của Tôn thất Chủ, lính hộ lăng thì ở các tượng đá có những mảnh đá vỡ ra và dùng hồ để gắn lại. Lê phúc Trà, viên đốc công vì tội kiểm soát không kỹ bị phạt đánh 60 hèo, con Tôn thất Chủ vì tội biết mà không trình lên thượng cấp bị phạt 40 trượng.

Từ sân chầu lên trên thạch ốc (nhà bằng đá, chữ trong hội điển dùng để chỉ nơi chôn vua) có đến 6 cái sân bề rộng 44th70, bề sâu 6th50, lát gạch, hai bên xây tường thấp. Sân dưới lên sân trên đều do những tầng cấp hai bên có rồng chầu, sân trên cả tên là bái đình nơi đứng để lạy vua trong những dịp cúng tế,.

Thạch ốc bốn mặt có hai lớp tường vây kín. Mặt trước ,lớp tường ngoài hai cánh cửa đồng với một bộ khoá lớn luôn luôn đóng kín lại. Lúc lăng mới xây xong hai cánh cửa đều làm bằng gỗ. Đến triều Thiệu Trị vua mới sắc bộ Công làm lại cửa đồng để được vĩnh viễn. Tháng 9 năm

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

1845 (Thiệu Trị ngũ niên) công việc hoàn thành, tháng 10 đem lắp vào, còn cửa gỗ thì thiêu hủy trước mặt một hội đồng do bộ Công chủ tọa.

Muốn nhìn thấy thạch ốc ta có thể đi vòng ra sau, đứng trên lớp thành ngoài nhìn xuống. Ngôi mộ chôn vua và hoàng hậu lẫn những bức tường bao bọc chung quanh nhuộm một màu u ám tương phản với cảnh cỏ cây vui tươi xanh mát bên ngoài.

Hai nấm mộ nằm song song cùng một khuôn khổ, cùng một hình thức xây vôi gạch cao lối bảy tấc, trên lợp hai mái bằng thứ ngói tráng men trông như hai túp lều nhỏ đứng sát vào nhau., trước mặt là một bức bình phong lớn, đơn giản không mảy may tô điểm. Du khách không khỏi ngạc nhiên khi đem lăng Gia Long so sánh với lăng Khải Định, một bên quá bình dị một bên quá tỉ mỉ công phu khi lựa chọn những mảnh chai mảnh sứ ghép lại để trang trí.

Theo trong bài « Le tombeau đde Gia Long » của Léopold Cadière thì trước mỗi nấm mộ có xây một cái bệ thờ bằng đá cẩm thạch (Devant chacun des cénotaphes est un autel en marbre...) nhưng hiện nay không ai thấy bệ thờ ấy đâu nữa không rõ vì sao ? Một bức tường cao 3th16, một bề 24th, hình vòng cung bao quanh, mặt trước trổ cửa. Bên ngoài một lớp tường thứ hai dày hơn, cao hơn, cách lớp tường trong chừng 5 thước và mặt trước có hai cánh cửa đồng khoá kín lại như chúng tôi vừa nói đến ở đoạn trên.

Thành quách tẩm mộ nầy xây trên ngọn đồi tên gọi Chánh Trung, bên ngoài cả lại còn một lớp thành hình móng ngựa chu-vi phỏng ngoài 120 thước.

Hai nấm mộ lộ thiên nằm song song như ta vừa thấy, cái nấm bên tả bên dưới chôn vua Gia Long còn cái bên hữu chôn bà vợ chính của ngài : Đức Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu.

Tiểu sử của vua Gia Long thì nhiều người đã rõ tưởng chẳng cần nhắc lại đây nữa. Nay tôi chỉ nói sơ qua về bà Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu mà thôi. Bà là con ông Tổng phúc Khuông một vị đại thần trong triều, quán làng Bùi xá tỉnh Thanh Hoá, sanh năm 1762 cùng một tuổi và lớn hơn Nguyễn Ánh mấy ngày. Về nhà chồng năm 16 tuổi, bà tỏ ra là người rất hiếu thuận.

Qua năm 1783 Nguyễn Ánh thất trận, bị Tây Sơn lùng bắt. Trước khi trốn sang Tiên La vua bảo bà Thừa Thiên ở lại hầu mẹ, đồng thời

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chặt đôi một thoi vàng giao cho bà giữ một nửa để làm tin. (Thoi vàng nầy về sau để thờ tại điện Phụng tiên như là một vật kỷ niệm rất giá trị).

Năm 1785, bà sang Tiêm La tìm chồng trải bao gian nguy. Sau đó bà luôn luôn theo Nguyễn Ánh trong các chiến trận. Một lần bà thân hành cầm đùi đánh trống thúc dục ba quân đuổi lui được quânđịch. Năm 1803 bà được phong hoàng hậu. Năm Gia Long thứ 13 bà nhuốm bệnh từ trần, sinh hạ được hai người con, con trưởng là Hoàng tử Cảnh mất năm 1801 Năm vua Minh Mạng lên 4 tuổi, bà nuôi làm con nuôi. Vì thế nên lúc bà thăng hà vua Minh Mạng đứng chủ tế. Theo cổ lễ thì vua và Hoàng hậu thường chôn theo lối song hồn, hai người nằm cạnh nhau, do đó việc chọn lựa đất đai không những quan hệ cho bà hoàng hậu và con cháu của bà mà còn quan hệ đến cả vị vua sẽ chôn vào huyệt bên cạnh và ảnh hưởng đến cả hoàng gia nữa.

Tổng phúc Lương sung chức Tổng hộ sứ và Phạm như Đăng sung chức Sơn lăng Sứ cùng với Lê duy Thanh con của Lê quí Đôn nổi tiếng về khoa địa lý, đã đi núi nầy qua núi khác để tìm kiếm đất xây lăng . Cuối cùng, phái đoàn chọn núi Thiên Thọ. Mấy lần xin keo đều được quẻ tốt. Sau khi quân lính phát bụi bờ, chặt cây cối, vua Gia Long cởi voi thân hành đến tận nơi để xem. Lê duy Thanh chọn để đào huyệt chỗ đất bên ngoài cái hồ nằm trước sân chầu, nhưng vua Gia Long không chấp thuận và chọn ngay ở đồi Chánh trung tức là chỗ dựng Thạch ốc bây giờ. Ngài, cho rằng chỗ đất nầy phù hợp với long mạch và gồm đủ mọi điều kiện tốt đẹp. Lê duy Thanh chịu tội vê việc lựa chọn không được chu đáo. Vut Gia Long bảo Hoàng tử Đảm bói thì được quẻ dữ, một quẻ rất tốt. Cáca quan dùng tam sanh làm lễ tạ thổ thần, thần Thành hoàng và bắt đầu khí công vào ngày 22 tháng 3 năm Giáp Tuất (11-5-1814) gần 600 lính sung vào việc xây lăng và mỗi ngày lảnh 60 quan tiền kẽm.

Đứng phía sau tẩm mộ nhìn thẳng ra đằng trước và hơi xa một chút, ta thấy núi Thiên-thọ hình dẹp, trên chóp và ở triền núi thông mọc thưa thớt. Hai cái trụ biểu xây bằng vôi gạch cao 15 th dựng hai bên như dùng để định rõ giới hạn giữa cảnh trời đất bao la .

Núi Thiên Thọ đứng sừng sững như cả một vị chúa tể. Mười bốn ngọn đồi núi bên tả, mười bốn ngọn bên hữu, sáu ngọn phía sau lưng hoặc cao hoặc thấp như chầu về nơi vua và Hoàng hậu đang yên giấc ngàn thu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trên một ngọn xây lên điện Minh Thành, trên một ngọn dựng nhà bia, mỗi ngọn đều mang tên riêng khắc vào trong một cái bia cao vào lối 1 thước.

Thần núi Thiên Thọ được sắc vua phong (Gia Long 14), được mỗi năm hai lần cúng tế, lại còn đem thờ ở đàn Nam Giao.

Một vị trí phù hợp với phong thủy, một mình núi không đủ cần phải có nước (Sơn hoàn thủy tụ : núi quanh nước nhóm) Lăng Gia Long ngoài những ngọn núi vừa nói ở trên còn có hai hồ nước. Một hồ chảy ngang trước tẩm mộ và điện Minh thành quanh quanh theo hình vòng cung, uốn khúc rồi thẳng tới trước lăng Thiên thọ Hữu, nơi chôn bà Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu. Hồ tiếp tục chảy đến một cái vũng hình vuông nằm trước Thoại Thánh (nơi chôn thân mẫu vua Gia Long) và khi tới tẩm mộ của Long thành Công chúa (chị vua Gia-Long) thì dừng lại. Hồ nầy vì hình dáng của nó nên được mệnh danh là hồ dài đã nối liền được những người trong một gia đình.

Ngoài cái hồ còn một cái suối, suối Trường Phong, bao quanh núi Thiên Thọ, chạy dọc theo lăng đoạn tháp nhập vào với Hồ dài. Lăng tẩm ở núi Thiên Thọ thì nhiều nhưng không có lấy một cái nào bị ngọn nước đâm thẳng vào, một điều tối kỵ về địa lý.

Từ sân chầu trước phần mộ đi về phía đông, chúng ta đến nhà bia xây trên chóp núi Thanh. Từ dưới đất những tầng cấp đưa chúng ta lên một cái sân thứ nhất dài 36 thước nhưng bề sâu chỉ có 7 thước rồi qua một cái sân thứ hai nữa, ngắn và sâu n hơn (24 th và 30 th) mới đến sân của nhà bia. Hai bên tầng cấp đều có rồng chầu, chung quanh sân đều có tường thấp.

Nhà bia trông xinh xinh làm theo lối hai mái (trùng thiềm). Nếu so sánh với bia ở lăng Tự Đức thì bia nầy quá nhỏ, bằng đá cẩm thạch sắc xám ẩn xanh, chữ mạ vàng, bốn bên có những đường chạm trỗ mảnh mai và xinh đẹp.

Cạnh nhà bia có miếu thờ thần Hậu Thổ hình vuông mỗi bề 6 thước Trước điện Minh Thành, bên kia Hồ Dài, dưới chân một ngọn đồi ẩn trong lùm những cây cổ thụ là ngôi đền thờ Thánh mẫu. Trong những ngày vía của thánh các bà đệ tử từ thành phố Huế kéo lên đây để hầu đồng và cúng vái. Trong buổi lễ hầu mẫu có một đặc điểm mà ta không thấy ở các lễ khác. « Người ta dâng lên mẫu, một tên đầy tớ để hầu ngài. Người

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nầy mặc áo quần man rợ, hai chân trần truồng, giữa lưng vấn một cái váy theo kiểu người Mường bên ngoài cột thắt lưng, đầu vấn khăn thêu, lưng mang cùi, mồm ngậm điếu tay cầm cái khèn. Ngày xưa hình như người ta bắt được ở trong núi một người rừng thật sự dâng lên để làm tôi tớ Mẫu. Ngày nay chỉ là một người đóng trò và lẽ cố nhiên, sau buổi lễ anh ta sẽ trở về nhà (Theo Léopold Cadière) Từ cửa sau điện Minh Thành, dọc theo hồ đài, có một con đường đưa đến lăng Thiên Thọ Hữu. Nơi đây bà Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, vợ thứ hai của vua Gia Long đã yên giấc ngàn thu. Ngài người làng Văn Xá, con Trần hưng Đạt, tham tri bộ Lễ. Sanh ngày 4-1-1769, ban đầu bà đến giúp việc cho thân mẫu vua Gia-Long. Trong thời kỳ Tây Sơn giấy binh bà theo thân mẫu vua Gia-Long, trong những ngày loạn lạc trú ẩn tại Quảng trị. Năm 1779 bà vào Nam Kỳ, qua năm 1781, lúc ấy bà 13 tuổi thì được chọn để hầu hạ Nguyễn Ánh. Năm 1788, sau khi thành Saigon đã khôi phục, một hôm bà mộng thấy một vị thần dâng cho bà một cái ngọc tỷ sắc đỏ rực rỡ như mặt trời và hai cái ấn khác thuộc loại tầm thường. Bà nhận luôn cả ba cái. Năm 1791 bà sinh hoàng tử Đảm tại Saigon. Sau đó sanh tiếp 3 hoàng tử nữa. Năm 1821 bà được phong hoàng hậu. Ngày 2-10-46 thì bà thăng hà, hưởng thọ 81 tuổi, miếu hiệu là Thuận Thiên Cao hoàng Hậu, qua ngày 21-1-1847 an táng tại lăng Thiên Thọ Hữu nằm trên núi Thuận Sơn.

Chung quanh lăng nầy có hai lớp thành vây bọc. Thành hình chữ nhật, bên trong chu vi 82 th bề cao 2 th30, bên ngoài một bề 38th40 một bề 30 th cao gần 3 th. Nấm mộ làm một kiểu với lăng Gia Long và bà Thừa-Thiên nhưng lại không làm theo lối lộ thiên. Muốn lên lăng nầy du khách phải trải qua 4 lớp sân thượng với những tầng cấp hai bên đắp rồng phụng.

Như ta đã thấy bao giờ cạnh lăng chôn cũng có điện thờ. Như vua Gia-Long và bà Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu chôn ở Thiên Thọ thì thờ ở điện Minh Thành. Bà Thuận Thiên chôn ở Thiên Thọ Hữu thì thờ ở điện Gia Thành. Điện nầy dựng lên trên một cái nền cao có cửa tam quan, có sân chầu. Trước đây bên trong tàng trữ rất nhiều vật quí. Mấy mươi năm trước du khách đến viếng lăng Gia Long còn được trông thấy cái kiệu sơn son thếp vàng dùng để gánh hồn bạch lúc đưa ngài lên an táng ở đây.

Vòng quanh theo Hồ đài về hướng tây, ta gặp ngay một cái lăng không

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

kém phần quan trọng về phương diện lịch sử. Đó là lăng của Túc Tôn Hiếu Minh Hoàng Đế. Vương tên Nguyễn phúc Chú người đã có công mở mang đất Gia Định và bảo hộ nước Chân Lạp, tại vị được 13 năm từ 1725 đến 1738.

Vương sinh ra Nguyễn phúc Khoát tức chúa Võ Vương. Chúa Võ sinh ra Nguyễn phúc Thuần tức chúa Hiếu Định. Chúa Hiếu Định là chú ruột vua Gia Long. Nguyễn phúc Chú xuống ba đời mới đến Nguyễn phúc Ánh. Lăng tuy đơn giản nhưng cũng hai lớp thành, trổ cửa, xây bình phong, với một cái sân chầu rộng rãi. Trước kia đã từng bị Tây Sơn khai quật, và mãi đến triều Gia Long (năm 1808) mới sửa sang lại, và qua đến triều Thiệu Trị lại tu bổ lần nữa.

Từ điện Gia Thành, băng qua những cánh đồng và những gò đất, một con đường nho nhỏ đưa chúng ta đến lăng Thoại Thánh.

Trong khi nói đến lăng Thoại Thánh nơi chôn thân mẫu vua Gia Long, tưởng chúng ta cũng nên nhắc sơ lược đến lăng Cơ Thánh nơi chôn Nguyễn phúc Luân thân phụ vua Gia Long. Lăng nầy không xây chung với các lăng kia tại núi Thiên Thọ, mà lại nằm riêng biệt trên con đường đi đến lăng Minh Mạng, mặt trước ngó ra sông Tuấn, mặt sau dựa vào núi, lối kiến trúc chẳng có gì đặc sắc. Tiếp giáp với đường đi là một cái sân gạch không lấy gì làm rộng cho lắm, bước lên tầng cấp một cái sân thứ hai, tường xây ba mặt, ngay giữa trổ một cái cửa, sau cửa là nấm mộ.

Lăng nầy đã từng bị Tây Sơn khai quật, đem hài cốt đổ xuống con sông chảy ngay trước mặt. Một người dân làng Cư Chánh tên là Nguyễn ngọc Huyên, một hôm bỏ lưới bắt cá, kéo lên được một cái sọ, ông hoảng sợ ném đi, nhưng lần thứ hai lại thấy sọ nằm trong lưới như trước. Nguyễn ngọc Huyên mới khẩn vái: Nếu quả sọ của một vị nào anh linh xin cho chúng tôi biết, thì lần thứ ba kéo lưới lên vẫn thấy chiếc sọ như hai lần trước. Ông mới đem chôn cất tử tế. Sau khi vua Gia Long phục quốc, tìm kiếm thi hài của thân phụ, nghe dân làng Cư Chánh thuật lại câu chuyện đó, ngài mới đào sọ lên để thử bằng cách chích máu ở tay cho giọt vào sọ. Sọ liền hút những giọt huyết ấy như đất khô hút nước. Người ta bảo rằng lối thử nầy cho biết mối liên hệ giữa hai người tình thâm cốt nhục. Vua mới chôn lại huyệt cũ, xây lăng Cơ Thánh ngày nay. Do đó lăng nầy còn gọi là Lăng Sọ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Có lẽ vua Gia Long và các vua sau nầy cho rằng chỗ đất Cơ Thánh đã được hoàn toàn yên ổn nên không nghĩ đến việc đem lên qui tụ vào một nơi tại núi Thiên Thọ làm gì.

Lăng Thoại Thánh cũng như mấy lăng kia theo một lối kiến trúc. Có một vài điểm cần nói đến là ngoài cái tử cung bằng gỗ lại có cả một tử cung bằng đá chạm trỗ trùm ra ngoài; trước sân chầu có một bể cạn một bể 73th và một bể 88th, trồng sen, mặt nam có hai trụ biểu.

Hiếu Khương Hoàng hậu thân mẫu vua Gia Long, người tỉnh Quảng Trị, ngoài Nguyễn Ánh ra, bà con sinh hạ hai người con trai và một người con gái, bà Long Thành công chúa (chị vua Gia Long). Bà sinh năm 1738 và đến năm 1811 thì thăng hà, từng được phong là Quốc mẫu.

Chính Lê duy Thanh đã chọn đất để xây lăng Thoại Thánh.

Vua Gia Long cũng chấp nhận chỗ ấy cho là phù hợp với địa lý.

Tương truyền lúc đặt địa bàn xuống đất để nhắm phương hướng thì mặt gương của địa bàn bỗng nhiên bị vỡ. Ngài lớn tiếng bảo với thần núi « Quí gì mảnh đất nầy mà người lại cố giữ không cho trẫm chôn mẫu hậu » ? Thế rồi ngài bảo các quan đặt lễ tam sinh cúng thần và xây lăng tại đó.

Khi đào huyệt người ta thấy đất dưới ấy có 5 màu sắc khác nhau. Vua cho là điềm lành. Các quan đều chúc tụng. Riêng Nguyễn văn Thành chỉ đứng yên lặng. Vua Gia-Long hỏi vì sao, thì Thành đáp : Việc ấy chẳng có gì là lạ. Huyệt chôn thân mẫu của hạ thần đất cũng năm màu như thế. Vua Gia-Long vẫn lặng yên. Thành nói tiếp : « Tại Châu-Ê có một huyệt rất tốt ». Phạm văn Nhơn và các quan mới hỏi Thành : « Thế sao ông không tâu để Hoàng Đế biết? » Thành đáp rằng chỗ đất thì tốt nhưng không nên chôn, vì quan tài đặt vào đó có thể bị sét đánh. Câu trả lời trên nầy đã khiến cho vua Gia Long bất bình.

Trong lúc xây lăng Thoại Thánh một tai nạn khá quan trọng đã xảy ra. Một cái rạp được dựng lên để cho thợ thuyền làm việc. Vua Gia Long cũng đặt một bàn giấy để ngài tạm nghỉ ngơi và trông nom công tác. Một hôm vua lên lăng với các quan hộ tùng thì bỗng một trận cuồng phong nổi dậy làm rạp đổ sập xuống, ngài bị thương ở chân. Ngài bảo vua Minh Mạng : « Cha bị thương chẳng lấy gì làm nặng. Nhưng không biết quan quân và thợ thầy thì thế nào? Hai Hoàng tử con vua là Tân và Phổ và một số người khác bị thương nặng. Có người tâu vua trừng trị viên đốc công

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Quang Thái thì ngài trả lời rằng : Làm sao mà chồng nỗi với bão tố ? Rồi ngài tha tội cho viên đốc công. Trong quyển Souvenirs de Huế, Michel Đức Chaigneau đã miêu tả vua Gia Long thoát khỏi nạn nhà sập như sau: « Khăn bịt của vua Gia Long sổ tung để lộ đầu tóc bạc rối bù và ướt đẫm cả nước, tráng của ngài vấy máu do vết thương chạm phải xà ngang gây ra. Cặp mắt ngài trông rất ghê sợ, gương mặt như đang bị kích thích mạnh nhưng cũng may vua chỉ bị bầm tím ở bắp về và thương tích nhẹ trên tráng ».

*
* *

Ngoài những lăng tẩm vừa kể trên tại vùng núi Thiên-Thọ ta còn thấy tẩm của Ngọc Tú chị vua Gia Long. Chồng Công chúa bị Tây Sơn bắt giết, năm bà 24 tuổi. Nhưng bà nhất định ở vậy không chịu tái giá. Bà xin với vua Gia Long cho bà cạo đầu để nương nhờ cửa Phật nhưng vua không chịu. Đến khi gần mất bà bảo với cháu là vua Minh Mạng : « Nguyện vọng của cô là được quy y với Phật. Vậy sau khi cô mất cháu hãy bảo người cạo đầu à mặc áo ;à sa vào cho cô ». Vua Minh Mạng đã định nghe theo lời trối trăng ấy nhưng có nhiều người can ngăn vì họ dựa vào câu sách của thánh hiền : Da tóc thân thể là của cha mẹ cho ta, ta không nên làm hư hỏng, thương tổn (Thân thể phát th phyu, thọ chi phụ mẫu bất cảm hủy thưởng).

Vua Minh Mạng bắt dân chúng để tang 5 ngày và phong cho công chúa tước hiệu Long thành.

Khác với tất cả các lăng chung quanh, tẩm của Long Thành Công chúa xây thành hình một ngọn tháp, như tháp chôn các nhà sư. Tháp cao 4 tầng; lớp thành bên trong có trỗ cửa, có bình phong; lớp thành bên ngoài có cửa với hai cột trụ vôi, bên trên xây hình hoa sen.

Từ tháp chôn Long thành công chúa, một con đường nhỏ đưa đến lăng Vĩnh Mậu. Đây là nơi chôn vợ của Ngãi Vương (1687-1691) thân mẫu của Minh Vương.

Lăng Vĩnh Mậu đã từng bị Tây Sơn khai quật và đến các triều Gia Long, Minh Mạng mới sửa sang lại.

Các chúa trước vua Gia-Long dùng chữ « trường » để đặt tên lăng tẩm(như Trường phong là lăng chôn Nguyễn phúc Chú) còn lăng vợ các chúa thì dùng chữ Vĩnh (Vĩnh Mậu).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Các loại cây như thông, mít, chè ở núi Thiên Thọ, một phần lớn đều do lính hộ lăng trồng theo lệnh của vua Gia-Long và Minh Mạng.

Trước đây lăng Thiên Thọ đã từng nổi tiếng là nơi nhiều cọp. Chính vua Minh Mạng lên viếng lăng với mẫu hậu, đã từng dùng súng bắn chết một con hổ cái và bắt hai hổ con về nuôi. Khẩu súng của ngài dùng mệnh danh là « sát hổ » Vì trước đó vua đã một lần dùng khẩu nầy để bắn chết một con cọp dữ, từng làm nhiều dân làng bị thương và thiệt mạng.

Một lần khác, cũng vào lễ thanh minh vua sai quân lính vây quanh cả vùng núi Thiên Thọ để bắt thú dữ. Kết quả 2 con hổ và 5 con nai bị sa lưới, ngài thưởng tiền cho quân lính và làm thơ để kỷ niệm.

Ngày nay nạn cọp hoành hành tuy không còn nữa nhưng cách lăng không bao xa, ban đêm, thỉnh thoảng người ta vẫn nghe tiếng gào thét của hổ báo.

SÁCH THAM KHẢO

1) Châu bản triều Nguyễn
2) Đại Nam hộ điển
3) Đại nam thực lục tiền biên
4) Đại nam thực lục chính biên
5) Croyances et pratiques réligieuses des Annamites của Léopold Cadière.

CHÚ THÍCH :

1) Thăng hà hoặc băng : chữ dùng để nói vua chết.
2) Ngự y : Thầy thuốc của vua và hoàng gia.
3) Long sàng : Giường của vua nằm
4) Di chiếu, di chúc : Trước khi vua mất thường để lại di chiếu và di chúc để dặn dò mọi việc.
5) Phạm hàm : Lễ bỏ vào miệng người chết hoặc ngọc ngà châu báu (nếu người giàu) hoặc đồng tiền và hạt gạo (nếu nhà nghèo).
6) Thần bạch hoặc gọi là hồn bạch. Lấy vải quyến thắt thành hình người bên tả viết ngày tháng năm sanh của người chết, bên hữu viết ngày tháng năm mất.
7) Linh tọa : ghế ngồi để thờ người chết.
8) Linh sàng : giường nằm của người chết.
9) Hoàng khảo : chữ vua con dùng để gọi vua cha đã chết.
10) Ngũ vị hương : năm thứ hoa thơm dùng để tắm người chết.
11) Ngự tẩm : Giường nằm của vua.
12) Tử cung : chữ dùng để nói quan tài của vua hay của hoàng hậu
13) Triêu điện, tịch điện : triêu là buổi mai, tịch là buổi tối, điện : Lễ cúng.
14) Hoàng tôn : cháu vua.
15) Tiên đế : dùng để nói vị vua đã thăng hà.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

16) Tiền triều nội cung : cung phi của vị vua đã quá cố.
17) Trảm thôi : áo xổ trôn
18) Trảm tương : áo lên trôn.
19) Đăng quang : lên ngôi vua.
20) Hoàng mẫu thái phi : Thân mẫu vua Minh Mạng
21) Phủ việt : cái rìu cái búa cầm theo hầu đạo ngự
22) Mao tiết : Vật dùng để thay quân quyền gồm có một cái cán, đầu cán có những chòm lông.
23) Đề lô : lò hương có những sợi dây đồng buộc vào một cái cán.
24) Nội thần : các quan hầu cận vua.
25) Tập ấm : các quan chức tước lớn con cháu được hàm phẩm của nhà nước ban cấp.
26) Liệt thánh : Chữ dùng để chỉ các vua thờ tại các miếu.
27) Tổ điện khiển điện : hai lễ cử hành lúc sắp đưa đám tang.
28) Dư quân : lính gánh đồ đám.
29) Đại thăng dư : tức bàn đại dư
30) Long giá : dùng để nói bàn đám của vua.
31) Lô điện : ngôi nhà tạm dựng lên để bàn đám
32) Minh khí : những thứ dùng để đốt cho người chết.
32) Tẫn tặng : lễ tặng hàng lụa cho người chết.
33) Phủ thiếp : Vợ các hoàng tử
34) Sơ ngu, tái ngu, tam ngu, cửu ngu v.v... Cả thảy 9 lễ ngu. Từ khi bắt đầu lễ sơ ngu thì người ta không cúng cơm mai cơm tối nữa (triêu điện, tịch điện)
35) Trường khánh Công : Tước phong cho vua Thiệu-Trị lúc còn làm hoàng tử
36) Đàm tế : Một năm qua vào tháng thứ 13 cử hành lễ tiểu tường 2 năm qua vào tháng thứ 25 cử hành lễ đại tường; sau đó qua tháng thứ 27 thì cử hành lễ đám và chấm dứt việc tang tóc.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Mấy tài liệu về tôn-giáo trong dân-gian

TRẦN VĂN TOÀN

Chúng tôi xin trình bày hai tài liệu về Tôn giáo trong dân gian: một bài thơ về cách thờ kính Táo-quân, một bài về sự tích đức Thiên-Y-A-Na.

•

Bài thơ về Táo-quân là một bài thơ Nôm, nằm trong hai cuốn sách, là Táo Vương Chân Kinh *(ấn tống vào tháng giữa mùa đông, năm Bảo-Đại thứ III tức Mậu-Thìn, 1928)* và Táo Quân Chân Kinh, diễn âm quốc ngữ *(ấn tống vào tháng bảy, năm Bảo-Đại thứ XII, 1937).*

Cuốn thứ nhất viết bằng chữ Hán, trừ hai bài thơ Nôm ở cuối. Nội dung khá phong phú: sự tích Táo-quân, Táo Vương Thánh Kinh, Táo quân Bồ tát thánh huấn, sau đó còn có lịch ghi lấy những ngày kỵ, sự tích những người được Táo-quân giúp đỡ, năm mươi cái xăm (thẻ) của Ông Táo ban, một ít bài thơ về ông Táo, và mấy đơn thuốc bắc.

Cuốn thứ hai không đủ như thế, nhưng phần lớn các đoạn văn chữ Hán lại được dịch ra chữ Nôm, và được phiên âm ra chữ quốc ngữ cho dễ tụng.

Bài thơ trích đăng sau đây căn cứ theo cuốn Táo Vương Chân Kinh *Những chữ sai biệt với cuốn* Táo Quân Chân Kinh *sẽ in chữ ngả. Những chữ thuộc về cuốn thứ hai sẽ in trong ngoặc đơn. Chúng tôi chưa rõ nguồn gốc của hai cuốn đó, nhưng nhận thấy là cuốn thứ hai mang nhiều mầu sắc miền Trung và nhất là miền Huế, vì: 1- có nhắc đến mấy tên loài động vật ở miền Huế, 2- Cách phiên âm chữ Nôm theo cách đọc ở miền Huế, ví dụ chữ* kiêng *thì viết bằng chữ* kiên *(vững bền) chứ không chắp hai chữ* kinh *(thủ đô) và chữ* kỵ *(kiêng), v.v...*

•

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bài thơ về Đức Thiên-Y-A-Na trích trong tập Văn chầu chư vị *do Cụ Ưng-Lê (Giám-thị chư tôn lăng miếu điện, Huế) sưu tầm. Về việc thờ chư vị tam (*hay là *tứ) phủ công đồng thì giáo sư Maurice Durand đã trình bày tỉ mỉ trong cuốn* Technique et Panthéon des Médiums Viêtnamiens *(Đồng), Publications de l'E.F.E.O., vol. XLV ; Paris 1959, 334trg). Ở miền Trung cách hầu đồng có khác về một số chi tiết. Điểm dị biệt lớn nhất là ở miền Trung, đất Chàm cũ, có thờ thêm một nữ thần Chàm mà ta gọi là Thiên-Y-A-Na. Vị đó có đền ở Nha-Trang (Tháp Bà). Ở miền Trung thường hễ nói đến « Mẫu »thì hiểu là bà Thiên-Y-A-Na. Tuy nhiên có khi dân chúng lại lẫn với Liễu-Hạnh Công-Chúa ở ngoài Bắc, hay với Thiên-Hậu của người Tàu. Đôi khi trong một ngôi đền vừa có cả bà Thiên-Y lẫn bà Liễu-Hạnh.*

Trong Việt-Nam khảo cổ tập-san *số 3 (1962) có đăng bài* Cổ-tháp linh-tích *nói về bà Thiên-Y-A-Na. Chúng tôi còn biết hai bài nữa, là bài văn chầu đức Thiên-Y và bài Thiên-Y Thánh-Mẫu truyện ca.*

Sau đây chúng tôi chỉ trích đăng bài thứ hai để làm tài liệu, vì ngoài sự-tích thông thường, bài thơ ấy còn nói đến điện Huệ-Nam (Hòn chén) ở Huế.

Chúng tôi xin chư vị độc-giả giúp chúng tôi đính chính và thu thập những tài liệu về tôn-giáo trong dân gian, và xin chân thành cảm ơn chư vị.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

TÁO-QUÂN DIỄN CA

HOAN-CHÂU BỒ-CHÁNH
PHẠM-THIỀU DU-ÔNG phụng soạn

Xưa nay thế tục tương truyền
Xem thiên kính tín căn nguyên mới tường
Táo quân vốn họ là Trương
Tự danh là Mỗ ứng tường đản sinh
Bút son vâng lệnh thiên đình
Phong làm ti mệnh quản hành nhân gian
Người đời thiện ác đa đoan
Đều là họa phúc cơ quan *chuyển (đổi)* dời
Tháng nào hễ tối ba mươi
Đủ đem sự trạng lên trời tấu văn
Rốt năm tháng chạp hạ tuần
Ngày hai mươi bốn tiên thần đã lên
Việc người tổng-kể chung niên
So đường công tội giúp quyền phúc tai
Hậu (1) tiền nhất nhật (Hăm ba trước lễ) tiễn trai
Ấy là bái tổng *vãng (cổ)* lai thường lệ
Tối ba mươi tết rước về
Tuề trừ nguyên đán chỉnh tề phẩm nghi
Quanh năm *cúng cấp (cúng vái)* đảo kỳ
Đặt nơi nghiêm khiết chớ hề mạn khinh
Khói hương mà chẳng kính thành
Dầu là lễ vật hư hành kể chi
Trách người phàm tục vô tri
Ác ngôn thất lễ nhiều khi bất tình
Vào ra xung đột đã đành
Áo quần *bất khiết (chẳng sạch)* thân hình *lộ (bày)* ra
Tiếng cười tiếng khóc tiếng ca
Thế nguyền chửi mắng đều là chẳng nên

---

1) Bản Nôm viết sai, nên không rõ là chữ *hệ* hay là chữ *hậu*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Rất kiêng thóa thể đàm diên (2)
Dép dày quần áo không nên hơ vào
(Nhà nhiều tật bệnh vì sao
Dưới lầu đặt bếp trên lầu giường an)
Uế diệp (Cải nhơ) với lại *cốt mao (lông xương)*
Hệ hành ném tỏi kiệu *đều (thường)* lánh xa
Đến như chẻ củi quét nhà
Bụi bay tiếng động đều là phải răn
Thịt loài *ngưu khuyển (trâu chó)* chớ ăn (3)
(Hôn chình (4) rùa ếch nấu gần hai bên
Đạp vào cửa bếp không nên
Khăn đao chớ gác mái trên táo đường
Chớ dùng lửa bếp đốt hương)
Chớ đem *tự chỉ (giấy chữ)* thiêu phần vào *bến (nghe)*
Ấy là thường sự răn *khuyển (he)* (5)

---

2) Thóa = nhổ bọt, Thể = khóc ra nước mắt, Đàm = khạc đờm, Diên = rỏ dãi

3) Xem giải thích trong kinh CẢM-ỨNG : « Mà nhứt là thịt trâu, thịt chó dầu chẳng ăn chay cũng phải cử, bởi con trâu thì có công làm ruộng mà nuôi đời, con chó thì có nghĩa với chủ, dầu chủ nghèo cũng không bỏ, lại có lễ, khi thấy chủ về biết chạy đến mà mừng, lại tánh ngay thẳng hay ghét đứa gian, ra công giữ nhà cho chủ. Thiệt hại vật ấy rất có công với đời, nên ăn thịt nó thì tội lắm, bị hệ và sui (suy) nữa, vì chữ *Ngưu* giống chữ *Lao* còn hai chữ *Khuyển* đứng hai bên chữ *Ngôn* thành chữ *Ngục*, e ăn nó thì bị sự lao ngục, bằng không thì cũng bị nhiều điều rũi ro, nhứt là hay ăn nó thì sẽ bị dịch mà khó cứu », *(Cảm ứng, Âm chất, Giác-thế, Công-quá-cách* publié par Nguyễn-văn-Hội, Tri-Huyện honoraire, Ex-Conseiller Municipal de la ville Saigon, Saigon 1925, trg 23).

4) Tiếng miền Trung : *Hôn* = một loại ba-ba (hay là rùa), *Chình* = một loại lươn lớn.

5) Xem *Cảm ứng v.v...*, trang 47-48 : « Ngồi trong bếp hát xướng, ngâm thơ hoặc khóc than, chưởi mắng, đều mang tội với ông Táo. Kinh ông Táo có cấm rằng: « Đừng chụm củi dơ, đừng nấu thịt trâu, thịt chó, nhái, ếch », đừng bỏ lông thú và xương vô bếp, đừng làm nhơ uế trong bếp, đừng gỏ lò-bếp, đừng gỏ nồi chảo đương bắt trên bếp, (Dầu lò bằng đất gạch cũng là Táo). Có tên Phí-Lượng làm thơ ngạo ông Táo nói như vầy : « Ngày hai mươi ba tháng chạp, nhà nào cũng đưa ông Táo, thì biết mấy mươi triệu ông Táo về trời, bàn ghế đâu mà ngồi cho đủ, không bao lâu Phí Lượng làm như điên, cứ quì mà đập đầu vô lò tới phụng máu. Ai nấy đến kéo ra, hỏi lại cớ nào mà làm sự lạ vậy ? Phí Lượng nói : « Ta đương ngồi trong thơ phòng, thấy hai người kéo ta vô bếp,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Lại ngày xung kỵ càng *nên kiêng dè (dè càng kiêng)*
(Thường ngày tịnh khiết táo tiền
Cạo nồi đánh chảo cữ riêng mấy ngày)
Cả năm (tháng nào) sóc vọng *cứ lề (cầm ngay)*
Mồng ba *mồng (hăm)* bảy chớ *hề (rầy)* quá sai.
Tháng giêng *khởi (kể)* tự mồng hai
Lại ngày tám chín mười hai xoay vần
Tháng hai mồng bốn thượng tuần
Bảy cùng tám chín mấy lần quang âm
Tháng ba tuần thượng mồng năm
Tuần trung mười chín *xâm tìm nữa đâu (nối tìm tháng sau)*
Tư năm hai tháng như nhau
Chỉ ngày mồng bảy trước sau đồng lần
Trung thiên (mồng tư) tháng sáu dụng thần
Ngày tư ngày sáu ba tuần như y (Chín và mười sáu hạ tuần sáu tư)
Mạnh thu mồng chín nữa *gì (ni)*
Mồng ba tháng tám ấy kỳ sinh thần
Mây thiêng mồng tám từng vầ(g)
Trăng thanh mười bảy mưa nhuần hăm hai (tư)
Mồng năm tháng chín *nào sai (tuần sơ)*
Lại mười tám chín *an bài* (bây giờ) không xa.
Hăm lăm hăm sáu đã qua
Mới sang mồng chín mười ba tháng mười

(tiếp chú giải số 5)

bảo quì xuống, ta ngó thấy ông già mặc đồ đen quở rằng : « Một vị thần muốn biến hóa ra mấy muôn mấy triệu hình cũng đặng, thâu lại làm một cái khổ gì, cũng như một mối nước mà chảy ra các sông rạch, rồi ròng gom về một mạch vậy »

« Người vô lễ, khinh khi Thần Thánh, ta đã tâu rồi, xin phạt ngươi mất trí khôn, coi ngươi còn làm thi kiêu ngạo nữa chăng ? « Nói rồi bảo ta uống nước chi không biết » Nói giứt lời, cầm và khùng cho tới chết, ấy là tội khi Thần Thánh đó.

Đốt hương trong bếp, nghĩa là cúng ông Táo rồi, đem cúng chỗ khác không đặng. Củi dơ nấu ăn, đã mang tội với ông Táo, lại hay hơi lên trời, Thần Thánh đi ngang ắt quở. Đem đồ nấu hơi nhơ uế mà cúng quải cũng tội, đãi khách cũng tội, hơi ra lối xóm nhứt đầu, cũng tội. Nên đừng tiết mà dùng củi dơ, lấy đó dơ làm củi thì mang tội ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Lại ngày hăm sáu nữa rồi
Tháng mười một cũng lần hồi phục lâm
Trước *từ (ngày)* mồng chín chớ lầm
Lần sang mười bảy năm lăm từ từ (chừ chừ)
Mười hai là tháng đông dư
Đã mười tám lại (Mồng năm nười tám) hăm tư còn chày
Một năm là bảy nhiêu ngày
Tôn thần dụng sự xưa nay thường lễ
Dầu khi trắc giáng bất kỳ
Mà cơ báo ứng nào *hề (thì)* có xa
Vậy khuyên người ở trong nhà
Bao nhiêu ngày ấy đều là giới nghiêm
Phải cho tịnh túc một niềm
Đã không âm trách lại thêm hộ trì
Thử xem Mông Chính xưa kia
Với Du Tịnh Ý những khi khốn cùng
Chỉ vì thành kính cảm thông
Đăng khoa lại hưởng phúc chung lâu dài
Tôn thần báo ứng nào sai
Dám khuyên người ở trong đời kính tin.

Lữ Mông Chính
Tổng trạng nguyên
Du Tịnh Ý
Minh Tiến Sĩ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

THIÊN-Y THÁNH MẪU TRUYỆN CA

Nghìn thu nước biếc non xanh
Còn ghi đôi tháp anh linh thánh thần
Xưa nay hai chữ tôn thần
Lọt ra lòng mẹ trước cần đạo con
Thánh xưa nhân nghĩa vuông tròn
Trời Nam bể Bắc tiếng còn như vang
Các lê lần dở quyển vàng
Quốc âm vâng diễn mấy hàng chép ghi
Cõi Nam nhờ thánh Thiên-Y
Dầu thiêng thuở trước bia ghi rành rành
Phẩm tiên vốn ở thiên đình
Thái-an (1) núi chúa giáng sinh lạ lùng
Giang sơn riêng một tiểu ông
Ở ăn góc núi *vun* (*ôm*) giồng ruộng dưa
Thường ngày hoa quả có thừa
Vì ai ngắt hái quả thưa bông còi
Tiểu ông đêm lén rình coi
Dưới trăng thấy một bóng người thướt tha
Người đâu tuổi độ mười ba
Mặt hoa da phấn Hằng nga khác người (2)
Ôm dưa đương dỡn đương cười
Tiểu ông đến hỏi chứ người nào đây
Con ai tuổi hãy thơ ngây
Nam-mô Di-Phật con thầy thầy nuôi
Tấm lòng yêu dấu chẳng nguôi

---

1) *Đại-An (Nha-trang)* viết lầm là *Thái-an* có lẽ vì chữ *Thái* chỉ khác chữ *Đại* có một cái chấm và có lẽ vì người viết liên-tưởng đến An-Thái (Nam-Định) là quê của Liễu-Hạnh công chúa.

2) Các câu 18-20 theo bản khác :

Nhân như bóng nguyệt hồi hồi họa mây
Người đâu bỗng xuống chốn nầy
Phẩm danh bực nhất tác tày ngoài mươi

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trẻ qua già cậy lần hồi mai sau
Đến khi gặp tiết mưa dào
Lòng tiên phút nhớ động đào thuở xưa
Giống hoa xây đá sớm trưa
Non kia cảnh nọ dầy xưa mấy tầng
Tiều ông trông thấy chẳng ưng
Nổi cơn la giận tưng bừng một khi
Tiên còn đương nghĩ đương suy
Bỗng đâu nước lụt Cội-kỳ (3) trôi qua
Trời đưa một chiếc tiên xa
Cho người tiên đặng cỡi qua giữa vời (4)
Mênh mông dưới nước trên trời
Nhắc sang bể Bắc gần nơi Yên-thành
Tiếng thơm đồn-dập chung quanh
Gần xa kéo đến phụng nghênh đem về
Trơ như đá nặng như chì
Trăm quân xúm kéo trì trì chẳng lay
Thảy đều ngơ mặt khoanh tay
Nghĩ trong vật ấy chẳng hay có thần
Yên thành (Một mai) thái-tử nghe đồn
Dạo quanh xem thử nguyên nhân thế nào
Xuống xe vừa đặt tay vào
Cội-kỳ cất bổng xem sao nhẹ nhàng
Người phi thường, vật phi thường
Trời kia đã định dễ nhường cho ai
Rước về đặt chốn các đài
Khi hôm trăng sáng khi mai gió nhuần.
Cung xanh tuổi *tác (chạc)* đương xuân
Cầu Ô còn đợi sông Ngân bẩy chầy
Có khi dạo cảnh ngắm cây

---

3) Cây kỳ nam
4) Các câu 35-36 theo bản khác :
Ấy là một chiếc thuyền hoa
Cho tiên lên đấy chở qua giữa vời

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bóng trăng sáng tỏ làn mây chập chờn
Hương giời sắc nước nào hơn
Bỗng đâu hoá mất như cơn giấc hoè
Hương thừa thấp thoáng còn nghe
Trong khi gặp gỡ ai dè sắc không
Hôm *sau (mai)* gió mát trăng trong
Nhìn cây lại thấy *hình* (*tiên*) dung ra vào
Mười phần cốt cách thanh tao
May thay gặp *gỡ (bạn)* động đào thiên-thai
Đã lòng đoái tới các đài
Nhân duyên đâu tá giãi bày cho hay
Bấy giờ mới tỏ niềm tây
Rừng dưa bến quế vui vầy bấy lâu
Cung xanh rõ truyện trước sau
Nửa mừng nửa sợ vào tâu thần rồng
Đức Vua nghe nói lạ lùng
Lệnh truyền bói thử cát hung thế nào
Khi nên *trời (cũng)* khéo chìu sao
Bói ra quẻ tốt ứng vào duyên hay
Truyền cho sắm lễ chọn ngày
Bắc cầu Ô-thước duyên vầy phượng loan
Sắt cầm khoan nhặt tiếng đàn
Trước sân mừng thấy quế lan *nức mùi (sánh tày)*
Song song gái quí trai tài
Xuân xanh sớm nở một đôi hai cành
Dầu rằng gá nghĩa cung xanh
Quê xưa cảnh cũ xót tình còn vương
Lạ chi tiên *cốt* (*tích*) dị thường
Thoát vòng nhân quả lánh phường phồn hoa
Cội kỳ vật báu của nhà
Đem hai tiên tử hóa ra ẩn vào
Sóng dồn gió nhạt quản bao
Bể nam một giải cù lao mấy trùng
Nước non non nước một giòng
Đại- an đâu đó xa trông mịt-mờ
Phút đâu (Cù Huân) thoát đã đến bờ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Gặp ai già cả đợi chờ hỏi han
Hỏi làng làng gọi Đại-An
Hỏi tiểu tiểu đã *chẳng còn (vừa tàn)* bấy lâu
Vườn dưa man mác đâu đâu
Chạnh lòng ơn nặng nghĩa sâu chưa đền
Khói hương uay hãy còn nền
Cảm tình tiểu lão cất đền thờ chung
Địa phương buổi ấy chưa đông
Làm ăn nghề nghiệp chưa thông tỏ tường
Chúa tiên lại dủ lòng thương
Dậy phương sinh lý bảo đường lễ nghi
Đất rừng voi cọp thiếu chi
Đón ngăn đủ phép hộ trì đặng an
Đoạn rồi tiên lại về tiên
Lên non tạc tượng để miền nhân gian
Phút đâu giá hạc xe loan
Giữa ban ngày đã băng ngàn lên mây
Cõi Nam ơn nặng nghĩa dày
Mây tuôn bể Bắc sầu nầy khó nguôi
Từ khi trâm gẫy bình rơi
Cung xanh luống tưởng tăm hơi ả Hằng
Nhớ lời bày tỏ dưới trăng
Quân thuyền giục giã dè chừng vượt sang
Quân kỳ nóng nảy bàng hoàng
Đốt tan mấy xóm mấy làng gần xa
Lại không kính nể tượng bà
Từ bi cho mấy cũng là khó dung
Nổi cơn sóng gió đùng đùng
Làm cho thuyền nọ đắm xong một lần
Giữa giòng cột đá khôn vần
Dấu linh còn đó uy thần còn đây (5)

---

5) Hiện nay đứng trên Tháp Bà (Nha-Trang) trông xuống còn thấy giữa sông có mấy hòn đá lớn, người ta nói đó là dấu vết chỗ quân Tàu từ Yên Kinh sang bị đắm tàu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khi đỉnh núi khi chân mây
Khi trên voi ngựa khi bầy cá bơi
Non tìm ngắm cảnh dạo chơi
Sầm vang ba tiếng bỗng người trên không
Anh linh hiển hách lạ lùng
Gió tiên mây phật cảm thông rất mầu
Địa phương mừng đội ơn sâu
Cùng nhau xây tháp dựng lầu nguy nga
Giữa xây một tháp thờ bà
Kia bên hữu dựng một tòa thờ công
Đôi bên bốn tháp *xây vòng (cũng đồng)*
Thờ cô thờ cậu thờ ông mụ tiểu
Trước trời bia đá còn phiêu ?
Chữ xưa *mờ ám (khoa đầu)* khó điều giải suy
Bia kỳ mà cảnh cũng kỳ
Quả cây ăn được đem đi thì đừng
Trông lên sáu tháp lẫy lừng
Năm ngôi núi biếc như giăng trước tòa
Kìa yến ẩm nọ đàn ca
Xênh xang dưới nguyệt dịp hòa trên không
Tả biên có một cây sung
Hữu biên có một núi ông chầu vào
Đêm ngày sóng vỗ lao xao
Đàn voi quyến gió thanh tao bốn mùa
Có viên kiểu, có phương hồ
Có sen ngũ nhạc, có đồ bát tiên
Thường năm bốn quý tam nguyên
Hương thơm đèn sáng dâng lên lễ thường
Kiệu hoa tàn quạt rõ ràng
Kim đồng ngọc nữ hai hàng chầu trong
Này tên, này nỏ, này cung
Này đồng nữ múa, này đồng nam ca
Tôn thần chẳng những người ta
Thượng cầm hạ thú cũng là đua nhau
Cọp hươu đâu cũng cúi đầu
Cá trừng dưới nước voi chầu trên non

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nghìn năm linh miếu hãy còn
Còn trời còn nước còn non còn dài
Sử xanh chép để không sai
Ra công dẹp giặc ra tài làm mưa
Nước ngoài còn nhớ khi xưa
Sứ thần Chân-lạp phải đưa mình chầu
Diễn-sơn này nhớ lúc đầu
Trung quân bắt cọp khẩn cầu cũng linh
Có khi biến hóa hiện hình
Có khi giữa bể hiển linh cứu tàu
Khắp trong Nam Bắc đâu đâu
Việc gì mà đã khẩn cầu cũng nên
Thần kinh phong cảnh thiên nhiên
Về làng Hải-cát có đền Huệ-nam
Khi xưa mới dựng lên am
Đến năm Minh-Mạng thập tam sửa lần
Đền tiên chúa, miếu thủy thần
Ngát mùi hương khói nghìn xuân đến giờ
Kim long (Hàm rồng) điện tối linh từ
Cảnh này tức cảnh tiên cư rõ ràng
Trông ra trước mặt sông Hương
Tựa vào Hòn-chén lại càng thanh tao
Nước trong như suối động đào
Cây xanh như vẽ cù lao tam thần
Trăng thanh gió mát mười phần
Thông reo *hạc múa (chim hót)* họa vần sanh ca
Vực sâu kình lớn nổi ra
Nầy thần long đó, ấy hà-bá chăng
E khi chầu chực không chừng
Đem đồ thủy phủ lên mừng cõi tiên
Vừa năm Đồng Khánh kỷ-nguyên
Sắc rồng ban xuống xây đền sửa cung
Rõ ràng Ngọc Trản kỳ phong
Thực là quang diệu linh thông muôn đời
Non cao ra thắng giữa vời
Hình như sư tử uốn nơi Long-hà

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Cành dương tưới khắp muôn nhà
Mây bay làm phượng mưa tuôn làm rồng
Cứu nhân độ thế dủ lòng
Trì dân hộ quốc để công lâu dài
Ba tầng minh cảnh cao đài
Sắc phong phụng sự sáng ngời long chương
Ơn đầy đức thẩm muôn phương
Thần linh hiển ứng lạ thường đến nay
Thánh triều đức huệ cao dày
Phúc tầy Đông hải thọ tầy Nam sơn.

T.V.T. sao lục

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thất-thù Kinh-đô tân truyện

VỀ THẤT THỦ KINH-ĐÔ rất được lưu truyền tại cố đô Huế. Nhiều học-giả đã cố gắng sưu tầm nhưng thường được từng đoạn. Đầu năm nay, Viện Hán-Học Huế tái phát công cuộc sưu tầm các tài liệu cổ và đã đạt được vài kết quả đáng chú ý, trong đó có bài Vè Thất thủ Kinh-đô *mà chúng tôi cho đăng lên đây. Đây là một thiên dã-sử có giá trị, nên chúng tôi mong được các bậc cao-minh bổ khuyết hoặc chỉ giáo. Nhất là có lẽ vì tam sao thất bản nên nhiều điểm còn khả nghi: chúng tôi tôn trọng bản văn đã được ghi lấy nên chưa dám giải thích. Theo chỗ chúng tôi được biết, ban Nghiên-cứu Sử của Viện Đại-Học Huế cũng có mấy bản, chúng tôi sẽ cố gắng so-sánh 2 bản trong một dịp khác.*

L. T. S.

Năm Mùi thì khí bất an
Hiệu Trời ra khắp, he (1) vàng cán (2) xanh.
Ngó vô Nam-Việt nước mình,
Cái việc Triều-đình, khuy-khuyết thậm đa
Phần thời Tây qua lại nước nhà
Phần thời Ngọc-hoàng xuống rước vua ta về Trời.
Thánh-hoàng di chúc trị ngôi,
Người mà vô tử, Người mà dụng tôn.
Chữ rằng vô tử dụng tôn,
Lấy câu miêu-duệ, tử tôn miêu truyền.
Người đà di chúc đã yên,
* . . . . . .

---

1) **He:** hiện tượng loé ra trên nền trời, còn gọi là «rán».
2) **Cán:** hiện tượng lên như cái chổi (có thể nói là sao chổi).
* Chỗ nầy sót 1 câu bát.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Phán cùng văn võ một lời,
* . . . . . .
Nay ta chánh trị Ngôit rời,
Xem trong Thiên hạ việc đời đã lâu.
Lấy câu nhơn nghĩa ngày sau,
Đông tây nam bắc nơi đâu cũng an hòa.
Ai mà đáng tội thời tha,
Ai mà đáng miễn, vậy mà cũng dung
Phán cùng văn võ Triều trung
Tuần nầy ta quyết, cỡi rồng về quê.
Thánh-mẫu khác thể cành lê,*
Tang-bồng trái ..... (3) trăm bề cậy trông;
Nay ta ký thác tại Đền-rồng,
Phán cùng văn võ *
Ngày sau lá rụng cành rơi,
Cứ lấy câu lễ lệ, theo đời mà phân.
Đạo quân thần há dễ vong ân,
Hoàng-thiên hữu nhẫn, mười phần xét soi.
Ngài đà di chúc đã rồi.
Đằng vân giá võ, về Trời một khi.
Bách quan họp mặt đơn trì,
Hai hàng nước mắt phân ly ròng ròng.
Làm quan tã đột hữu xung,
Nam từ bắc trần, đều dập mật ra (4).
Ta hồ Thánh-đế ai bi,
Quân thần phụ tử, vậy thì hiếu trung
Bách quan bái mạng Bệ-rồng,
Sanh an tử thuận, để lo trong nước nhà.
Bách quan đều cũng lui ra,
Họp mặt chương-toà, phụng sắc ký phong.

---

* Chỗ nầy sót 1 câu bát (?)
* Khác thể = giống như
* Cành lê = ý nói già cả
3) Có thể sót chữ « quả » (trái quả = nợ đời)
* Chỗ này có thể sót nửa câu bát.
4) Dập mật = ý nói hãi kinh

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bách quan văn võ hội đồng.
Soạn-sành ngôi giá, đặng hòng rước ngôi,
Sắm sanh ghi để lại rồi,
Bách quan văn võ, vậy thời tường tri.
Người vô thể diện đơn trì,
Văn danh (5) Thiên hạ, đồn thì đều hay.
Trị vì mới đặng ba ngày,
Xâm-lăng (6) đục khoét, mới hay sự tình.
Lập đồn bổ trận bày binh,
Mới hay sự tình, toái xác (7) phòng thân.
Bách quan văn võ đình thần
Ai ai đều cũng phân vân việc đời,
Khó thay bẻ nạng chống trời,
Nói ra đặng đó, sợ thời tội hung.
Đáo để ông Phan-đình-Phùng,
Nói lời nhơn nghĩa, thủy chung mắc nàn.
Đình thần văn võ bách quan,
Ai ai đều cũng cho toàn thân danh.
Mặc lòng hai gã (8) quyền hành,
Muốn cho ai bại ai thành thời cho.
Triều đình nói nhỏ nói to,
Lai hàng (9) giữ một chữ phò mà thôi.
Tưởng 3 ngang, 1 sổ, hẳn rồi (10),
Ai thêm chữ bạch nói nên chữ Hoàng.
Tưởng là một sổ ba ngang
Nên nói chữ Hoàng là việc Thiên-cơ.
Đông-các cần-mật đến giờ,
Thượng mã phi đệ, tiêm thơ thông hành.
Rộn ràng khác thể rồng đoanh,

---

5) Văn danh : nghe tiếng tăm
6) Xâm lăng : quân xâm lược
7) Toái xác : tan xác
8) Hai gã : Tôn thất Thuyết và Nguyễn văn Tường
9) Lai hàng : chắc là chịu thua Thuyết và Tường
10) 3 ngang 1 sổ : chữ Vương (đây trỏ Dục đức)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Rõ ràng mới biết, trạch (11) danh trí (12) tài.
Chữ rằng Nguyệt đứng bên vai (13)
Trạch danh trí tài, thay vị trị ngôi.
Lập cân (14) thôi đã hẳn rồi,
Triều đình văn võ, vậy mà định an.
Căn duyên cơ nghiệp cho toàn,
Mặc lòng hai gã, sửa trong nước nhà.
Thánh hoàng Người đã băng giờ.
Những tham (15) với cách, vậy mà tứ tung.
Bốn bể Thiên-hạ hãi hùng,
Văn danh Thiên hạ, vậy cùng đều ghê.
Bốn bể Thiên hạ đều ghê
Quyền hào hai gã, giữ một bể lợi danh.
Xem trong nhà nước chẳng lành,
Rộn ràng binh mã cứ xưng danh tướng thần.
Thánh-hoàng giá võ đằng vân,
Các quan đình-thần, lo việc tống chung,
Tôn triều khi ấy dự đồng,
Tư ra các tỉnh, vậy cùng trị tang.
Tư ra Phủ, huyện tổng làng,
Tú-tài, Bá-hộ, trị tang trăm ngày.
Lễ-bộ lại giữ sách rày,
Văn-công lễ lệ (16), cầm nay thiệt nhiều
Cầm trong xanh, tím, đỏ, điều,
Hoàng, hồng, lam sắc, các điều cầm đi.
Hội trào bạch-giáp, bạch-y,
Ai phi lễ lệ, vậy thì tội hung.
Tư ra các tỉnh cầm đồng

---

11) Trạch : chọn
12) Trí : đặt
13) Nguyệt đứng bên vai ? chúng tôi chưa rõ nghĩa
14) Lập cân : ? (như trên)
15) Tham : báo cáo tội lỗi với nhà vua
16) Văn công lễ lệ : theo sách nghi lễ của Châu văn Công.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tiêu, thiều, nhạc, vũ, vậy thì cầm đi.
Tế Thần, tế Thánh, một khi,
Quan, hôn, tang, tế, vậy thì vắng tanh.
Bây giờ tang chế sự thành,
Mặc lòng thiên hạ tiếp nghinh hằng hà.
Trang nghi đủ thứ bày ra,
Lâu đài các cửa, vậy mà nghiêm trang.
Cung-môn Cần-chánh tiền đường,
Tả-vu, Hữu-vu, Đông-các, ngó qua Nhật-thành.
Văn-minh, Võ-hiển lầu xanh,
Cao-minh, Càn-thành, ngó đến Cung-môn.
Địa-đồ khéo dịch khéo dồn,
Thái-hòa, Dực-thị (17), Ngọ-môn chín lầu.
Ngọ môn năm cửa chín lầu,
Trụ cờ tam cấp, Phu-văn-lâu ngoại thành.
Lâu đài các cửa chung quanh,
Hỡi (18) còn Nội-thành Tả hữu Miếu cũng xinh,
Phụng-tiên, Gia-thọ, Trường-ninh,
Khâm-thiên, Thượng-thắng, Hòa-bình, Kiểu gia.
Tang nghi đủ thứ bày ra,
Hỡi (18) còn một nỗi, quân-gia chầu-hầu.
Nội-cung Thái-giám đứng đầu,
Cẩm-y, Loan-giá, đứng chầu ở ngai.
Kinh-tất, (19) Hộ-vệ (20) đứng ngoài,
Thượng-trà, (21) Võ-bị, liệt bài nghiêm-trang.
Hòa-thanh, Túc vệ, Ngô-trường,
Chầu hầu Thánh-đế, nghiêm trang nhưng là.
Tang nghi đủ thứ bày ra,
Tế thông Kim-đính, vậy mà Trường-long.

---

17) Dực thị : có lẽ « Duyệt thị », nhà hát của vua
18) Hỡi : hãy (hãy còn: lại còn)
19) Kinh tất : tên của 1 toán lính chuyên khiêng kiệu
20) Hộ vệ : tên của toán lính chuyên đi giữ gìn quanh vua.
21) Thượng trà : lính hầu lo về trà nước.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Chầu hầu thủy bộ rỏng-rỏng,
Giàn thuyền cẩm-hải, song song hai hàng,
Đủ mặt văn võ bá quan,
Tang nghi thiết lập, trị tang hết lòng.
Đạo đời phải ở hết lòng,
Bộ Lễ khâm-giám, đồng công chọn ngày.
Nguyệt-tiền, Thiên-đức (22) đã hay :
Hai mươi tháng tám, đặng ngày tống chung.
Sự hoàn, tưởng là nhà nước đã an,
Mới hay Tây lại, trong Hàn (23) một khi.
Tỉnh-quan tả sớ tức thì,
Thượng mã phi đệ tâu quì thông tin.
Các quan chẳng dám điềm-nhiên,
Tựu tại trướng tiền, khi ấy tâu qua.
Tàu qua chín chiếc Sơn-chà (24)
Y như mật sớ, tâu qua Cửu-trùng.
Thánh hoàng phán trước Triều trung :
« Tây-Phiên Sứ — sự (25), lễ dùng vật chi ? »
Các quan tâu trước đơn-trì :
« Hoàng-ngưu, kê-noãn (26), vậy thì tiếp nghinh,
Tây-phiên dụng thực vật sinh »
Tâu lên Thánh-đế, phân minh rõ ràng.
Thánh-hoàng phán trước ngai vàng,
Đình thần quì tấu, rõ ràng đục trong.
Mới hay ngôn-ngữ bất đồng
Nước thời khác nước, cứ nhìn rỏng mà thôi.
Kể từ năm Ngọ kể lui.
Mặc sa hoàng đá (27) dễ quyển mặc sa.

---

22) Nguyệt tiên Thiên đức : tên à 2 vị sao tốt
23) Hàn : Đà-nẵng
24) Sơn chà : tên 1 bán đảo ở Đà-Nẵng
25) Tây Phiên sứ sự : tiếp đãi sứ Tây Phiên
26) Hoàng ngưu, kê noãn : bò và trứng gà.
27) Mặc sa hoàng đá : có lẽ là đảo Hoàng sa

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tiền triều trước có giao-hòa :
Tây-phiên chiếm hãm chốn Gia-định thành.
Hãm rồi nó lại sử sanh,
Hãm Gia-định thành, nhà nước suy-vi.
Thánh-hoàng phán trước đơn trì,
Khuyên Triều hỷ lạc, vậy thì hân hoan,
Để mà mai táng sự hoàn,
Dĩ kim khử cổ (28) dẹp loàn mới xong.
Bên văn đã có quan Tham,
Bên võ dự đồng hai gả Lê, Lâm.
Việc nầy tuy lỡ mà lầm,
Bá quan văn võ phải cầm quân bình.
Tây-phiên Sứ sự nước mình
Soạn sành lễ vật, tiếp nghinh hẳng-hà.
Đêm rằm tàu đậu Sơn-chà,
Bước qua mười sáu, tàu ra Hải thành.
Xem qua Trời đã bình minh,
Nó xin ghé cửa, quan mình không cho.
Tây-phiên dùng chước mưu đồ,
Trước xin thọ chế, sau phò Nam-Vương,
Trước là thọ chế Nam vương,
Sau là thương tiếc cái đường quốc-gia.
Quan Tiểu (29) khi ấy truyền ra,
Võng cán cờ lọng, vậy mà thông tin.
Nội chư đồn lũy đều nhìn,
Tam-tài nó kéo, thông tin phải phòng,
Cho người đệ bức thơ phong
Tâu cùng Thánh-chúa, với cùng bách quan.
Tây-phiên đã lại Thuận-an,
Hỏa thuyền chín chiếc, tợ ngàn thiên binh.
Sớ qua văn võ triều đình,
Nguyền xin hiệp chiến, giao chinh thi tài.

---

28) Dĩ kim khử cổ : chỉ kể hiện tại, bỏ chuyện xưa đi không nói đến nữa
29) Tiểu phủ sứ : Ông ích Khiêm (chính chữ Tiệu)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Làm chi rày vãng mai lai,
Bày ra yến ẩm, tổn hoài của Vua.
Quan Tiều phân binh hai toán hai tua,
Tiền đạo đóng từ trên chùa (30) mà đến Hoàng-Cung.
Tả hữu lũy, đã có đạo trung
Hỡi (31) còn đạo hậu, đóng trong đồn đài.
Người truyền súng vác cờ đai,
Quan Tiều khi ấy, liệt bài can qua,
Để binh liệt tướng can qua
Quan Tiều trở lại đồn Hà (32) một khi.
** . . . . . .
Truyền quân cơm nước, vậy thì nghỉ ngơi.
« Tau (*) tưởng là nói mà chơi,
Không hay nó ở ngoài vời bắn vô. »
Thiên binh vạn mã hải hồ (33)
Đều nghe tiếng súng, bắn vô rộn ràng.
Đò dọc cho đến đò ngang,
Đều nghe tiếng súng, kiếm đàng lánh thương (34).
Hai bên phố xá xóm phường,
Đều nghe tiếng súng, kiếm đường chạy ra.
Phen ni bỏ cửa, bỏ nhà,
Dắc con cùng vợ, chạy ra tức thì.
Dắc con cùng vợ chạy đi,
Kẻ qua Vĩnh-trị (35), người thì lên dinh (36).
Lao xao thiên hạ vô tình,
Phen ni mới biết, thất kinh nhưng là.
Tưng-bừng kẻ khóc người la,

---

30) Thiên mụ tự ?
31) Hỡi xem (1)
32) Đồn đóng ở Hà, (Hà trung) một địa điểm phía đông kinh thành
** Có lẽ thiếu 1 câu lục
*) Tau : tao
33) Hải hồ : ý nói nhiều vô kể
34 Thương : tên 1 loại súng cổ : oai thương, điểu thương (có thể hiểu là tránh cho khỏi bị thương)
35) Làng Vĩnh trị, phía bắc Thuận-An
36) Dinh : thành phố

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Phen ni mới biết, vậy mà giặc Tây.
Đánh đêm mười sáu nữa ngày,
Từ trưa đến tối, súng rày lặng tanh.
Lên dinh quan Tướng chiêu binh
Bước qua mười sáu giao chinh đì-đùng
Quân mình tả đột hữu xung
Quan sai ra bắn, bắn không thấy gì.
Khói lên hình tợ long phi,
Bắn ra ngoài biển, xong gì không hay.
Nó bắn, kẻ rơi chân người lại rơi tay,
Lổ đầu lũng ruột, khổ rày quân ta.
Sớ lên tấu cấp Chương-toà,
Tâu cùng Thánh-đế, vậy thì bách quan.
Xin binh hậu tiếp đôi ngàn,
Lựa người võ-cử, am nhàn (37) mà đi.
Thánh-hoàng hạ bút một khi,
Chiếu phế quan Tướng, ra đi Hải-thành.
Những là Giáo-dưỡng Anh-danh, (38)
Võ-cử, tùy-phái, hậu hành rất đông.
Cũng nguyền tả đột, hữu xung,
Nhất sanh nhất tử, phò công với thầy.
Phen ni quyết đánh cùng Tây,
Thuận-an thất-thủ, Trời rày hại ta.
Đương khi giờ tý canh ba
Ngài truyền mở cửa Đông-Ba tức thì.
Nửa đêm giờ tý kéo đi,
Người đến Phổ lở, (39) người thì trở lui.
Sớ vô tấu cấp tức thì,
Quan Tướng cảm bệnh, người hồi Bổn-cung.
Lịnh tiễn nạp lại đơn-đình.

---

37) Am nhàn : am tường và nhàn thục (quen thuộc)
38) Giáo dưỡng anh danh : con quan, nhưng học nghề văn không được, nên theo học nghề võ trong một trường do chính phủ lập.
39) Tên xưa của Bao-Vinh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bá quan văn võ làm thinh nhưng là.
Cớ chi ai bắt tội ra,
Những tham (40) với cách, giao tra bộ Hình.
Việc Triều mà ở không minh,
Cưỡng ngôn nghịch lý, niết tình mà thôi.
Bước qua đêm mười bảy tối trời,
Gió bay mây tụ, quân thời ngủ ngon.
Canh năm trống điểm lầu son,
Truyền quân cơm nước, gạo còn đương vo.
Gió tây thổi xuống vo vo,
Ngó ra ngoài biển, sóng to bằng nhà.
Ước chừng làm lộ phong ba,
Vái Trời phò-hộ nước nhà một khi.
Quân quan lao-khổ làm ri, (41)
Ngày thời giải nắng, đêm thì dầm sương.
Quân quan lao-khổ trăm đường,
Vái Trời phò hộ Thánh-vương Nam-triều.
Ai ngờ nó đã sa nơi, (42)
Ngó chừng cửa lập (43) lét vào bắn vô.
Quan mình cho nó lên khô,
Nó lên phân toán, nó hô bắn liền.
Nó bắn phát thẳng phát xiên
Nội trong quân lính, thác liền một khi.
Một trăm lính Quảng Trà-mi,
Cũng đều thác hết, còn gì người đâu.
Người chạy lổ óc, lổ đầu,
Nằm sấp nằm ngữa, khổ câu đoạn tình.
Giờ mão nó đã giao chinh,
Hai bên thiên-hạ thất kinh nhưng là.
Tưng-bừng kẻ khóc người la

40) Xem chú thích số 15.
41) Thế nầy
42) Sa nơi : (Chúng tôi không rõ nghĩa).
43) Xem chú thích 39.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vang trời chuyển đất, coi ra bịt-bùng.
Súng Tây nó bắn đi-đùng,
Kho tàng trúc (41) hết, khốn cùng chạy tan.
Quân quan khi ấy băng ngàn,
Trời đà phò-hộ, cho đoàn lâu-la.
Quan Tiểu trở lại đồn Hà,
Kêu Trời ba tiếng, Trời mà thấu không ?
Nam-triều cái cửa Hải-phòng
Tây-phiên chiếm-hãm, khổ trong đạo trời.
Hai hàng nước mắt tuôn rơi,
Ai xui Tây-tặc hại người trung-lương.
Bởi xa (45) khốn chống khốn đương,
Muốn đem binh hậu, khốn đường mở vây.
Quan Tiểu nước mắt sa ngay,
Truyền quân khí giới : « Bây (46) rày kéo đi ! »
Tây qua đình-trú một khi,
Để đăng phóng hỏa, vậy thì kéo sau.
Lên Triều thọ tội khấu đầu,
Trước cùng Hoàng-thượng, với sau Triều-đình.
Lấy lừng cờ đủ chiêu binh,
Truyền quân lộ trình, nhật dạ kéo đi.
Sớ vô tâu gấp đơn-trì.
Tâu cùng thánh-đế, với thì bách quan.
Tây-phiên đã lấy Thuận-an.
Quân thời nó giết mà quan chẳng chừa.
Bốn bề đạn bắn như mưa,
Oai thương (47) cường hãm, chẳng chừa chi ai.
Quan Hữu (48) mất tại đồn dài,
Quan Lâm ra ngoài, tử vận một khi.
Quân thời chết hết ly-bì,

---

44) đồ
45) vì xa cách ?
46) Chúng bay
47) Xem chú thích 34.
48) Quan Hữu : Hữu quân đô thống (Lê Tuấn ?)

Bản số hoá 2016: ĐCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Triều đình văn võ mưu chi quân nhờ.
Triều đình nghe nói ngẫn ngơ,
Thuận-an thất thủ, bây giờ khốn trông.
Thiên hạ ai cũng đau lòng,
Khốn thay binh mã mắc vòng gian nan.
Hai bên thiên-hạ kêu vang,
Bỗng đâu binh quan Tiểu bằng ngàn kéo lên.
Người vô thọ tội trong đền,
Trước đức Hoàng thượng, lương duyên (49) sự tình.
Cúi đầu trăm lạy Triều đình,
Tôi xin thọ tội, nạp mình Thánh-vương.
Cúi đầu trăm lạy công-đường :
« Vì xa khốn chống, khốn đương tài dùng.
Đò ngang cầu giọc cũng không,
Oai thương đã đoạt anh hùng tài danh.
Tội tôi chịu tội đã đành,
Trăm lạy Triều-đình, nhất thứ miễn dung.
Tôi xin thọ tội Cửu-trùng,
Nội chư đồn lủy, cố công bồ bồi.
Ngày thời đổ cát cùng vôi,
Đêm thời đổ đất bồ bồi cho Vua.
Khí giới tôi đã phải sửa sang,
Nội trong thất nguyệt, đánh ngang Tây tà. »
Bưa vừa (50) sắc hạ phê ra,
Sai ông Trần-Thúc (51) xuống hòa cho xong.
Ban cho một chiếc thuyền bồng,
Thủy-sư một chục, vậy cùng ra đi.
Quan Trần về Bộ một khi,
Kêu : Ơi Bà lớn ! Bà thì nghe không ?
Tôi nay vâng lệnh Cửu-trùng,
Bước xuống thuyền-bồng hòa hiệp với Tây. »

---

49) Cơ duyên ? căn duyên ?
50) Vừa khi đó
51) Trần thúc Nhẫn

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bà liền nước mắt chảy ngay :
« Giặc Tây mới đánh, ông đi can gì ? »
— Bà đừng nói việc thiên thông,
Tôi xuống thuyền bồng lính thủy mười tên.
Cơm Vua nợ nước phải đền,
Dầu mà giặc đánh, phải ra liều mình.
Làm tôi lánh chốn giao chinh
Nằm trong Triều đình mà nói nỗi ai (52).
Bà mầy coi trong ngó ngoài,
Trầu phong thuốc điếu, vào đai sẵn sàng.
Linh dược bỏ lấy vài thang,
Để khi nhiệt hàn , lấy nó trị phong.
Những là Liên-tử Ô-long,
Phải đem đi dọi (53) để phòng hộ thân.
Phòng khi quan khách xa gần,
Lấy câu hỷ lạc, oai ân nhưng là. »
Quan Trấn (54) khi ấy truyền ra,
Truyền quân soạn sửa vậy mà cho xong.
Giờ Thìn bước xuống thuyền bồng,
Bước qua giờ tỵ, chèo dong giữa vời.
Truyền quân cơm nước nghỉ ngơi,
Qua đầu giờ ngọ, tách vời Thảo-long.
Hai hàng nước mắt ròng ròng,
Ngó xuống Hải-phòng (55) đốn nát lủy tan.
Nam-triều cái cửa Thuận-an,
Để mất chỗ tàu đoạn việc thông thương.
Đông tây nam bắc bốn phương,
Công sưu thuế lệ, tải thường về đây.
Thuận-an cảnh thú vui vầy,
Trời đà phò hộ, về Tây hỡi Trời !

---

52) Mà nói ai nghe cho ?
53) Đi dọi : đi theo mình
54) Trần thúc Nhẫn
55) hay là Hải-thành để phòng thủ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nguyện cùng Thiên địa một lời
Tôi xin nhảy xuống tức thời suối ba.
Tội gì y-ước giao hòa,
Trung-thần đã có, người xa kẻ gần.
Tội gì y-ước giao lân
Tây-phiên phản-tặc, giết thần hại binh.
Bây giờ tình lại đoạn tình,
Tôi xin liều mình, chín suối Diêm-vương.
Mặc lòng Thiên-hạ lo lường,
Tây-phiên phản tặc, nó thương chi mình !
Nó đà lấy nước hại binh,
Cơ chi nghe mình không lấy Thuận-an. »
Giờ Thìn có sớ băng ngàn,
Tâu cùng Thánh-đế, bách quan Triều-đình.
Sớ vô tâu với Triều-đình :
« Quan Trấn tử ái liều mình một khi.»
Thánh-hoàng phán trước đơn trì :
« Nhà Ngươi tử ái, mình thì thứ dung. »
Thánh-hoàng phán trước ngai vàng :
Ngài phê quan Quận (56), xuống Thuận-an giao hòa.
Quan Quận đặt gối tâu qua :
Vâng lịnh Thánh-đế, giao hòa với Tây.
Lên dinh xuống cửa nửa ngày,
Soạn-sành lễ vật, thẳng ngay giao hòa.
Tây-phiên hỏi việc giàng ca (57) :
« Ngày xưa ai đánh, nay hòa làm chi ? »
Quan Quận thưa lại làm ri (58):
« Thưa cùng Đại-pháp, với thì bách-quan :
Bởi vì đồn nát lũy tan,
Vì chưng ông Tiểu, lấy gan chống Trời.
Ngài qua buôn bán mà chơi,
Công phu ngày trước, nợ đời còn mang ;

---

56) Tức là Nguyễn văn Tường
56) Lắm điều, dông dài.
58) Thề nầy rằng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ít ai ở đặng như Tiên-hoàng,
Lấy câu thương mãi cho toàn thỉ chung.
Nước thời chẳng có anh hùng,
Không người lương thiện, thỉ chung không hòa.»
Quan một cho đến quan ba,
Nghe lời quan Quận ha ha nực cười.
Dịch-nàng (59) lại với xu-đăng (60) :
« Can chi quan Quận đón ngăn nước nhà.
Nam-Việt mà có Tây qua,
Vì lời Tiên-đế giao hòa thông thương.
Bởi vì các gã tranh cường,
Phải ra cự chiến, oai thương phen nầy.»
Quan Quận nghe nói buồn thay :
Thưa cùng các gã, tôi rày lui chân.
Bởi ngu si không rõ tiếng đàn
Giả như (61) gió thổi không sờn tai trâu.
Lui về đặt gối quì tâu,
Tâu cùng Thánh-đế mấy câu rõ ràng.
Mấy lời Tây-tặc Phiên-bang,
Rằng nghe họ nói, lưỡng nan nước nhà.
Đủ mặt văn võ chư nha,
Lập lường mưu kế, đáo toà Thánh-môn.
Thưa Cha giám-mục phần hồn,
Mời về cửa Thuận, giao ngôn hết lời,
Giáo với lương cũng con Trời,
Làm chi đáo để, khổ thời quân quan.
Thánh-hoàng nước mắt chứa chan,
Vái cùng Thượng-giới Ngọc-hoàng cao xa.
Nghe trong cái việc nước nhà,
Cửa Thuận-an Tây lấy khổ mà muôn dân.
Càn khôn chân bước dò lần,
Nói cùng Giám-mục, tương phân lẽ nào.

---

59) Lieutenant, trung-úy.
60) (Adjudant), thượng sĩ
61) Ví như.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nói cùng quan Quận trong trào,
Bá quan đáo đến, lầu cao Thánh-đường,
Đục trong các gã sửa đương,
Lỡ lời hơn thiệt phải nương theo lời.
Thuận-an cảnh thú ăn chơi,
Nay mà thất thủ, thời Trời khiến suy.
Qua đò Kẻ-vạn một khi,
Dò lần chân bước vậy thì đến nơi.
Đức Cha chân bước miệng cười,
« Các quan hà sự, đến chơi việc gì ?
Hà do cần kíp việc gì ?
Các quan nói thiệt, vậy thì tôi nghe. »
Chẳng qua một nỗi Trời đề,
Xem đám mấy cơ hội, đem dè đứt chân. (62)
Xưa kia một chớ hai đừng
Không nghe mà đánh quan quân tiêu tàn.
Nay mà thất thủ Thuận-an,
Quan quân tiêu tàn, khổn nỗi thông thương.
Vì chưng các gã tranh cường,
Không nghe thuở trước Tiên-vương giao hòa.
Thuở xưa cũng có Tây qua,
Người thời tôn tử , giao ca trọn đời.
Chẳng qua Tiên-đề về trời,
Tây qua thọ chế, sao thời không cho ?
Khổn dò ruột ốc quanh co,
Cũng vì ông Tiểu không cho mà rầy.
Chừ ra có sự đời nay,
Oa oa lưỡng khẩu, nói Tây không rồi.
Đức Cha nghe nói liền cười,
Cười rồi lại nghĩ, mấy lời các quan :
« Các con bổn đạo nghe troàn, (63)
Tam tài xà lúc (64), Thuận-an Tây thuyền.

---

62) Đám mây đứt chân thì mất mưa.
63) Truyền (hãy nghe ta truyền).
64) Chaloupe, tàu nhỏ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Việc nầy Cha nói mới yên,
Cha nói Tây thuyền, nói với Lang-sa.
Vội mừng liền hỏi : « A ! a !
Tai nghe quan Quận có hòa làm răng (65) ? »
« Thưa Cha cho rõ Cha hay,
Tà tâm bất chánh thêm hay nực cười. »
Áp xanh (66) rượu chát liền mời,
Hội đồng luận sự, nghĩ thời làm sao ?
Tôi qua giăng đạo Nam-trào
Lập bàn thờ Chúa, thiết triều vương nay.
Chừ ra có sự làm vầy,
Bây giờ chẳng nói đạo, Tây một lòng.
Thuận-an Nam-Việt hải phòng,
Nay mà thất thủ, trong lòng xót xa.
Lòng tôi không phải tây tà,
Bên nào tôi cũng nói ra công bình.
Xuống đây không phải vị tình,
Trước thời Đại-Pháp, sau mình Lang-sa.
Đình chùa miếu vũ người ta,
Mình giao chinh chiến, vậy mà tan hoang.
Bổn bề phường xóm quân quan,
Hết đường khốn chạy, lâm oan phen nầy.
Nay ta phải xét lời ngay,
Tôi không phải nói, vậy mà xuống đây.
Lắm thương (67) nó chạy đến mình,
Tôi truyền nhà phúc tận tình cháo cơm,
Những người Bình-định, Quảng-nam,
Thừa-thiên, Quảng-trị cháo cơm rộn-ràng.
Thắng thời vinh hiển các quan,
Bại thời quân lính tối tàn tấm thân.
Thăm thương phận lính phận dân,
Xung tên lướt đạn, mười phần khổ thay !

---

65) Làm sao.
66) Rượu absinthe.
67) Bị thương.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Xưa kia mưu kế ai bày,
Họ sai ông Quận, xuống đây giao hòa.
Vâng lời thọ pháp nghe cha,
Ngày sau nghịch mạng, vậy mà lại hay.
Vội vàng đều cũng bắt tay :
« Xin cùng các Tướng tôi nay sang toà.
Quan Tướng đánh, quan Quận hòa,
Bưa vừa (68) các Cồ, đức Cha có lòng.
Các ngài đáo đến bộ phòng,
Nói cùng quan Quận : Việc trong nước nhà,
Nam-Việt mà có Tây qua,
Cũng vì Tiên-đế giao hòa thông thương.
Tây qua Khách lại cũng thường,
Bởi vì thuở trước đôi đường giao lân.
Quan Tiễu cãi lại Triều-đình,
Đánh Tây giết đạo, đạo dân nam-trào (69)
Đánh Tây giết đạo làm sao ?
Đạo dân Nam-trào, sanh hạ tại đây.
Mặc lòng thiên-hạ với Tây (70)
Có tài thời đánh, đạo rày làm chi (71)
Quan Quận thưa lại làm ri : (72)
Thưa cùng các Cồ, vậy thì đức Cha,
Tôi nay trăm việc muốn hòa,
Không ưng sử tụng mà ra hội nầy.
Triều-đình cũng có giận Tây,
Và đi giết đạo, đạo hay sở-sàm (73).
Tây-phiên đáo đến An-nam,
Cũng vì bên đạo, sở-sàm Tây qua.

---

68) Thể rồi.
69) Nhưng kẻ đạo cũng là dân Nam triều.
70) Ai đánh với Tây mặc họ.
71) Chứ kẻ đạo đánh làm chi.
72) Làm ri : thể nầy, rằng.
73) Sử sanh, xúi dục.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Quan Tướng (74) khi ấy truyền ra,
Dưỡng dân lục huyện, đông đà rất đông.
Tài gia bá hộ có lòng,
Truyền sai lương gạo, đặng hòng phát ra.
Đến ngày thịt vịt thịt gà,
Thịt bò thịt lợn, tài gia hết lòng.
Sữa sang binh mã gần xong,
Chẳng chầy thời kịp, có công báo cừu.
« Tôi (75) nay ưng dụng chữ tài,
Không mạnh thời phải cơ mưu dụng tình. »
Các Cô nghe nói thất kinh,
Đức Cha nghe nói, rùng mình hỡi ôi :
« Tôi thưa Quan lớn một lời,
Ngài phải làm phúc vậy thời xuống tay.
Đạo tôi cam khổ lâu ngày,
Một lần phân tháp (76) khổ thay nhưng là.
Đàn ông cho chí đàn bà.
Rạch mặt để chữ (77) khổ đà nhiều phen.
Than rằng của trọng người hèn,
Bạc kia trăm lượng (78) làm quen chút tình.
Xin Ngài dẹp tướng bãi binh,
Cho tôi trở lại đơn-đình nhà chung. »
Gần ngày hiệp chiến giao công
Quan Quận nói cùng quan Tôn : (79)
« Mình đà hư lủy nát đồn,
Thuận-an thất thủ chớ bôn báo cừu
Chi bằng lấy chữ hòa hưu,
Sửa sang binh mã, báo cừu với Tây.
Sá chi người đạo ở đây,
Mình mà khởi tử, Tây rày kéo tan.

---

74) Tôn thất Thuyết.
75) Tôn thất Thuyết.
76) Tan hợp (?) Chia ra rồi ghép lại.
77) Nguyên trước kẻ đi đạo bị chính quyền rạch mặt thích chữ.
78) Giám-mục biểu ông Tướng
79) Tôn thất Thuyết

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Giao hòa lo việc Tiên hoàng,
Sanh thuận tử an, cho thoan sự đời (80).
Gia-tô nó cũng con Trời,
Nó qua trú ngụ, ở nơi nước mình.
Ngọn rau tấc đất sơ sinh,
Binh lương thuế lệ thời mình không tha.
Mình chừ giận kẻ tây tà,
Mà đi giết đạo, đạo mà kêu oan.
Sống thời mang tội Tiên-hoàng,
Thác về Thập-điện, mang nàn Diêm vương
Chi bằng lấy chữ thủ thường,
Mình làm Tể-tướng, phải thương sự tình.
Cơ chi nó dễ nó khinh,
Cũng liều sinh sát, thời mình chẳng dung.
Sợ mình, nó đã có công,
Bạc kia trăm lượng, lo trong với mình.
Xin Ngài dẹp tướng bãi binh,
Truyền ra các xã, dân tình làm ăn.»
Quan Tướng khi ấy than rằng :
« Can chi quan Quận, nỉ-năn hết lời.
Làm tôi thời hưởng lộc Trời,
Mình mà dựa tiếng (81), vậy thời nó khinh.
Một mai thấu đến Triều-đình,
Mình mà dựa tiếng, khinh mình bằng nay,
Nó đà cố hại mình đây,
Nên nó khuyến dụ : một bầy lâu-la,
Hồng-mao, mờ-hóng (28), Chà-và,
Đến triều Nam-Việt, lâu-la báo đời.»
Quan Quận khi ấy mở lời :
« Nói cùng quan Tướng : sự đời phân ra.
Ngài ơi, đừng nghĩ gần xa,

---

80) Cho xong.
81) Dựa thế các cha, cố.
82) Ngoại nhân da đen, đáng khinh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bạc là phần thổ (83), phúc là ngày sau.
Nó đà chịu chữ thọ đầu,
Dung đi một thứ, ngày sau sợ mình.
Sá chi người đạo giao chinh,
Xin Ngài dẹp tướng, bãi binh hội triều.»
Các quan khi ấy hội triều,
Gẫm trong nhà nước, lắm điều phân vân,
Bá quan văn võ đình thần,
Ai ai đều cũng phân vân đoạn tình.
Hai chàng (84) đoạt thủ quyền binh,
Không sợ phép nước, không kiêng oai Trời.
Làm tôi mà lỗi đạo tôi,
Văn danh thiên hạ đổn thời bốn phương.
Tà thần y rách chữ dương (85)
Tâm xà khẩu Phật, lập lường nội phân.
Đại-tướng (86) là kẻ trung-thần
Lấy câu hỉ-nộ, ái-ân nhưng là.
Bưa vừa sắc hạ phê ra,
Ngài phê quan Tướng, chức mà Thượng binh,
Ngài mà lãnh chức Thượng binh,
Vua quan những việc, lễ thường bày ra.
Nội-thành lục-bộ, chư nha,
Chư dinh chư nha, ai mà đều kinh.
Quan viên suất-đội triều-đình,
Roi đòn nó đánh, nát tình vân-vi.
Hai chàng ngọc-diệp kim-chi (87)
Với quan Phò-Mã (88), vậy thì đồng tâm.
Lập lường mưu kế mà lo,
Cũng đều đứng Phiền, tâu vô sự tình.

---

83) Đất bụi.
84) Thuyết và Tường.
85) Y rách ráp với chữ dương là tên ông Tường.
86) Tôn thất Thuyết
87) Có lẽ là Hường-Phò và Hường-Sâm
88) Ông Nguyễn hữu Độ (?)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đưa vô tại chốn Lầu xanh,
Thánh-hoàng (89) ngự thấy, sự tình phán ra :
Mưu người bảo thủ thật thà,
Cứ uy niêm yết, giao qua mật phòng.
Có quan Tể-tướng (90) triều-trung,
Dỡ ra xem thấy, nội công chiến ngoài.
Cũng đều đứng phiến liệt bày,
Lập lường mưu kế, huy tai (91) hai người (92).
Quan Tướng (93) nửa giận nửa cười,
Nửa thời tức giận, cười tươi cười mừng,
Đêm khuya bán dạ băn khoăn,
Ơn trong Thiên địa, quỉ thần cho hay.
Không thời mắc phải nạn nầy,
Cũng vì các gã biểu bày sự sinh.
Bước qua ngày rạng bình minh,
Người vào chầu điện, sự bình (94) lui ra.
Quan Tướng về bộ nhưng là,
Kêu : « Ơi quan Quận ! bày mà đục trong.
Mới hay Thiên-tử trở lòng,
Kim-chi ngọc-diệp nội công chiến ngoài.
Cũng đều đứng phiến liệt bài,
Nội triều lớn nhỏ, một ngài với tôi,
Cơ mưu nó lập đã rồi,
Ơn trong Thiên địa, vậy thời chưa cho.
Kim-chi ngọc-diệp không lo (95),
Tôi khen quan Phò, gan đã to gan.
Cái chức Phò-mã mấy ngàn,

---

89) Vua Hiệp Hoà...
90) Trần tiễn Thành
91) Cổ hại
92) Thuyết và Tường.
93) Ông Thuyết
94) Có lẽ là « bất bình » (?)
95) Không lo sợ gì về cánh hoàng-thân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Dám vin oai sầm, rắp rem hại mình (96).
Quan Quận nghe nói thất kinh
Nói cùng quan Tướng, sự tình âm hao :
« Nay ta phải lấy phép Trào,
Cho người tầm nã, bắt vào về đây.
Hơn thua cho hẵn lời nầy,
Kẻo mà oan ức, nhục rày mình ta ».
Quan Tướng khi ấy truyền ra :
« Như lời Quan lớn tôi mà đành tâm.
Cho người đi tróc đi tìm,
Bắt hai gã về cầm tại ngục môn.
Cũng Bà (97) khôn đã quá khôn,
Cơ mưu nghe lậu, qua lo với Tây.
Có đâu bồi-rồi phen nầy,
Nói đạo không cứ (98) nói Tây phẫn lòng.
Rồi nầy e gỡ không xong,
Vào Triều thọ tội với cùng bá quan.
Thương thời danh tiết vẹn toàn,
Ví dầu bắt tội, cho thoan (99) sự đời.
Hai chàng tích hận mà thôi,
Phê cho hai gã, vậy thời truy tra.
Hỡi còn phụ tử cùng bà,
Phẫn thần phi lễ, tội đà rất to.
Cha con khi ấy đày vô,
Đày tam thiên lý, chẳng cho phẫn hồi.
Dang tay bẻ lá tuyệt chồi,
Lập lường mưu kế, tịch bôi (100) Hiệp-hòa.
Người đà cố hại hai ta,
Cứ câu tình lý, vậy mà chẳng dung.
Bên văn đã có quan Tham,
Bên võ dự đồng, quan Chưởng Thần cơ,

---

96) Hại chúng ta
97) Có lẽ là vợ của Phò mã Nguyễn hữu Độ.
98) Không nghe không tin.
99) Xem chú thích 80
100) Bỏ tên trong sổ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Việc nầy phải dụng binh cơ,
Thời ta chiêu mộ để nhờ muôn dân.
Việc nầy phải dấu trong Triều,
Chớ cho mưu lậu, khó phân nhưng là.
Quan Tướng khi ấy truyền ra,
Truyền quân võng giá, về nhà tĩnh thân. (101)
Thưa : « Ơi Thân-phụ võ thần !
Làm nên võ Tướng, nhờ ân phước nhà.
Thánh-hoàng Ngài đã băng xa,
Việc tôi cứ xử, vậy mà cho miếng. (102)
Bởi ai tranh vị tranh quyền,
Nó toan giao xốt (103), xích xiềng hại tôi.
Thưa cùng Thân-phụ một lời,
Dưỡng hổ di hoạn, vậy thời chẳng dung.
Chữ rằng : Thiên-hạ vô Bái-công,
Thưa cùng Thân-phụ, vậy mà giao chinh.
Trong thời sở cậy Triều-đình,
Ngoài thời cha phải thân chinh một đường. »
Cậu Hai nghe nói xung gan,
Nguyền xin chiêu mộ, một ngàn dân phiêu.
Người thời ngụ đất Nguyệt-biểu,
Kim-long An-cựu, người phiêu kẻ tàn.
Người thời ngụ đất Vân-giang,
Bao-vinh, Phổ-lỡ một đoàn dân phiêu.
Vô gia chịu chữ phiêu bần,
Công danh ai muốn, băng chừng mà đi.
Quan Cụ (104) mới nói một khi :
Nói cùng Quan Tướng, vậy thì hơn thua.
Thiên-hạ có một ông Vua,
Giã như trong chùa có một Sải sư.
Mình mà sanh sự làm hư,
Triều-đình không thuận, khổ chừ mà thôi.

---

101) Thăm cha mẹ.
102) Miêng : minh, rõ
103) Tôn nghi
104) Thân sinh Tôn thất Thuyết

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bắt câu rồi đạo Phật Trời,
Thất trưng Thiên-tử, truy thời Tam ty.» (105)
Đành lòng phụ tử một khi,
Lấy lừng binh-mã, hồi qui nhưng là.
Quan Quận khi ấy truyền ra
Lấy câu thúc ước vậy mà Triều trung.
Thượng trên hạ dưới dự đồng,
Cũng đều niêm ký, cho xong nhưng là.
Đã đành Lục bộ chư nha,
Quan Trần Tể tướng (106), vậy mà nghịch ngôn :
« Nội trào quan Quận quan Tôn,
Lại thêm quan Tiểu dĩ ngôn xứng tài.
Bá quan văn võ hàng lai,
Mưu nầy mưu nọ, ba Ngài sử xanh.
Khi xưa ai đầu ai tranh,
Đốn cây bỏ cội lá cành héo gion.
Hại người bắt tội vợ con,
Ngục hình cầm hãm, tội còn chưa tha.
Bây giờ tôi giữ phận già,
Mặc lòng văn võ chư nha nội Trào.
Ngày trước qua ngụ Nam-trào.
Tài năng thi trúng, lược thao trong Triều.
Nên chi Thánh-đế ngài yêu,
Cho làm Tể-tướng, nội triều bách quan.
Chẳng hay Tiên-đế băng ngàn
Triều-đình nhiều chuyện phải toan phận già.
Ngoài trời thấy những lâu-la,
Lại thêm trong nhà, sanh sự hại nhau.
Xưng tài ỷ kể chước mầu,
Thuận-an thất thủ, một câu lai hàng.
Thôi thôi mặc dạ bá quan,
Tôi đây thủ phận quan tàn mà thôi ».

---

105) Tam-pháp-Ty, tòa án tối cao ngày xưa
106) Trần tiễn Thành

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ba ông nổi trận bồi hồi,
Lập lường mưu kế, tịch bôi (107) một lần.
Lập lường mưu kế mà phân,
Bề trong binh mã, ngoài dân dự phòng.
Tiết đông mưa gió lạnh lùng,
Quan Hầu (108) lấy lính tuyển phong tiên hành.
Nửa đêm bán dạ ba canh,
Quan Hầu ra thành, binh mã đáo gia.
Đến nơi đèn đuốc rạng loà,
Kêu : « Ơi quan lão ! ngài ra thọ đầu ! »
Than rằng ngày lộn đêm thâu,
Quan Trần xuống lầu, mắc phải huy đao !
Rộn ràng không biết người nào,
Vợ con khóc lóc, lao xao kêu trời.
Ông ơi ! Ông hỡi ! Ông hời !
Mở miệng kêu Trời, khổn thở khổn than.
Khi không mắc phải tai oan,
Vô tùng tra cứu, có tang sờ sờ.
Sự tình đã rồi như tơ,
Tang hình đền đó, xin nhờ hai ông.
Cậu Hai (109) bẩm với hai ông :
« Xin Ngài cứu xử với cùng làm sao.
Cha tôi Tể-tướng nội trào,
Ngài ơi cứu nghĩ làm sao nhưng là.
Nửa đêm giờ tý canh ba,
Ngỡ là trộm cướp, lâu la canh chầy.
Tôi tưởng là đạo với Tây,
Thấy quan nhiều kẻ (110), đến vây đoạt đồ.
Họ hỏi : « Quan lớn đi mô ? »
Kêu ra phụng Dụ, họ vô kịp giờ.
Nào hay mắc phải binh cơ,

---

107) Xem chú thích 100
108) Hầu Chuyên
109) Con ông Trần tiền Thành
110) Của cải — Tiền kẻ : tiền của.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Sự tình làm rứa, xin nhờ hai ông. »
Quan Thừa (lll) nghe nói hãi-hùng :
« Tôi phân với cậu, thủy chung sự tình.
Về bẩm quan Thượng bộ Hình,
Tôi xin sám cá (112) đến dinh thăm ngài.
Một là bắt kẻ đoạt tài,
Hai ông oán hận, chi ai mắc nàn.
Xin cậu chớ khóc đừng than,
Cậu về mai táng, sự hoàn lại hay.
Ai mà tay lại chém tay,
Tội trời họa đất, có ngày sa cơ.
Ngày xưa cao ruộng, nay chịu thấp bờ,
Người đời ai muốn, sanh sơ cực mình.
Cực lòng cậu đáo đến dinh
Ruột rà phụ tử khổ tình kêu ca.
Hiếu trung phải giữ phận hòa,
Anh hùng mắc nạn, mới ra anh hùng.
Mấy đời dứa nịnh mang gông,
Gian tà nịnh sử, anh hùng mắc tai.
Cậu Hai thở vắng than dài,
Cậu con quan lớn, như chú hai tôi ở nhà. »
Quan Tướng khi ấy truyền ra,
Lục môn khuôn đạo, vậy thời tuần canh.
Đề-đốc binh mã hộ thành,
Lục môn nội ngoại, đêm canh ngày phòng.
Bao nhiêu các cửa niêm phong,
Nội-chùy giao lại, nạp cùng tại cung.
Tư ra các vệ các dinh,
Đương khi giờ tý, lặng tanh như là.
Đương khi giờ tý canh ba,
Ngài truyền mở cửa, vậy mà Chánh tây.

---

111) Quan Phủ Thừa (?)
112) Sắm sửa (?)

Bản số hoá 2016: ĐCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Cắt cho Tùy-phái mười thầy,
Võ-sanh hai vệ, bằng nay lên rừng.
Nội trào lớn nhỏ cũng ưng,
Tuy cây trên rừng, cốt cách trầm hương.
Tiên-hoàng ngày trước cũng thương
Nuôi (113) làm dưỡng tử, văn chương rỡ ràng.
Triều-đình văn võ bá quan,
Ai ai đều cũng rõ ràng tâm ưng.
Nửa đêm lên núi băng rừng,
Quan Tiều khi ấy lẫy lừng can qua.
Đường đi những suối với hà,
Điềm phòng ngủ hết vậy mà vắng tanh.
Đến nơi kêu mở cửa thành,
Võng điều vô võng, đứng quanh hãi hùng.
« Hu hồn hu vía cho ông,
Ông chớ hãi hùng, đừng sợ đừng kinh. »
Đủ mặt văn võ Triều-đình,
Xin mời Ngài về tức vị, Thái-bình nước Nam.
Nội trào văn tứ võ tam,
Thượng-thơ ngũ-trụ, sỡ sắm đã xong.
Mở lời xin dám trình Ông :
« Xin Ông loan giá, đặng hồng hồi qui. »
Bộ hành băng bụi băng tre,
Qua đò Phường-đúc trống thời tan canh.
Ra về vừa đến kinh thành,
Mưa sầu gió lệ chung quanh lạnh lùng.
Xem trong hiệu lịnh cùng không,
Cả quân chiêu mộ băng đồng chạy tan.
Vô thành thấy văn võ bá quan,
Lại thêm binh mã, rộn ràng tiếp nghinh.
Đủ mặt văn võ Triều-đình,
Ai ai đều cũng có tình vọng trông.
Ngai vàng kiệu giá bịt bùng,
Đều đem niêm ký tại cung Tịch-điền.

---

113) Nuôi Giản Tôn nghi hoàng-đế (?)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Soạn sành bút chỉ với nghiên,
Đình thần đứng ký cho liền cáo tôn.
Tan canh súng nổ hãy còn,
Trong thành thiên-hạ hãi hồn kêu ca.
Đàn ông nói với đàn bà,
« Cửa thành đóng lại, biết ra đàng nào ? »
Người buôn kẻ bán lao xao,
Không biết việc gì, thiệt sợ rất hung.
Giờ thìn đã thấu trong cung,
Ngài Hoàng mới nói, với cùng đệ gia :
« Vị ngôi giao lại chương tòa,
Ngai vàng bệ bạc, gởi mà bá quan.
Bề nào danh tiết chẳng toàn,
Rưng rưng nước mắt hai hàng láng lai.
Phen ni xa bệ xa ngai,
Xa chốn Điện-đài, vắng vẻ lầu hoa.
Triều-đình văn võ chư nha,
Đều nghe hai gã, vậy mà hại tôi. »
Hầu vợ nước mắt tuôn rơi,
Rưng rưng lệ ứa vậy thời chứa chan.
Thị-vệ vâng lịnh bá-quan,
Vào Triều tâu với bà Hoàng Thái-Cung (114)
Bá quan văn võ Triều trung,
Đặt bàn khẩn nguyện, vái cùng Hoàng thiên.
Đồng tâm văn võ phỉ nguyền,
Vái cùng Thượng giới Hoàng thiên nhưng là.
Nay xin đổi vị Hiệp-hòa,
Tôn đức Kiền-phước, nước nhà thung dung.
Thánh mẫu nước mắt ròng ròng,
Mới hay văn võ triều trung cầm quyền.
Phần thời nhà nước chẳng yên,
Văn võ cầm quyền, thay vị trị ngôi.
Thưa qua văn võ một lời :

---

114) Từ-Dũ Hoàng Thái hậu

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Xin đừng bắt tội, vậy thời làm chi,
Cho người lên phủ một khi,
Xin đừng bắt tội, vậy thì cũng oan. »
Thị-vệ vâng lịnh bá quan,
Phải nghe hai gã, tam ban liệt hình.
Thị-vệ vâng lịnh Triều-đình,
Tâu cùng Thánh-đế, thượng trình lui ra.
Rộn-ràng hầu vợ Hoàng-gia,
Ra khỏi cửa nội, khóc la vang trời.
Mặt trời đã xế về tây,
Rộn-ràng binh mã, phủ vây bịt bùng.
Giờ thìn nghe lịnh Triều trung,
Bao nhiêu hầu vợ vậy cùng cho lui.
Hầu vợ nước mắt láng lai,
Con thời với vợ, cho lui phủ đường.
Tam ban triều điểm cụ tương,
Ra chốn Phủ đường, thân lại sát thân.
Đông tây nam bắc xa gần,
Trẻ già con nít, thương thân Hiệp-hoà.
Liệt bày vũ nhạc sanh ca,
Triều đình văn võ, chư nha ứng hầu.
Chúc rằng vạn thọ một câu,
Nhất nhân hữu khánh, đứng đầu nước Nam.
Dụ để văn tứ võ tam,
Thượng-thư ngũ trụ, chức hàm gia thăng.
Quan thời tiến thưởng chức thăng,
Tự ngũ chí cữu, chức rằng gia ân.
Đông tây nam bắc xa gần,
Công sưu thuế lệ, chuẩn phân nhưng là.
Bao nhiêu tù ngục cũng tha,
Công tư tội lệ, vậy mà cũng dung.
Thánh-hoàng phán trước Triều trung :
« Tây phiên chiếm hãm, tính thì làm sao ?
Y như ngày trước Tiền trào,
Giao hoà với nó, tốn hao bạc vàng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hại mình nhiều đoạn gian nan,
Mình mà thất thủ, lại hàng khốn âu.
Tây phiên lòng hiểm dạ sâu,
Lập lường lấy nước, cũng hầu chi ai.
Tiền-trào lúc trước hàng lai,
Nay mình cũng thuê, dụng tài quân phiên,
Nó qua quân lính phân phiền..
Tốn vàng hao bạc, mới yên nước nhà.
Tiền trào trước có phê ra,
Chớ dùng kẻ giáo (115), nước nhà không xong.
Ở đời mình lại thứ dung,
Đến nay oán hận, thông cùng Lang-sa.
Đời ông cho đến đời bà,
Nó qua trú ngụ, đất ta nước mình.
Ngọn rau tấc đất sở sinh,
Ăn no mặc ấm, của mình thung dung.
Nay chừ tích hận Triều trung,
Nên chi Tây biết, anh hùng đích danh.
Tây phiên còn ở Tây thành,
Can chi Tây biết, đích danh bổn người.
Nội trào nó chẳng hỏi ai,
Đích danh bổn người, văn võ bổn ông.
Ông Đề Ngô khí-khái anh hùng,
Đã từng hiệp chiến, giao công Bắc kỳ.
Đề Soạn võ nghệ sảo tri,
Can do ở tại Bắc kỳ mà vô.
Quan Tiểu ở tại kinh-đô,
Tài năng nham độn, xà đổ rất thông.
Ông Tướng khí khái anh hùng,
Đồ gian phi lệ, giết cùng chẳng tha.
Hãy còn lo việc nước nhà,
Chẳng chầy thời kíp nó đà giao chinh.

115) Người theo đạo Gia-tô

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một là bên giáo (116) thông đồng,
Hai là có kẻ Triều trung tư tình.
Tư ra các Vệ các Dinh,
Lựa người Võ-cử, luyện binh thi tài.
Văn võ thơ sách sớ lai,
Võ xem việc ngoài văn giữ việc trong.
Quan Tiều vâng lịnh Cửu-trùng,
Lựa người dinh vệ, tập tành Phước-thương (117)
Mưa thời gánh cát đổ đường,
Nắng thời tập súng Phước thương cho thành.
Đào hồ đắp lũy chung quanh,
Xà-đồ thập (十) tự, kinh thành rất đông.
Bá quan văn võ triều trung,
Đều khen quan Tiều, vậy cùng đa mưu.
Đóng đồn đặt sùng báo cừu,
Mới hay quan Quận dụng mưu tư tình.
Sửa sắm binh mã giao chinh,
Quan Quận lại kể sự tình đục trong.
Đã từng hiệp chiến hải phòng,
Đồn tan lũy nát, chẳng xong bề gì.
Quan quân thất thủ một khi,
Kẻ thời chết nước, người thời chết khô.
Gạo tiền đổ xuống biển hồ,
Đông tây nam bắc mô mô cũng sầu.
Tròng ngao (118), thuyền lái, thuyền câu,
Thuyền-ốc, ghe bầu, khốn nỗi thông thương.
Trong Triều mắc phải tai ương,
Đã bỏ mà chạy lập lường giao công.
Nước ta quan lớn anh hùng,
Bá quan văn võ, đều không ai tầy.

---

116) Xem chú thích 115
117) Tên một loại súng (Có lẽ là Phúc thương)
118) Tên một loại thuyền cỡ trung bình

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngài có ngọc-vẹt (119) cầm tay,
Đạn vàng nó bắn ba ngày không nao.
Tài năng văn võ lược thao,
Chí khí anh hào, nham độn rất thông.
Bốn bề cự chiến giao công,
Tây-phiên nó nói anh hùng nước Nam.
Tài năng vô độn ra nham,
Khi thạnh chẳng gặp, suy làm chẳng hay.
Tức mình tự biệt cùng Tây,
Thánh-hoàng bắt tội, mộ rày rạch ba (120).
Tiền-trào trước có giao hòa,
Tôn miếu xã tắc, quốc-gia vẹn toàn.
Bởi người cự chiến Phiên bang,
Đổn tan lũy nát, bạc vàng hư hao.
Huống chi tá lý nội trào,
Tài năng cự chiến binh đao cho rầy.
Giáp thân nhị nguyệt bằng nay,
Quan Tiều bẩm Bộ, xin rày hồi hương.
Vào Triều tâu với Thánh vương :
« Tôi xin tĩnh thám mẫu đường (121) tại gia,
Đặng câu trung hiếu nghĩa hòa,
Làm nên danh vọng, ruột rà sở sanh. »
Tâu qua văn võ Triều-đình,
Xin về nhất nguyệt, thượng trình lai đô.
Tháng ba quan Tiều trở vô,
Tháng tư Tây kéo, hãi hồ thiên binh,
Bưa vừa lịnh chỉ đơn đình,
Hiểu dụ quan Tiều, lai kinh hội Trào.
Hỏi người có sự làm sao,
Cho về nhất nguyệt, lẽ nào không ra.
Ví dầu bối rối việc nhà,
Lai thơ trình thuyết chư nha xem tường.

---

119) Tương truyền là một loại ngọc quí, tránh được đao thương, súng đạn. Người có mọc vẹt chỉ kỵ đạn vàng.
120) Tôn nghi 121) Thăm mẹ để dò ý kiến

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thánh-hoàng cũng rộng cũng thương,
Cho về tĩnh thám mẫu đường tại gia.
Lai thơ quan Tiểu trở ra,
Tâu cùng Thánh-đế, chư nha hội đường.
Khôn thay thúc ngựa đời cương,
Đi thời đặng đó sợ thương mẹ già.
Sợ thay một lũ Lâu-la,
Muốn về cự chiến, sợ mà đón can.
Giận thay một lũ Phiên-man,
Nội Triều có kẻ nịnh gian biểu bày.
Tâu lên Thánh-đế đặng hay,
Nịnh gian biểu bày, Mồ-hóng, Xiêm-la.
Quan Quận khi ấy nói ra,
Tâu lên Thánh đế vậy mà khi quân.
Ngươi đà nghịch lý k'i quân,
Đày vô Bình-thuận, để tuần Ai-lao.
Chớ cho lai vãng nội trào,
Cưỡng ngôn nghịch lý, phản phao đến mình.
Quan Tiểu mắc phải vây binh,
Người trung mắc nạn, lý hình nịnh gian.
Năm Mùi thất thủ Thuận-an,
Tây qua đóng lũ đóng đoàn đã lâu.
Trước thời chịu chữ thọ đầu,
Nó xin làm lầu, bển thủy một dinh.
Rồi nó đáo đến Đơn-đình,
Xin đất ở chốn Trấn-bình (122) thông thương.
Trước xin cống thuế Nam vương,
Chốn nào giặc dã, chịu đường cự khôi.
Thánh-hoàng chỉ phán một lời :
« Nó xin mặc nó, mình thời không cho.
Lập lường mưu kế đóng đô,
Mình người Nam việt, dễ phò lâu-la».
Quan Quận đặt gối tâu qua :
« Tâu cùng Thánh-đế chư nha Triều-đình.

122) Trấn bình, nay gọi là Mang cá.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Sá chi chỗ đất Trấn bình,
Ta cho nó ở, kết tình mà chơi.
Ăn lộc nước giả nợ đời,
Tôn lăng xã tắc, vậy thời của ta.
Tiền triều trước có giao hòa,
Tôn lăng xã tắc, quốc-gia vẹn toàn.
Cơ chi cự chiến Phiên bang,
Hao vàng tổn bạc, mới an nước nhà.
Thưa cùng văn võ chư nha,
Trấn-bình Trường-định giao hòa với Tây.»
Quan Tướng lại nói lầm vầy :
« Tôn lăng xã tắc, phen nầy e hư.
Ngài không vâng lịnh Thánh-từ,
Tôn miếu xã tắc e hư phen nầy.
Tiền-trào khôi phục dùng Tây (123)
Kinh thành Nam-việt, nổi bầy lâu-la.
Hồng-mao, Mồ-hóm, Chà-và,
Thủ tài bắt chánh nó qua hãm đồn.
Ở đời mình dại nó khôn,
Nó qua hãm đồn, như cá vào khu.
Ở ngoài chịu chữ thọ đầu,
Vô trong niết sữ, khổ âu nhiều ngày.
Ở đời một rủi một may,
Một chung một thủy, khó thay khốn dò.
Ăn cơm không nhớ đời xưa,
Tôn miếu xã tắc mới lo phen nầy.
Tiền trào trước phục dùng Tây,
Chừ mình mà đặng lầu nầy đài kia.
Nó qua rồi nó lại về,
Nó không lập cảnh, lập quê ở đời.
Cho nó trú ngụ mà chơi,
Thành đô Nam-việt mầy đời về Tây.»
Giáp-thân tứ nguyệt bằng nay,

123) Trước khi vua Gia Long đã nhờ Pháp mà phục quốc.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vừa đức Kiến-phước trần rày thượng thiên (124)
Bá quan văn võ phân phiền,
Gẫm trong nhà nước, không yên bề gì.
Hội Triều tôn đức Hàm-nghi,
Ngài lên trị vì, Thiên hạ cầu an.
Giận thay một lũ Tây phiên,
Đến Triều Nam-việt, ỷ quyền mà thôi.
Quan Tướng khi ấy mở lời,
Nói cùng Quan Quận, mấy lời thật hơn.
« Hai ta cao chức lớn quyền,
Ngài ơi ! phải nghĩ, thiệt hơn sự tình !
Tây phiên đáo đến Đơn-đình,
Nội triều lớn nhỏ, một mình sửa đương.
Trong Triều mắc phải tai ương,
Hai ta xử trí, dễ nhường cho ai !
Phen ni ta phải thi tài,
Lựa người dinh vệ, trong ngoài cự khôi. »
Quan Quận khi ấy mở lời :
« Nói cùng quan Tướng, vậy thời phải suy.
Người là ngọc diệp kim chi,
Tôi là bách tánh, lo gì phận tôi.
Chừ ra đầu chiến cự khôi,
Đổn tan lũy nát, vậy thời hư hao.
Lánh nơi cửa kín thành cao
Súng Tây ra đến, chỗ nào cũng tan.
Năm Mùi thất-thủ Thuận-an
Bao nhiêu tiền bạc, bỏ tràn biển đông.
Chừ ra cự chiến Triều Trung,
Hai bên thiên-hạ, vậy cùng than van.
Chừ ra cự chiến Phiên bang,
Đá liều thân đá, cân vàng vàng hao.
Có tài ra chốn binh đao,
Miễn an nhà nước, lẽ nào dám can. »
Quan Tướng khi ấy phân sang :

---

124) Mồng 6 tháng tư năm Giáp thân (1884) vua Kiến-Phước bị đầu độc chết

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Nói cùng quan Quận, rõ ràng đục trong.
Hai ta Tể-tướng Triệu-trùng,
Ra tài đánh bắc, dẹp đông vi thần.
Ăn cơm dễ nại tấm thân,
Trời sanh phụ tử quân thần làm chi ?
Tây phiên chiếm hãm thành trì,
Bạc vàng cống thuế, lấy gì lưu lai.
Phen ni ta quyết ra tài,
Ai đi thúc thủ, hàng lai cho đành !
Chớ cho thiên hạ bia danh,
Hai ta tọa hưởng kỳ thành sao xong ! »
Quan gia binh mã dự phòng,
Tây qua Tây dẹp, tại trong Chương tòa.
Triều đình văn võ chư nha,
Chư công Hoàng-tử đều qua bên lầu.
Bá quan văn võ qui tâu :
Nay qua bên lầu, thương thuyết chuyện chi ?
Triều-đình văn võ đều đi,
Chư công Hoàng-tử, vậy thì đều sang.
Đến nơi cung quán Tây-nam,
Rượu bày yến ẩm tọa bàn nhất bôi,
Thốn tình nhất tiệc nhất bôi.
Hỷ hà Nam Việt, tình vui giao hòa.

Vàng hai vạn lượng, bạc mà muôn thoi.
Vàng thoi bạc nén đã rồi,
Tiền đồng đóng vĩ (125), cậy thời vạn quan.
Có đành nhà nước mới an,
Ba ngày thời phải, đem sang nhưng là.
Đủ mặt văn võ chư nha,
Can chi quan Tướng, không qua Triều-đình.
Hãy toan lập mưu trị binh,
Bước qua hâm bổn, đáo đình bắt chơi.
Bây giờ mãn tiệc hạ hồi,

125) Đóng thành từng chồng nhiều bó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trăm quan văn võ, vậy thời hồi qui,
Các quan trở lại đơn-trì,
Văn thời về bộ, võ thời về đinh.
Quan Quận đáo đến gia-đình,
Nói cùng quan Tướng, sự tình mấy câu.
Bá quan văn võ sang lầu,
Tây-phiên nó nói, mấy câu rõ ràng :
« Tiền đồng cậy hai vạn quan,
Còn bạc với vàng, vô số kỳ đa.
Đành lòng thời phải đem qua,
Không thời hâm hồn, đáo gia bắt người.
Bây giờ vắng vẻ không ai,
Tôi nói với Ngài, nỏ để làm chi. »
Quan Tướng mới nói một khi :
« Giận thay phiên tặc, gan thì căm gan !
Quan gia binh lính sẵn-sàng,
Tiến hành phá chiến, Tây sang hại mình !
Tư ra các vệ các dinh,
Trợ công khôi phục Trần-bình nước ta.
Tư ra các vệ, các nhà,
Tôn miếu xã tắc, ông cha lưu truyền.
Nay mình thúc thủ Tây phiên,
Ông cha lưu truyền nỏ (126) để làm chi.
Thuận-an nó đã lấy đi,
Tuyên, Cao, Thái, Lạng, vậy thì có Tây.
Kinh thành cơ nghiệp mình đây,
Nay mình thất thủ phen nầy không yên.
Khốn quân mặt trước Long thuyền,
Võ sanh xuất nhập côn quyền sảo tri (127)
Trong thành có lính cẩm-y,
Ngô, Trường hai vệ, võ thì rất hay.
Võ thời hai vệ bằng nay,
Sanh sơ võ nghệ, đóng rày đồn trung.

---

126) Chẳng
127) Biết một cách sơ lược.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đông-ba Hộ-vệ tuyên-phong,
Kẻ-trài, Trường-định, Long-trường giàn ra.
Cửa-hậu đến cửa An-hòa,
Bảo thời lên vệ vậy mà chia hai.
Cửa Hữu Hộ-vệ Hổ-oai,
Chánh-tây Hùng-duệ, Pháo-đài Thần cơ.
Phần Nghĩa hai vệ bây giờ
Thượng-tứ hai vệ ngựa chờ quân sai.
Voi thời một thớt hai nài,
Cũng đều đứng xếp trong ngoài hai ông.
Thủy sư thời có bên sông,
Đêm ngày luyện tập cũng như bên nầy.
Hạ tuần ngữ nguyệt cập kỳ,
*
Quân Tướng khi ấy truyền ra,
Truyền cho chư vệ chư nha,
Ngục hình cầm cổ vậy mà đều dung .
Chặt xiềng rồi lại mở gông,
Tiền ban bạc thưởng, vậy mà ăn chơi.
Quân tù khi ấy mở lời,
Gẫm lại sự đời mình lại thung dung.
Mấy lâu luống chịu mang gông,
Nay mà ra khỏi, chim lồng đặng bay.
Ăn chơi mới đặng ba ngày,
Gươm trường mã tấu, cầm tay giữ mình.
Ở tù nay đặng chữ binh,
Có vàng muôn lượng chuộc mình không ra.
Quan Tướng phân nói nhưng là,
Anh hùng hào kiệt mà ra phận tù.
Thương người lý sự văn nhu,
Sa cơ phải chịu phận tù một khi.
Thương người hào kiệt ăn chơi,
Sa cơ phải chịu, vậy mà tai ba.
Nên chi chịu tội nước nhà.

---

* Thiếu 1 câu bát

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tội đà đáng chết dung tha một lần.
Tôi nay mướn lịnh Thiên-ân,
Cho ra khỏi tù chịu chữ thân chinh.
Quân tù lớn nhỏ cũng đành,
Xin đi tiền đạo, đền thành cự khôi.
Quan Tướng bài liệt đã rồi,
Về thưa Thân-phụ, vậy thời đặng hay.
Thưa cha một rủi một may,
Họ hòa mặc họ, con nay không hòa.
Triều-đình văn võ chư nha,
Đều ưng bụng hòa với nó mà thôi.
Sự tình y-ước đã rồi,
Đời vàng đời bạc vậy thời đem qua.
Giận thay một lũ Lâu-la,
Đã đời vàng bạc, đền nhà hại tôi.
Thưa cùng Thân-phụ một lời,
Nhất sanh nhất tử con thời giao công.
Tây phiên khí khái anh hùng,
Giận thay có kẻ, Triều trung biếu bày.
Thưa cùng Thân-phụ đặng hay,
Tôi đã coi ngày, đêm tối hâm hai,
Đề binh khiển Tướng an bài,
Hâm ba nguyệt ky, hâm hai lấy giờ.
Cha già đầu bạc như tơ,
Má dùi răng rụng chưa nhờ đặng chi.
Phen ni phục đặng thành trì,
Ấn vàng chữ đỏ, vậy thì sắc phong.»
Quan Cụ mới tỏ đục trong,
Nghe lời quan Tướng dòng dòng lệ sa :
« Tôi rày yếu thế già tha (128)
Xin đi một đạo vậy mà với binh.
Phen nầy mà chẳng giao chinh
Đến lúc thái-bình cự chiến làm chi.

---

128) Chưa rõ nghĩa

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đã đành phụ tử một khi,
Lẫy lừng binh mã, hồi qui Bộ-đường.
Quân gia binh mã chật đường,
Đèn-lồng đèn-gió, trên đường Hậu-bô.
Thiên binh vạn mã hãi hồ,
Tôn miếu xã tắc kinh đô của mình.
Vái cùng Thiên địa chư binh,
Nguyện xin khôi phục Trần bình nước ta.
Nội trong lục bộ chư nha,
Một mình quan Tướng với mà Võ-ban.
Quân gia binh mã sẵn sàng,
Phen ni quyết đánh, cho tan Tây thành. (129)
Quân tù nó cũng lấy danh,
Xin đi tiền đạo, đến thành giao chinh.
Canh hai cơm nước soạn sành,
Hai bên Thiên hạ lặng tanh như tờ.
Canh ba bô liệt binh cơ,
Canh tư lấy giờ phát lịnh giao chinh.
Súng Tây nó bắn đì đùng,
Hai bên thiên hạ, vậy cùng than van.
Hai bên thiên hạ rộn ràng,
Tối trời mù mịt thấy đường mà đi.
Thiên hạ than khóc ly bì,
Người thời dắc mẹ người thời bồng con.
Của tiền như nước như non,
Miễn Trời để sống mình bòn còn ra.
Thương thay những loại vit gà,
Thương thay những vật vậy mà lao xao.
Người chun bụi, kẻ lội ao,

---

129) Trần bình
130) Mình kiếm ăn còn được.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Người nói dưới cổng, lao đao trận nầy.
Lánh sao cho khỏi đạn Tây,
Mẹ con dắc chạy trời rày còn khuya.
Lao xao như cá trong đìa,
Lánh sao cho khỏi đạn ria nhằm mình.
Vái cùng Thiên địa chư linh,
Nguyền xin khôi phục Trấn bình đặng an.
Giàu thời chôn bạc chôn vàng,
Người chôn nổi trách, kẻ toan chôn tiền.
Ngày sau nhà nước đặng yên,
Ta về ta lấy lưu truyền hộ thân.
Mình sang còn cực tấm thân,
Cảm thương thầy bói chân lần tay trơ.
Canh hai trời tối mịt mờ,
Canh tư trăng mọc trăng lờ bởi mây.
Canh năm vắng vẻ súng Tây,
Thượng mã phi báo mình nay hơn rồi.
Không hay nó đánh địa-lôi,
Kéo lên Trường-định, mình thời chết đi.
Thuốc đạn mình hết một khi.
Thưa cùng quan Quận, người thì đặng hay.
Quan Quận tức giận lắm thay,
Bao nhiêu thuốc đạn, tau (131) thời biết mô.
Bay lên trên cửa Hậu-bô,
Hỏi cùng quan Tướng, ngài vô ngài tìm.
Tau chừ thất lạc như chim,
Thắng thời tau ở, bại tìm đi xa.
Quan Tướng khi ấy truyền ra,
Truyền quân võng-giá, vậy mà chấp thương.
Quân gia binh mã chật đường,
Vào Triều tâu với Thánh vương nhưng là.
Đến nơi đặt gối tân qua,
Tâu cùng Thánh-đế vậy mà trước sau :
« Giặc nầy thề đánh còn lâu,

131) tao

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Xin phò kim-thượng (132) khỏi lầu một khi.
Lánh mình ra khỏi thành-trì,
Kẻo mà đạn bắn, vậy thì như tên.
Bốn bề đạn bắn như tên,
Ngài ngự tại điện, tọa tịch sao an ?»
Thánh-hoàng nước mắt chứa chan,
Vái cùng Thượng-đế, Ngọc-hoàng cao xanh.
Nguyền xin khôi phục Trần-bình,
Đặng cho Thiên hạ nước mình thung dung.
Trị vì mới đặng hai đông (133)
Ai ngờ Đế-vị mắc vòng lâm nguy.
Nay mà mắc phải tai nguy,
Sự tình nông nỗi tại vì giặc Tây.
Thánh-hoàng mới phán bằng nay :
« Gươm vàng ấn sách, đệ rày hộ thân.
Gẫm trong nhà nước phân vân,
Hiển vinh chưa gặp, lãnh phần gian nan.
Loan-y hầu quạt hầu tàn.
Kinh-tất, Loan-giá, ngai vàng giàn ra.
Võ-bị, Thị-vệ, Thượng-trà,
Ngô, Trường hai vệ, phò mà tam cung.
Quan-gia binh mã ròng ròng,
Quan Hậu, quan Hữu vậy cùng phò đi.
Kéo lên cửa Hữu một khi,
Súng tây nó bắn, vậy thì kêu vang.
Lao xao người khóc kẻ than,
Gà kêu chó sủa, rộn ràng như ong.
Thánh-hoàng nước mắt ròng ròng :
« Ai ngờ đế-vị, mắc vòng lâm nguy ! »
Qua đò Kẻ Vạn một khi,
Quan quân ai nấy, đều thì đứng trông.
Bằng chừng vừa đến Nhà Chung,
Bưa vừa quan Quận, đem lòng tà tây :

---

132) Vua Hàm nghi 133) Có thể là hai trăng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khiến phò Thánh-đế vào đây,
Đặng ta đình trú, qua ngày giao chinh.
Quan Hữu nghe nói rừng mình,
Gươm vàng liền rút, hãi hùng tà gian,
Tay rút gươm miệng lại truyền :
« Cầm-y (134) bây cứ, bằng miền phò đi ! »
Lánh thân ra khỏi thành trì;
Vô Nhà chung giáo cũng như nạp mình.
Quan Quận nghe nói rùng mình,
Vô Nhà chung giáo, lánh mình ẩn thân.
Quan Hậu quan Tả phân vân,
Bá quan văn võ, đình-thần không ai !
Phò lên Thiên-mụ bằng mai, (135)
Ngó về cung điện, lâu đài suy-vi.
Nay mà mắc phải lâm nguy,
Sự tình nong nỗi, cũng vì giặc Tây.
Thánh-hoàng mới phán bằng nay:
« Làm cho lao-lý, dạ nầy không yên ! »
Quan Hữu quì trước bệ tiền,
Tâu lên Thánh-đế : « Miễn yên nhưng là ! »
Bây giờ lườn (136) súng đã xa,
Kiếm nơi đình trú, đặng mà liệu toan.
Giờ thìn giặc đánh đã an,
Bước sang tờ tỵ, Tây sang treo cờ.
Thiên-hạ ai cũng ngất-ngơ
Giao chinh bổn giờ, nhà nước suy-vi.
Đốt từ Chợ mới một khi,
Hai bên Thiên hạ, vậy thì phân vân.
Lấy kinh-đô lại đốt lần,
Đốt trại Long-võ, đốt lần Tuyền phong.
Thiên hạ ai cũng đau lòng,
Cửa nhà nó đốt, nó mong hại mình.

---

134) Đội Cầm-y phò vua 135) có lẽ là « ban mai »
136) lần

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đốt từ bộ Lại, bộ Binh,
Phố phường ai nấy lo mình chạy tan.
Bao nhiêu của cải bạc vàng,
Nửa thời nó lấy, nửa tàn ra tro.
Hâm ba giặc đánh rất to,
Khen cho các đò, đặng của rất hung.
Liều mình lấy của phò công,
Người kêu kẻ gọi, dưới tròng (136) bôn ba.
Đức ông cho đến đức bà,
Phố phường quan khách, đều là thoát thân.
Gẫm trong gia đạo phân vân,
Kinh-thành thất thủ, đem thân về làng.
Đi qua một chuyến đò ngang,
Tiền đồng vàng bạc, lụa hàng cả cây. (137)
Ai ai lo sợ súng Tây,
Kêu bùng một tiếng, đạn bay tột trời.
Bà con ai nấy chơi vơi,
Kinh-thành thất thủ, lo dời về quê.
Hai hàng nước mắt dầm dề,
Cửa nhà cũng bỏ, ra về tay không.
Giàu thời vàng bạc tiền đồng,
Sô sa gẫm nhiều vậy cùng bỏ đi.
Trời cho Tây thạnh mình suy,
Quân quan chạy trước, mình thì chạy sau.
Người nghèo cho đến kẻ giàu,
Phố phường quan khách, chạy sau hằng hà.
Người thời ra cửa Đông-ba,
Kẻ lên An-hòa, người lại Chánh-tây.
Cửa Hữu đốt cháy vang dầy,
Nhà-đồ, Thượng-tứ, voi đóng phá vây.
Trên thành cứ việc xuống giây, (138)
Sa tay tẽ xuống, oan rày hỡi oan !

---

136) « Tròng » là chiếc đò cỡ trung bình
137) Để trả tiền qua đò.
138) Giòng dây đem xuống

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trách lòng quan Tướng không toàn (139)
Hai bên Thiên-hạ, chết oan rất nhiều.
Súng mình nó bắn phiêu-phiêu,
Súng Tây nó bắn, chết nhiều người ta.
Bao nhiêu của cải cửa nhà,
Dắt con cùng vợ chạy ra khỏi thành.
Đàn bà bỏ cửi bỏ canh,
Bỏ luôn, bỏ bán trong thành mà ra.
Ra thành tìm mẹ, tìm cha,
Tìm con tìm vợ, khóc la tìm chồng.
Súng tây nó bắn tứ-tung,
Trong thành thiên hạ hãi hùng như chim.
Thợ may mất kéo mất kim,
Thợ rèn mất búa, mất kềm khốn toan.
Thợ mộc mất đục mất chàng,
Thợ khắc đồ cũng mất, khốn toan lẽ gì.
Thợ cưa cũng mất cưa đi,
Thợ giép cũng chạy, vậy thì mô-mô.
Thợ dù thời cũng mất đồ,
Mất kim mất chỉ, lấy mô mà mần (140)
Thợ kim-hoàn mất đá, mất cân,
Có vàng khốn thử, phân vân sự đời.
Thợ xa-cừ mất bướm mất gioi,
Thợ sáo cũng mất, sự đời khốn toan.
Thợ bạc mất cái tâm hàn (141)
Mất lò, mất bệ, khốn toan lẽ gì.
Thợ đúc nghề nghiệp bỏ đi,
Bao nhiêu lôi đặng, khuôn chì mà thôi.
(Thiếu 1 câu lục)
Cảm thương thợ Bồi, mất tượng Tây-long
Thợ nề mất phụng mất rồng,

---

139) truyền
140) lấy gì mà làm nghề.
141) mũi hàn

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Mất bay mất búa, chưởi chùng (142) thằng Tây.
Thợ xây thành mất nhợ mất giây,
Thằng bằng khồn nhắm, vì Tây nhưng là.
Thợ giày mất kéo, mất kim,
Mất đinh, mất chỉ, nghĩ đã thất nhơn.
Hãy còn một nỗi thợ sơn,
Mất son mất phấn, giận hờn thằng Tây.
Thợ lọng mất nhợ mất giây,
Mất tua, mất giải, thấy Tây chửi chùng.
Thợ nhuộm mất mái (2) mất thùng,
Khuôn rập cũng mất, khổ trong đạo đời.
Thợ thêu mất bướm mất giơi,
Hàng đồ bát-bửu, nghĩ đà thảm thương.
Hãy còn một nỗi thợ đồng,
Lại thêm thợ mã, ra đường kêu ca.
Thợ ngọc lại với thợ ngà,
Lại thêm một nỗi, kêu ca mất đồ.
Thợ đá tìm Quảng mà vô,
Bao nhiêu kềm búa, bỏ hồ Cầu-kho.
Lại-bái (143) bỏ bệ, bỏ lò,
Bỏ kềm bỏ búa, nằm co một nhà.
Thợ tiện mất sợi giây da,
Thợ chiêng thợ trống, khóc la vang Trời,
Hãy còn một nỗi thợ tơi,
Mất mây, mất lá, kêu Trời lao xao.
Lại thêm một cụ thợ bao,
Mất bồ mất xếp, nhảy hào thảm thương.
Hãy còn một nỗi thợ hương :
Mạt cưa cũng bỏ, ra đường chạy ngay.
Cảm thương mấy cụ thợ xay,
Bỏ cưa, bỏ mác, khổ thay nhiều bề.
Phường-tích (144) trở lại nhà quê,

142) Sợ mà chửi lén
143) Thợ rèn chuyên nghề mà bây gọi là thợ nguội
144) Thợ đồ gốm gốc ở làng Phước-tích, huyện Phong Điền
2) Vò lớn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bỏ nồi, bỏ trách, ra về thẳng ro.
Lại thêm ba cụ (145) thợ đò,
Cưa mác cũng bỏ, nằm co dưới hào,
Súng Tây nó bắn lao xao,
Sa xuống dưới hào, e chết mà thôi.
Cảm thương mấy cụ thổi vôi,
Hàu hến cũng bỏ, Trời ơi hỡi Trời !
Đạn trúng ống bệ bể rồi (146)
Choàng hai ống thụt, lần về nhà quê
Hai hàng nước mắt dầm dề
(Mất một câu bát)
Thảm thương thợ gội nhiều bề,
Đội rong, đội cỏ , chạy kề sau lưng.
Cảm thương thợ kẹo băng chừng,
Bỏ đường bỏ quả, chạy sau rộn ràng.
Các cô buôn bạc buôn vàng,
Tay bưng hòm-đục (146) băng ngàn chạy theo.
Thảm thương mụ bán thịt heo,
Bỏ đao, bỏ thớt, tay đèo cái cân.
Mấy mụ bán gạo phân vân,
Bao nhiêu thúng mủng, sàn dần bỏ ngay.
Cảm thương mụ bán bánh tày,
Đầu đội thúng bánh, chạy rày kêu con.

.....

Lần lần vừa đến Trường thi (147)
Vừa gặp Kim-thượng, với thì tam cung.
« Tôi xin chịu tội Cửu trùng,
Xin ngài cứu nghĩ, với cùng cho minh,
Cúi đầu xin lạy Triều đình,
Tôi xin liều mình nạp mạng Thánh-vương.

---

145) Các bác
146) Một loại thùng nhỏ
147) Lúc bấy giờ ở trên Văn-Thánh, cùng Quốc-tử-Giám, nghĩa là từ Nhà chung đi lên nữa về phía núi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Cúi đầu xin lạy Thánh Vương,
Tội tôi đáng chết, tan xương bêu đầu ».
Sự tình phân hết trước sau
Tôi xin nạp mình, từ biệt chốn ni.
Tây phiên chiếm đoạt thành-trì,
Thẹn thuồng với giáo, hổ thì với Tây !
Thất cơ chịu chữ lạc-loài,
Trở lại cung điện, Giáo, Tây nó cười. »
Thánh-đế ngự chỉ phán lời,
« Trung-thần nghĩa-khí, vậy thời dung đi. »
Thánh-hoàng tha tội một khi,
Bưa vừa Thân-phụ, vậy thì chạy ra.
Ơn Trời con đặng gặp cha,
Tưởng là mắc phải lâu-la trở lòng !
Cha con phân nói đục trong,
Băng miền tách dặm, Sơn phòng lánh thân
Miễn là phò đặng Thánh-vương,
Trung-thần nghĩa khí thể thường lưu danh.
Tây phiên nó đã hãm thành,
Phò theo chân chúa, mới thành trung danh.
Chú nào con vợ chưa thành,
Cho về sở định sở sanh việc nhà.
Chú nào còn mẹ còn cha,
Cho về phụng dưỡng, vậy mà đành đi.
Tôi nay Thân-phụ tại thì,
Lòng ôm chữ hiếu, dạ ghi chữ tòng.
Phò vua lấy một chữ trung,
Trời cao biển rộng, non bồng phải đi.
Giã từ tại chốn Trường thi,
Băng miền tách dặm, ra đi sơn phòng.
Quan Tướng nước mắt ròng ròng,
Bao nhiêu cung điện vậy cùng mặc ai.
Thánh-hoàng nước mắt láng lai,
Ra đi mà bỏ, điện đài kinh đô !

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Dặn cùng quan Tướng Hữu Hồ, (148)
Đến nơi Văn xá, ghé vô Ngoại từ.
Chẳng qua Nam Việt mình hư,
Ghé vô Ngoại từ, cáo quá Tổ tiên.
Cơ chi nhà nước đặng yên,
Thường năm quí tế Tổ tiên lâu dài.
Quản bao nước đục trăng lờ,
Băng miền tách dặm ra đi sơn phòng.
Băng miền tách dặm sơn phòng,
Còn lo cái việc triều trung hư rồi.
Sơn phòng phút đã đến nơi,
Thượng cầm hạ thú, ai ai công thường.
Bốn bề thiên hạ thãm thương :
Ai ngờ Đế vị Quân vương mắc nàn !
Quan Tướng khi ấy tâu sang :
« Vái cùng Thượng đế, rõ ràng đặng hay :
Bề nào chẳng được ở đây,
Thời ta đình trú, coi ngay (149) xuất hành. »
Trung thần đáo đến rừng xanh,
Cơ chi lòng nịnh, bỏ thành mà đi.
Nay mà mắc phải tai nguy,
Quân thần phụ tử, lên thì rừng cao.
Sự tình kể chẳng xiết bao,
Đường đi lên Mọi qua Lào còn xa.
Đến nơi bẻ lá che tòa,
Đá xây thế đệ cho qua giận phiền.
Giận nầy cũng tại Tây phiên,
Quân thần phụ tử băng miền ra đi.
Tâu qua Thánh-đế một khi.
Tam cung thị nữ, vậy thì cho lui.
Đường đi lên núi thẳng dùi (150)

148) Ngũ trụ Hữu quân Hồ Hiển
149) Ngày
150) Khúc dễ đi, có khúc khó đi

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khúc cong khúc vạy tới lui khốn dò.
Đá thời viên nhỏ viên to,
Bồn bề khe suối, hủng-hô rộn ràng.
Núi non không xóm không làng,
Chim kêu vượn hú rộn ràng lắm thay.
Ra đi không kể tháng ngày,
Hỗ lang đón nẻo khổ thay đàn bà.
Thánh-thượng nước mắt nhỏ sa,
Phân cùng Lão-bà, Thánh-mẫu tam cung :
« Tôi nay xa cách đền Rồng,
Bà về trướng phụng tại cung đền đài.
Phụng thờ Tiền đế hôm mai,
Tôi đà đành phận lạc loài rừng xanh.
Đời xưa cũng có bỏ thành,
Vì chưng Tạ-tặc (151), lưu danh đến giờ.
Chẳng qua Nam-Việt mình hư,
Nên bà xa cháu Mẫu-từ xa con.
Cơ chi ở đặng lâu son,
Trị vì Thiên hạ, tiếng còn lưu danh.
Bà thời trở lại kinh thành,
Dầu ai truy vấn xưng danh nơi nào. (152)
Băng chừng lên đến non cao,
Bắt quân Mường, Mọi qua Lào dụ Xiêm.
Bề nào tôi cũng chưa tròn,
Tây phiên phản tặc, nhất tâm hại rồi. »
Phân qua nói lại chưa rồi,
Tam cung Thị-nữ nước mắt nhỏ sa.
Thánh-mẫu nước mắt nhỏ sa,
Nhất sanh nhất tử, mẹ mà theo con.
Dẫu mà lặn suối trèo non,
Lên đèo xuống hố, mẹ con dắt dìu.
Lâm cơ chịu chữ quạnh hiu,
Trở về cung điện, buồn thiu hỡi buồn !

---

151) Tạ ôn Đình trong sử Tàu (?)
152) Cũng đừng tiết-lộ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thánh-hoàng nước mắt nhỏ tuôn :
« Bà ơi ! bà hỡi ! bà buồn làm chi !
Xin Bà trở lại thành trì,
Thiên sơn vạn thủy làm chi nhọc lòng.
Tôi phê quan Hậu phò lấy Tam cung,
Bá quan văn võ, hội đồng phò đi.
Đều phò theo đức Hàm-nghi,
Quan Tướng Đề Soạn với thì Đề-Ngô.
Ngũ trụ quan Tướng Hữu-Hồ (153)
Người làm Thị-vệ thuở mô đến giờ.
Chẳng qua Nam-Việt mình hư,
Quân thần phụ tử, nay chừ rừng xanh.
Bây giờ than thở rừng xanh,
Bao giờ phục đặng kinh thành Nam đô.
Phen ni kẻ Hán người Hồ,
Thâm sơn cùng cốc, bể mô nhờ Trời.
Quan Tướng khi ấy mở lời :
« Nói cùng Dinh vệ, vậy thời đặng hay.
Ra đi không kể tháng ngày,
Lên rừng xuống động khổ thay nhưng là.
Chú nào thương mẹ nhớ cha,
Thương con nhớ vợ vậy mà cho lui.
Ra đi trong dạ sụt sùi,
Lên non xuống động tới lui khó lòng.
Có đi thời nói cho xong,
Đi thời bạc lượng tiền đồng Ngài ban.
Phen ni bỏ họ bỏ làng,
Bỏ con bỏ vợ băng ngàn phò Vua.
Mấy đời mà sãi bỏ chùa,
Mình mà giúp nước phò Vua hết lòng.
Giã từ y-ước đã xong,
Băng miền tách dặm sơn trung nhưng là.
Đình lưu tại chốn rừng già,
Mọi, Lào các mán chạy ra đùng đùng.

153) Hồ-Hiến, ngũ-trụ hữu-quân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Sơn lâm cùng cốc lạ lùng,
Mầy người dương-thế, sơn trung làm gì.
Ông Huyện, ông Tổng quì tâu :
Tâu cùng dương-thế, nói cùng Mọi hay.
« Tau nói các Mán bay hay :
Quốc vương thủy thổ, xưa nay nước mình.
Gia-long trước có phục tình,
Viện Tây khôi phục, Kinh-thành Nam đô.
Mênh mông thế giới bể-hồ,
Nợ cho con trả đời mô cho rồi.
Chẳng qua Tiên để về trời,
Xem trong niềm nghĩa vậy thời kéo sang.
Trước thời nó lấy Thuận-an,
Oai thương nó giết, quân quan chẳng còn.
Tức mình đóng lũy làm đồn,
Nó phá tan nát chẳng còn chút chi.
Kinh thành nó đã lấy đi,
Phải phò Âu-chúa, vậy thì lên đây.
Ra đi chẳng kể đêm ngày,
Kiếm nơi đình trú, luận bày mưu cơ.
Cậy cùng các Mán Cà lơ,
Làm nhà ở trú bây giờ cho mau.
Ầm ầm các Mán kêu nhau,
Làm nhà cư trú cho mau tức thì.
Thánh-hoàng phán hỏi một khi,
« Quốc-vương thủy thổ, đây thì xứ chi ? »
Ông Huyện ông Tổng tâu quì !
« Địa đầu Mai lãnh, thiệt thì xứ nay.
Tâu lên cho rõ cho hay :
Phần đất Hà-tịnh, trong nẩy sơn trung. »
Sơn lâm cùng cốc lạ lùng,
Mọi xin vô phép tâu trong một lời:
« Hay là săn bắn ăn chơi,
Quả thiệt Vua trời đem ấn ra so.
Rõ ràng cho biết căn do,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tuy là Lào Mọi, có phò Nam-vương.
— « Đã đủ các mán Mọi Mường,
Tau cho khai khán, rõ ràng quốc-gia.
Công bây cống thuế nước nhà,
Chiếu bằng làm lệ, khóa mà đến nay.
Chừ Tau đem ấn ra đây,
Tau cho khai khán, rõ ràng đục trong. »
Các mán khi ấy đành lòng :
« Thà cho hẳn sự cái vòng gian ngay. »
— « Bằng Bộ Ấn Phủ có đây,
Xem qua nhắm lại, ấn rày Quốc-gia ».
Lấy ai chánh giám Quốc-gia,
Vua thời thất lạc, vậy mà lên đây.
Ra đi không kể đêm ngày,
Lên non xuống động khổ thay nhưng là.
Hai hàng nước mắt nhỏ sa,
Nam-Triều xã tắc thôi đà về Tây.
Quân thần phụ tử lên đây,
Long an Bảo-định, phen nầy sanh sơ.
Phụng-tiên Hữu-miếu ai thờ ?
Hiền-lương, Trung nghĩa, bây giờ quạnh hiu.
Làm chi cây lá ngã xiêu,
Văn-thánh, Võ-thánh buồn thiu đã rồi.
Miệng kêu ba tiếng : Trời ơi !
Bao nhiêu cung điện, vậy thời cũng xa.
Công-thần lịch-đại ông bà,
Hương tàn bàn lạnh nghĩ đà thảm thương.
Trung thần trọn đạo phò vương,
Quan Hữu lâm bệnh, giữa đường khốn toan.
Đêm ngày thuốc thuốc thang thang,
Quan hình sát sắc, khốn toan khổ lòng.
Bộ người e ngó không xong,
Người qua không khỏi, phiền lòng bá quan.
Chiêm bao giấc điệp mơ màng,
Vong hồn Hồ-Hiển thở than mấy lời.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tay ngoắt miệng kêu : « Quan Tướng !
Xin Ngài ở lại, đặng phò Đế-vương.
Lâm câu bán lộ giữa đường,
Bất trung Thiên tử Thánh vương phen nầy.
Phò Vua từ thuở đến nay,
Chừ tôi lâm bệnh khổ thay nhưng là.
Quản chi con vợ cửa nhà,
Lòng trung phò chúa cho qua trận nầy.
Nói cùng quan Tướng ngài hay,
Tôi e số hệ đổi thay phận già. »
Rùng mình nằm xuống ngã ra,
Chuổi tay xuống ngực thôi đà lạnh tanh.
— « Vong hồn Hồ-Hiển đêm thanh,
Đương khi bán lộ, bỏ đành lúc nguy.
Lúc nguy người bỏ sao đành,
Ai phò Âu-chúa một mình khổ tôi. »
Người đà an phận người rồi,
Truyền quân mai táng sự hoàn cho an.
Bề nào hổn gã thăng thiên,
Trung thần trọn đạo lời nguyền chúa tôi.
Thưa qua mai táng đã rồi,
Gởi cho các Mán vậy thời ở đây.
« Tau dặn các Mán bây hay :
Ngày rằm mồng một, nhớ ngày khói hương.
Trung-thần trọn đạo phò vương,
Lâm câu bán lộ, giữa đường không ai.
Ngày sau con cháu chi người,
Băng miền đáo khán, bắt khai rõ ràng.
Thiệt người thân thích bổn hương,
Hỏi người khai khán sở đương cốt hài.
Mầy lời nghe hết vào tai,
Y như các tiết không sai thể đề.
Hai hàng nước mắt dầm dề,
Ra đi không biết đi về khi mô.
Thảm thương quan Tướng Hữu Hồ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đời nào đặng thấy kinh-đô xóm làng !
Băng miền nước đục khôn sang,
Truyền cho các mán dọn đường người đi.
Bồn bề vượn hú sầu bi,
Đêm thời nghe tiếng chim qui kêu sầu.
Dạc chừng (154) đất nước Cữu-châu (155),
Lão bà (156) cảm bệnh đau đầu ủ ê.
Hai hàng nước mắt dầm dề :
« Mẹ ơi ! Mẹ hỡi ! không hề nói chi.
Chừ thời Mẹ muốn nói chi ?
Ăn cơm hay cháo, mẹ thì nó ỉa !
Vái cùng Thiên địa ông bà,
Vái Trời phò hộ, cho qua trận nầy.
Kẻo mà bỏi rỏi lắm thay,
Phần thời mẹ yếu, sợ Tây hậu-đoàn. »
Hai bên tần thối lưỡng nan,
Đặng trung mất hiếu, khôn toan nửa chừng.
Truyền ra « Đội-Cháu, Đội-Sừng !
Coi phong mà lễ sau lưng cho Bà.
Họa may cảm nhẹ mà qua,
Hổ-đầu kim-đính lấy thoa tức thì !
Mấy lời dặn lại tôi đi,
Đội-Sừng là cháu, kêu thì bằng Cô.
Phen ni mẹ Hán con Hồ,
Lâm sơn cùng cốc bề mô không toàn.
Hai bên tần thối lưỡng nan,
Vái cùng Thiên địa băng ngàn qua Xiêm.
Sai phân bớt chứng lại thêm,
Cơm cháo không nạp đã sáu đêm ngày.
Nghiêng tai Bà cụ mở lời,
Đội-Sừng là cháu kêu : « ơi Đội-Sừng !
Lâm câu bán lộ nửa chừng,

---

154) Đoán chừng
155) Chưa rõ nơi nào, chắc là ở biên giới Việt Lào
156) Thân-mẫu ông Thuyết

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Xin mi cấp táng, mi đừng bàn vông.
Bao nhiêu tiền bạc bông vòng,
Giao mi phụng thủ, nội trong đài nầy.
Chừ còn một mặt mi đây,
Thành-đô khôi phục, nhớ ngày quảy đơm.
Dầu mà dĩa muối bát cơm,
Gởi cùng Thúc-phụ, quảy đơm nhớ ngày.
Chừ còn một mặt mi đây,
Thằng Hai thằng Cả, khốn bề nơi nao.
Thằng Hai Thằng Cả bị vây,
Sanh ra quốc biến, có tay trở lòng.
Ông Cao-đăng-Đệ (157) triều trung,
Ông Đinh Hoàng-tử (158) trở lòng lúc nguy.
Gian tà Trời để làm chi,
Sanh ra phản tặc, ngu si khác loài.
Ăn cơm ai ? Mặc áo ai ?
Đem lòng phản chúa, ra tài hận quân !
Hai hàng nước mắt rưng rưng,
Đêm khuya Bà cháu, giữa chừng thở than.
Bao nhiêu thuốc tán thuốc hoàn,
Đổ vô cứ ở nằm ngang yết hầu.
Cơm cháo không nạp đã lâu,
Kêu Bà ba tiếng, gật đầu biết chi
Tứ chi lãnh khuyết một khi,
Hai con ngươi đứng suy vi khốn cầm.
Ở nhà thời cao-ly sâm,
Ai ngờ thất lạc sơn lâm làm vầy.
Xin táng mộ cô lại đây,
Dắt dìu bà Tướng họa may gặp người.
Sơn lâm cùng cốc non đoài,
Nguồn cao nước độc, hôm mai dắt dìu.
Dắt dìu bà Tướng phen ni,

---

157) Điều nầy chắc không đúng.
158) Chưa rõ ông nào, có lẽ là Đinh Đạo

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bà phát bệnh thủng chân tay nặng nề.

. . . . . .

Bước qua thu tiết hồn về điện ba.
« Ơi chú ! Ơi chồng ! tôi thất lạc đi xa,
Trước sau nhờ chú, không qua đã rồi ! (159)
Tuy còn cô cháu mẹ tôi,
Con cô cháu cậu một đời sinh ra.
Bể nào thể cũng không qua,
Bà nhạc chết trước dân mà chết sau.
Trời dày, suối hiểm, non sâu ;
Lâu ngày thâm nhiễm, bệnh âu đàn bà.
Kể từ thất thủ chạy ra,
Chồng nam vợ bắc, ông gia nơi nào ? »
Thánh hoàng không biết làm sao :
« Quân-gia đã đến Mọi Lào hay chưa ?
Không biết ai chết ai lo,
Oai thương thế ấy ai chừa chi ai.
Ông Cao đăng Đệ (160) Triều trung,
Ông Đinh Hoàng Tử, trở lòng lúc nguy.
Gian tà trời để làm chi ?
Sanh ra phản tặc ngu si khác loài.
Ăn cơm ai mặc áo ai,
Đem lòng phản Chúa, ra tài hận quân.
Nó ra phản Chúa nửa chừng,
Vái cùng Thiên địa mi đừng trách tau.
Làm quan giúp nước phò Trào,
Trở lòng phản chúa trời nào để bây.
Tôi nhìn các gã mình đây,
Cái quân bất nghĩa, phân thây treo ngành.
Giận quân bất thiện chẳng lành,
Bắt mà mổ bụng, treo ngành phơi khô.
Tôi dặn quan Tướng Đề Ngô

159) Đây là lời bà T. th. Thuyết
160) Xem chú thích 157

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Điểm quân mình lại, kéo vô cậy Mường. (161)
Kéo vô mà cậy các Mường,
Cậy quan giao ước, giúp đường lâm nguy.
Nam triều trời đã khiến suy,
Nên chi Âu-chúa lạc thì non cao.
Truyền cho các Mán, Mọi, Lào,
Cho bây ngó ẩn Nam trào bây tin.
Rưng rưng nước mắt đều nhìn :
« Thôi rồi Âu-chúa, quan quân khổ rồi ! »
Quan quân Âu-chúa khổ rồi,
Mọi, Lào cũng chẳng con thời không cha.
Lấy ai chánh-giám quốc-gia ?
Vua đà thất lạc, nay đà thảm thương.
Sơn lâm cúng cốc xa đường,
Lại thêm nước độc, Hiệp-dương (162) chết rồi.
Nguồn cao nước độc lắm thay !
Lại thêm Bà lớn nằm rày không yên.
Ra đi ai nấy cũng phiền,
Cơm ăn miệng đắng, không yên trong mình.
Thương thân thời phải nghĩ tình,
Ngó qua Túc-vệ, Cai-bình Giạ-lê.
Ra đi biết khi mô về,
Cai-Bình một xứ, một quê với mình.
Kẻo mà quan Hiệp không ai,
Thương lấy thân người khác thể thân ta.
Người làng như thể người nhà,
Đừng làm sấp ngửa vậy mà không nên.
Cai-Bình đứng dậy thưa lên :
« Ông già tôi làm răng thời người làm rứa.
Hai bên cũng có ông bà,
Nay đà thảm thương bà Tướng nhưng là.
Cơm cháo không nạp đã ba đêm ngày,

161) Đây trở lên là lời vua Hàm-Nghi (?)
162) Tên một vị hiệp-lãnh thị-vệ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Cho tôi một miếng nước rày ! »
Miệng thời kêu nước chân tay lạnh rồi.
Quan Tướng khi ấy : « Ai ôi !
Phò Vua trọn đạo, khổ vợ tôi trăm đường !
Phò Vua cho đặng chữ trung,
Thảm thương nỗi vợ tầm thân suy tàn.
Nhờ chú Đội-Thược sửa đương.
Kẻo vợ tôi lâm bệnh giữa đường,
Tôi xin nhờ chú, sửa đương vuông tròn.
Chú là cái phận tôi con,
Sửa đương vuông tròn, nghĩa chú không quên.
Bề nào chú cũng làm nên,
Tôi không nói láo hai bên ông bà. »
Đội Thược đứng dậy thưa qua :
« Chừ phải liệm bà hai cái nệm bông. »
Hai hàng nước mắt ròng ròng :
« Làm nên Tể-tướng , vợ chồng lâm nguy !
Rủng mình không biết chuyện chi,
Tôi e phản tặc, nó thì kéo lên.
Rộn ràng nó tưởng mình quên,
E nó bôi mặt kéo lên hại mình. »
Đội Thược phân lại sự tình,
Táng an hài cốt mộ bà đã yên.
Ban mai hâm bảy bình-minh,
Nó lên thình lình không biết việc chi.
Cái quân bất thiện vô tri,
Thừa cơ nhi nhập, lúc suy nước nhà.
Vái cùng Thiên địa ông bà,
Nhờ Mọi dẫn lộ, mau mà qua Xiêm.
Ra đi không kể ngày đêm,
Mau mau kíp đến đất Xiêm lánh mình.
Vái cùng Thiên địa chư linh,
Quỉ thần xứ sở, thương tình phận tôi.
Ngưỡng mặt mà vái cùng trời,
Nhất sanh nhất tử, đạo Vua tôi nhưng là. »

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thành đô quan Quận giao hòa,
Lựa lời hơn thiệt nói mà với Tây.
Tây-phiên gẫm giận lắm thay,
Đem lòng cự chiến đến đây làm gì.
May mà Nam-Việt thời suy,
Nếu mà Tây bại phen ni chẳng còn.
Người mà lạc nước lạc non,
Bao nhiêu nhà của chẳng còn ở đâu.
Tây-phiên thúc thủ thọ đầu,
Nam-việt... mình âu chẳng lành.
Tây phiên trở lại Tây thành,
Ở đây xấu tiếng đồn danh đã rồi.
Không cho đâm nhánh nở chồi,
Bá đao lóc thịt thả trôi giang hà.
Quan Quận khi ấy nói ra,
Nói cùng Đại pháp chư nha Phiên-triều.
Ấn thâm nghĩa trọng cù lao,
Bá quan đáo đến, Nam triều yến diên.
Nam-triều lại với Tây-phiên,
Có lời y-ước phỉ nguyền hòa giao.
Tây-phiên đáo đến Nam-trào,
Tôi nay ăn ở không xao chút tình.
Nay mà sinh sự sự sinh,
Cũng vì ông Tiếu lấy binh làm cường.
Đành cho Thiên hạ bại tan,
Lâu đài miếu vũ chẳng an bề gì.
Đành cho Thiên hạ bại suy,
Người thời chết mẹ, kẻ thì chết cha.
Người thời không cửa không nhà,
Không con không vợ khổ mà sanh sơ.
Ông bà không chốn phụng thờ,
Vô phương sanh lý, Trời ơi hỡi Trời !
Ngài qua Nam-việt mà chơi,
Chư-hầu 18 nước, thiếu chi sum vầy !
Soạn sành tiệc yến bằng nay,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thưa cùng Đại-Pháp bắt tay giao hòa.
Quan một cho đến quan ba,
Quan năm quan sáu, vậy mà không nghe.
Để quan các tỉnh trở về,
Sự bằng y-ước ra bề đục trong.
Tin thời tin, dạ còn phòng,
Sợ Nam-triều Tề-Tướng... phục binh.
Quan Quận trở về gia-đình,
Để triệu các tỉnh, lai kinh lo lường.
Đông tây nam bắc bốn phương,
Triệu quan các Tỉnh, sửa đương nước nhà.
Có quan Tổng-Thống Đông-hà, (163)
Công hồ công sứ, lấy mà tỉnh Đông.
Ngày nay Tây thạnh triều trung,
Phải về y-ước, hội đồng hòa giao.
Bao nhiêu thuế lệ thấp cao,
Đông tây nam bắc chốn nào cho hay.
Soạn sành tiệc yến bằng nay,
Thưa cùng Đại-pháp, bắt tay giao hòa.
Quan một cho đến quan ba,
Quan năm quan sáu giao hòa đã xong.
Bá quan văn võ hội đồng,
Sai ra sơn phòng triệu đức Hàm-Nghi.
Rùng rùng binh mã đều đi,
Đến đầu Mai-lãnh, Ngài ngự qua Lào.
Bốn bề khe suối rừng cao,
Ngài ngự qua Lào, có Mọi đưa sang.
Mấy lời nghe dặn rõ ràng,
Có quan Hậu-đoàn, thời cũng đành đưa.
Mấy lời đã dặn ngày xưa,
Có quan chốn ấy đành đưa khó lòng.
Việc nầy e cũng không xong,
Hồi Triều thưa lại đục trong rõ ràng.

---

163) Phải chăng là Hoàng-cao-Khải tổng-đốc Hà-Đông ? hoặc là ông Nguyễn-hữu-Độ ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Quân bèn đến hỏi Mọi Mường,
Nó lại khai khán tỏ tường căn do.
Căn do nó nói rõ ràng,
Nên quân phải nhắm nẽo đường trở lui.
Ba phen thẳng thẳng dùi dùi,
Người thời ưng đến, kẻ ưng lui về thành.
Bốn bề khe suối cây xanh,
Chim kêu vượn hú trên ngành ho hen.
Bưa vừa gặp quan Cụ băng miền,
Thưa qua quan Cụ rõ ràng,
Tại đấy Thương bạc có quan hội đồng.
Có quan Tổng Thống Hà đông,
Quân ra Sơn phòng triệu đức Hàm-Nghi.
Rùng rùng binh mã đều đi,
Đến địa đầu Mai-lãnh ngài ngự qua Lào.
Bốn bề khe suối rừng cao,
Ngài ngự qua Lào quân phải lui đây.
Giờ mà đã gặp Ngài đây,
Xin Ngài trở lại lui thời với quân.
Hai hàng nước mắt rưng rưng,
Bảy mươi chưa khỏi trong tuần gian nguy.
Nay ta trở lại thành trì,
Bể nào họ tra hỏi, Vua đi đường nào.
Ta lui Thương bạc tại trào,
Họ có tra vấn bể nào nói ngay.
Đều mừng quan Cụ về đây,
Việc có Đại-pháp với Tây hội đồng.
Có quan Tổng Thống Hà đông,
Hiệp nghị hội đồng thương thuyết với Tây ;
. . . . . .
. . . . . tức vị trị ngôi.
Hiệp nghị khi ấy đã rồi,
Lựa trong Hoàng điệt với thời Hoàng huynh.
Trăm quan văn võ Triều đình,
Coi ngày tức vị thái bình đã xong.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Quan Nguyễn hữu Độ khi ấy trở lòng,
Nói cùng quan Quận đục trong rõ ràng.
Ơn trong Thiên địa Thánh-hoàng,
Không thời phải mắc nịnh gian hiểu bày.
Quan Quận lại vỗ bàn tay,
Hà do quan Nguyễn nói ai rày nịnh gian.
Tôi mà có dạ nịnh gian,
Trời phạt hạ ngục suối vàng đã lâu.
Cơ chi sanh sự chước màu,
Lấy xưa mà giận Trời đâu để đời.
Tâm xà khẩu Phật nực cười,
Người thời sanh sự người thời không công.
Người làm Tể Tướng triều trung,
Mà người sanh sử lão Vung (164) Thanh bình.
Người đã sanh sự, sự sanh,
Lão Vung Thanh-bình đáo xứ hại tôi.
Nó ra vừa đã đến nơi,
Tưởng tình sư đệ kêu thời vào Dinh.
Nó ra nó chịu trói mình,
Nó lại khai khán rõ ràng đục trong.
Hai người y ước dự đồng,
Bá quan văn võ đều cùng vô tri.
Nó nói : « Tôi ra đây Quan lớn sai đi,
Lại với quan Tướng, cả thời hai ông.
Hai người y ước dự đồng,
Sai tôi ra tại tỉnh Đông tức thì.
Đến nơi khiến hại người đi,
Về thành cho chức người thì lại ban.
Lão nói : lão đương lúc cơ hàn,
Lão tham tài tham chức, cổ toan thầy trò.
Lão ra đây nửa sợ nửa lo,
Chi bằng việc thiệt thầy trò nói ra.
Triều đình văn võ chư gia,

---

164) Đội Vung coi đội Thanh-bình (hát bội) rất giỏi nghề trèo tường khoét vách.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đều nhớ quan lão vậy mà phương phi.
Con người làm đặng chức chi,
Ngó người thuần hậu phương phi râu giài.
Chẳng biết quan Cụ là ai,
Ông già quan Tướng vậy thời làm sao.
Con người chức trọng quyền cao,
Sửa đương việc nước trong trào chánh minh.
Đường quan chức tước Triều đình,
Tôi là quan cụ thân sinh dưỡng bào.
Lòng trung phò chúa bên Lào,
Ở đây sinh tử bề nào quản chi.
Sinh ra gặp lúc gian nguy,
Vua còn thất lạc huống gì phận tôi.
Thưa cùng Đại pháp một lời,
Tôi không làm dữ, tiếng thời tôi mang.
Chữ rằng nhật cữu dị đoan (165)
Ông nầy ông nói như quan cựu trào.
Đình thần phải nghĩ làm sao,
Ông quan cựu trào mà nói đa ngôn.
Hùm qua dầu vút hãy còn,
Bắt cha nó lại sau con phải về.
Hai hàng nước mắt dầm dề,
Bao giờ khôi phục con về với cha.
Thưa cùng Đại pháp chư gia,
Tỏ chuyện quan Quận vậy mà đục trong.
Ngài làm Tể tướng triều trung,
Mà ngài sanh sự lão Vung Thanh-bình.
Ngài mà sanh sự sự sanh,
Lão Vung Thanh-bình đáo xứ hại tôi.
Nó ra vừa đã đến nơi,
Nó mê tâm say rượu, nó thời ngẩn ngơ.

. . . . . , ...

(Đến đây hình như người chép đã tỏ ra lúng túng, không nhớ đoạn chót)

VIỆN HÁN-HỌC *sao lục*

---

165) Để lâu sinh chuyện

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

BỔ CHÍNH

Trong Đại-Học số 38, có đăng bài « Y phục của người Việt qua các thời đại » của ông Thái văn Kiểm. Trong khảo cứu này có trích dẫn một bài dân-ca Bình-Định nói về Y phục của người Việt « Đời xưa cho chí đời nay ».

Bài này do Ông Tạ Chí Đại Trường đã có công sưu tầm tại Bình Định. Vậy soạn giả xin bổ chính « Mục tài liệu tham khảo » cho đầy đủ, và xin có lời chân thành cảm tạ Ông Tạ Chí Đại Trường.

*
* *

Đại-Học số 39, trang 339, dòng 13 từ dưới lên, sau chữ « Đề » và chữ « chi », còn thiếu mấy chữ « ngự chế — Đồng-khánh ».

●

XIN CHÚ Ý :

Trên bìa ĐẠI - HỌC số này, chúng tôi có loan tin « *BÍCH-CÂU KÌ-NGỘ* » của Giáo-sư Hoàng-xuân-Hãn, sẽ phát hành trong tháng 9 năm 1964.

Nay Giáo-sư có gởi thêm lời *TỰA* và lời *DẪN* để in cho trọn bộ — Vì thế đến tháng 10-64 sách mới phát hành được.

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Tạp-Chí Đại-Học vừa nhận được những sách và tập-san sau đây :

— TỰ LẬP (nội san của nhóm Sinh-Viên tương-thân), số 8 bis 22 Rue Pierre Curie, Paris.

— ANDRÉ MAUROIS : Người cân linh hồn (Hoàng-Văn-Đức phóng tác), Nhà Xuất-Bản Văn-Học.

— GEOGRAPHIC VARIATION IN THE WHITE-CROWNED SPARROW ZONOTRICHIA LEUCOPHRYS
của Richard C. Banks

— SECONDARY PHLOEM OF LIRIODENDRON TULIPIFERA
của Vernon I. Cheadle and Katherine Esau

— POPULATION ECOLOGY, WATER RELATIONS, AND SOCIAL BEHAVOIR OF A SOUTHERN CALIFORNIA SEMIDESERT RODENT FAUNA
của Richard E. Macmillen

— THE INTEGRATION OF AGONISTIC BEHAVIOR IN THE STELLER'S JAY CYANOCITTA STELLERI (GMELIN)
của Jerram L. Brown

— BIOLOGICAL OBSERVATIONS ON THE FORAMINIFER SPOROLOCULINA HYLINA SCHULZE
của Zach M. Arnold

Chúng tôi xin thành thật cám ơn.

TẠP-CHÍ ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ

Tạp-chí Nghiên-cứu Đại-Học Huế xin chân thành cảm ơn quý vị có tên sau đây đã gởi tiền hoặc bưu phiếu về tòa-soạn mua dài hạn Tạp-chí :

(tiếp theo các kỳ trước)

Ô. Phạm-văn-Lắm, Định-Tường	120$
— Nguyễn-văn-Huân, Đà-Nẵng	120
— Nguyễn-văn-Hoài, Điền-Địa Bình-Dương	240
Thư-Viện Giáo-Hoàng Pio X, Đàlạt	240
-nt- Alberto, Sàigon	240
Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ, Sàigon	120
Soeur Bénêđito, Baméthuột	240
Ô. Hoàng Gia, Qui-Nhơn	120
Tòa Hành-Chánh, Ninh-Thuận	240
Dòng Chúa Cứu-Thế, Sàigon	360
Ô. Nguyễn-văn-Phước, Sàigon	120
— Lê-kim-Cui, Sadec	670
Nha Trung Tiểu Học Nam-Phần	240
Trường Cán-sự Y-tế và Điều-Dưỡng Sàigon	240
Ô. Nguyễn-quang-Trung, Sàigon	240
— Vũ-hùng-Tôn, Gò-Vấp	120
— Nguyễn-tích-Đức, Đà-Lạt	120
Tòa Hành-Chánh Phú-Yên	500
Tòa Hành-Chánh Thừa-Thiên	7860
Ô. Tạ-trọng-Hiệp ở Toulouse	150
Tòa Hành-Chánh Bình-Long	120
Sở Văn-thư Phủ Thủ-Tướng Sàigon	240
Bộ Tư-Pháp, Sàigon	360

(còn nữa)

ĐH

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC

XUẤT BẢN HAI THÁNG MỘT KỲ

(vào những tháng chẵn)

Tòa-soạn và Trị-sự: 1-B Hoàng-Hoa-Thám, Huế

Giá báo: mỗi số: 20$ — 6 tháng: 60$ — 1 năm: 120$

Ngoại quốc thêm cước phí.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ĐÓN XEM MỘT TÀI - LIỆU GIÁ - TRỊ :

BÍCH - CÂU KÌ - NGỘ

do Giáo - Sư

HOÀNG-XUÂN-HÃN

CHÚ-THÍCH và HIỆU-ĐÍNH

Có thêm phần

BÌNH - LUẬN

rất đầy đủ

Sẽ phát hành vào tháng 9 năm 1964

NHÀ XUẤT - BẢN ĐẠI - HỌC
1-B, HOÀNG-HOA-THÁM, HUẾ

Giá : 20đ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục